

Văn hữu

*Nhìn thẳng
vào tình hình*

ĂN NGHỆ
MIỀN BẮC
1961

TIỂU THUYẾT MIỀN BẮC NHỮNG NĂM GẦN
ĐÂY — **SÔNG THAI** ✱ THI CA MIỀN
BẮC... — **ÁNH VIỆT** ✱ TRẦN DẦN —
THUẬN NGHĨA ✱ THƠ CA MIỀN BẮC
TỪ ĐẦU NĂM 1961 — **SÔNG THAI** ✱
NGUYỄN-HUY-TƯỜNG — **THUẬN NGHĨA**
TIỂU THUYẾT MIỀN BẮC TỪ ĐẦU NĂM
1961 — **BÚT MỚI** ✱ TRẦN ĐÓN HÒA GIẢI
VÕ HỒNG ✱ IM LẶNG — **ĐỖ TẤN** ✱
TIẾNG SUỐI — **TƯỜNG LINH** ✱ KHÔNG
CÓ — **XUÂN PHỤNG** ✱ NGHĨ ĐẾN
CON ĐI — **CÔ TÚY HỒNG** ✱ MÙA THU
QUYẾN RỦ — **TƯỜNG LINH** ✱ NGƯỜI VỢ
SAU — **NGUYỄN NGUÍ** ✱ NGHE CHIM —
HOÀNG MAI ✱ LỐI CŨ — **CÔ TUYẾT**
HƯƠNG ✱ THỪ THÁCH — **VŨ TIÊU**
GIANG ✱ GIÁC MƠ KỶ THÚ — ✱ **CHẾ VŨ**

**TẠI SAO
CON CHIM HỌA MI NÓ HÓT**

Nguyên tác của MIKHAIL ZOCHTENKO

THU THỦY dịch

V ă n H ã' u

DO VẤN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Điện thoại : 25.902

Giám Đốc : NGUYỄN DUY MIỀN

Ban Biên Tập : VÕ PHIẾN — SĨ TRUNG

THƯỢNG SĨ — ĐỨC QUANG

Với sự cộng tác của quý bạn :

Phần đặc biệt (Nhìn thẳng vào tình
hình văn nghệ miền Bắc 1961)

SÔNG THAI
ÁNH VIỆT
BÚT MỚI
THUẬN NGHĨA
THU THỦY

Phần sáng tác văn nghệ

VÕ HỒNG
ĐỖ TẤN
TƯỜNG LINH
Cô HOÀNG MAI
Cô TUYẾT LINH
XUÂN PHỤNG
NGUYỄN NGU Í
Cô TUYẾT HƯƠNG
Cô TÚY HỒNG
THU THỦY
+ CHẾ VŨ
VŨ TIỂU GIANG

Phần tin tức và tài liệu : HÀM ANH — ĐỨC HẠNH — HỮU
LẬP — PHONG VŨ

Phần ấn loát : ấn quán TÍN ĐỨC THƯ XÃ, 25-27-29
Tạ-thu-Thầu — Saigon — Giấy nói 20.678.

Minh họa : Họa sĩ ĐẶNG - GIAO.

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VINH

MỤC LỤC

— Có nên biết về miền Bắc ?

VĂN HỮU

trang 3

PHẦN THỨ NHẤT (độc biệt về văn nghệ miền Bắc năm 1961)

— Tiểu thuyết miền Bắc những năm gần đây	SÔNG THAI	7
— Thơ ca miền Bắc những năm gần đây	ANH VIỆT	19
— Trần Dần	THUẬN NGHĨA	35
— Thơ ca miền Bắc từ đầu năm 1961	SÔNG THAI	49
— Nguyễn huy Tưởng	THUẬN NGHĨA	61
— Tiểu thuyết miền Bắc từ đầu năm 1961	BÚT MỚI	67

PHẦN THỨ HAI (sáng tác văn nghệ)

— Trận đòn hỏa giải (truyện ngắn)	VÕ HỒNG	83
— Im lặng (thơ)	ĐỖ TẤN	96
— Tiếng Sưởi (tán truyện)	TƯỜNG LINH	97
— Hương nước Mưa (thơ)	KIẾN GIANG	115
— Không có (thơ)	XUÂN PHỤNG	116
— Nghĩ đến con di (truyện ngắn)	Cô TÚY HỒNG	117
— Mùa thu quyến rũ (thơ)	TƯỜNG LINH	129
— Người vợ sau (truyện)	NGUYỄN NGU Í	131
— Nghe Chim	Cô HOÀNG MAI	145
— Hấp hối	Cô TUYẾT LINH	146
— Lối Cũ	Cô TUYẾT HƯƠNG	147
— Thử Thách	VŨ TIÊU GIANG	164
— Tại sao con chim họa mi nó hót (truyện dịch)	THU THỦY	165
— Giấc Mơ Kỳ Thú (thơ)	+ CHẾ VŨ	180

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu)

Gió Đông ... Gió Tây ... (trang 183) — Cần cõ xúy một nền văn minh mới (trang 202) — Trị liệu theo phân tâm học (trang 209) — Người ta có thể thấu hình trung tâm giải Ngân Hà (trang 216) — Đường hầm dưới biển Manche (trang 220).

PHỤ BẢN ẢNH MỸ THUẬT TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH QUỐC TẾ KỲ II.

Có nên biết về miền Bắc ?

Tình thoảng ta nghe có người nhắc đến chuyện sông Gianh ngày trước để so sánh với chuyện sông Bến-Hải ngày nay. Sự thực thì trong lịch sử nước ta chưa từng có cuộc qua phân nào có thể đem ra sánh với cuộc cắt đất hồi năm 1954.

Trước kia những lần ranh giới chỉ là để ngăn chia phạm vi quyền hành của hai dòng họ vua chúa ; ngoài ra, ở bên này và bên kia ranh giới ấy chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa không có điều dị biệt nào quan trọng.

Trái lại, từ 1954 đến nay, ở bên này và bên kia dòng sông Bến Hải, người ta đang sống với những quan niệm khác hẳn nhau về sự cấu thành của vũ trụ, về ý nghĩa của cuộc đời, về cách đối xử với kẻ đồng loại, với các tầng lớp đồng bào, về thiện và ác, về đẹp và xấu, về yêu và ghét v.v... Thực vậy, giữa đôi bên không phải chỉ có sự bất đồng ý kiến về một chế độ chính trị mà thôi, ở mỗi bên người ta hành động theo những tiêu chuẩn về đạo đức trái nghịch nhau, thưởng thức và sáng tác theo những tiêu chuẩn thẩm mỹ khác nhau : tư cách của một kẻ xi vả cha mẹ ở bên này ranh giới bị xem như vô luân, ở bên kia được hoan nghênh ; một bức tranh, một bản đàn, một bài thơ ở bên này khen hay, có thể bị những kẻ « có lập trường » ở bên kia chê là hỏng. Bên này lấy sự tự do hiên ngang làm lẽ sống, bên kia lấy sự nô lệ khuôn khổ làm vinh dự v.v...

Chúng ta ở đây nghe nói Xuân-Diệu có mấy lời thưa gửi với cấp lãnh đạo « Đảng » như thế này thì rụng rời :

... « Chúng con thề nguyện một lời

Quyết tâm thành khẩn lột người từ đây ».

Vậy mà người nghệ sĩ lớp đàn anh xấp xỉ năm mươi tuổi đầu ấy, ở bên kia ranh giới, đã có thể quì mọp xuống xưng « con » không chút ngượng. Và nếu chúng ta có tỏ ý xót thương, chắc rằng phản ứng của Xuân-Diệu là tức khắc tỏ vẻ phẫn nộ ! (dù không thành thực).

Mới chưa đầy mười năm chia cách, chúng ta đã cơ hồ không hiểu nổi những người bên kia ranh giới. Nếu sự chia cách còn lâu dài, e sẽ đến cái ngày không còn có gì khác với người Việt hơn là... người Việt ! Một ý thức hệ phi nhân với một nhóm cầm quyền độc tài đã bức bách biến cải nhanh chóng đồng bào ta ở ngoài kia một cách vô cùng tai hại.

Chúng ta nghĩ rằng cần để mắt theo dõi những biến chuyển bên kia giới tuyến. Có biết được những thảm trạng đang diễn ra trong cuộc sống vật chất và tinh thần của đồng bào miền Bắc và những cố gắng vầy vùng để chống lại sự cưỡng bức lôi cuốn biến cải ấy, chúng ta mới hoàn bị một chính sách thống nhất đất nước thích hợp. Đối với những áp bức để cải biến con người Việt-Nam ở miền Bắc theo một chiều hướng văn hóa phi nhân, thỉnh thoảng ta nghe nổi lên rầm rộ một đôi cuộc quật khởi, hoặc về chính trị (như vụ Quỳnh-Lưu) hoặc về văn hóa (như vụ Nhân-Văn Giai-Phẩm). Sau đó tưởng như im lìm, kỳ thực phía sau bức màn tre, những ràng buộc đè nén để cải biến con người lại cứ tiến hành và những nỗ lực chống đối lại âm thầm tiếp diễn.

Hôm nay, chúng ta thử điểm qua một khía cạnh trong cái thảm trạng ở ngoài kia : khía cạnh sinh hoạt văn nghệ.

VĂN HỮU

Phần thứ nhất

*Phần thứ nhất của Văn Hũu số 13 này hoàn thành với sự góp phần
biên khảo của quý bạn : Sông Thai — Thuận Nghĩa — Thu Thủy — Bút
Mới — Ánh Việt.*

SÓNG THAI

Tiểu thuyết miền Bắc trong những năm 1957-1960

TRONG một bức thư gửi cho Đại hội văn nghệ lần thứ 2 họp vào tháng 2-57, Trung-ương đảng Lao Động miền Bắc đã vạch rõ : « Văn nghệ là vũ khí đấu tranh giai cấp... công khai chủ trương văn nghệ phải phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn nghệ phải có tính giai cấp và tính đảng rõ rệt, khẳng định nền văn nghệ trước hết là nền văn nghệ Liên Xô; coi công tác văn học nghệ thuật là một bánh xe nhỏ, là một đỉnh ốc trong bộ máy công tác của đảng, do đó, văn nghệ nhất định phải chịu sự lãnh đạo của đảng ».

Đến năm 1958, trong báo cáo tổng kết chiến dịch đàn áp phong trào Nhân văn Giai phẩm đọc tại hội nghị ban chấp hành

hội Liên hiệp văn học nghệ thuật, Tố-Hữu đã nhận định : « Khuyết điểm nghiêm trọng nhất về mặt văn nghệ hiện nay không phải ở chỗ thiếu chính sách, thiếu phương tiện như một số anh chị em thường nói mà chính là ở chỗ thiếu trình độ tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin của cán bộ lãnh đạo văn nghệ nước ta còn có hạn. Không học tập chủ nghĩa Mác - Lênin thì không khắc phục được ảnh hưởng của nghệ thuật tư sản một cách có hiệu quả và do đó không thể có những tác phẩm tốt đẹp xứng đáng với thời đại ». Và ở phần cuối bản báo cáo Tố - Hữu đã lớn tiếng truyền lệnh : « Văn nghệ sĩ phải hết lòng tin tưởng ở Đảng, xem Đảng là trái tim, khối óc của mình. Bởi vậy, rèn

luyện không ngừng tinh đảng đối với Văn nghệ sĩ trong và ngoài Đảng, rèn luyện con người theo hình ảnh của Đảng, rèn luyện nghệ thuật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê là một yêu cầu thường xuyên, cũng là một tiêu chuẩn của người văn nghệ sĩ cách mạng trung thành với Chủ nghĩa Xã hội ».

Tiếp đến nghị quyết của Trung-ương đảng về văn nghệ trong năm 1959-1960 lại chỉ rõ « Công tác văn nghệ trong hai năm tới cần làm tròn nhiệm vụ trước mắt góp phần tích cực vào việc giáo dục tư tưởng, tình cảm mới để xây dựng con người mới phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế của Đảng và nhà nước ».

Những văn kiện trên đây đã tự tố cáo đầy đủ trước ánh sáng cái chủ trương chính sách bóp nghẹt mọi quyền tự do của văn nghệ sĩ ; ngay cả đến tự do tư tưởng và cảm xúc là quyền lợi thiêng liêng bất khả xâm phạm của con người cũng bị khống chế và chỉ huy.

Trong năm qua, không kể đến các tác phẩm gọi là văn nghệ nhưng kỳ thật lại mang một nội dung thuần túy tuyên truyền chánh trị, cách mạng vô sản hoặc thần thánh hóa lãnh tụ kiêu « Ánh sáng mùa Xuân »,

« Dáng Bác », v.v... (hồi ký về hoạt động cộng sản của các đảng viên nhiều tuổi như Trần-Độ, Thép-Mời, Tôn - Đức - Thắng, Nguyễn-lương-Bằng, Võ-nguyên Giáp, được coi là khuôn vàng thước ngọc cho các văn nghệ sĩ) ta hãy kể đến một số truyện dài tương đối có màu sắc văn nghệ hơn. Nội dung các truyện này đều nhằm mục đích chủ yếu là phản ánh « cuộc sống mới, con người mới » như Nguyễn-đình-Thị đã xác minh : « Vấn đề trung tâm và then chốt của văn học nghệ thuật chúng ta là biểu hiện con người trong đời sống lao động của xã hội chủ nghĩa (1) (Mấy vấn đề văn học). Những tác phẩm có thể đếm trên đầu ngón tay sau đây cũng đã tập trung được sự chú ý của quần chúng thưởng thức văn nghệ ở miền Bắc trong năm qua.

« CÁI SÂN GẠCH »

Trước hết là tiểu thuyết *Cái Sân Gạch* (2) của Đào-Vũ.

(1) Người ta cố nhớ lại sau Cách mạng tháng 8, Nguyễn-đình-Thị đã viết về « Vấn đề xây dựng con người » đăng trong tạp chí Văn nghệ : « Con người mới là ở ngoài vòng ép buộc của giai cấp, thoát ra khỏi bản sức ép buộc xã hội giai cấp và của nhà nước giai cấp ».

(2) Các tên truyện sau đây đều do Văn Học xuất bản trong năm 1960 tại Hà-nội.

Quyền sách vừa phát hành đã được giới lãnh đạo thay phiên nhau viết bài ca ngợi, tán dương và cho rằng thành công nhất của tác giả. Sau một thời gian đi tham gia sinh hoạt với hợp tác xã Vũ-La ở Hải-Dương, Đào-Vũ đã khéo léo lồng vào cuốn truyện cái ý nghĩa tuyên truyền cho việc làm ăn tập thể. Nhưng dù khéo léo đến đâu, độc giả vẫn thấy rằng nếu việc tổ chức hợp tác xã có thành công phần nào là do ở đường lối cưỡng bách của đảng Cộng sản chứ không phải do lòng tự nguyện tự giác của nông dân. Tình trạng này cũng đã được tiết lộ trong câu nói của lão Am, một cố nông ở thôn Cầu-Quay, nhân vật chính của truyện. Sau những ngày tháng đấu tranh với tập thể, lão Am đã thất bại và cuối cùng phải vào hợp tác xã một cách miễn cưỡng vì « *không đi cũng không được ! Các đường ngang lối đất người ta rào giậu hết rồi, lão không còn tính toán chuyện khác nữa* ». Hiện nay, Đào-Vũ sắp hoàn thành « *Vụ lúa Chiêm* », tiếp theo quyền trước. *Vụ lúa chiêm* đã được giới thiệu và trích đăng trên tạp chí Văn-ngệ. Ở đây, người đọc lại có dịp thấy rõ cái dụng ý lộ liễu của tác giả muốn tuyên truyền cho « *tinh hơn hẳn* » của con

đường hợp tác hóa.

« NHƯ CÁNH CHIM BAY »

Truyện của Định-Chương. Ở đây, tác giả cố vẽ lại những nét sinh hoạt của công trường trong đó, một đơn vị « *thanh niên xung phong* » đã rời Hà-nội đi phá đá núi Chẹ đề xây dựng đường rầy Hà-Nội - Việt-Trì. Tác giả định cố gắng miêu tả những biến chuyển tốt của những người thanh niên ấy song người đọc chỉ thấy những tâm trạng bồn chồn, thắc mắc ~~đây~~ vò của tuổi trẻ trong hoàn cảnh lao động và cuộc sống tập thể. Ở các đoạn nói đến quan hệ sản xuất, người ta lại thấy toàn là những thủ đoạn đối phó, đặc biệt cái tâm sự nhớn nhác, u uất, cái mặc cảm bị lừa gạt, những cử chỉ hành hung, chửi đổng của thanh niên đã được phản ánh rõ rệt, ở những trang đầu. Rồi đến Trác lưu manh, Dũng, viên chỉ huy công trường hống hách quan liêu, những hành động du côn, chây lười, luôn luôn phá ngang, và thù hằn chế độ, đến việc Sự đào ngũ, làm cho du kích địa phương phải bắt giam.

Phê bình « *Cánh chim bay* », Viết-Thành đã phải nói : « *Văn viết vội và nhiều sáo ngữ. Truyện mới ghi chép chưa có tổng kết*

mà nặng chạy theo những sự việc vụn vặt, ít ý nghĩa. Chủ đề nhân vật mong manh, sơ lược, cái sơ lược của chủ nghĩa tự nhiên». Một tạp chí khác cũng đã viết: «Ấn tượng sau khi xem là sự khô khan của một cuộc sống được kể lại nhiều hơn là cuộc sống được dựng lên bằng nghệ thuật».

« TRƯỚC GIỜ NỖ SÚNG »

Trước Giờ Nổ Súng, tác giả Lê-Khâm, định ghi lại một số hình ảnh chiến đấu gian khổ hy sinh của một đơn vị tình nguyện quân sang giúp Pathet Lào vào những năm trong kháng chiến. Qua câu chuyện, người đọc chỉ thấy một Sĩ bị quan, chán nản đến độ cảm thấy mình là thừa và nhận thấy cuộc chiến đấu phiêu lưu bất chính đó nên có lần đã định tự tử. Thêm vào đó, những khó khăn, đói khát, bệnh tật, nhất là trước sự truy kích ráo riết của quân đội Hoàng-gia Lào đã làm cho Sĩ lo sợ, tuyệt vọng tìm đường thoát thân. Ngoài ra, độc giả còn thấy Đặng, tiểu đoàn trưởng có tuổi đảng lâu năm, hết sức quan liêu. Đối với các binh sĩ dưới quyền trực thuộc, Đặng thường áp dụng những thủ đoạn nhỏ nhen, tầm thường. Về sinh hoạt,

Đặng lại là người rượu chè cờ bạc, bê tha...

« BỐN NĂM SAU »

Truyện dài của Nguyễn-huy-Tường hoàn thành sau hơn một năm lao mình vào thực tế công trường Điện-biên. Viết truyện này, Nguyễn-huy-Tường muốn hưởng ứng đường lối chủ trương về Văn-nghệ của đảng bằng cách « phản ánh thực tế cách mạng trong quá trình biến chứng của nó ». Nguyễn-huy-Tường còn lồng vào truyện mình ít nhiều khung cảnh ướat át với dụng ý kết hợp phương pháp hiện thực với phương pháp lãng mạn cách mạng, nhưng kết quả là truyện vẫn không làm hài lòng giới lãnh đạo. Trong tạp chí Văn nghệ số tháng 10-60, Hà-minh-Tuấn đã phê phán: « Qua Bốn năm sau, chúng ta thấy nhân dân còn như bị chìm đi trong khung cảnh sôi nổi của cuộc sống. Chủ đề và tác phẩm chưa nổi bật. Ở đây nhược điểm trong « Những người ở lại » có dịp trở lại ít nhiều. Câu chuyện tình duyên của Loan, Ngân, Cường, nhiều lúc đã lấn át cái phần quan trọng của tác phẩm là đời sống lao động và sản xuất ». Thất bại trước những đề tài về « Con người mới »,

Nguyễn - huy - Tưởng chuyển hướng viết kịch phim « *Lũy hoa* » và « *Hà-nội Liên khu 1* » (chưa hoàn thành).

Trở lại những đề tài lịch sử quen thuộc của tác giả « *Đêm hội Long Trì* » kịch « *Bắc sơn* » và « *Những người ở lại* ». Ở *Lũy hoa*, tác giả đã làm sống lại tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời của nhân dân Hà-nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến; đã đem hết tinh thần quyết tâm bảo vệ Thủ đô. Nhớ lại những câu văn tỏa sáng nhiệt tình của Nguyễn-huy-Tưởng đã viết ngày nào trong « *Những người ở lại* » : « *Hà-nội thành tro ; Hà-nội thành gạch ; Hà-nội thành một bề lửa ; Hà-nội xé ra từng mảnh ; nhưng Hà-nội vẫn trào niềm vui, Hà-nội vẫn thét lên tiếng căm hờn. Hà-nội vẫn là của anh, của tôi, của dân tộc Việt-Nam ; Hà-nội không bao giờ của giặc Pháp* », người ta không khỏi thương xót cho tác giả của nó và căm giận sự phản bội trắng trợn của nhà cầm quyền miền Bắc đã lợi dụng tinh thần chiến đấu của toàn dân, đánh đuổi thực dân Pháp để rước Nga Hoa về thống trị.

« SÔNG ĐÀ »

Tiểu thuyết của Nguyễn-Tuân, nhà văn đầu tiên dùng đến thể

tùy bút ở nước ta và cũng là nhà văn có sở trường nhất về thể tài tùy bút. Chúng ta vốn biết Nguyễn-Tuân là người có một đời sống nội tâm dồi dào, và một sự hiểu biết sâu sắc về con người, về cuộc đời và một ngòi bút trữ tình. Ông lại là một nhà văn, thường nhìn đời bằng con mắt khinh bạc, thích đi vào dĩ vãng để tìm những cảm giác lạ, tìm cái đẹp của nghệ thuật.

Sông Đà gồm tất cả 15 bài tùy bút, tập trung chung quanh một chủ đề duy nhất. Tác giả lấy miền Tây Bắc để làm mục tiêu cho « *Những chuyến đi* » và đồng thời làm cái cơ để gửi gắm tâm sự của mình, cái tâm sự luôn luôn tha thiết với quê hương đất nước. Ở đây, ông viết về những cái gì thuộc về cổ hũu của dân tộc : *tỉnh lỵ Lai-châu, Sơn-la, các di tích lịch sử một bản Mèo trên núi đá, cái khe nước biên thủy Lào Việt, và con sông Đà* : « *nằm lọt giữa cái thảm đá, cái giường đá Tây Bắc* », có khi nhắc lại một tiếng thở dài của bà mẹ người Thái có con gái được vào đội Xòai, « *tiếng thở dài buồn hơn cả cái tiếng vật mình của cõi nước giả gạo đêm* ». Tập đoàn lãnh đạo văn nghệ miền Bắc cho « *Sông Đà* còn những trang, những

dòng vương mắc những nhược điểm; ở đôi chỗ vẫn còn phảng phất cái phong cách của cách nhìn « Vang bóng một thời », ở một vài chỗ tác giả như còn vương vấn cái lối phiêu lưu bàng quan của « Một chuyến đi ».

Gạt ra một bên những đoạn tác giả cố tình « tuyên truyền » cho xã hội chủ nghĩa để chiêu y Đảng, Sông Đà vẫn là một tác phẩm có giá trị nghệ thuật ở miền Bắc trong những năm qua. Nhà phê bình quen biết Trương Chính, trong tạp chí Văn nghệ tháng 10 - 60, cũng đã viết về Nguyễn-Tuân với một lập trường bênh vực nhà văn họ Nguyễn như thuở nào trong bài « Đọc vang bóng một thời của Nguyễn-Tuân » đăng ở tuần báo Văn vào thời kỳ đấu tranh của phong trào Nhân - văn Giai - phẩm. Trương - Chính viết : « Sông Đà, tên truyện cuối cùng của tập sách, có thể nói đây là một bài địa lý về con sông Đà, thế mà suốt 27 trang giấy in, Nguyễn-Tuân đã làm cho người đọc không chán. Đứng về phong cách mà nói thì phong cách của Nguyễn-Tuân chưa hề thay đổi. Vẫn lối thôi dài dòng thuở nào. Ông là người không bao giờ biết tự hạn chế. Người đọc cứ phải theo Ông mà đi vào một bát trận đồ không có lối ra, cũng

may là được cái có duyên. Đành rằng có khi ông rất kén kién, lồi thối, phiền phức, nhưng biết làm thế nào vì đó là bản tính của con người ».

« MẠCH NƯỚC NGẦM »

Điều đáng làm cho người ta chú ý hơn cả là truyện « Mạch nước ngầm » (1) của Nguyễn-Ngọc, tác giả « Đất nước đứng lên » một tác phẩm mà theo dư luận giới văn nghệ miền Bắc, có giá trị vào bậc nhất của văn học mới vì đã xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sắc sảo, phản ánh từng bước trưởng thành của người anh hùng Núp, con chim đầu đàn của Tây-Nguyên anh dũng, bất khuất, đã chiến thắng giặc Pháp trong những điều kiện vô cùng gian khổ.

Mạch nước ngầm vừa ra đời liền gặp ngay sự tán thưởng nhiệt liệt của quần chúng văn nghệ, đồng thời cũng gặp phản ứng dữ dội của giới lãnh đạo văn nghệ miền Bắc. Cho đến nay, tác phẩm ấy tuyệt nhiên không được ai nhắc nhở tới.

(1) Tên truyện của Nguyễn Ngọc và cùng là tên chung của quyển sách. Tác phẩm này gồm 2 chuyện vừa : Mạch nước ngầm của Nguyễn Ngọc và Ngổ ngang xóm thợ của Võ-huy-Tâm, do nhà xuất bản Văn học phát hành vào tháng 6-60.

Nói rằng dưới chế độ Cộng sản, tất cả những giá trị tinh thần phổ biến đều được quan niệm đảo ngược lại tưởng không phải là một điều vô căn cứ. Ý thức như vậy, ta có thể quả quyết rằng dưới mắt người mác-xít, những tác phẩm có ít nhiều chân giá trị sẽ bị phê phán là quan điểm tư sản, phản động, thoái hóa, cần phải đả phá, thủ tiêu" hoặc nói như Lục-dinh-Nhất ở Trung - Hoa lục địa « Cần cho tác giả nó một chày vỡ sọ chết tươi ».

Mạch nước ngầm là một câu chuyện một đơn vị bộ đội miền Nam tập kết chuyển sang sản xuất, phụ trách đào hàng mấy nghìn thước khối đất để xây dựng trạm bơm trong một khu công nghiệp. Họ phải đào đi đào lại năm bảy lượt trên một địa thế vô cùng chên vênh hiềm nghèo. Họ phải phấn đấu với cát bồi, với nước ngầm cuộn lên đầy ắp cả công trường. Nhiều mối bị quan chán nản, những tư tưởng suy bì, tính toán cá nhân dần dập nhóm lên trong hàng ngũ. Nhân vật chính của *Mạch nước ngầm* là Quả. Trước kia, y là một nông dân nghèo khó đã từng đi chăn bò, chăn vịt, làm thợ lặn biển. Sau này Quả gia nhập bộ đội, hăng hái đánh Tây cứu nước. Hiện nay, Quả là một

chính trị viên đại đội, là linh hồn của C9 trên công trường. Như vậy, nếu chủ nghĩa xã hội là một lý tưởng thì hẳn Quả đã hành động như một cá nhân gương mẫu, có sức cổ vũ và hấp dẫn những kẻ chung quanh. Song thực tế, người đọc chỉ thấy Quả bối rối, bần khoản, giao động, có khi mất hết cả niềm tin. Không riêng gì những hình ảnh của đoạn đời quá khứ thỉnh thoảng lại trở về làm xao xuyến lòng người chính trị viên ấy, những cảm nghĩ buốt nhói : « Đời mình thế là vứt mẹ nó đi rồi », và những đêm hành quân đi tìm địch, Quả xáo trộn trong đầu óc mình những ý nghĩ ngậm ngùi mà ngay cả cuộc đời trước mắt hôm nay cũng vẫn đeo đẳng bên anh như một bóng đen không lúc nào buông tha : « Càng ngày càng thấy công tác phức tạp thêm ra, con người rắc rối thêm đã đành, công việc càng gay go gấp mấy lần ngày xưa ». Anh quan niệm « cuộc sống mới chen chúc trong đó cái phần riêng của từng người rất ít mà cái phần ít ỏi, nhẹ nhàng đó lại gồm toàn những đau khổ phải căng đôi vai ra mà gánh ». Rồi những ý nghĩ tiêu cực hoang mang cứ thường xuyên cấu xé tâm tư anh : « Hòa bình rồi mà còn gian khổ gấp mấy

ngày trước lại chẳng đem đến một chút lạc quan gì ». Trong Quả, đôi lúc cũng có một vài cố gắng để vượt qua những khó khăn nhưng trong sự cố gắng ấy vẫn lộ ra một cái gì như là thụ động, chịu đựng theo kiểu « *căng đôi vai ra mà gánh, cái gánh nặng thường là quá sức mình.* »

Về công tác lao động, Nguyên-Ngọc đã làm cho độc giả đặc biệt chú ý và thương tâm. Bởi lẽ làm việc ban ngày đã dành, cảnh công trường « *vẫn lục đục làm việc suốt đêm, tiếng búa gõ vào cốt pha âm vang như mõ. Một kíp đồ bê tông đêm, những đôi boots cao su mệt nhọc, nặng trĩu nghiêng sải đôi lao sào* » nghe thật rã rời và chán chường làm sao! Cuối mỗi đoạn, người đọc lại thấy Quả ôm đầu suy nghĩ trước những gian nan của cái nhiệm vụ « *quá ư nặng nề* » và cái tâm tư thầm kín, ần ứ, cái hành động có vẻ âm thầm đơn độc, và nhất là cái tâm lý hoài nghi thụ động trước cuộc đời đã trở thành những nét lớn quán xuyên trong tư tưởng của tác phẩm, chi phối cả quá trình liên triển của tính cách các nhân vật trong truyện. Ở phần kết, tâm trạng bấn khoăn, đau xót tủi nhục của tác giả cũng được bộc lộ khi cho Quả khái quát một

« triết lý yếm thế » về nhân sinh quan : « *Trong cuộc chiến đấu hiện nay, mỗi người ngoài cái sức nặng thường là quá sức mình phải căng đôi vai ra mà gánh những đau khổ riêng tư cũng nặng nề biết bao !* » Tiếp theo một câu hỏi khác cứ xoáy đi xoáy lại trong lòng Quả như mũi đinh ốc : « *Bao giờ mới giải quyết hết những điều đó ? Dưới lớp đất màu mỡ này đây còn có bao nhiêu mạch nước ngầm nữa ? Cái thể của những con người đang tìm lấp cho hết những mạch nước ngầm trong đời sống hiện nay để xây dựng một cuộc sống mới chắc chắn là mờ mịt.* »

Phê bình truyện này tạp chí Văn nghệ, cơ quan của Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật miền Bắc, số tháng 7-60 đã viết : « ... Phải nói rằng khi đọc xong truyện « *Mạch nước ngầm* » người ta thấy có cái gì không thoải mái. Qua nội dung câu chuyện, một cuộc sống trầm lắng như đang nén kín bao nhiêu bức bối ngấm ngấm và cả một không khí nặng nề mệt mỏi cứ thấm mãi vào cảm giác chúng ta. Có thể nói hình ảnh một « *Mạch nước ngầm* » như đã ngự trị lên mọi cuộc đời của truyện, đồng thời cũng ám ảnh từ đầu chí cuối những người đọc truyện, **Phong** khi câu chuyện dù đôi

khi có vương lên chút ít vẫn không làm tan loãng được cảm giác nặng nhọc nói chung. Cái nhịp đời trong truyện diễn ra theo một điệu trầm buồn, khó khăn lắm mới cất lên sôi nổi một lúc nhưng sau cái lúc sôi nổi nhất thời ấy cuộc sống lại trở lại chìm vào những băn khoăn thắc mắc vốn đã trở thành cái nếp trong cuộc đời các nhân vật và giống như những đám mây mù trùm lên câu chuyện « Mạch nước ngầm ». Những con người trong truyện tưởng như đã phải vật lộn với bao nhiêu khó khăn, phấn đấu hết sức mình cho đến lúc mệt mỏi quá lắm rồi mà nào đã thấy nhích lên được chút gì giữa cuộc sống nặng trĩu mây mù ấy ». Trong một bài phê bình khác ở tuần báo Văn Học, Vũ-lú-Nam lên án : « Nguyên - Ngọc chưa nhận rõ hướng tiến quán nên đã do dự bất lực trong trận đánh. Anh chưa hiểu sâu sắc đời sống và con người với tất cả những chuyển biến biến chứng phức tạp của nó, nhất là cuộc sống lại rất mới, tác giả thâm nhập chưa thật là bao. Nguyên-Ngọc muốn viết sâu sắc nhưng đã rơi vào sự suy nghĩ nóng cạn. Anh muốn ngòi bút mình hiện thực hơn mà lại mắc vào cái vòng suy diễn... ».

Riêng về mặt truyện ngắn, tập đoàn lãnh đạo văn nghệ vốn có chủ trương khuyến khích các cây bút chú ý đẩy mạnh việc sáng tác để kịp thời phục vụ những chủ đề có tính cách giai đoạn, nên đã được phát triển rộng rãi. Vì thế, người ta thấy các truyện ngắn đăng tải trên các tạp chí văn nghệ hoặc các nhật báo hầu hết không có một giá trị nghệ thuật nào. Thỉnh thoảng gặp đôi ba truyện tương đối có hình thức kỹ thuật hấp dẫn thì lại bị phê bình là « khuynh hướng chạy theo hình thức đơn thuần », hoặc « tìm cái mới một cách lập dị, sa lầy trong những hiện tượng vụn vặt, tiêu cực bề ngoài, tự nhiên chủ nghĩa ». Đối với chủ trương của lãnh đạo, những đặc trưng sáng tạo nghệ thuật không được quan tâm đúng mức mà chỉ cần có một nội dung phục vụ chính trị, phục vụ Công Nông Binh nên các truyện chỉ được thu hẹp vào việc tuyên truyền cổ động, minh họa chính sách, rơi vào một thứ chủ nghĩa làm cho các nhân vật trong truyện biến thành những con người nộm, con người máy.

Qua nhận xét của ban biên tập báo Văn hóa về cuộc thi mở từ 7-11-59 đến 19-5-60, (gồm 1542 truyện dự thi) người ta

có dịp thấy rõ tình trạng quá ư nghèo nàn và bế tắc trong sáng tác văn nghệ ở miền Bắc : « ...Một số bạn tả nông dân thì cứ cụ già là lạc hậu, bảo thủ, cứ thanh niên là tích cực, tiên tiến. Người không vào đời công, hợp tác xã thì y như rằng gặp tai nạn hoặc ốm đau, hoặc trâu què, hoặc lúa chín gặp bão, lụt, không đủ sức gặt chạy đến khi có lũ, có đoàn giúp thì lập tức giác ngộ, đi theo con đường tập thể... Trong những bản thảo dự thi, chúng tôi thấy còn phổ biến các bệnh công thức sơ lược và suy diễn giả tạo, đề tài thì cứ xoay vào việc làm ăn riêng lẻ... »

Nếu cần dẫn ra đây những bằng cứ cụ thể để chứng minh cho thực trạng văn nghệ « tiêu điều » tại miền Bắc trong năm qua, người ta thấy một Hồng-Cương, cán bộ lý luận văn nghệ trong quân đội đã phản nàn . « Chúng ta còn thiếu những tác phẩm văn nghệ phản ánh được sâu sắc, sinh động, phong phú, đời sống hiện thực cách mạng của ta. Tinh tư tưởng của tác phẩm chưa cao, chưa có tác dụng giáo dục tình cảm mới, xây dựng con người mới. Về tính nghệ thuật trong tác phẩm, còn bộc lộ chủ nghĩa tự nhiên, công thức, sơ lược khá phổ biến »

(Văn Nghệ số 45 - 60). Một Hoàng-trung-Thông, thư ký tòa soạn tạp chí Văn nghệ, trong một bài tổng kết về tình hình « Mười lăm năm văn xuôi » đã thú nhận : « Cái thiếu sót chủ yếu trong văn xuôi của chúng ta là nhiều truyện ngắn, truyện dài chưa phản ánh được những biến chuyển trong đời sống của nhân dân ta. Các nhân vật còn ít chiều sâu về tư tưởng, tâm lý và cá tính, nhiều chuyện đã rơi vào chủ nghĩa tự nhiên, hoặc chủ nghĩa công thức, sơ lược... » không kể những cây bút phê bình của đảng, có lẽ Tô-Hoài là người thành thực và can đảm nhất. Mời đây trong một vài nhận định về tình hình văn xuôi ông đã lên tiếng tố cáo : « Khuyết điểm chung của những người viết bây giờ là chưa biết chú ý và làm việc đầy đủ, đem ngôn ngữ sáng tạo thành phong cách của mình. Bởi vậy truyện của họ không đặc sắc, không đậm một vẻ riêng, nó cứ hàng loạt và sần sần như lợn con... » (Trừ trường hợp Nguyễn-Tuân).

Tập đoàn lãnh đạo văn nghệ miền Bắc lại nhiều lần xác định rằng tính chất dân tộc trong nội dung của văn học mới không thể tách rời tính giai cấp vì động lực cơ bản của cuộc cách mạng vô sản chính là quần

chúng Công Nông Binh và cho rằng tiêu biểu cho cái nội dung văn học « tiến tiến » ấy chỉ có nền văn học Nga-sô và văn học của các nước « anh em » khác.

Xác định như vậy nên tập đoàn lãnh đạo văn nghệ miền Bắc ngày càng tăng cường việc dịch tác phẩm kinh điển về chủ nghĩa Mác-Lenine. Chính Phạm-văn-Đồng, trong buổi nói chuyện với văn nghệ sĩ ở hội nghị học tập nghị quyết đại hội đảng lần thứ ba, ngày 13-10-1960, xác nhận :

«... Về phần tôi, tôi nhìn thấy trong nhiều cuốn sách, nhiều bài Văn những câu thả mà theo tôi không thể tha thứ được », Ông bèn ra huấn thị : « Người văn nghệ sĩ phải học lý thuyết Mác-Lénin càng sâu càng tốt, đọc các sách kinh điển của chủ nghĩa Cộng sản, đọc tác phẩm của Mác, Anghen, Lénin. Đó không chỉ là những tác phẩm chính trị, kinh tế, triết học tổng kết cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại nhất của lịch sử đi đôi với việc tổng kết tất cả sự hiểu biết của loài người, đó còn là những tác phẩm văn nghệ vô cùng quý giá. Phải đọc và đọc đi đọc lại » (Văn Nghệ. 12-60).

Về mặt tiểu thuyết, người ta

thấy ở miền Bắc đã xuất hiện một loạt tác phẩm dịch chiếm một tỷ lệ khá cao so với sáng tác, như :

« Thép đã tôi thế ấy » của At-tơ-rốp-ski, « Thanh niên cận vệ đội » của Pha-dê-ep, « Một người Cộng sản » của Ga-bơ-ri-lô-vích, « Chiến sĩ Ma-tơ-rốp-xốp » của Duốc-Ba, « Những người Sô viết chúng ta » của B.Pô-lê-vôi, « Sổ phạn một con người », « Đất vỡ hoang », « Sông Đông êm đềm » của Sô-lô-khốp ; « Luyện mãi thành thép » của Ngãi-vu, « Bản làng đổi mới » của Chu-lập-Ba, « Mặt trời chiếu trên Sông Tang Kiều » của Đinh-Linh, « Bảo vệ Diên an » của Đỗ-bằng-Trinh, « Thượng Cam Lĩnh » của Lục-trụ-Quốc, « Khuất Nguyên » kịch của Quách-mạt-Nhược, « Cùng cất lời ca », thơ về công xã của Hạ-Kinh-Chi, « Thơ và tù » của Mao - Trạch - Đông v. v...

Phổ biến những tác phẩm trên đây chẳng có gì khác hơn là chính quyền miền Bắc muốn đẩy nhân dân đi sâu vào con đường nô lệ tư tưởng, « làm cho chủ nghĩa Mác-Lénin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần và trở thành hệ thống tư tưởng của toàn dân » (1).



(1) Nghị quyết về « Cách mạng tư tưởng văn hóa kỹ thuật của đại hội đảng lần thứ 3.

Tóm lại, trong năm qua, người ta phải rộng rãi lắm mới khả dĩ công nhận một «*Sông Đà*» của Nguyên-Tuân là có giá trị về mặt nghệ thuật và đặc biệt một «*Mạch nước ngầm*» của Nguyên-Ngọc có giá trị về nội dung, vì nó tổng hợp cái sự thực khách quan cực cùng tàn bạo, biểu hiện được sự cần thiết của nhiệm vụ lịch sử, khắc họa được trạng thái mâu thuẫn xã hội đang được giải quyết bằng một quá trình

đối kháng, phản ánh được những thực tiễn điển hình trong đời sống cay cực của các giai tầng lao động ở miền Bắc hiện nay. Mặt khác, «*Sông Đà*» và «*Mạch nước ngầm*» cũng chứng minh rằng muốn sáng tạo một tác phẩm văn nghệ tương đối có giá trị thì nhất định cần phải thoát ly hẳn đường lối sáng tác được mệnh danh là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa.

SÔNG THAI

MỘT KIỂU THƠ « PHẤN KHỞI ! »

Nỗi phẫn khởi của Xuân-Diệu :

*« Tôi đã rơi vào biển lúa
Tôi bơi bơi khoải trá lạ thường...
...Cảm ơn người không nghĩ bàn tay.
Cảm ơn người kẻ cày sâu cấy dày.
Cảm ơn đất nước, cảm ơn đảng,
Cho tôi bơi biển lúa một ngày... »*

Và nỗi phẫn khởi của nông dân :

*« Sáu giờ chuông đình ra đồng
Dềnh dang hết tám tiếng xong là về
Mưa ngập lụt không hề nóng vội
Lúa đỏ, chim, mòng thời cũng thấy
Mùa màng còn, mất, được, hay
Dưng dưng như thể ta đây người ngoài... »*

(trích «*Đảng Đĩnh* », của Trần-xuân-Viên,
báo Nhân Dân, số 2648 ra ngày 21-6-61 Hà-nội)

ÁNH VIỆT

Thơ ca miền Bắc những năm gần đây

NGƯỢC lại một quãng thời gian, vào những năm đầu kháng chiến, người ta thấy thơ ca Việt-Nam đã diễn ra một quang cảnh vô cùng rục rở. Cách mạng tháng tám đã đặt ra cái bản lề, một bên là khép lại những giọng sầu tủi cô đơn của kiếp đời nô lệ, những tình cảm ướm át, điên loạn thường đóng khung trong « cái tôi » bé nhỏ, bất lực trước xã hội phong kiến áp bức ; một bên là mở ra những tâm hồn trong sáng, trẻ khỏe, thiết tha, những tiếng reo vui của con người phấn khởi nhận lấy nhiệm vụ vinh quang của dân tộc. Có thể nói, chưa bao giờ trong thi ca Việt-Nam lại thấy phản ảnh khá đầy đủ những con người bình

thường mà dũng cảm, nhiệt tình yêu nước sâu sắc và mãnh liệt như bấy giờ. Cũng chưa bao giờ hình thức thi ca lại được xử dụng một cách rộng rãi và phong phú như bấy giờ. Những « *Sáng mát trong như sáng năm xưa* » của Nguyễn-đình-Thị, bài thơ « *Tây tiến* » của Quang-Dũng, « *Ngày về* » của Chính-Hữu, « *Màu tím hoa sim* » của Hữu-Loan, « *Đêm liên hoan* » và « *Bên kia sông Đuống* » của Hoàng-Cầm, « *Viếng bạn* » của Hoàng - Lộc, « *Nhà tôi* » của Yên-Thao, những « *Nụ cười kháng chiến* » của Tú-Mỡ và các câu ca dao, hò vè sản xuất, dân công, bộ đội của các tác giả vô danh, một mặt đã thường xuyên trở thành đội

quân đi vào các trận tuyến khác nhau, thồi bùng lên ngọn lửa chiến đấu vào tâm hồn quần chúng, mặt khác đã làm những cống hiến đáng kể đóng góp vào kho tàng văn học nghệ thuật nước ta.

Rồi tiếng súng chống xâm lăng ngừng nổ. Giá trị thơ ca dần dần xút giảm theo đà mất hẳn của thực chất kháng chiến.

Như người ta đã thấy rõ, dưới chế độ ở miền Bắc hiện tại, nhân dân phải sống một cuộc đời âm u, nặng trĩu bầu như không có lối thoát. Con người muốn được thoát mái chút ít, yêu thương nhau hơn nhưng xã hội thì đầy chuyện đấu tranh giai cấp, ngày đêm không ngừng văng lên những tiếng thét căm hờn lẫn với tiếng rên siết khóc than, dồn dập gây nên những mâu thuẫn gay gắt giữa nội tâm và ngoại cảnh. Trước cái hiện thực quá ư ngột ngạt mà tập đoàn lãnh đạo văn nghệ đã định : « *Hiện thực mới ở nước ta ngày nay là tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là hiện thực lớn nhất của ta. Đó là cuộc đấu tranh gay go quyết liệt. Hiện thực đó, cuộc đấu tranh đó chi phối tư tưởng, tình cảm và hành động của mọi người, chi phối mọi quan niệm*

*giữa người và người trong xã hội ta ngày nay. Tình cảm bạn bè, gia đình, tình yêu, chẳng có cái nào thoát ra ngoài cuộc đấu tranh đó, không ở hàng trận này thì cũng có ở hàng trận khác, không có trạng thái lưng chừng đứng giữa » (1) thì làm sao mà « *chủ quan của văn nghệ sĩ phải phù hợp với hiện thực khách quan* » (2) được !*

Mặt khác, nghiên cứu tình hình thơ ca dưới một chế độ chính trị hung bạo, người ta lại không thể bỏ qua tình hình đối kháng của dòng văn nghệ : chính thống và phản chính thống.

Dòng tư tưởng, tình cảm của văn học thống trị — tức dòng văn học chính thống — bao giờ cũng nặng về tính cách bảo thủ, thoái hóa. Trái lại, dòng văn nghệ chống giai cấp thống trị — tức dòng văn học phản chính thống — bao giờ cũng nặng tính cách đi tới, nhằm về phía trước phê phán trật tự hiện hành. Chứng cớ là những tác phẩm xuất hiện trong phong trào Nhân văn Giai phẩm trước đây không những có giá trị về mặt chống đối với những tư

(1 và 2) Trong bài nói chuyện của Tố Hữu về « Nghị quyết Đại hội lần thứ ba của Đảng và sự nghiệp văn học nghệ thuật. (Văn nghệ số tháng 11-60).

tưởng sâu sắc, chín chắn, mang lại nhiều kiến thức và tình cảm cho người đọc, động viên được người đọc đứng lên thực hiện khát vọng của mình mà còn có giá trị về phương diện hình thức với những kỹ thuật biểu hiện mới mẻ, sắc sảo, mang nhiều hình tượng nghệ thuật phong phú, sinh động, được quần chúng nhiệt liệt đón nhận và tán thưởng. Nói về các tác phẩm đó, nhà văn Tô-Hoài đã viết : «... Đã nhiều lần người làm thơ và ngâm thơ phải phàn nàn rằng thơ ta bế tắc, nhạt nhẽo, nghèo nàn, và rập khuôn. Trước những bài thơ vô vị, phải kể đến Trần-Dần, Lê-Đạt, Văn-Cao, Hoàng Cầm v.v... Họ hăng hái mà tình tứ, táo bạo nhưng có trách nhiệm, đẹp và đáng yêu biết bao ! Những loại thơ đầy ánh sáng thiết tha rục rờ vào tâm hồn, đập vào các thứ nhội nôi, bỏ hóng, sửa sang trang trí đầu óc cho luôn được mới, được đẹp. Những loại thơ đầu tiên ấy đã đem một sắc thái riêng vào thơ thời đại ». (1) Những bài thơ ấy đang ở thời kỳ « trăm hoa đua nở » thì đã bị những bàn tay lông lá ngắt ngọn, vùi dập, bóp nát để thay thế bằng một loại « thơ giấy đóng hộp bày trong tủ kính ».

Loại thơ này bắt nguồn từ lực lượng cộng sản, dĩ nhiên,

người viết chỉ có mục đích duy nhất là suy tôn Đảng, tô hồng chế độ.

Nếu ở thời phong kiến thuở nào, nghệ thuật chỉ được coi như một trò du hí thì dưới chế độ chính trị miền Bắc ngày nay, nói đến thơ ca chỉ là nói đến một sự lợi dụng dè hèn. Thật là rõ ràng, tập đoàn lãnh đạo miền Bắc đã ngày càng đi sâu vào con đường phản bội nghệ thuật chân chính. Hiện tượng này được cụ thể hóa trong cái chủ trương mà họ mới đề ra : « Văn nghệ sĩ giữ vị trí quan trọng nhất trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng, văn hóa, kỹ thuật. Công tác văn học kỹ thuật phải phục vụ đắc lực cho đường lối chính sách của Đảng, góp phần tích cực vào công tác giáo dục tư tưởng, tình cảm và cải tạo con người theo chủ nghĩa cộng sản, động viên và cổ vũ nhân dân đem hết tinh thần và lực lượng hoàn thành nhiệm vụ cách mạng do đảng đề ra » (2) và « nhiệm vụ công tác tư tưởng bao giờ cũng do nhiệm vụ chính trị quyết định và phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, không

(1) Trích báo Văn 57.

(2) Nghị quyết của đảng về C.S. cách mạng tư tưởng văn hóa kỹ thuật tại đại hội lần thứ 3.

thể tách rời công tác tư tưởng và nhiệm vụ chính trị, càng không thể đối lập hai nhiệm vụ ấy với nhau » (1),

Bởi chủ trương phản bội nghệ thuật như thế nên người ta không lạ gì khi thấy các văn nghệ sĩ đều nhất thiết phải sáng tác theo những chủ đề do Đảng vạch ra. Dễ dàng nắm vững tình hình thơ ca miền Bắc, căn cứ vào những tuyển tập hoặc các bài được gọi là thơ — vì lẽ chúng có vần điệu — đã xuất hiện trên các tạp chí văn nghệ, hoặc trên các nhật báo trong năm qua, người ta thấy rõ những biểu hiện chủ yếu sau đây :

THẦN THÁNH HÓA LÃNH TỰ

TÌEU biểu cho loại thơ này trước hết phải kể đến Tố-Hữu. Tác giả đưa con vong bản «*Thương cha thương mẹ thương chồng, thương mình thương một thương ông thương mười*», khóc Staline năm nào, đã quay sang lục địa Trung-Hoa để cúi đầu ngưỡng mộ :

«*Mao-trạch-Đông,*

*Tôi đã thấy dáng người lồng
lộng*

Đẹp như một ngọn cờ hồng »

rồi lại trở về miền Bắc mà năn nỉ với Hồ-chí-Minh :

«*... Con muốn hôn má gầy
của bác,*

*Hôn chòm râu mát ruợi hòa
bình... »*

Ngày 6 tháng 12 năm 1960 sau gần một tháng trời sang Nga-sô nhận chỉ thị của đảng Cộng sản quốc tế, Hồ-chí-Minh trở về Hà-nội, Tố-Hữu múa bút thi vị hóa cuộc đi triều bái đó và truyền cho con mình phải coi bác «*như thần thánh*» :

«*Sóng Hồng năng rục bờ đê,
Nắng thơm rom mát đồng quê
gặt mùa.*

*Hoa ơ con gái của cha,
Cha nâng con nhé, làm hoa
mừng người.*

*Bác về vui đó con ơ,
Bác hôn các cháu bác cười với
dân.*

*Ngày vui vui những hai lần,
Bác về mang cả mùa xuân lại
nhà... »*

Tố-Hữu cứ chạy quanh trên cái vòng lẩn quẩn ấy, từ Nga sang Tàu, từ Tàu trở về Bắc-Việt, rồi từ Bắc-Việt hương sang «*mộ Lénine*» ở Mạc-tư-

(1) Tham luận của Trường-Chinh tại Đại hội đảng lần thứ 3.

Khoa, quê hương duy nhất của
minh, làm râm khấn vái :

« Ôi Lenine

Đứng bên Người

Và đứng trước Cầm-Linh,

Mỗi con người lớn lên nghìn
thước...»

Gương mẫu trong việc thần
thánh hóa lãnh tụ vẫn là mấy
nhà thơ tiền chiến. Như đề tỏ
ra mình thiết tha với các lãnh
tụ, một Tế-Hanh đã uốn lưỡi
ca hát trong một chuyển sang
thăm họ Mao :

« Quê hương lãnh tụ mây thêu
nắng

Thấy mặt trời lên nhớ bác Mao»

hay một Chế-Lan mất gốc :

« Ôi đường đến Lénine là đường
về tổ quốc

Tuyết Mat-sco-va sáng ấy lạnh
trăm lần.. »

hoặc một Xuân-Diệu nức nở
tán dương nhân dịp kỷ niệm
70 năm ngày sinh của Hồ-chí-
Minh :

« Tôi ca tụng một con người,

Một con người toàn vẹn

Nhưng không chọn nên lời,

Chọn lời như thiếu ghen.

Những chữ lớn như biển trời,

Như biển trời cũng hẹp,

Cũng thua một con người,

Khi tuyệt vời cao đẹp... »

Đi đôi với nhiệm vụ thần
thánh hóa lãnh tụ là phải biết
ca ngợi tình quốc tế vô sản,
nghĩa là phải biết cái quan
niệm mới về tình yêu tổ quốc,
một tổ quốc không có biên
cương, như nhà thơ họ Chế,
đã tuyên bố trong dịp sang khỏi
rừng núi Cao Bắc Lạng :

« Bên kia biên giới là nhà

Bên nì biên giới cũng là quê
hương ».

phải hiểu rằng nội dung của
mọi thứ tình yêu nếu có, không
được lách rời khỏi tình yêu xã
hội chủ nghĩa do Nga-sô cầm
đầu :

« Tổ quốc chúng ta tình không
giới hạn.

Lòng sông Hồng nghe vỗ sóng
Volga ». (Đoàn-văn-Cừ).

ngay cả đối với những kẻ có
một quá trình thù địch cũng
phải coi « như anh em một
nhà » :

« Người bạn hiền Trung-hoa

Khoác lên mình ta

Chiếc ngoài dạ ấm

Tình Việt Trung biết bao nồng
thắm ». (Lu-u-trọng-Lư).

Tình-yêu đối với lãnh tụ,
với quốc tế vô sản, lại cần
phải được thể hiện ở chỗ gần
bó khăng khít với những cảnh
vật, di tích của ngoại bang

nữa. Chẳng thế mà trong một buổi « *Tiến người yêu đi học ở Mat-sco-va* » mới đây, Bùi-minh-Quốc đã dặn dò :

« ... Hôn họ anh nền đá lát công trường

Nơi yêu dấu Lénine từng dạo bước.

Nơi trái tim ta thường đi về ngày ngắt

Dưới ánh vầng sao đỏ tháp Kremlin.

Hôn họ anh bàn tay người « *xích vế...* »

(Văn Nghệ số 12-60).

SUY TÔN ĐẢNG VÀ TUYÊN TRUYỀN CHỦ NGHĨA

TÌNH yêu lãnh tụ, tình yêu quốc lễ vô sản còn cần được ràng buộc mật thiết với tình yêu đảng. Đó là một hệ thống tình cảm mà mỗi văn nghệ sĩ phải nắm vững. Sau khi đã bị tôi luyện trong lò lửa « *chỉnh huấn* », Hoàng-tổ-Nguyên đã bộc lộ một cách bất đắc dĩ :

« *Đảng ta ơi, đảng của nhân dân thần thánh*

Tôi kính cần đặt người lên chót vót dài tim.

Xin cho tôi niềm vinh quang kiêu hãnh

Được gọi người đồng chí anh em ».

(Bài thơ sau chỉnh huấn).

Và Xuân-Diệu, sau lúc thế bồi :

« *Lên non em cũng muốn lên
Xuống biển em cũng ngồi bên
mạn chèo ».*

Đã phải cất tiếng run run :

« *Ôi người yêu, yêu hơn cả
ái tình*

*Người rất mực xa xanh và
đỏ thắm*

... *Người gánh đất người
gánh trời là đảng*

*Ôi ngời ngời đảng Cộng sản
Đông-dương »* (Gánh)

Chế-Lan-Viên thì làm ra vẻ hãnh diện :

« *Tôi đứng dưới cờ giờ tay
tuyên thệ*

*Trên đất quê hương mang
hình bóng mẹ*

*Ngỡ chừng như vừa sinh lại
lần đầu*

*Đảng trở thành nơi cắt đón
thương rau ».* (Kết nạp đảng trên quê hương đất mẹ).

Muốn tỏ ra lòng mình yêu đảng cũng không kém chi đồng nghiệp, Lưu-trọng-Lưu đã vận dụng hết khả năng đề nghị nọt :

« Là chim tôi sẽ cất tiếng gọi
Là gió tôi sẽ reo vui
Là đẹp núi xinh đồi
Tôi sẽ dâng người hoa thơm
cỏ lạ

Tôi chẳng có chi nhiều
Tôi chỉ có một tình yêu dâng
đảng» (Đảng tôi).

hoặc :

« Đảng đến rồi như người
mẹ đừng yên
Chân chưa nhìn anh mắt dịu
hiền ». (Lòng mẹ).

Tế-Hanh thì ngây ngô như
đứa bé tập nói :

« Tình hai ta càng thêm tươi
thắm,
Và tình ta với đảng thắm
tươi ». (Như sáng xuân nay).

Đáng thương thay là Tú-Mỡ,
cái giọng sao mà miền cưỡng
nghe đến thế thảm :

«...Năm nay tuổi đã sáu mươi
rồi
Tôi mừng được đảng thầy
muốn thuở,
Nghĩa nặng tình sáu biết mấy
mười » (Mất và Được)

Một Văn-Tĩnh nào đó cũng
tập tễnh thì đua đấu hót :

« Cha tôi thường dạy,

Con sống năm năm, hơn đời
của ông trăm tuổi.

Con lớn lên có ánh mặt trời, có
đảng, có bác... »

(Ta có đảng như con thơ có mẹ)

Nhưng đặc biệt nhất vẫn là
Tố-Hữu. Trong bài thơ dài « Ba
mươi năm đời ta có đảng »,
Tố-Hữu đã trình bày rõ ràng
tất cả công trình sáng tạo và
xây dựng lịch sử của các hắc
tiền bối để chỉ xác nhận đảng
mới là người khai sinh, và kiến
thiết đất nước. Nội dung bài
thơ toát ra một không khí phản
bội kiêu :

« Yêu người như mẹ như cha,
Lòng ta yêu đảng như là yêu
con. »

Tình yêu đảng phải được
cụ thể hóa bằng hành động, vì :

« Đảng đã dạy ta tô cờ bằng
máu,

Tô màu cờ bằng ý chí đấu tranh
Tô màu cờ bằng những quả tim
Đầy máu nóng của người Sô
viết. (Vũ-văn-Loan)

MINH HỌA CHÍNH SÁCH VÀ MỊ LAO ĐỘNG

NGUỜI ta vẫn biết chủ
trương công nông hóa tri thức

do đảng đề ra chỉ có mục đích chủ yếu là cải tạo tư tưởng tư sản. Bởi lẽ bao giờ tư tưởng tôn trọng quyền tư hữu — kể cả quyền tư hữu về mặt tinh thần — còn tồn tại trong con người thì bấy giờ nó còn là một trở ngại nghiêm trọng cho việc tiến hành xây dựng chủ nghĩa Cộng sản. Cho nên, điều cần nhất là đảng làm sao mỗi một nhà thơ phải ý thức được rằng : « Văn học chúng ta quan niệm con người trước tiên là con vật lao động lập thể, một con vật biết nghĩ đến quyền lợi của Đảng, một con vật làm cách mạng, biết hưởng những sinh thú ăn uống » (1). Mặt khác, chủ trương đề cao vai trò lao động cũng chỉ là một chiến thuật bóc lột tinh vi.

Tự nguyện làm tên lính tiên phong trong phong trào công nông hóa trí thức, Xuân-Diệu lớn tiếng hô hét : « Khởi đầu tất cả là lao động. Nhà văn trước hết phải ôm lấy quần chúng vạn năng, phải ôm lấy Đảng vĩ đại, Đảng là chân lý, chủ nghĩa Mác-Lénine như khí trời trong tốt, phổi ai hít thở được bao nhiêu càng khỏe bấy nhiêu » (2). Thế rồi tác giả « Thơ thơ » ngày nào sẵn sàng múa bút phục vụ các chủ đề giai đoạn

và minh họa chính sách Đảng. Từ chuyện một nhà máy xay vừa kiến thiết, Xuân-Diệu đứng thơ thần trước cổng đề ghép vần :

«...Cổng đóng tôi tựa cổng đứng chờ,

Nhìn vào nhà máy với nhìn trời
Thấy mình chắc dạ nghe no đủ
Như cả nhà xay gạo của tôi »

(Trước cổng nhà máy xay)

Phải rồi, Xuân-Diệu « thấy mình chắc dạ » vì đang được ngồi trên « manh chiếu hoa » văn nghệ ở miền Bắc, chứ Diệu có biết đâu chung quanh ông còn bao nhiêu người sống lầm than cùng quần. Cũng vì Xuân-Diệu được một cương vị khá cao trong xã hội, nên mới có rảnh thì giờ và phương tiện để « đi dạo bằng xe đạp một vòng giữa một đồng lúa chín để cho rằng mình bơi bơi giữa một bãi lúa vàng » : (3)

« Tôi đã rơi vào biển lúa,
Tôi bơi bơi khoái trá lạ thường »

(1) Cái mới trong văn học ta — Xuân Diệu.

(2) Những bước đường tư tưởng của tôi — Xuân Diệu.

Độc riêng chung của Xuân Diệu (Văn nghệ số tháng 12-60).

(3) Theo Hồng Chương — Văn-nghệ số tháng 12-1960.

Đến chuyện mậu dịch là một cơ quan nắm độc quyền thương mại, cũng được Xuân-Diệu khen đề :

« Tôi chọn văn thơ mừng hàng mậu dịch,

Cửa mở quốc doanh người chen mển thích »

Kể ra thì Xuân-Diệu cũng đã kịp thời sáng tác phục vụ các chủ đề giai đoạn thật ! Khi một sản phẩm vừa được chế tạo, Xuân Diệu đã có ngay một bài thơ :

« Tôi muốn rót cốc bia đầu thứ nhất

Nâng cao lên như đóa hoa thành tích ».

Tội nghiệp nhất là Huy-Cận. Đảng vốn thừa biết ông là người rất mực hiền lành giàu lòng tin tưởng vào Thượng đế, nên đã tìm biện pháp « Cải tạo tư tưởng » bằng cách buộc ông tham gia lao động ở các mỏ than suốt gần 3 năm nay.

Người ta biết, trong cả năm 1958, Huy-Cận đã viết được một bài thơ vừa ý đảng hơn cả vì nó có tác dụng đề cao một « chiến sĩ cuộc than » :

« Trời mưa thụt tầng,
Đường xe cong queo
Anh đắp anh nâng,
Anh giằng anh kéo

Mũi cuốc nhẹ nhàng,
Đá rơi từng mảnh
Anh xẻ đá tảng
Tay san núi bằng
Đầu đá chặn đường,
Đầu xe trật chuyển
Anh là bánh chuyển
Lượng mang công trường
Hỡi người thanh niên,
Dòn hai mươi tuổi
Ngày ngày xẻ núi
Rút than đen huyền.

(Trong tập : « Trời mỗi ngày mỗi sáng » 58).

Tháng 8 năm nay, vẫn còn ở mỏ than Cẩm-phả, Huy-Cận lại đề cao một « Chị tổ trưởng, mới » :

« Cả hòn đá nổi,
Cả luồng than sâu
Cả gió nóng ran.
Cả máy chạm đầu
Đều bầu cho chị,
Cho người đồng chí
Chân đi thoăn thoắt,
Dáng người hao hao
Tay nhanh như cắt,
Lòng vui dạt dào (!)
Chị tổ trưởng, mới
Trên tầng cao cao
Mưa dầm nắng gội,
Đứng mũi chịu sào.

(Trong tập « Đất nở hoa » 60).

Dù Huy-Cận đã cố gắng dựng lên hai nhân vật « điển hình »

trên đây, song đọc xong bài thơ, người ta chỉ thấy lòng dâng lên một nỗi trắc ẩn mệnh mông, thương xót cho cuộc sống quá ư khổ sở của người dân đen ở miền Bắc, ngày đêm đầu tắt mặt tối mà cuối cùng cuộc sống vẫn không nhích lên được một chút sáng sửa gì. Nhạc điệu bài thơ trầm buồn lời thơ lại ngắt, càng phù hợp với cuộc sống nặng nề, tưởng như con người không còn hơi sức nào mà đứng dậy được nữa. Điều đáng cho ta chú ý là càng bị đẩy vào cái lò lửa thực tế lao động, nhà thơ càng bị ngột ngạt tù túng về tâm hồn lẫn thể xác, sự tù túng ngột ngạt đó đã chi phối cả nghệ thuật. Nhận xét này cũng được Hoàng-minh-Châu, cây bút phê bình của tuần báo *Văn học* ghi rõ trong số 125 ra ngày 16-12-1960 : « So với tập « *Trời mỗi ngày mỗi sáng* », « *Đất nở hoa* » yếu hơn nhiều. Huy-Cận đã có những lúc buông lỏng tay bút của mình, kéo dài những câu thơ bình thường, dễ dãi... »

Tôi Nguyễn-xuân-Sanh, con người đã có can đảm từ bỏ tháp ngà « *Xuân Thu nhấ tập* » để đi theo kháng chiến với « *Làng Nghệt trong rừng đêm* », có ngờ đâu ngày nay phải lấy ban đen làm tri kỷ trong

những đêm giao thừa giá lạnh xa vợ xa con :

« *Đêm nay bát ngát sương sa
Bao nhiêu than thở lòng ta
chất chồng* »

Đầu tháng chạp vừa qua, trong lúc những người tự do bên này đang tung bừng chuẩn bị đón Tân Sửu về thì ngoài kia, Xuân-Sanh vẫn đang còng lưng thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất.



VIẾT đến đây, tôi bỗng nhớ lại một bài thơ trào lộng chua cay của Phùng - Quán, tác giả « *Lời mẹ dặn* » bất khuất hồi nào :

« *Chuông điện thoại từng hồi
giục già*

*Tôi cầm ống nghe — Ai muốn
gọi tôi.*

Đầu dây kia có tiếng trả lời ;

Chúng tôi — nhà xuất bản —

Cần đồng chí Phùng-Quán

*Gởi đến một bài thơ — viết về
đấu tranh thống nhất*

*Xưởng thơ tôi — đề tài này
chưa sản xuất*

*Và cũng chưa dự trữ sẵn trong
kho.*

*Nhưng tôi đã viết — Lên tường
một câu thơ*

« Sản xuất ngày đêm theo yêu cầu của Đảng ».

« Bài thơ làm theo lời yêu cầu của Đảng » trên đây cũng đã phản ánh sắc cạnh cái chủ trương về sáng tác văn nghệ tại miền Bắc. Nói như Trần-Dần :

« *Thật là lối sản xuất kỹ nghệ định đem vào sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật !* ».

Cũng vì chủ trương sáng tác rập khuôn, máy móc một chiều và « giai đoạn » ấy nên ta không lạ gì khi thấy một số nhà thơ tiền chiến đã từng chiếm một địa vị « hoàng kim » trên tào đàn thơ ca Việt-Nam, mười lăm năm về trước, ngày nay tài năng họ đã bị giết chết một cách không thương tiếc.

Dù họ đã lớn tiếng hoan hô : « Một đã lao động thơ qua 15 năm cách mạng, nhận thấy những sinh sống nảy nở gì trong nghề, mình, nếu đến bây giờ, người làm thơ cảm thấy cái khả năng sáng tác của mình vẫn còn son, còn « xoan » mà son, xoan chính cái thời đại này, và nếu cảm giác ấy không phải là truyền điện thì vui mừng biết bao cho người làm thơ đó, người ấy nhìn trời đất của chế độ ta màu nhiệm

biết bao ! » (1) nhưng trước sau, những người yêu văn nghệ không thể nào mà bằng lòng với những tác phẩm của họ được.

Qua tập « *Riêng chung* » của Xuân-Diệu vừa mới xuất bản (gồm những bài thơ làm từ những năm 57, 58, 59, 60) tạt nội dung nó ra một bên, người đọc chỉ thấy những câu dễ dãi, như :

« *Xây dựng mãi cho đến giờ biệt thế*

Và lúc đó đã có người thay thế.

(Đi với dòng người)

hoặc nôm na :

« *Cách mạng thường có vậy trước chế bài*

Nhưng thức lâu mới biết đêm dài ».

nhiều lúc lời thơ đã biến thành những câu văn xuôi trơ trẽn :

« *Chết cho được một con người cũng khó !* »

hoặc : « *Đường đi từ Mạc-tư-Khoa qua Hoàng-Hà, Dương-tử Trung-Hoa vĩ đại.*

Yêu trong ảnh hưởng nữa là đi đến ».

hay câu thả tốt bậc :

« *Xuống dưới biển*

(1) Mười lăm năm lao động thơ — Xuân Diệu — N.C.V.H. số tháng 10-60.

Cửa sông chỉ vẫn đòn gánh mà thôi ».

hoặc : « *Hãy cảm ơn Đảng Cộng lòng ta ơi !* »

Thỉnh thoảng Xuân-Diệu lại phải xử dụng đến những ngôn ngữ sáo cũ : giọt lệ, hồn diêm lệ, gương nhứt nguyệt, sơn hà, nữ tì, sương phụ, chẳng hạn như : « *tất lòng kiều diễm, hóa ly tao* » (Phượng mười năm).

Rồi như sợ nhầm chán với những danh từ «hiện thực», Xuân-Diệu lại tìm chữ ngoại lai để phò diễm như «Sao rất thú», «khuya rất khuya» « *muốn năm phượng, phượng hay hoàng vân phượng* ».

Tình trạng đó đã hạ thấp uy thế lãnh đạo văn nghệ của Đảng, cho nên Hồng-Chương, một cán bộ phê bình cao cấp đã phải lên tiếng : « *Qua các bài thơ trong tập «Riêng chung», ta có cảm tưởng rằng tác giả thoạt tiên có một số ý về một vấn đề nào đó, bèn dựng nên thành hình ảnh, ghép thành vần điệu chứ chưa có sự rung động của tâm hồn sáng tác. Vì thế bài thơ làm xong ít có tác dụng truyền cảm. Trong một chừng mực nhất định, anh đã rơi vào bệnh « khái niệm hóa » mà ta thường gọi là sơ lược* » (1).

Kế tiếp là Tế-Hanh, con

người thuở nào thiết tha với « *Quê Hương* » đến thế. ngày nay, còn thấy đâu cái tâm hồn tế nhị, dễ cảm, những lời thơ bình dị và trong sáng trong suốt tập « *Tiếng sóng* » mới ra đời. Cũng vì Tế-Hanh chỉ biết cái nhiệm vụ thiển cận là tuyên truyền cho việc thực hiện các chính sách của đảng nên mới có thể bằng lòng với những câu :

« *Em không bỏ mẹ, em chỉ bỏ lối làm ăn riêng rẽ.*

Em chẳng phải theo chồng,

Em cùng anh xây dựng hợp tác thành công.

hoặc những bài thơ mang đầy tính chất khẩu hiệu sống sượng:

« *Việc này chưa làm người kinh ngạc*

Sao không lo

Nghệ thuật phải giống như cuộc đời

Mà phải lo

Cuộc đời phải giống như nghệ thuật ».

Rõ rệt nhất là trường hợp Đoàn-văn-Cừ, con người trước kia « *cứ mỗi lần xuân sang lại ném ra một chuỗi cười ngũ sắc* » (2), con người thường đưa các hình ảnh màu sắc và tiếng nói đồng quê vào thơ. Trong thơ ông ngày xưa có giọng chích chòe lúc bình minh, chen

(1) Đọc riêng chung của Xuân-Diệu — Hồng-Chương — Văn Nghệ 12-60

(2) Hoài thanh — Thi nhân Việt-Nam

với tiếng ông đồ giảng bài bên hàng xóm, có bóng đa xanh buổi trưa hè, có nhận chiều rẽ nước lúc thu sang, có bãi tía cồn xanh trên đường về quê ngoại; vậy, mà hôm nay người ta chỉ thấy những câu chung chung, hời hợt, lười biếng, thiếu bản sắc, cá tính :

« Non sông Việt đã bao lần tắm gội

Máu anh hùng ngăn cản bọn xâm lăng ».

Với những ý mòn lời cũ như : « sục sôi trong huyết quản », « máu xương tôi bời », « đời sống tung bừa » đã chiếm một tỉ lệ khá cao trong toàn tập « Thôn ca » vừa phát hành.

Có một điều đáng chú ý là trong tập *Thôn ca*, chẳng biết vô tình hay hữu ý, nhà thơ họ Đoàn lại in vào 9 bài cũ, đặt riêng vào một phần « Ngày xưa » (39-45), làm cho độc giả có cơ hội tốt để rung động với những :

« Ánh dương vàng trên cổ kéo lê thê,

Lá đa rụng rơi quanh quán chợ.

hoặc :

« Hơi lam tỏa mờ mờ trên bãi cỏ

Một đoàn bò thấp thoáng bước trong sương ».

và những hình ảnh đượm màu sắc hiền hòa dân tộc :

« Thằng cu áo đỏ chạy lon xon
Cò gém thắm che môi cười lạng lẽ ».

Chín bài thơ trong phần « Ngày xưa » càng nổi bật bao nhiêu thì ngược lại các bài ở phần « Tiếng hát quê ta » trong tập thơ càng bị chìm xuống bấy nhiêu. Tập chí Văn nghệ số tháng 11-60 cũng đã xác nhận rằng: « Về phần « Tiếng hát quê ta » chưa làm rung động được về con người và cuộc sống ở nông thôn qua 15 năm biến thiên vĩ đại (1). Vì vậy phần sau của thôn ca kém hẳn phần trước. Sắc màu chưa hội hợp, tình ý chưa thiết tha nghệ thuật tìm chữ đặt câu còn dè dặt... »

Ở đây, tưởng cũng không cần nhắc đến loại thơ kiểu :

« Để bước đầu đưa những bước dài hơn

Để thơ sẽ chào mừng những kế hoạch lớn hơn ».

hoặc : « Cuộc sống tôi : tuổi đảng là hạt nhân »

và : « Hàm răng khềnh cô này tham ăn lắm »

Rồi lại : « Đói giúp cao su vẫn đeo toòng teng bên lá lách » của Lưu-trùng-Dương đã được đăng trong tập thơ : « Những người

đáng yêu nhất » hồi đầu năm qua.

Ngoài ra, có một hiện tượng đáng lưu ý mà tập đoàn lãnh đạo văn nghệ miền Bắc thường rêu rao là nhờ sự chăm sóc của đảng, nền văn nghệ của dân tộc ít người cũng được phát triển. Nhưng sự thật đã được phơi bày qua mục « ý kiến ngắn » của một độc giả đăng trong tạp chí Văn nghệ số tháng 7-60 : « Bên cạnh những bài thơ giả hiệu còn có những nhà thơ miền núi giả hiệu nữa. Có những bạn ai cũng biết đích xác là người kinh rồi mà cũng ký tên là Sliêng nọ hay Cầm kia, rồi cũng kèm theo bài thơ mình những chữ « tác giả tự dịch » như cố tình bắt ai cũng phải nhận mình là người miền núi vậy. Tình trạng bịa ra một số bài thơ giả rồi tuyên bố với bạn đọc là do anh sưu tầm và dịch ra không phải ít... « Cái » chính phủ, « Cái » nhân dân, « bok » Hồ hay những chữ « lơ » « A-lui » xen vào lạc lõng giữa những câu văn mình rất phổ biến ».

Có cần nêu ra đây tập thơ « Ngục trung nhật ký » của Hồ-chí-Minh ? người mà toàn thể văn nghệ sĩ đang bị bắt buộc phải sùng bái triệt để ! Tập thơ gồm những bài ngắn chỉ 4 câu,

làm ra trong thời kỳ hoạt động công sản bị Quốc Dân Đảng Trung-Hoa bắt giữ ở Quảng-Tây vào khoảng 42-43. Chân giá trị của tập thơ ấy ra sao mà lại được Viện Văn học miền Bắc khổ công dịch gần một năm trời và đã trình trọng giới thiệu : « *Nhật ký trong tù không những là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học lớn...* » và Trần-thanh-Mại trong tập san Nghiên cứu văn học số tháng 5-60 cũng đã tăng bậc : « *Rõ ràng thơ và tư Hồ-chí-Minh là một kho tàng triết lý và chân lý mà hầu như không bao giờ chúng ta khai thác hết. Chúng ta học tập ở thơ văn Người cái lý thuyết làm người mới* » ? ! Vậy giá trị tập thơ ấy ra sao ? Phải chăng là cái giá trị thô tục, hiện thực mà lại lằng nhằng, quanh quẩn như một bài tiêu biểu sau đây :

« Đau khổ chỉ bằng mất tự do
Đêm buồn đi ỉa cũng không cho
Cửa tù khi mở không đau bụng
Đau bụng thì không mở cửa tù (1)

« Một hữu tự do chân thống khổ

Xuất cung đã bị nhân chế tài

(1) Do viện Văn-học dịch từ nguyên văn chữ Hán.

Khai lung chỉ thời đồ bất thống khổ

Đồ thống chỉ thời lung bất khai ».

KẾT LUẬN

ĐẾN đây, chúng ta có thể đặt ra vấn đề : tại sao thi ca ở miền Bắc lại không làm rung cảm được lòng người đọc ? Chính trong « Hội nghị những người sáng tác văn học » do ban thường vụ Hội nhà văn tổ chức vào những ngày 17, 18, 19 tháng 10-60 (gồm hơn 60 nhà văn hiện công tác ở Hội nhà văn, Hội nghệ sĩ sân khấu, Viện nghiên cứu văn học và một số cơ quan khác ở trung ương tham dự) đã nhất trí nhận định : « *Phong trào thơ hiện nay phát triển về số lượng nhưng về mặt cảm xúc thì không mạnh mẽ, sâu sắc như thơ trong kháng chiến* »

Nguyên nhân do đâu ? Vì bằng có đứng về phía lập trường quan điểm duy vật mà xét cho rằng : « *cái chất thơ không phải là một cái gì có tính chất thiên tiên. Có sẵn trong tâm hồn con người. Nếu ta nói trời xanh đẹp không phải vì trong lòng ta có sẵn một niềm vui, buồn nào muốn nói đến trời xanh mà chính ngay khách quan cái trời xanh kia đã có*

những yếu tố làm cho ta xúc động » (2) thì chắc chắn phải kết luận rằng hiện thực khách quan miền Bắc đã không thể có đủ yếu tố để gây nổi chút cảm xúc trong tâm hồn các nhà thơ.

Mặt khác, các bài thơ xuất hiện công khai ở miền Bắc đều nhạt nhẽo khô khan càng không phải là do ở các tác giả thiếu vốn sống. Chứng cứ là thi phẩm « *Trên miền Bắc thân yêu* » — tập trung hơn 30 người đi thực tế trong đợt đầu tiên gồm có : Huy-Cận, Nguyễn - xuân-Sanh, Hoàng-trung-Thông, Trần-hữu-Thung, Bằng - sỹ - Nguyên, Hoàng-tổ-Nguyên, Đào-xuân-Quý v.v... — vẫn ở cái tình trạng nghèo nàn như Hoàng-minh - Châu đã nhận định : «... Điều đáng chú ý là sáng tác còn ở mức bình thường không hơn gì những bài viết trước khi đi. Họ đã chụp lại một cách vụng về, để mang cái hậu quả « *bài này cũng giống bài kia* ». Có bạn đề thơ ở mức văn vãn : « *dậy mà coi hai sói ba lạnh* » (Dậy mà coi) hoặc mới chỉ nâng lên bằng những chữ có sẵn : « *Vung tay lên giành cuộc sống* » (Vỡ bãi) và rải rác còn những chữ viết hoa ồn ào, bằng nhiều dấu chấm

(2) Tập san Nghiên cứu học văn học số tháng 8-1960.

than và chấm chấm v.v... » (1)
 Do đó, các tác phẩm thơ ra đời đều lần lượt bị quần chúng từ chối, và thường xảy ra cảnh tượng sinh hoạt văn nghệ tiêu điều, buồn tẻ : « ...Việc in thơ vẫn còn ỉ ạch lạch. Nếu ở miền Bắc mỗi xã chỉ mua cho thư viện xã mình 1 quyển thì con số thơ in ra cũng có thể từ 3 nghìn trở lên. Thế thì tại sao nhiều tập thơ in chỉ có 2 nghìn mà bán đến 2 năm chưa hết. Ở đây có những vấn đề căn bản như việc các nhà làm thơ chưa hay. Quần chúng thì bận lao động chưa có thì giờ rảnh đọc sách, chưa có thừa tiền mua sách... Tôi nghĩ một người cầm tiền vào hàng sách bây giờ thật chả biết mua quyển nào. Nhiều bài thơ kém đăng báo chưa được đã in thành sách hay vào tuyển tập rồi. Nhiều bài đã thấy in ba bốn lần rồi nay vẫn thấy in đi in lại. Đây là chưa kể các sách giáo khoa, kém, dở vào sách dạy làm cho cái thưởng thức của người

đọc lẫn lộn, thất vọng (2).
 Rõ ràng là những bằng chứng chính xác minh chứng hùng hồn cái thực trạng nghèo nàn, bế tắc của thơ ca miền Bắc trong năm qua. Nếu nghĩ rằng một bài thơ hay là một bài thơ làm cho độc giả thấy quen thuộc với mình — một cái gì thuộc về của riêng mình — gặp lại mình trong đó những yêu ghét, giận hờn, buồn vui và đắm say, mơ mộng thì các thi phẩm xuất hiện ở miền Bắc trước sau chỉ thấy chứa đựng một nội dung hùng hực căm thù, quyết liệt tranh đấu, làm sao mà độc giả yêu thích cho được. Lại nữa, chế độ ví như một mảnh đất, nhà thơ là người trồng hoa. Dù người trồng có nhiều kinh nghiệm, tài tình, khéo tay đến đâu mà gặp phải miếng đất xấu, thì nhất thiết không thể mọc lên được những bông hoa muôn sắc muôn hương.

ANH VIỆT

(1) Trong tuần báo Văn học số 95 ra ngày 29-6-1960.

(2) « Vài ý kiến về thơ hiện nay » của Trần-phượng-Anh — Văn nghệ số tháng 6-1960.

THUẬN NGHĨA

Trần - Dân

Xuất thân trong một gia đình trung lưu tại Nam-Định, lớn lên, Trần-Dân theo học ở Hà-Nội. Dáng người anh thấp, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào. giọng cười thẳng thắn, giòn dã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt như dữ tợn nhưng mỗi lúc anh cười thì trông lại hồn nhiên như một đứa trẻ con.

Năm 1946, Trần-Dân cùng với nhà thơ Đình-Hùng thành lập nhóm thi sĩ tượng trưng và ra tờ báo *Dạ Đài*. Tờ báo đang chuẩn bị phát hành số 2 thì cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Lúc bấy giờ anh mới 20 tuổi. Tản cư về Hành-Thiện, Nam-Định, anh hăng hái tham gia công tác thông tin tuyên truyền.

Năm 1948, Trần-Dân xung phong vào Bộ Đội Sơn-La và được đảng kết nạp ngày 19-8-48. Trong những ngày ở mặt trận, anh thành lập nhóm « Văn nghệ Sông-Đà ». Thời gian này tính chất tượng trưng vẫn còn bàng bạc trong thơ anh :

« Ôi kẻ xa chơi lẻ trú đình

Quê nhà ai khóc lệ ai xanh

Hồn em mây trở về đâu nhỉ

Có gặp buồn trong cuộc lữ trình ?

Hãy dậy đi cô nàng lịch sử,

Tay này em vịn hầy còn men.

Cầm em ! Chiếc gậy lên đường đó,

Hầy để nhà hoang lụn phố đèn ».

Năm 1951, anh được cử phụ trách về sáng tác, đạo diễn và diễn viên cho Trại hè của Đoàn Văn công Quân Đội.

Sau cuộc chỉnh quân chính trị (1951) anh được cử đi chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày đêm sinh hoạt chung với đơn vị, anh đã viết nhiều bài có tác dụng động viên tinh thần chiến đấu mạnh mẽ. Vào dịp này, anh yêu một nữ diễn viên nhưng bị thất vọng. Có lần anh đã phải khóc to làm cho bạn bè kéo nhau đến: « vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi ». Về sau, người ta thấy hình ảnh người con gái ấy hiện lên trong những trang đầy nhiệt tình của cuốn truyện « *Người người lớp lớp* », cuốn truyện ca tụng những người đã tạo ra chiến thắng Điện Biên Phủ.

Năm 1954, sau *Người người lớp lớp*, cấp lãnh đạo nhận thấy khả năng phong phú của anh, đã phân công cho anh viết phần thuyết minh cho cuốn phim « *Chiến thắng Điện Biên Phủ* » và anh được cử sang Trung-Hoa lục địa làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên anh, lại có một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định, buộc anh phải viết theo ý mình. Anh bắt đầu có phản ứng sau khi đề nghị cấp trên « xét lại vấn đề » nhưng không được giải quyết, anh xin nhường cả phần văn chương cho viên cán bộ chính trị. Thêm vào đó, những ngày ở bên kia biên giới, nhãn quan anh có dịp được mở rộng. Anh nhận thức được cái thực trạng bi đát của xã hội lục địa trước mắt sau ngày « giải phóng » đã năm năm. Anh còn được học tập ít nhiều kinh nghiệm lý luận văn nghệ của Hồ-Phong nên anh bắt đầu giác ngộ. Trở về Việt-Nam, anh mang theo tác phẩm trường thiên « *Tiếng trống tương lai* » trong đó, anh gọi cán bộ chính trị là những « người bệnh », « người còi ».

Kể từ đây, sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần-Dần. Anh thường nói với đồng nghiệp : « *Ơi già ! Cái con số cán bộ chính trị bóp nghẹt nghệ thuật thì không ít đâu. Làm thế nào để Trung*

Ương biết rõ tình hình và đề ra nhưng chính sách cụ thể cho văn nghệ sĩ, đó là nhiệm vụ của mỗi đứa chúng mình ». Với ý thức một người cầm đầu, Trần-Dần vận động Tử-Phác, Lê-Đạt, Văn-Cao, Đặng-đình-Hung, Trúc-Lâm, Hoàng-tích-Linh (và sau này cả Phùng-Quán) tổ chức đòi văn nghệ phải được giải phóng.

Về văn xuôi Trần-Dần rất ghét lối viết dễ dãi, tạm bợ, tả bộ đội chỉ thấy súng nỏ, lửa bốc mà chẳng thấy người. Anh gọi đó là loại « Văn chương khói lửa mịt mù » : « Nhìn vào trang sách, đọc giả kiểm mãi vẫn chưa thấy một con người toàn diện, chưa thấy việc đời rõ rệt mà chỉ thấy lờ mờ những bộ máy lấp lập lại và một lô danh từ, hình ảnh trống rỗng như thùng kêu ». Về thơ, anh cố gắng sáng tạo một lối diễn tả riêng biệt, độc đáo và chú trọng đi sâu vào đời sống có suy nghĩ của con người. Do đó đọc giả thấy thơ anh có phần đau xót, u ám, vừa cộc cằn lại vừa có cái tự hào sôi nổi, thẳng thắn và táo bạo đáng yêu.

Anh thường nói : « *Hổng hết ! Cả cái hệ thống xã hội chủ nghĩa này chỉ là hệ thống chủ nghĩa Staline thôi, Đảng Lao động cũng nằm trong hệ thống đó. Nước ta đi vào xã hội chủ nghĩa tức là đi vào chủ nghĩa Staline. (Stalinisme)* ».

Sang đầu năm 1955, nhân dịp Phòng Quân Đội cải tiến tổ chức trong buổi họp với cục trưởng Nguyễn-chí-Thanh, Trần-Dần đứng lên yêu sách 3 điểm :

- 1— Trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ.
- 2— Thành lập Quân Đội một Chi hội Văn nghệ trực thuộc Hội Văn nghệ.
- 3— Bỏ mọi chế độ chính trị hiện hành trong văn nghệ Quân Đội.

Trong khi yêu sách chưa được cứu xét, Trần-Dần vẫn được giao cho công tác phụ trách ban văn đề chuẩn bị triệu tập Hội nghị ngành văn toàn quốc vào tháng 4-55. Lợi dụng hoàn cảnh thuận tiện, anh đã tự tay mình viết một bản báo cáo dài với một nội dung xác định lại nhiệm vụ của người cầm bút và thẳng

thần vạch rõ những sai lầm về chính sách văn nghệ của đảng đã chủ trương bấy lâu nay. Bản báo cáo viết :

« Biểu hiện cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thật. Đó là tiêu chuẩn đánh giá tác giả và tác phẩm. Tôn trọng, trung thành với sự thật là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết.

« Sự thật gặp triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào. Nếu sự thật ngược lại chính sách chính trị thì phải viết sự thật chứ không phải là bóp gò sự thật vào chính sách không bao giờ được biến chính sách, chỉ thị thành định kiến « đình ninh ». Người viết chỉ viết do sự thôi thúc của thực tế. Những chân lý lớn, nhỏ, anh ta tự giác thấy ở cuộc sống, ở quân đội không phải viết để vừa lòng tuyên huấn, vừa lòng cấp trên để có cái danh phục vụ kịp thời. Một triệu lần không có mùi mè, giắc gỗ, phục vụ gì cả ! Cái áo không thể che được mùi thối trong ruột. Cách mạng không cần những người vỗ tay, hoan nghênh nhắm mắt, những anh ca hát chính sách. Thậm chí những anh thầy cúng chính sách, leng keng bóp méo sự thật. Người viết tự đặt cho mình một địa vị thấp, xem anh tuyên huấn đề ra cái gì mình văn nghệ hóa, tình cảm hóa đi... nói trắng ra là làm một anh thầy cúng ở a chính sách.

Không ! không ! Đã chậm rồi ! Cần phải nhắc mạnh vào tai người viết : Trách nhiệm người viết là trách nhiệm cao quý, khó khăn của người lính tự giác, tự động. Liệu cứ viết như một ông thầy cúng ở a, cảm thù xông lên có phải là yêu nước không ?

« Có thể nói hiện nay văn chương ta có nhiều cái giả tạo giả trá nữa. Gọi đúng tên nó là chủ nghĩa công thức, giản đơn sơ lược. Tức là người viết đặt ra một cái khuôn nhất định rồi gò ép mọi sự thật vào đó. Tả anh hùng chẳng hạn thì cảm thù. Vào Bộ Đội thì anh dũng lập công. Đối với trên thì phục tùng kỷ luật, chưa nói trong tổ chức đó có nhiều chất phong kiến. Lệnh gì phải làm ngay, không thắc mắc. Hoặc có thắc mắc thì phê bình sau, rồi cũng chẳng thấy phê bình gì cả. Đối với đảng thì mở mồm là nói biết ơn. Đó là cái khuôn anh hùng. Cái kiểu

anh hùng không khuyết điểm ấy thực chất là kiểu yêng hùng gì ?

« Có mùi mè gì của người anh hùng quần chúng không? Vậy mà qua cái khuôn trên dập ra thì thành ngòi bút, chậu thau giống nhau cả. Thật là lối sản xuất kỹ nghệ định đem và o sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật.

« Mỗi người mang trong mình rất nhiều thực tế : người, chuyện, việc. Mỗi người có một kho kháng chiến vô tận. Người linh, người cán bộ, người viết đều là một hay nhiều kho tiềm thuyết lớn. Những cái đó nằm ẩn trong người, máu, thịt, ngũ giác tâm hồn, không cứ phải chặt chân, tay, bị lỗ chân mai, kinh trời động đất ở ngay những nét nhỏ vụn vặt, tản mác. Cái vĩ đại nằm ngay ở cái tưởng là tầm thường. Chỉ cần người viết thay đổi cách nhìn. Từ cái sơ sài, giản đơn, công thức lật ngược sang lối nhìn phong phú hơn. Nhìn thẳng vào sự thật, gan dạ mà nhìn, tự dung cái kho sẵn có trong người nó trở nên giàu có, linh động. Người viết phải công phu gạt bỏ bụi rậm, tấm màn giả trá che lấp một cái kho sự thật đi. Đó là một cuộc đấu tranh bản thân tàn nhẫn, nặng nề, vất vả. Nhưng chỉ có vậy mới khai thác được cái kho tàng tích lũy sẵn có trong mình. Ngày nay trong văn chương, kẻ thù ghê gớm là chủ nghĩa công thức, giản đơn, sơ lược, Phải nói trắng ra là ở ngay người viết, ở cả xã hội.. Cho nên chống công thức, giản đơn, sơ lược không phải chỉ làm ở người viết là được. Nó phải là một mặt trận lan ra cả xã hội.

« Thực thà chỉ có một con đường : Đấu tranh tàn khốc với chủ nghĩa công thức, giản đơn, sơ lược trong bản thân và chung quanh ».

Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách văn nghệ, Trần Dần được mọi người cử ra trình bày quan điểm : « Làm thế nào đề sáng tác hay ». Anh nói say mê, nhiệt tình, mặt anh khi đỏ gay, khi tái ngắt. Đột nhiên, trong không khí hào hứng của gần 30 văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết đề xây dựng bỗng có một câu quật lại : « Tinh thần bản đề nghị chính sách này là một thứ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng

chị ». Thế là trong không khí văn nghệ bắt đầu có một sự động cựa lớn.

Cũng trong thời gian này, bóng một người đàn bà đến rất nhanh trong đời sống riêng tư của Trần-Dần : Chị K, ngoài 20 tuổi, có đạo thiên chúa. Người chưa từng bao giờ được yêu nên anh say sưa với mối tình đầu. Theo anh, lý lịch người thiếu nữ ấy không có gì là mờ ám, một công dân còn trẻ chưa hiểu việc đời, trình độ chính trị thấp nhưng ngày giải phóng Thủ Đức đã chạy ra đường vẫy chào Quân Đội và miệng hoan hô không biết mỏi. Anh đề nghị đơn vị đi sát và giúp đỡ nhưng kết quả là chẳng những không được lãnh đạo chấp thuận mà còn cho rằng « Trần-Dần đã sa vào lưới địch. Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta ». Rồi người ta đã rút ra những cẩu to lớn nhất trong hàng chục pho sách chính trị để qui kết cho một mối tình. »

Nhiều lúc, Trần-Dần gục mặt vào tay, đau đớn. Bạn bè đã gặp anh ngồi hàng giờ trong một căn phòng, quần áo, bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó, giữa anh và chị có một niềm tủi cực cay đắng xót xa, chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cắt ngắn nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười giòn giã. Trong giọng nói đã thấy ngấm nước mắt. Có vài căn nhà được ủy quyền cho thuê chị đã nghe lời anh đem giao lại cho ủy ban nhà cửa... Mối tình đó kéo lê thê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần-Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phổ sinh từ rắc vào nhà như sương, phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần-Dần lại đơn vị để được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về. Về sau, người ta thấy hình ảnh người con gái tội nghiệp đó trong bài thơ « Nhất định thắng » :

« Ba tháng rồi

Em đợi

Sống bằng tương lai

Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi

Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã

Ngày mai

Em lại thất vọng giống ngày nay thôi

Em đi

Trong mưa

Cúi đầu

Nghiêng vai

Bóng chúng dề lên số phận từng người.

.....

Em bước ra

Không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa trên mẫu cờ đỏ lả

Cùng một thời gian ấy, những sự kiện lớn trong phong trào văn nghệ dồn tập tới.

Ngày 4-3-55, trong cuộc tranh luận phê bình đầu tiên tập thơ *Việt Bắc*, Trần-Dần thực hiện chủ trương tập trung đánh vào lãnh đạo. Anh nhận định thơ Tố-Hữu nhạt nhẽo, nhỏ bé trước cuộc sống vĩ đại mà anh gọi là « *tí ti la haine, tí ti l'amour* » và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hóa lãnh tụ.

Ngày 7-3-55, cuộc tranh luận phê bình « *Vượt cơn bão* », một truyện dài của Phùng-Quán rất được đảng ca ngợi, cũng sôi nổi không kém cuộc phê bình tập thơ *Việt Bắc*. Trần-Dần gọi những nhân vật chiến sĩ trong truyện là những người cụt, mù quáng. Tiếp đó, trong báo « *Sinh hoạt văn nghệ Quân Đội* » số 36 tháng 3-55 Trần-Dần viết bài « *Bạn đã đọc kỹ vượt Cơn bão chưa ?* ». Rồi anh phát biểu : « *Không phải cứ mang cái chết ra là cảm động được chúng ta đâu ! Tôi không có nhỏ một giọt nước mắt cho những người chết như thế. Đó là cái chết của những kẻ khờ dại. Chết vì đã sống theo tình cảm phiêu lưu. Chiến sĩ ấy không phải là chiến sĩ. Đó là những hình ảnh méo mó. Muốn phần không thể làm gương cho chúng ta* ».

Ngày lại ngày, những yêu sách chính đáng của Trần-

Dần vẫn không được giải quyết. Đầu tháng 4-55 mượn cơ đau óc anh xin nghỉ dài hạn. Trung tuần tháng 5-55 Trần-Dần viết thư xin ra khỏi đảng và Quân Đội. Luận của anh lúc này là cái cơ « tôi không hợp với trình độ của đảng hiện nay, không chịu nổi cái luân lý hiện hành trong đảng, cái chính sách tổ chức trong Quân Đội nên phải phá tung ra mà chết không thì uổng ». Anh còn gọi cách lãnh đạo của đảng là « *theo lối ban ơn, đo lẹ nước mắt, đếm củ dưa hành* ». Anh coi lãnh đạo là *répression policière* (đàn áp kiểu phu lát), nhìn chế độ như một lũ « *l'ignorance au pouvoir* » (ngu si nắm chính quyền), xem chính quyền là « *Communisme féodal* » (chủ nghĩa cộng sản phong kiến) và phê phán chính huấn bằng tiếng « *esclavage de la pensée* » hoặc « *avalissement de l'esprit* » (nô lệ tư tưởng, làm dẽ tiện đầu óc) và cuối cùng anh tuyên bố : « *Người văn nghệ hiện nay chỉ có hai con đường. Hoặc im đi, chết đi là tự nhiên hợp chính sách hoặc phá mà đi thì cũng lại vào cùm, bị truy nã, tù tội mà chết* ». Rồi anh bị quan đến tột độ : « *Bao giờ chế độ mới nuôi được một người thi sĩ !* ».

Ngày 13-6-55, sau khi đơn xin ra đảng gửi đã gần một tháng, Chi bộ đảng họp đại hội nhằm triệu tập Trần-Dần để dùng áp lực khủng bố tinh thần. Cuộc họp kéo dài quá nửa đêm mà Trần-Dần chẳng những không nhận một khuyết điểm nào mà còn can đảm phát biểu ý kiến mạnh như một lát búa bổ xuống đầu hội nghị : « *Lý luận chi bộ cùn lắm rồi, các đồng chí nói mơ hồ vu khống nhiều lắm !* ».

Thế là cuộc đấu tranh thất bại nhục nhã, Chi bộ đảng liền quyết định khai trừ và cục Tuyên huấn ra lệnh giam giữ anh trong doanh trại (cùng với Tử-Phác). Tấn thảm kịch đi đến một chỗ thắt nút quần quai. Người yêu của anh bắt đầu có mang trong khi anh bị giữ suốt 4 tháng trời. Những trận ốm nghén đầu tiên đã quật chị xuống như một con bệnh nặng.

Có lần Hoàng-Cầm đến gặp chị đang mếu máo trông già đi hàng chục tuổi. Chị hỏi :

— Sao anh Dần không về với tôi nữa hở anh ?

Hoàng-Cầm giải thích : « Anh ấy bận công tác, ít lâu thôi. Chị đang ốm có cần gì chúng tôi sẽ giúp chị ».

Chị oà lên khóc :

— Bộ Đội có cho tôi lấy anh ấy không ?

Hoàng-Cầm lại khuyên nhủ :

— Có chứ, ai cấm đâu !

Chị bỗng khóc to hơn :

— Phải rồi, không ai cấm tôi và anh ấy lấy nhau. Bộ Đội người ta không cấm nhưng anh ấy bỏ tôi. Tôi bụng mang dạ chửa thế này anh ấy bỏ tôi rồi. — Rồi chị gào lên : Bạc như vôi ấy giờ ời ! Anh ấy không muốn ăn ở với tôi nữa thì cứ bảo cho tôi biết việc gì phải lấy cơ công tác này công tác nọ ?

Hoàng Cầm thấy chua chát lạ lùng, nhưng chỉ nói tránh đi :

— Anh ấy bận công tác thật đấy mà !

Chị vẫn một mực .

— Anh ấy nói dối. Cả anh nữa ! Anh cũng nói dối ! thôi, tôi chết đi ! tôi chết đi cho anh ấy đỡ bận ! Mà đỡ phiền cả cho anh !

Một số bạn thân của Trần-Dần phải chia nhau đến ở đấy, giải thích, an ủi, giúp đỡ người con gái mới yêu lần đầu mà đã bị dao cắt ruột gan.



NHỮNG ngày sống ngọt ngào trong bốn hàng rào sắt, Trần-Dần viết « *Nhất định thắng* ». Toàn bài thơ dài ta thấy cái điệp khúc « *mưa sa trên màu cờ đỏ* » được nhắc đi nhắc lại nhiều lần với dụng ý nhấn mạnh rằng là nguyên nhân của cái xã hội thê thảm miền Bắc. Đây là một đoạn trong chính bản thảo của Trần-Dần (tháng 8-55) khác ít nhiều với bản đăng trong Giai phẩm mùa xuân :

« *Trời mưa trời mưa*

Hai vạn miền Nam ra chưa có việc

Đói cơm ăn đói cả quê hương ».

Ở một đoạn khác, bằng một giọng trào lộng vô cùng chua cay. Trần Dần viết :

« Nhà chính trị lắm mưu thâm trong óc
 Túi cao xa dạ lắm kế thâm
 Nếu trong bụng nghĩ : liên Nam Bắc
 Ất ngoài đời thống nhất Bắc Nam
 Làm chính trị hơn làm thơ chứ nhĩ ?
 Một cái mưu hơn một vạn bài thơ
 Nhưng hôm nay tôi mê mãi giữa trời mưa
 Chút tài mọn tôi làm thơ chánh trị... » (1)

Trần-Dần bị giữ ở doanh trại đã gây nên những phản ứng dữ dội trong giới trí thức Hà-Nội. Để làm ổn định tình hình, Cục Tuyên huấn cử anh đi tham quan « Cải cách ruộng đất ». Trong dịp này, bài « *Nhất định thắng* » được Hoàng-Cầm đăng lên Giai phẩm. Đáng kể nhất là *Chuyện anh Cò Lắm* đăng ở Tỏ-quốc số 27 ra ngày 20-1-56. Bằng một giọng châm chọc, Trần-Dần đánh thẳng vào sự lãnh đạo quân phiệt của đảng và kết án đảng làm phao phi con người. Trong truyện, Trần-Dần dựng lên một số cổ nông « hâm hấp », nói ngọng, ngu dốt, tham ăn tham của, « hầu như mất cả trí khôn », ăn « một bữa một chục bát cơm » và được cán bộ đội dựa vào kết nạp điển hình. Tình trạng khổ cực đói rách của các gia đình nông dân cũng được miêu tả rất hiện thực :

« Tôi đi thẳng vào nhà Cò Lắm. Vắng cả, nhà **chả** có ai nhưng có tiếng trẻ khóc. Ba gian nhà nhỏ vẫn một cái giường, một cái chõng, có thêm một cái cò nhỏ **đặt** mái nhà rũ trước mặt bức ảnh Hồ Chủ Tịch. Một đứa bé con độ lên hai bô giữa nhà. Trời rét mà mặc một manh áo nâu, còn cửi trường, chân tay lấm mụn, bôi **phấn** xanh lè cả người. Thấy tôi, nó càng khóc, giơ tay quẹt má. Tôi nhìn : Tay nó có cái gì vàng vàng ? À ra cứt, nó ỉa một đống còn kia. Một đầu dây buộc vào cột nhà. Chắc hẳn mẹ nó buộc nó vào đây cho nó chơi một mình ».

(1) Những câu in đậm nét là theo đúng trong bản thảo của Trần Dần — tác giả đã gạch dưới những câu đó như muốn làm nổi bật chủ đề tư tưởng của bài thơ.

Trải qua gần một năm trời, đảng ra sức thuyết phục Trần-Dần nhưng đều vô hiệu lực. Cuối cùng, Trần-Dần lại bị chính thức đem vào trại giam giữa ngày mùng 4 tết (12-2-56). Những ngày đầu, uất giận, anh đã dùng lưỡi dao cạo mặt với ý định quên đời. (Vết sẹo của mũi dao oan nghiệt còn hằn rõ trên cuống họng anh) song hình ảnh đau khổ của người yêu đã giúp cho anh can đảm bình tĩnh. Đúng như Hoàng-Cầm đã nói sau một buổi đến thăm : « *Cánh cửa có song sắt khép lại, tôi lùi ra và cảm thấy gian phòng kia không còn chật hẹp, tù hãm nữa đối với một người đầy lòng tin như Trần-Dần* ».

Ngày 5-5-56, nhân dịp phát động phong trào sửa sai (hưởng ứng chiến dịch hạ bệ Staline ở Mạc-tư-Khoa) Trần-Dần được phóng thích và được chuyển sang công tác ở Hội nhà văn. Sản có môi trường hoạt động, anh càng tăng cường sáng tác đả kích đảng.

Cuối 1956, tờ *Nhân văn* ra đời, Trần-Dần tích cực tham gia. Sang 1957, Trần-Dần cho đăng « *Hãy đi mãi* » (bài thơ làm trong tù) trên báo Văn số 12 ra ngày 26-7-57). Nội dung bài thơ nêu lên vấn đề phát hiện mâu thuẫn xã hội và đòi thực hiện khẩu hiệu « chống công thức » — « Tìm cái mới » Cái điệp khúc « Đi, chống bọn nằm ý không sáng tạo » quả là lời hô hào có ý thức phát động quần chúng đấu tranh chống lại tập đoàn lãnh đạo cộng sản. (1)

Trong thời gian này, Trần-Dần nghiên cứu và sáng tác nhiều. Anh ham đọc các sách báo tiến bộ (do Trần-đức-Thảo cung cấp) như *Les mains sales* và *Temps modernes* của Jean Paul Sartre. Anh cũng đã có dịp thấy rõ sự thoái trào của cộng sản quốc tế, biết được tình hình khởi nghĩa của nhân dân Ba-Lan, Hung-gia-Lợi qua các truyện như *Derrière le mur de briques* của Tilor Dery v.v.. Về mặt sáng tác, Trần-Dần đã viết :

« **Nói thật** » — Anh cho rằng sở dĩ có tình trạng công chức, sơ lược trong xã hội là vì cán bộ không tôn trọng sự thật.

(1) Xin xem trọn bài « *Hãy đi mãi* » ở Trăm hoa đua nở trên đất Bắc do mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hóa Sài Gòn Xuất bản.

«**Nhân văn làm lớn con người**»— đề cửu cán bộ không dám suy nghĩ, tìm tòi.

«**Một bài thơ chưa có đề**»— Nhắm đánh vào Tố-Hữu mà anh mệnh danh là một thi sĩ «**tỉ thí chốn bầu**» và anh tự đặt nhiệm vụ trước mắt là «**vận tải lên mặt trận của quần chúng hàng tấn**» «**cả gan**».

«**Chú bé làm văn**»—Đại ý tả cảnh nhà chủ khổ cực nhưng phải làm một bài luận tả cảnh gia đình êm ấm của chú trong một buổi tối. Thế là chú bé phải nói dối suốt cả bài văn. Mục đích bài truyện này chỉ trích chính sách văn hóa của đảng là giáo dục thiếu nhi nói dối ngay từ thuở bé và cho rằng sự giáo dục ấy là cơ sở của nạn «**tô hồng**» trong văn nghệ.

«**Mâu thuẫn với cả nước**» — Tả một nhạc sĩ bất tài (âm chỉ Lương-ngọc-Trác). Chỉ có tài xử dụng lập trường nên hằng được cấp trên tin cậy. Còn anh họa sĩ khác có tài thì lại bị kiểm thảo nên xảy ra tình trạng mâu thuẫn thường xuyên.

«**Ông tiên thông minh**»— Tác giả ví đảng Lao động là Ngọc-Hoàng. Quây quần chung quanh Ngọc Hoàng toàn là bầy thú vật: con mèo lười biếng, con gấu hờn xược, con chó ăn... và ư nịnh hót, phải nhờ đến tay một ông thông minh mới quét dọn được.

Đặc biệt trong truyện «**Hai chú bé đêm giao thừa**», anh tả cảnh quê hương âm ỉ của Hà-Nội trong một đêm cuối năm. Có hai cậu bé trốn trại thiếu nhi rủ đi lang thang sống cuộc đời hè phố. Tuy nhọc nhãi khổ cực song nhất định không muốn trở về trại để phải mất hết tự do của con người.

Ngoài ra Trần-Dần còn dịch các tác phẩm văn nghệ Tây Phương. Anh dịch Farce đặt tên là Con vẹt. Anh ví cán bộ giáo điều như một con vẹt chỉ biết bắt chước và dùng một hình thức ngộ nghĩnh là chia sán khẩu ra làm hai. Một bên là viên cán bộ giáo điều, một bên là con vẹt to tướng, to bằng người thật. Hai bên ăn nói và cử chỉ in hệt nhau giống như những văn nghệ sĩ sáng tác rập theo khuôn mẫu do đảng vạch sẵn.

Anh còn dịch bài thơ dài «**Gửi người mai sau**» của thi sĩ

kiêm kịch gia Bertolt Brecht, người Đông Đức, (qua bản tiếng Pháp của Guillevic). Anh có dịp nhận thức được dưới chế độ cộng sản thì tình trạng xã hội đâu đâu cũng giống nhau. Vẫn đói rét, vẫn sa đọa về tinh thần, tình cảm con người vẫn bị chà đạp, bóp méo, vo tròn khiến mất hết lương tri :

*« Quả tôi sống những ngày đen tối lắm
 Những lời nói ngáy thơ là lời nói đại khờ.
 Vâng trán phẳng lì đồng nghĩa với vô trí.
 Ai cười chính là người chưa hay tin dữ.
 Thời thế gì
 Mà nói đến cỏ cây
 Cũng như đã phạm vào tội ác
 Vì thế là bỏ đi bao nhiêu sự ghê tởm quanh mình »*

Đến đây, chúng ta thấy Trần-Dần quả thật là một chiến sĩ văn nghệ can trường, dũng cảm chí tình, tha thiết, đáng yêu vì đã đặt viên gạch đầu tiên trong công cuộc xây dựng bức tường thành văn nghệ tranh đấu chống cộng tại miền Bắc.

Anh vẫn ngày đêm tâm niệm :

*« Tôi vẫn mang chiếc đầu lâu nặng nề sáng tạo
 Như một chiếc viễn vọng đài... ».*

Tiếng nói của anh đã không phải là một âm thanh yếu ớt tan loãng trong sa mạc. Tiếng kêu gọi thiết tha và cấp bách của anh đã gặp nhiều sức mạnh biểu đồng tình. Một trong những người bạn đã hưởng ứng đề rồi cùng đi một đường với anh là Hoàng-Cầm. Cũng đã có lần, bạn anh tự đặt cho mình cái sứ mệnh thiêng liêng :

*« Là sứ giả của tự do vô hạn
 Tôi phá tan u uất nặng lòng người.
 Dù sợi tóc còn cứa vào nhân phẩm
 Tôi còn hét to, dù khản tiếng, tàn hơi ».*

MỘT KIỂU THƠ «TRANH ĐẤU!»

« **HÔM** nay nằng chối cho chúng ta
Đảng ở trên đầu
Vòng trong, vòng ngoài, thành trì nhân dân
Lớp lớp sao vàng cờ đỏ
Cả phủ Thuận-Châu gào thét vui mừng
8 năm chiến thắng Điện Biên
5 năm quân khu Tây Bắc
Chiến sĩ Tây Bắc chúng ta ruột thịt anh em
Chúng ta lớn lên trong cảm hờn ngút cháy
Những người Cộng sản dựng ngày mai »



« **SÁNG** hôm nay chúng ta trả thù đê quốc
Và bọn đẩy tứ tay sai
Thằng Khung, thằng Lang, thằng Ca, thằng Cự
Chúng đâm sau lưng anh em trên quốc lộ số 6
Đội là Vũ Lập đã hét : giết chúng nó đi
Toàn dân gào to giết giết
Thằng Khung, thằng Lang, thằng Ca, thằng Cự
Gục đầu, trợn mắt ~~lấy~~ ^{lấy} ~~lấy~~ ^{lấy} chân tay ».

— Tiếng gào thét thô bỉ của tên mất trí nào đây ?

— Không đây là « thơ tranh đấu » của Trần-Quảng ở miền Bắc « Ngày có máu, có mặt trời », đăng ở báo « Cờ đỏ miền núi » trong dịp Việt cộng xử tử bốn biệt kích quân Hứa-văn-Khung, Trần-ngọc-Ca, Lương-huỳnh-Cự, Lâm-văn-Lang tại Phủ thủ Thuận-Châu).

SÓNG THAI

Thơ ca miền Bắc từ đầu năm 1961

NHỮU người ta thấy rõ dưới chế độ chính trị hiện tại ở miền Bắc, nhân dân phải sống một cuộc đời âm u, nặng trĩu hầu như không có lối thoát. Con người muốn được thoải mái chút ít, yêu thương nhau hơn nhưng xã hội thì đẩy đẩy những chuyện đấu tranh giai cấp, ngày đêm không ngừng văng lên những tiếng thét căm hờn lẫn với tiếng rên xiết khóc than dồn dập gây nên những mâu thuẫn gay gắt giữa nội tâm và ngoại cảnh.

Dĩ nhiên, dưới sự kiểm soát, chỉ huy, khống chế của tập đoàn lãnh đạo văn nghệ, con đẻ của đảng lao động miền Bắc những người cầm bút đều phải trực tiếp phục vụ cho các chủ trương chính sách

chính trị do đảng đề ra.

Miền Bắc chủ trương rằng văn nghệ sĩ phải tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của đảng, nên người ta không lấy làm lạ khi thấy các nhà thơ đều nhất thiết phải sáng tác theo những chủ đề do đảng vạch sẵn. Nhìn vào các bài thơ xuất hiện công khai trên các tạp chí văn nghệ miền Bắc, trước sau người ta chỉ thấy rõ mấy biểu hiện chủ yếu: thần thánh hóa lãnh tụ, suy tôn đảng, tuyên truyền chủ nghĩa, minh họa chính sách, động viên tranh đấu và giáo dục căm thù. Một đặc điểm cụ thể về thơ ca miền Bắc đáng khiến người ta vừa phần nộ vừa ái ngại là chủ trương nó *dịch tư tưởng*.

Nếu như trong năm 1960

toàn thể văn nghệ sĩ miền Bắc đã phải bắt buộc viết bài ca ngợi, học tập thành tích chiến đấu với thiên nhiên của bốn người lính thủy Nga-sô (1) thì trong tháng tư vừa qua, nhân dịp Nga-sô phóng thành công phi thuyền Spounik có chở người lên không gian ngày 12-4-61, tập đoàn lãnh đạo miền Bắc đã phát động phong trào sáng tác chào mừng viên phi hành gia Gagarin trong các ngành văn, họa, nhạc kịch. Hầu hết các thi sĩ đều « bị thi đua » sáng tác, ghi lại một hiện tượng thật khôi hài trên khắp các báo chí. Khi cả một lũ xúm tranh nhau vội vàng tán tụng nịnh nọt, thì cái tâm lý dè tiện làm cho lời lẽ họ nghe nặng nề, ngốc nghếch, họ chỉ lao nhao thốt những câu sáo mép, bài thi nào của họ cũng tựa tựa như nhau :

*« Con tàu vũ trụ phương đông
Ra ngoài khí quyển bay trong
bầu trời*

Mang đi một trái tim ngời

*Tinh hoa trái đất con người
Liên xô...»*

Xuân-Diệu

(Nhân dân số ngày 12-4-61)

*«Gagarin người anh hùng Xô-
viết*

*Mang chủ nghĩa Mác-Lenine
như ánh sáng*

Yêu thương tin tưởng ước mơ»

Tế-Hạnh

(Văn học số ngày 21-4-61)

*« Câu đầu tiên tôi nghe Gagarin
Nói đến đây và cảm ơn Khor-
rút-Sốp*

*Trái tim tôi cùng đập với Ga-
garin »*

Bàng-sỹ-Nguyên

(Văn học số ra ngày 21-4-61)

*« Vĩ đại biết bao Gagarin, người
anh hùng số-viết*

*Đưa con bình thường của xứ
sở Lenine*

Nguyễn-hải-Hùng

(Văn học số ngày 21-4-61)

Xuân - Thiều trong « Những người khai hoang » (Văn nghệ quân đội số tháng 5-61), Hoàng-minh-Châu trong « Con sẽ biết bay » (Văn học số 145), Đỗ-Nhuận trong « Chào mừng người anh hùng của trái đất », Khương-hữu-Dụng trong « Niềm tự hào Xô-viết », Bùi - minh-Quốc trong « Thực và Mơ », (văn học số 144), và những cây bút trẻ cũng bắt chước uốn ngòi bút tán dương như Lương - An trong « Đôi mắt »,

(1) Sự thật 4 thủy thủ này, sau tai nạn đắm tàu trên đã nhờ một chiếc tàu Hoa-kỳ cứu sống — Lời người viết.

Minh - Huệ trong « *Gửi Gagarin* », Xuân-Hoàng trong « *Thấy hết mùa Xuân* » (Thống nhất số 203), Hoài-Giao trong « *Gửi Đồng chí Gagarin* », Ngọc-Anh trong « *Ta đã lên rồi vũ trụ bao la* » (Thủ-dò Hà - nội số 777), Bắc - Thôn trong « *Tặng Gagarin* » (Tru-quốc số 3012), Hồ-dan-Tâm trong « *Ta ca ngợi người nông dân Xô-viết* » (Thời mới số 2575), Gia-Ninh trong « *Anh về đây* », Xuân - Miền trong « *Anh bay trong đợt sóng của tình yêu* » v.v... « *Nhân Dân* số ra ngày 23-4-61).

Qua việc thống kê khá dài dòng, lời thối trên đây, người ta đã thấy rõ được thực chất nô dịch của nội dung thơ ca miền Bắc. Ngoài ra, người ta còn có thể kể đến loại thơ thần thánh hóa lãnh tụ một cách trâng tráo đến mất gốc rễ kiểu « *Mao-Trạch-Đông* » :

« *Tôi đã thấy dáng người lồng lộng.*

Đẹp như một ngọn cờ hồng.

và « *Ôi ! Lénine*

Đứng bên người

và *đứng trước Cầm-linh*

Mỗi con người lớn lên nghìn thước »

của Tố-Hữu ; loại thơ suy tôn đảng tới độ mất bản sắc con người :

« *Đảng ta ơi, đảng của nhân dân thần thánh,*

Ta kính cần đặt người lên chót vót dài tim.

Xin cho tôi niềm vinh quang kiêu hãnh ».

Được gọi người là đồng chí anh em, hoặc động viên tranh đấu và giáo dục căm thù kiêu :

« *Đảng dạy ta tô cờ bằng máu*
Tô màu cờ bằng chỉ khi đấu tranh

Tô màu cờ bằng những quả tim
Đầy máu nóng của người xô-viết »

của Vũ-văn-Loan.

Thật là trắng đen rõ ràng khi ta thấy dưới áp lực của bạo quyền, văn nghệ sĩ phải tuyên bố :

« *Tôi sung sướng được làm người lao động,*

Đuổi bắt mặt trời tranh thủ mặt trăng

Tổ quốc ơi kể hoạch ba năm

Cần mấy bài thơ, tôi sẽ có ».

(Lưu-trùng-Dương—VNQĐ số tháng 2-61).

Chính sách công nông hóa trí thức được đảng triệt để thực hiện không những vì nhằm mục đích cải tạo tư tưởng văn nghệ sĩ mà còn để bóc lột sức lao động của họ :

*« Bắc Hưng-Hải không có ngày
Ngày ngắn không đầy gang tay
Mãi mê giành giật cò đồ.
Cầm cò thay cho mặt trời đi
ngủ.*

*Bắc Hưng-Hải không có đêm.
Suốt đêm ròng xe cuốn xe lên
Bê tông vừa hết đợt
Đầu cánh chim đã hót ».*

(Năng-Hồng — Văn học số
ra ngày 12-5-61).

Những giờ phút nghỉ ngơi,
những tổ ấm gia đình đối
với họ chỉ là chuyện mơ hồ,
xa xôi và mai mữa :

*« Bạn hỏi tôi địa chỉ ở phương
nào*

*Khó nói quá, biết trả lời sao
được.*

*Tôi ở khắp các nẻo đường Tổ
quốc*

*Đâu đảng cần là nơi đó có tôi
Muốn tìm tôi, nếu bạn muốn
tìm tôi*

*Xin cứ đến những nơi nhiều
gian khổ ».*

(Văn nghệ số tháng 3-61).

Nếu có gắng hỏi thì cũng chỉ
là đề nghe họ ngậm ngùi thú
nhận :

*« Hãy đi tìm anh theo dòng suối
nhỏ*

*Hãy đến thăm anh giữa núi
rừng xanh*

*Nếu chưa gặp anh thì em cứ
hỏi*

*Hỏi suối, hỏi rừng, hỏi núi
đứng chênh vênh ! ».*

(Khánh Hữu—Văn học số
ra ngày 14-4-61)

Không những bánh xe lao
động thường xuyên đè nặng
lên mình văn nghệ sĩ suốt
cả năm mà đến cả những dịp
xuân về, họ vẫn phải lạnh
lùng cô độc nơi một góc trời
heo hút buồn tênh.

Ngay đối với các thương phế
bình đã từng hy sinh cho chủ
nghĩa vậy mà ngày nay chẳng
những họ phải sống lay lắt
trong cái gọi là « chế độ phục
viên » mà lại còn không được
ai nhớ đến công lao ngày
trước. Tiếng nói của Nguyễn-
Hoàng dưới đây cũng chính là
tiếng nói đại diện cho giai cấp
thống trị :

*« Tôi không nhớ tên anh
Người thương binh cụt bàn tay
phải*

*Nhưng có điều làm tôi nhớ
mãi :*

*Anh là kiện tướng làm phân,
Tôi ca ngợi một bàn tay đẹp
Trong vạm bàn tay sắt thép
Của một người danh hiệu
« nghìn cân » (1).*

(1) Danh từ phổ biến do tập đoàn lãnh
đạo tặng cho những ai có nhiều thành tích
lao động trong phong trào làm phân.

Điều đáng cho ta chú ý là càng bị đẩy vào lao động, nhà thơ càng bị ngột ngạt tù túng về tâm hồn lẫn thể xác, tình trạng này đã được một số tập chí *văn nghệ* ghi rõ « Nhược điểm bao trùm hơn cả của *Đất nở hoa* (2) là ở chỗ thiếu sức vang dội sâu rộng vào quần chúng. Huy-Cận hề làm thơ là có điều để nói và nói theo cách của mình, kín đáo, trang nhã, nhưng đôi khi chưa thật đậm đà chất sống, còn cái gì như còn văng lảng cho nên thơ Huy - Cận chưa được phổ cập ». Hoàng-minh-Châu, cây bút phê bình của tuần báo *Văn Học* số ra ngày 16-12-1960 cũng đã viết : « So với tập « mỗi ngày mỗi sáng » (3) *Đất nở hoa* yếu hơn nhiều. Huy - Cận đã có những lúc buồn lỏng tay bút của mình, kéo dài những câu thơ bình thường dễ dãi.

★

Nhân nói đến trường hợp Huy-Cận, chúng ta không quên nhắc tới một số người đồng tuổi nghề và tuổi đời với tác giả « *Lửa thiêng* ». Cũng vì chủ trương công tác rập khuôn, máy móc, một chiều và giai đoạn của tập đoàn lãnh đạo đề ra nên quần chúng yêu văn nghệ không lấy gì làm lạ khi

thấy một số nhà thơ tiền chiến đã từng chiếm một địa vị vàng son trên tao đàn Việt-Nam mười lăm năm về trước, ngày nay tài năng họ đã bị giết chết một cách không thương tiếc.

Nếu cần dẫn chứng, người ta có thể kể đến tập thơ « *Riêng Chung* » của Xuân-Diệu (gồm những bài làm từ các năm 58, 59, 60).

Tuần báo văn học số 88 kể rằng sau khi tập thơ « *Riêng chung* » phát hành, có hai độc giả ở Phú-thọ đã gửi thư đến tòa soạn đề phản đối vì phải đọc những bài vụng về, nghèo nàn như :

« Tôi căm thù chế độ cũ vì nó giết người.

Tôi càng căm thù hơn vì nó tạo cái buồn ngủi.

Cái buồn ngủi ra vẻ dịu dàng tế tái.

Trông thấy nó tôi tưởng đời cũ quay trở lại.

Với những u già nhẵn nhục cười buồn ».

hoặc :

« Ai đặt áng buồn ngủi lên mặt mẹ ?

(2 và 3) Tên, tập thư của Huy-Cận xuất bản 1960 và 1958

*Ngủi ngẫm ấy khiến lòng con
rách xé ? »*

*Con đã ghé rồi cái thứ chiều
xưa*

*Không tối đen mà xám xám,
nhờ nhờ... »*

(Chặt cái bụi ngủi)

và hai bức thơ kết luận : « Nội
dung thơ anh vẫn còn chung
chung, khó hiểu và ít sâu sắc »
và « ...chúng tôi không muốn
cái quá chung chung, lập lờ như
vậy ».

Tình trạng đó đã hạ thấp uy
tín của lãnh đạo cho nên Hồng-
Chương, một cán bộ lý luận
phê bình cao cấp của đảng đã
phải lên tiếng : «...Qua các bài
thơ trong tập *Riêng chung*, ta
có cảm tưởng rằng tác giả thoát
tiên có một số ý về một vấn
đề nào đó bèn dựng nên thành
hình ảnh, ghép thành vần điệu
chứ chưa có sự rung động của
tâm hồn sáng tác. Vì thế bài
thơ làm xong ít có tác dụng
truyền cảm. Trong một chừng
mực nhất định anh đã rơi vào
bệnh « khái niệm hóa » mà ta
thường gọi là sơ lược » (1)

Đề vớt vát lại tín nhiệm một
phần nào, gần đây, Xuân-Diệu
đã bộc lộ : «.. câu thơ chưa đọc
người ta cũng biết thì có lẽ ta
yêu đảng hấy còn thiếu sót.
Muôn sông nghìn suối đều dẫn

về đảng, tất cả con đường đều
dẫn tới chủ nghĩa Mác-Lénin.
Tôi nghĩ rằng ta viết văn thơ
trong chế độ ta là nói đến các
thực chất ca ngợi đảng ta » (2).
Thế rồi Xuân-Diệu lại tiếp tục
ghép thơ. Vẫn là những câu thơ
què quặt, ngang phè :

« Cái vòng Bình-Định

Bài hát Bình-Định

Người ru là người Bình-Định

Cây nhân Hưng-yên

Đêm sao Hưng-yên

*Chòm xóm, vườn tược Hưng-
yên*

*Giọng người ru rất mực là hiền
Một người đàn ông còn trẻ lắm »*

(Tiếng ru con — Văn học
số ra ngày 5-5-61)

Đến Nguyên-Hồng với tập thơ
nhỏ (10 bài) *Trời xanh*. Dù tác
giả « Bỉ vô » tả thực độ nào đã
phải đi tham gia lao động suốt
mấy năm liền ở nhà máy xi
măng Hải-Phòng, nhưng đề tài
sáng tác của ông vẫn là hương
về quá khứ lịch sử hoặc thiên
nhiên bao la. Đọc thơ ông,
thỉnh thoảng người ta bắt gặp

(1) Đọc « Riêng chung » của Xuân-
Diệu — Hồng Chương — Văn nghệ số
tháng 12-1960.

(2) Vào trong bếp nước của thơ — nói
chuyện với các bạn làm thơ trẻ đang ở tuần
báo Văn học số 130.

những cái nhìn hoang đại đáng yêu :

« Mê-kông chảy

Cây lao đá đỏ

Lau hoang dừa mật, thông
nhựa lên hương

Những trưa hè ngun ngút nắng
trường sơn

Ngẫm nghĩ voi đi

Thác khôn cười trắng xóa »

(Cửu-long giang ta ơi)

hay :

« Tầng không xanh vắt mây
bay thẳng

Gió thổi lau ngàn biển nước xa»

Có lẽ lòng ông còn nặng gấn bó với thiên nhiên mà quên bằng thực tế phũ phàng trước mắt, nên đã bị Hoàng-minh-Châu trách móc : « Là một nhà văn đã được nhiều lần đi vào thực tế nhưng trong thơ anh, trái lại, chất liệu sống thực tế lại quá ít do đó nội dung thơ thường rơi vào khái niệm và khái niệm ấy chỉ được nói lên bằng nhiều chữ vang dội, những lời kêu gọi chứ không bằng hình tượng cụ thể » (1).

Một Hoàng-trung-Thông với « Đường chúng ta đi, tác giả « Bài ca vỡ đất » dạo nào trong kháng chiến với những câu thơ tươi khỏe, rắn chắc, sôi nổi :

« Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành
cơm »

ngày nay, tuy được ngồi trên chiếu hoa với chức vụ tổng thư ký tòa soạn tạp chí Văn nghệ, cơ quan của hội liên hiệp văn học nghệ thuật miền Bắc, để viết những chỉ thị, giáo điều của đảng, lập thơ ông vẫn không được giới thưởng thức đón nhận. Trong tạp chí Văn nghệ số tháng 3-1961, Vương-Linh đã viết : « Nhìn chung toàn bộ tâm hồn anh, tôi tưởng rằng anh vẫn còn thiếu cái phong phú dồi dào của thực tế khắp nơi và còn thiếu cái cự quây của tâm hồn, thiếu cái mê say trong cảm xúc, thiếu cái bay bổng của ước mơ nên trong thơ anh còn nhiều bài khó khan, lý trí, thiếu cảm xúc, có vẻ tuyên truyền ».

Và Nguyễn-xuân-Sanh với « Nghe bước xuân về » vừa xuất bản, dù đã vận dụng hết khả năng để tô màu cho hiện thực lao động, nhưng phần nhiều thơ ông chưa bén rễ sâu vào tư tưởng, tình cảm mà chỉ thấy nhàm nhạt vụng, lặp như : « Ta yêu nhau vì yêu cuộc sống » rồi « mở đường đi cho cuộc sống », (Thắng bão) rồi lại « Đố

(1) Văn nghệ số tháng 1-1961.

ai ngăn bàn tay đang đi tìm cuộc sống » (Cuộc than đêm) Lâu lâu, người đọc cũng bắt gặp một đôi câu gọn lọc, sinh động, hồn nhiên như :

« Hai ta yêu nhau mà đi chen vào tiếng nói quê hương

Tiếng nói rộn rã trời sương

Những chòm nắng non hắt dài mái tóc.

Lá bàng tươi như đĩa ngọc

Ánh mặt trời là ngọn lửa quây quần

Anh để tay lên lưng em ngọt ngào tiếng chim hót mùa xuân... »

(Trên đường xuân)

thì lại bị phê phán là « còn để lại cái bóng dáng của chủ nghĩa hình thức (1) ». Phản ứng đối với tập thơ ông vẫn là mấy cây bút của đảng. Bang-sĩ-Nguyên đã viết : « Tập thơ còn nhiều nhược điểm. Trong một số bài thơ có chất liệu thực tế nhưng thực tế đó chỉ được ghi trên những hiện tượng, chưa được rút tỉa đề biểu hiện cho có cá tính, có bề sâu, chưa được tạo tác qua sự nhuần nhuyễn của tư tưởng, tâm hồn » (2). Và nghiêm khắc hơn, Minh-Huệ đã chỉ trích : « Tập thơ này còn mỏng manh. Đọc nó xong ta cảm thấy tình cảm mà tác giả muốn gửi gắm cho ta bị trôi dạt đi. Tình cảm không đọng

đã dành mà hơn nữa nó còn bàng bạc như một đám sương mù ẩn hiện. Thi liệu trong thơ anh còn nghèo, hầu hết thiếu hẳn một ngọn lửa của nội tâm — một nội tâm hòa hợp với trái tim của quần chúng—thời cho nó bùng lên, thiếu một sự nhận thức sâu sắc về cuộc sống, thiếu một nhiệt tình đầy đủ về những con người mới. Cũng cần vạch rõ rằng thơ anh đã chứng tỏ sự chuyển mình hẳn còn yếu ». (3)

Cuối cùng là Phạm-Hồ. với tác phẩm « Ra khơi ». Chủ quan của nhà thơ Bình-định tập kết này cũng vẫn chưa phù hợp với hiện thực khách quan của miền Bắc. Do đó, Đào-xuân-Quý đã lên tiếng : « Anh chỉ mới suy nghĩ trên từng việc lẻ tẻ. Thơ Phạm-Hồ có kỹ thuật cấu tạo khéo léo, còn lại là giả tạo, khéo léo quá thành ra vụng về, làm cho người đọc thấy dấu tay anh quá rõ sự chắp vá sắp đặt giữa ý và hình, rõ đến nỗi tưởng có thể nhìn thấy được chỗ nối. Sở dĩ có hiện tượng này là vì sự rung động của Phạm-Hồ chưa thật sâu, thật đều, chưa theo kịp để có thể quện vào làm một với

(1 & 2) : Bang-sĩ - Nguyên—Văn học số 144 ra ngày 28-4-1961

(3) : Minh Huệ—Văn nghệ số tháng 6-1961

những điều suy nghĩ của anh » (1).

Có lẽ cũng vì đã nhìn rõ sự thất bại của các nhà thơ hiện nay dưới chính sách lãnh đạo văn nghệ của đảng, nên Nguyễn-dinh-Thị, trong mấy năm qua tuy có sáng tác ít nhiều, song vẫn chưa dám cho in thành tập công khai mà chỉ tái bản lại tập thơ « *Người chiến sỹ* », gồm những bài làm trong 10 năm kháng chiến.

Đọc *Người chiến sỹ*, người ta lại có dịp rung động cùng với tác giả chung quanh tình yêu đối với quê hương đất nước, sự căm thù, vật lộn với gian khổ trong khói lửa để giành lấy phần thắng và niềm vui

Nhưng đây chỉ là câu chuyện của dĩ vãng.



QUA những câu, những đoạn thơ trích dẫn trong các nhật báo, các tác phẩm nói trên kèm theo những lời thú nhận của các cây bút phê bình trong tập đoàn lãnh đạo văn nghệ, người ta đã thấy rõ thực trạng thơ ca tại miền Bắc ngày nay.

Nếu cần có thêm những bằng cứ cụ thể chứng minh cho

thực trạng thơ ca miền Bắc hiện nay, người ta có thể nhìn vào bài nhận định dài đăng liên tiếp trên 3 số *Văn Học* (2) của Chế-Lan-Viên. Dưới đầu đề « *Mấy vấn đề về thơ qua tuyển tập* » (3), nhà thơ của miền Tháp-Chàm cổ kính đã lần lượt nhận xét tỉ mỉ. Trước hết, ông xác nhận rằng cuộc sống hiện tại chưa gợi cảm hứng đối với nghệ sĩ bằng cách so sánh với thời đại trước : « Tôi có cảm tưởng là những nhà « thơ mới » đã nhuần nhuyễn với thời đại của họ... Trần-hữu-Thung sau bài « *Thăm lúa* » rất chín thì bỗng nhiên lại viết những bài khác sút đi. Lưu-trọng-Lu ngày nay không luôn luôn có lực linh cảm như thơ anh ngày xưa. Và Xuân-Diệu có một số bài còn sống sượng. »

Nói về tình trạng khô khan, công thức trong thơ, ông đã viết : « Tôi muốn nói đến anh em chúng ta, khi thiếu những thực tế có suy nghĩ, khi thiếu

(1) : Đào-xuân-Quý—*Văn học* số 138 ra ngày 17-3-1961.

(2) Bài đăng liên tiếp trong các số 132, 133, 134, tháng 2-1961.

(3) Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập chế độ, Nhà Văn học xuất bản một tập thơ lớn lấy tên là : *Tuyển tập thơ Việt-Nam* 45-60.

những suy nghĩ có thực tế, đã quay ra lý luận, giải thích hoặc lộ liễu, hoặc dài dòng, thậm chí bẻ nguyên cả từng tràng khẩu hiệu vào thơ . . . Ở đâu tình cảm thiếu, anh cố nhét nhiều thực tế. Ở đâu thực tế thiếu thì anh lý luận suông. Đọc giả nhờ anh mà thiếu rất nhiều, mà hiểu biết rất nhiều nhưng nhờ anh để cảm, để thương yêu thì chưa được mấy. Thơ anh người ta đọc nhưng không thích, thích nhưng không yêu, yêu mà không nhớ. Bản thân anh cũng chỉ thích được thơ anh đang lúc mới làm ra...» Đi xa hơn một bước, ông nói đến sự cần cỗi, tù túng trong tâm hồn của nghệ sĩ: «Có những nhà thơ củ, cây đang ra hoa nhưng mình vui chất nhựa. Có những nhà thơ trẻ năm nào đang đầy nhựa năm nay đã thấy kém mùa hoa. Có những bạn mới tham dự một bài thơ như nở một bông hoa tình cờ, mùa xuân năm sau không biết có còn trở lại ? »

Ở phần cuối trong bài nhận định, Chế-lan-Viên đã dám lên tiếng phản đối gián tiếp dù thái độ của ông không táo bạo tích cực như Trần-Dần, Lê-Đạt Hoàng-Cầm trong phong trào nhân văn giai phẩm trước đây — chủ trương văn nghệ rập

khuôn một chiều bằng cách « đề nghị » cho các phong cách nghệ thuật được rộng rãi đăng cá tính của nhà thơ được phát huy, Ông viết : « . . . Sau sự suy nghĩ của Huy-Cận, Nguyễn-đình-Thị, ta muốn có một cái nhìn nhẹ nhõm tươi mát của Bằng - sĩ - Nguyên, bên cạnh cái ngọt ngào như suối của Tế-Hanh, tôi vẫn thêm sự trực trặc gân guốc của Trần-mai-Ninh và nếu có cái nhìn giản dị đáng mến của Trần-hữu-Thung, Anh-Thơ thì cũng phải có cái nhìn phức tạp của Nguyên-Hồng đáng quý. Nhờ có mỗi nhà thơ như thế ta lại có thêm một cách riêng để nhìn sự vật. Như trong một đội hợp xướng nhờ có mỗi nhạc khí riêng ta càng hiểu được bản nhạc chung hơn . . . Ngay trong *Tuyển Tập* này có nhiều bài được chọn nhưng nếu bịt tên tác giả đi ta sẽ không hiểu là của người nào, và ở ngoài tuyển tập, có trường hợp ta nhầm lẫn cả hai tập thơ của hai tác giả. Bởi vì ngoài cái « chung » là sự sống, tư tưởng, đề tài thì các bạn ấy đã không đem lại cái gì « riêng » đóng góp cho « chung ».

Rõ ràng là những bằng cứ chính xác minh chứng hùng hồn cái thực trạng nghèo nàn bế tắc của thơ miền Bắc trong

những tháng, năm qua. Nếu nghĩ rằng một bài thơ hay là một bài thơ làm cho độc giả thấy quen thuộc với mình, một cái gì thuộc về của riêng mình hay nói như Léon Tolstoï : « nghệ thuật là một chiếc kính hiển vi mà mọi người nghệ sĩ quay ống nhòm vào những bí mật của lòng mình và như vậy là làm sáng rõ những bí mật chung cho mọi người » nhằm làm cho độc giả gặp lại mình trong đó những yêu ghét, giận hờn, buồn vui cũng như đắm say, mơ mộng thì các thi phẩm

xuất hiện ở miền Bắc trước sau chỉ thấy chứa đựng một nội dung hùng bực căm thù, quyết liệt tranh đấu, nịnh hót lãnh tụ, suy tôn đảng một cách trơ trẽn theo phương hướng của tập đoàn lãnh đạo vạch ra. Lại nữa, chế độ vi như một mảnh đất, nhà thơ là người trồng hoa. Dù người trồng có tài tính, khéo tay nhiều kinh nghiệm đến đâu mà gặp phải miếng đất xấu thì nhất thiết không thể mọc lên được những bông hoa muôn sắc muôn hương.

SÔNG THAI

MỘT KIỂU THƠ « HIỆN THỰC » !

« Một đám mây từ già Hưng-yên :
— Đây cần lắm mưa không xuể được !
Rụng nẻ ngàn năm uổng trôi hết nước
Còn đâu giành cho cỏ cho cây ?
Mây bay đi làng xóm khô cần
Con đũa chết nằm ngang mô đất
Cây lúa gục đầu héo quắt
Trên cánh đồng nước mắt mố hôi
Khát ! Khát ! Khát ! Bà con ơi !
Chém nhau giăng bát nước
Máu đã khô trong người
Hết đồng chiêm khi sang đồng mùa thôi
Nước ! Nước ! Nước ! Bà con ơi !
Sống ngấm da, chết ngấm xương : Nước ! Nước !
Kiếp sông lênh bênh củi dạt bèo trôi... »



— Đó là tiếng kêu cấp cứu vọng lên từ cõi âm ti địa ngục nào chăng ?

— Không ! Ấy là thơ Huyền - Kiều, cực tả thảm cảnh ở miền Bắc.

(Trích « Đám mây » đăng ở « Nhân dân » số 2617
ra ngày 21-5-1961 ở Hà-nội)

T.T.

THUẬN NGHĨA

Nguyễn-huy-Tướng

NGUYỄN-huy-Tướng sinh ngày 6-5-1913 tại Làng Dục-tú, huyện Từ-sơn tỉnh Bắc-binh, là một trong những người hoạt động đầu tiên của hội Văn hóa cứu quốc của Việt cộng. Trong khoảng thời gian 42-45, người ta thấy xuất hiện ở tạp chí Tri-Tân do học giả Nguyễn-văn-Tổ chủ biên 3 tác phẩm : « *Đêm hội Long trì* », « *Vũ như Tô* » và « *An Tư* » của ông.

Đêm hội Long trì viết về câu truyện đời vua Lê-hiến-Tông và Chúa Trịnh-Sâm — Qua đó, tác giả tố cáo tình trạng thối nát của chế độ phong kiến đương thời. vở kịch đề ra một vấn đề xã hội có ý nghĩa hiện tại là thái độ của người nghệ sĩ đối với tiền đồ tổ quốc và vận mệnh của dân tộc.

Cuối 44, tiểu thuyết *An-Tư* ra đời nói về cuộc kháng chiến chống ngoại xâm Trung-hoa vào thời nhà Trần và qua đó, tác giả đề cao tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất của nhân dân ta trong công cuộc chống giặc Nguyên.

Đến *Vũ-như-Tô*, một nhân vật lịch sử đồng thời cũng là một nghệ sĩ có tài, một nhà kiến trúc ôm hoài bão lớn lao là xây dựng một công trình nghệ thuật vĩ đại tô điểm cho non sông gấm vóc. Hoài bão đó cũng phù hợp với cuồng vọng của Lê-tương-Dục, tên bạo chúa muốn có một tòa lầu nguy nga để hưởng lạc thú. Nhưng tấn bi kịch đã xảy ra trong cái mâu thuẫn.

gay go giữa chế độ chính trị bạo ngược và tài năng của nghệ sĩ. Một bên, Lê-trương-Dực thích có Cửu trùng Đài nhưng lại không tôn trọng, quý mến nhân tài. Hắn thích sống trong lầu son gác tía nhưng lầu đài ấy lại phải xây dựng bằng xương máu của nhân dân đang oán ghét hắn. Bản thân Vũ-như-Tô cũng gặp một mâu thuẫn bi đát giữa trí sáng tạo rộng lớn với hoàn cảnh đói khổ lầm than của dân chúng mà nghệ sĩ vô cùng thương xót. Mâu thuẫn ấy không giải quyết được là làm thế nào để đạt được nghệ thuật làm giàu cho đất nước mà tránh cho nhân dân cái cảnh sưu cao thuế nặng? Kết quả, tòa nhà không thành hình và nghệ sĩ đã bị chết chém. Dưới ngòi bút của Nguyễn-huy-Trưởng, người ta thấy nổi bật lên hai nhân vật rất đẹp, rất tự hào, sôi nổi : Vũ-như-Tô và Đàm-Thiên, một cung phi đồng tình với nghệ sĩ và tên bạo chúa Lê-trương-Dực cũng hiện ra sắc nét và góc cạnh với những đặc tính cuồng bạo, bỉ ổi, dâm ô.

Sau cách mạng tháng 8, Nguyễn-huy-Trưởng viết kịch *Bắc-sơn* ghi lại cuộc khởi nghĩa của nhân dân Bắc-sơn.

Điều đáng chú ý là kịch *Bắc-sơn* ra đời vào lúc phong trào kịch nói đang gặp nhiều khó khăn trở ngại. Ông đã đưa lên sân khấu hình ảnh những con người có thể mang đến cho người xem nhiều cảm xúc mạnh mẽ : cụ già Phương thiết tha yêu nước ; cô Thơm, người con gái quả cảm và Xuân, người chỉ huy phong trào diêm dâm và cương quyết.

Năm 1948, trong những ngày ở rừng núi Việt Bắc, Nguyễn-huy-Trưởng đã hoàn thành tác phẩm *Những người ở lại*.

Xung quanh, câu chuyện gia đình bác sĩ Thành, một người trí thức có tài, giàu lòng yêu nước, trọng khi tiết nhà nho theo khuôn mẫu đạo đức Đông-phương và qua một số nhân vật tiêu tư sản khác, Nguyễn-huy-Trưởng đã khéo vẽ đậm nét khung cảnh Hà-nội trong những ngày sống chết với Hà-nội và phân tích được sâu sắc cái tâm trạng đầy kịch tính của các nhân vật : Quá trình chuyển biến tư tưởng của Bác sĩ Thành, người tự vệ chiến đấu Sơn kiên quyết và nghị lực ; Cô nữ sinh trẻ tuổi Lan nhiều tình cảm và thiện chí, cậu học sinh Kính đang sống cái tuổi

hăng say với nhiều mơ ước đẹp đẽ. Tất cả đều quyết tâm bảo vệ Thủ-Đô. Câu chuyện còn nhiều lúc xoay quanh những mối quan hệ phức tạp về tình yêu giữa Ngọc-Cầm và Dương, Ngọc-Cầm và Quảng, Lan và Quảng, những mâu thuẫn trong tình yêu tựa hồ như làm cơ sở cho sự phát triển tình tiết của vở kịch một cách tế nhị gắn bó và súc tích.

VỀ VĂN XUÔI.— Ngoài 2 kịch phẩm *Bắc-sơn* và *Những người ở lại*, Nguyễn-huy-Tường còn viết các truyện ngắn, và ký sự, bút ký.

Qua những ngày công tác lưu động trong giai đoạn đầu kháng chiến, có dịp tiếp xúc với dân quê, đồng áng, ông sung sướng cất tiếng ca ngợi « *Ta chào mừng ở các người và ở cả ta đây một cuộc hồi sinh vĩ đại* » và những sinh hoạt lành mạnh, chất phác, cần cù của nông thôn đã được phản ánh trong bài tản văn sắc sảo và lôi cuốn : « *Ngày mùa* » :

«... Tôi về với mùa màng... Xe tôi đi giữa mùa màng. Nhiều ruộng đã được gặt rồi chỉ còn trơ gốc rạ. Nhiều ruộng cây có những bó rơm xếp thành hình tháp bút. Những ruộng cò xanh rờn trên người ta phơi những lớp rơm thành hình chữ nhật như những manh chiếu nát. Ruộng lúa chưa gặt rạp xuống như những hàng vó cao thấp. Đã có nhiều ruộng mạ non mơn mớn và cũng có nhiều ruộng đã trồng khoai, lá bị đè dưới những tràng mang rạ. Rõ rệt sự liên tiếp về công việc của những người nông phu cần cù tranh đấu trên tràng kỳ lịch sử tồn tại của nòi giống. Mắt tôi ngập trên những màu hung, màu vàng trà trộn lẫn nhau, nhiều lúc phản ánh ánh sáng mặt trời lóng lánh như kim nhũ. Cánh châu chấu xè xè, càng cào cào tanh tách làm thành những tiếng nổ êm dịu của những bông lúa cháy như rang ». (Tập văn cách mạng và kháng chiến — 48).

Nguyễn-huy-Tường còn tham gia chiến dịch biên giới và đã hoàn thành tập ký sự *Cao-Lạng*.

Sau hòa bình Nguyễn-huy-Tường lại trở về với những đề tài lịch-sử : « *Lũy hoa* » và « *Hà-Nội Liên-khu một* » (chưa xong). Người ta có cảm tưởng rằng ông đã chận ngăn các chủ đề sáng

tác về hiện thực trước mắt nên phải mượn khung cảnh lịch sử để gửi gắm một điều gì, ký thác cái tâm sự bất trắc.

Cũng nên nhắc đến tác phẩm giá trị của ông đã gây được nhiều tiếng vang trong dư luận và đồng thời cũng chứng tỏ một sự phản tỉnh của nhà văn sau mấy năm « mê man » trên con đường đi theo đảng. Đó là tập bút ký « *Một ngày Chủ nhật* » xuất bản trong phong trào đấu tranh của nhóm Nhân văn Giai phẩm. Qua đó người đọc thấy rõ cái tâm trạng chua xót, ảm ức, cái hoang mang cực độ, cái thống khổ vô biên của tác giả trước các chính sách bạo tàn của đảng. Cái tâm sự u uất của ông cũng như của toàn dân miền Bắc đã được nói lên ở phần cuối sách:

«... Tâm tư họ nhiều lúc thất lại vì những câu hỏi :

— Sao nước Hung kiến thiết xã hội chủ nghĩa đã hơn mười năm mà vẫn còn bị những vụ đồ máu ?

— Những thiệt hại đau xót trong nước có tiến hành sửa chữa được mau chóng và nhiều kết quả không ? »

Do thái độ « trở mình » của Nguyễn-huy-Tướng cũng như sự phản tỉnh của phần nhiều văn nghệ sĩ, ông đã bị cưỡng bách tham gia vào cái gọi là đi vào thực tế. Sau hai năm lao động ở nông trường Điện-biên, Nguyễn-huy-Tướng đã cố gắng viết xong cuốn truyện dài « *Bốn năm sau* » và tác phẩm cuối cùng này không những đã đánh dấu sự thất bại của cái chủ trương lao động hóa trí thức mà còn chứng minh hùng hồn cái chính sách đàn áp sinh mệnh của con người. Nguyễn-huy-Tướng đã chết ngày 25-7-1960, kết quả nhục nhã ê chề và thê lương của một đường lối cưỡng hiếp tinh thần và thể xác con người.

Điều đáng chú ý ở đây là thái độ của tập đoàn lãnh đạo văn nghệ đối với sự nghiệp của ông.

Hẳn ai cũng đồng ý rằng : trước kia, Nguyễn-huy-Tướng là một nhà văn viết nhiều loại khác nhau : kịch, tiểu thuyết, truyện, phim, và ở trong mỗi thể loại đều có cái riêng biệt. Riêng về nghệ thuật viết kịch, ông là một cây bút khá vững vàng và biết nắm vững những đặc trưng của kịch, biết chọn lựa chủ đề trong

những xung đột xã hội có ý nghĩa tập trung nhất: Nói chung, Nguyễn-huy-Tuởng đã có ý thức biết xử dụng những sự kiện quá khứ để đề xuất các vấn đề hiện tại. Bởi vậy, nội dung các kịch phẩm của ông trước kia đều có những yếu tố tích cực, đánh dấu một bước phát triển mới của nghệ thuật kịch nói. Tuy nhiên, những kịch phẩm đó hiện nay chẳng những không được các nhà phê bình Hà-nội nhắc nhở đến các ưu điểm mà còn cho rằng « Trong các tiểu thuyết và kịch của Nguyễn-huy-Tuởng người đọc thấy tác giả bị lệ thuộc nhiều vào các sự kiện lịch sử và câu chuyện nhiều lúc như chìm vào quá khứ nên tác dụng cụ thể đối với người đọc bị hạn chế, chất chiến đấu kém sút, lực lượng quần chúng chưa có một vị trí thích đáng trong tác phẩm... Ảnh hưởng của « Những người ở lại » không nhiều lắm vì nội dung không sát với thực tế công nông binh ».

Một điểm khác đáng chú ý nữa là vở kịch « Vũ-như-Tổ » của Nguyễn-huy-Tuởng bị cấm trình diễn trên sân khấu miền Bắc. Điều đó cũng rất dễ hiểu bởi lẽ nội dung vở kịch thẳng thắn tố cáo tên hôn quân bạo chúa Lê-tương-Dục phong kiến ngày xưa đã dẫm nát lên tài năng của nghệ sĩ, nếu được công khai trình diễn, tránh sao cho khán giả khỏi liên hệ đến cái chế độ chính trị đang vùi dập đốt cháy khả năng, tinh thần của nghệ sĩ hiện thời ở miền Bắc ?

THUẬN NGHĨA

BÚT MỚI

Tiểu thuyết ở miền Bắc từ đầu năm 1961

Mở đầu giai đoạn văn nghệ miền Bắc năm nay chính là các nghị quyết của đại hội đảng Lao động họp vào tháng 9 năm 1960. Sau những lớp học tập, chỉnh huấn được tổ chức vào 3 tháng cuối năm, chiều 2-1-1961, một sinh hoạt văn nghệ sĩ đầu năm được khai mạc tại câu lạc bộ của Hội nhà văn Hà-nội. Tại đây, Hoàng-trung-Thông, Võ-hồng-Cương, Nguyễn-dinh-Thị đã thay mặt đảng Lao động, và ban thường vụ hội thay phiên nhau nói chuyện với những người cầm bút về nhiệm vụ mới. Nội dung của những câu chuyện vẫn lặp lại các chỉ thị, thông tư, nghị quyết của đại hội đảng Lao động lần thứ ba : nào là « văn

nghệ là một vũ khí sắc bén, là một cái đinh ốc trong bộ máy cai trị của đảng », nào là « văn nghệ sĩ phải góp phần tích cực vào công việc giáo dục tư tưởng, tình cảm và cải tạo con người theo chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào việc động viên và cổ vũ nhân dân lao động đem hết tinh thần và lực lượng hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng vô sản do đảng nêu ra nhằm làm cho chủ nghĩa cộng sản trở thành hệ thống tư tưởng của toàn dân »...

Nhiệm vụ mới của các người viết văn làm thơ lại được xác định cụ thể trên tạp chí *Văn Nghệ* số đầu năm. Dưới đầu đề « văn học và giai đoạn cách mạng mới », sau khi đã xác

nhận như một lời cảnh cáo rằng « hiện nay, tư tưởng phản động và chủ nghĩa xét lại của bọn *Nhân văn giai phẩm*, đã bị đánh lui, không có điều kiện xuất đầu lộ diện công khai trên sách báo. Điều đó không có nghĩa là tư tưởng tư sản trong văn học đã hết không còn cơ sở xã hội của nó nữa. Kinh nghiệm lịch sử chứng tỏ rằng tàn tích chủ nghĩa tư bản trong ý thức con người còn tồn tại trong một thời gian dài, cả sau khi đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội... », tạp chí *Văn nghệ* đã đồng đặc truyền lệnh : « Chúng ta cần phải tiếp tục làm cho giới văn học và nhân dân hiểu rõ những quan điểm Mác-Lênin về văn nghệ, phân biệt được những khuynh hướng phản động trong nghệ thuật và mỹ học tư sản hiện đại, kết hợp phê phán những biểu hiện của tư tưởng tư sản trong văn học nước ta, tiếp tục đi sâu nghiên cứu và trình bày có hệ thống những quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin trên vấn đề văn học nghệ thuật kết hợp với những vấn đề mà thực tiễn văn nghệ nước ta đặt ra nhằm làm cho những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về văn học trở thành

sinh động trên đất nước Việt-Nam ». Đề tuyên truyền cho chủ trương « phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa có tính đảng » của đại hội đảng, tạp chí *Văn nghệ* số nói trên viết tiếp : « Nội dung xã hội chủ nghĩa của tác phẩm văn học trước tiên là phải phản ánh cho được dù bằng hình thức nào cái hiện thực mới dưới ánh sáng của lý tưởng xã hội chủ nghĩa ». Hiện thực mới đó đã được giải thích là « cuộc đấu tranh mất còn với những quan điểm tư tưởng tư sản và đấu tranh sản xuất tiếp diễn cho đến lúc chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi. Nó sẽ lay đến tận gốc mọi quan hệ xã hội cũ và sẽ chi phối tư tưởng tình cảm và hành động của mọi người, chi phối mọi quan hệ giữa người với người trong xã hội ngày nay. Hiện thực mới đó rất vĩ đại và rất gay go phong phú mà phức tạp mới mẻ mà sâu sắc ».

Những lời lẽ khẳng định một cách hung hăng lớn tiếng ấy tưởng đã đủ chứng minh cái chủ trương chế ngự văn học nghệ thuật tại miền Bắc của tập đoàn lãnh đạo hòng xây dựng một hệ thống nhồi sọ

qui mô đối với văn nghệ sĩ và toàn thể dân chúng Bắc-Việt. Đề biến các văn nghệ sĩ thành một đội ngũ tiền phong trên mặt tuyên truyền, trong những năm qua, sau khi dùng áp lực chính quyền đàn áp phong trào *Nhân văn giai phẩm* tập đoàn lãnh đạo miền Bắc đã không ngừng tổ chức các lớp học tập chính trị đi đôi với việc bắt buộc các văn nghệ sĩ tham gia vào cái gọi là « đi vào thực tế » lao động sản xuất.

Gần đây, ngày 24-2-61, Hội đồng Chính Phủ miền Bắc lại ra quyết nghị về chế độ nhuận bút trả cho những tác phẩm văn học nghệ thuật có lợi ích cho sự nghiệp củng cố chế độ và qui định việc xuất bản đối với những tác phẩm cần được phổ biến.

Giữa bấy nhiêu ràng buộc khó khăn các văn nghệ sĩ miền Bắc đã làm được gì từ đầu năm 1961 đến nay ?

Trước khi đi vào giới thiệu những tác phẩm sáng tác của họ chúng ta cũng nên biết qua về tình hình dịch thuật các phẩm văn học của Nga-sô, Trung-hoa lục địa và các nước trong phe Cộng sản (từ xưa nay số tác phẩm dịch ấy đã chiếm một tỉ

lệ quá cao so với các sách sáng tác). Sáu tháng vừa qua, trong khi các tác phẩm sáng tác có thể đếm trên đầu ngón tay thì người ta thấy xuất hiện các sách dịch : « *Sóng Đông êm dềm* » của Sô-lô-khốp, « *Tuyển tập truyện ngắn* » của Púckin, « *Chiến bại* » của A.Pha-đê-ép, « *Cơn bão táp* » của I-ly-a Ê-ren-bua, « *Lénine tuyển tập* », « *kịch Tsé-khốp* », « *Ngọn lửa trên thảo nguyên* » của U - lan - ba - ca, « *Truyện làng nho* » của Ngô - kinh-Tử, « *Giành lấy sự sống* » của Ba-kim.v.v. Sự kiện này không những đáng cho chúng ta suy nghĩ mà ngay cả những người làm văn nghệ tại miền Bắc cũng đã lấy làm băn khoăn. Trong mục « Ý kiến ngắn » của tạp chí *Văn Nghệ* số tháng 2-1961 một độc giả đã phát biểu : « Vừa rồi, nhà Văn Hóa tái bản « *Sóng Đông êm dềm* » (tập 1) mà trước đây sách ấy đã in ra hàng vạn rồi. Thế sao không dùng giấy tái bản lần thứ hai để in những tác phẩm khác của Victor Hugo hay của nhiều nhà văn hào, thi hào khác ? Cũng một số giấy chỉ in một tác phẩm, một tác giả

(1) Các tác phẩm giới thiệu này đều do Văn học xuất bản tại Hà-nội trong 6 tháng vừa qua.

sao bằng phân phối nó in ra được bốn, năm tác phẩm, của bốn, năm tác giả? Chúng ta có ái ngại không nếu biết rằng về cổ điển hiện nay ta chưa có gì của Shakespeare, Goethe, Molière. Lý-Bạch, Đỗ-Phủ...?»

« VỤ LÚA CHIÊM »

TRUYỆN dài của Đào-Vũ, tiếp theo *Cái sản gạch*, tác phẩm tuyên truyền cho việc làm ăn tập thể của tổ chức hợp tác xã mà giới lãnh đạo văn nghệ miền Bắc cho rằng tiêu biểu nhất trong hai năm qua.

Ở *Vụ lúa chiêm*, không còn là câu chuyện vào hay không vào hợp tác xã nữa vì đối với các nông dân thì « không vào cũng không được. Các đường ngang lối tắt người ta rào giậu hết cả rồi, không còn tính toán chuyện khác được nữa » mà là câu chuyện hợp tác xã thôn Cầu Quay đã lên cấp cao. Đào-Vũ muốn tuyên truyền cho « tình hơn hần » của hợp tác xã nên đã cho lão Am, nhân vật chính của tập truyện trước, giác ngộ, coi hợp tác xã như nhà, và cuối cùng lão đã xây được « Cái sản gạch » như lão mơ ước bấy lâu.

Trong tập truyện thứ hai này,

Đào-Vũ không dùng lão Am thành nhân vật trung tâm nữa, ông để nhiều công vào việc mở rộng toàn diện đời sống trong *Cái sản gạch* bằng cách xây dựng thêm các nhân vật như Trà, bộ đội phục viên, và Chấm, Hiền, Quyện v.v...những người phụ nữ quê mùa ít học thường bồng bột, hăng hái trong mọi công việc của hợp tác xã. Đặc biệt, qua *Vụ lúa chiêm* tác giả đã vô tình cho người đọc thấy tác phong quan liêu, hách dịch của Phiến, một cán bộ phong trào nhưng không am hiểu chút nào về sản xuất mà chỉ biết nạt nộ, cưỡng ép quần chúng nông dân phải cấy lúa thật đầy. Phiến còn thường xuyên gây mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân bằng cách dựa vào thế lực của đảng để chụp cho chị Hiền cái mũ « tư tưởng trung lập » và giải quyết sự xô xát buồn cười giữa gia đình chị Khang với lão Am thành một vụ phá bờ đổ máu. Ngoài ra, qua *Vụ lúa chiêm* người đọc còn thấy cái không khí lao động nặng nề, ngột thở, cái chính sách truất phế quyền tư hữu của nông dân cụ thể hóa trong các chiến dịch cấy dày phá bờ, trồng cây, chiến dịch thủy lợi, lập tổ ăn chung, và

công hữu hóa các ao cá, ruộng vườn, tài sản của nhân dân.

Đọc xong *Vụ lúa chiêm*, đọc giả đã thấy rõ sự thất bại của Đào-Vũ trong việc thể hiện các nhân vật : lão Am chuyển biến tốt một cách quá dễ dàng và đơn giản, anh thanh niên Trọng lúc nào cũng hì hục cải tiến nông cụ nhưng trong lòng anh ra sao, đang băn khoăn, mơ ước những gì tuyệt nhiên không thấy tác giả nói đến. Những con người bình thường như Trà, Chấm, Quyên, Đình, Khang, ông già Cừu, bà Tảo Long chỉ thấy hiện ra một cách sơ lược hoặc chung chung, thiếu hẳn cá tính của họ. Có lẽ đã nhận rõ những khuyết điểm ấy nên Vũ-tú-Nam trong báo *Văn Học* số 140 ra ngày 31-3-61 đã viết dưới đầu đề « Nhân đọc *Vụ lúa chiêm* của Đào-Vũ » : « Viết về cải cách ruộng đất chúng ta đã quá nặng nề về, trình bày diễn biến ba bước, bốn bước công tác. Nay viết về hợp tác hóa cũng vậy, chúng ta thường chỉ nói đến cái khung sự việc từ làm ăn cá thể vào tổ đổi công, từ tổ đổi công thường lên tổ đổi công có bình công chấm điểm, rồi vào hay không vào hợp tác xã, rồi từ hợp tác xã

cấp thấp lên tới cấp cao v.v.. cuốn sách có một thiếu sót khá rõ là tư tưởng chủ đề bao quát chung chung quá, lại không được thể hiện một cách nổi bật sinh động và chặt chẽ qua hoạt động, tư tưởng những vấn đề của con người. Tôi có cảm tưởng tác giả đã lệch về mặt ghi lại những công việc trong hợp tác xã. . Có lẽ vì Đào-Vũ quan niệm đơn giản quá về tư tưởng chủ đề trong tiểu thuyết, hoặc vì chính anh chưa nghiên ngẫm thái nghén nó một cách nghiêm chỉnh, vì cái vốn hiểu biết của anh còn nghèo nên trong *Vụ lúa chiêm* rõ ràng tác giả thuật chuyện làm ăn sinh hoạt của nông dân mà chưa thấy có cái gì như chưa hẳn là màu sắc, tinh thần của nông dân Việt-Nam ».

« HAI TRẬN TUYẾN »

CHỦ dịch của Hà-minh-Tuấn, tác giả *Hai trận tuyến* là muốn đề cho các nhân vật « *Trong lòng Hà-Nội* » (xuất bản từ trước) tiếp tục sống cuộc đời chiến đấu hy sinh của họ. Qua *Hai trận tuyến*, Hà-minh-Tuấn có ý định thể hiện một cuộc đấu tranh lớn : đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, đấu tranh

trong tám hồn con người và đấu tranh bằng súng đạn của những người sống trong cùng một giai đoạn lịch sử. Bối cảnh lịch sử của cuốn sách là khoảng thời gian từ tháng 8-45 đến tháng 9-46, giai đoạn của những cơn bão tố chính trị trong nước và cũng là giai đoạn của những bước ngoặt lịch sử trọng đại.

Đọc *Hai trận tuyến*, độc giả có cảm tình với Trung, nhân vật chủ yếu của tác phẩm. Trong một chừng mực nào đó, Trung đã có những ưu điểm căn bản giác ngộ cách mạng sớm, hoạt động chống Pháp từ thời bí mật, là một thanh niên trầm tĩnh và kiên nghị, chín chắn, tháo vát, biết vượt qua mọi khó khăn và tuy là một chiến sĩ luôn luôn hăng say với công tác, anh cũng là một người dạt dào tình cảm. Ngoài ra, qua tác phẩm của mình, Hà-minh-Tuấn đã cung cấp cho độc giả một số tài liệu xác đáng, bổ ích mà ông đã từng sống.

Sau 6 năm hòa bình, Hà-minh-Tuấn đã xuất bản 3 truyện dài, trung bình mỗi quyển 300 trang. Nhưng có lẽ vì ông đã cố tình không lấy ngay đề tài thời sự trong thực tại miền Bắc hiện nay để quảng cáo

cho đường lối của đảng mà chỉ quay về với quá khứ để cho tám hồn có dịp xúc động với những cử chỉ, tinh thần hoạt động dũng cảm tuyệt vời của phần đông thanh niên trí thức tiểu tư sản trong công cuộc bảo vệ Hà-nội sau ngày toàn quốc kháng chiến nên tập đoàn lãnh đạo văn nghệ miền Bắc đã có một thái độ nghiêm khắc đối với ông. Tạp chí *Văn Nghệ* số tháng 1-1961 đã phê bình ; « Tác giả đã không đặt đúng vai trò và lực lượng quần chúng trong tác phẩm của mình. Đó là chỗ yếu căn bản của tác phẩm. Tác giả *Hai trận tuyến* chưa có một sự hiểu biết sâu sắc và nhất là chưa rung cảm đầy đủ với thực tế và đồng thời chưa có con mắt nhìn bao quát để nắm vấn đề một cách toàn diện. Văn anh là một thứ văn đề dài, khô khan v.v... »

« NGƯỜI CHỊ »

Quyển sách gồm có 4 truyện đã đăng rải rác ở các tạp chí tại miền Bắc từ 54-59. Tác giả « *Con trâu* » độ nao trong kháng chiến, ở *Người chị* vẫn nói đến những con người ở Quảng-Nam, Đà-nẵng, nơi sinh trưởng của ông.

Nguyễn - văn-Bổng có một bút pháp cần thận, đều đặn, đã có nhiều cố gắng miêu tả những con người bình thường và phức tạp, có quá trình phát triển, có nội tâm phong phú. Ở *Người chị* truyện viết công phu nhất, tác giả đã đi sâu vào đời sống riêng tư của chị Cầm để nói lên tâm sự kín đáo của chị khá lí mĩ nhưng vì muốn nói đến nhiều mặt với dụng ý xây dựng chị thành một nhân vật điển hình toàn diện nên đã đi ngược lại với yêu cầu của thể loại sáng tác. Không phải vì ít sự kiện mà chính là vì nhiều sự kiện quá, đối tượng nhiều dung lượng quá kuông phù hợp với một nhân vật trong truyện ngắn. Thể loại truyện ngắn với dung lượng hạn chế của nó trình bày nhân vật thường là rất ít — điển hình trong một khía cạnh, trong một mặt, một điểm nhất định. Do đó truyện ngắn chỉ có thể cất lấy một số tinh tiết nào đó để biểu hiện được rõ nhất bộ mặt tinh thần của nhân vật, tất nhiên cũng có thể chọn lấy một khoảng thời gian nào đó cần thiết và ở độ phát triển cao nhất của câu truyện mà thôi. Tác giả chưa dứt khoát với yêu cầu thể loại nên rơi

vào tình trạng ồm đồm nhiều.

Điều đáng chú ý là Nguyễn văn-Bổng chưa tự diệt hủy cái nhân tính trong bản thân mình nên mô tả các nhân vật trong tập truyện ông đã để cho họ sống với khá nhiều cảm tình yêu thương, vị tha. Bởi vậy, Lê anh-Trà, cây bút phê bình của tạp chí *Văn Nghệ* đã viết : «Chị Cầm, nói chung là người tốt nhưng tại sao trong người chị cái chất thụ động, tự ti, phong kiến lại nhiều đến thế ? Có một cái gì buồn buồn, ảm đạm tỏa ra từ toàn bộ câu chuyện, từ hình tượng nhân vật, chúng ta cảm thấy thiếu một tính chất khỏe mạnh, lạc quan, tích cực căm thù của một con người chiến đấu » (*Văn Nghệ* số tháng 2-1961)

« ANH MẮT »

MƯỜI năm qua, Bùi-Hiền chỉ sáng tác rồi 8 truyện ngắn và hai bài ký sự tập hợp vào trong một quyển mới xuất bản. Vẫn là những chuyện đã đăng báo. Lại là những chuyện viết về cuộc kháng chiến ở Bình-Trị - Thiên. Điều này cũng chứng minh được phần nào cái hiện thực ngọt ngào ở miền Bắc

hiện nay không đủ khả năng lôi cuốn nhà văn.

Qua tập truyện, Bùi-Hiền không tả nhiều trận đánh ồn ào trái lại chỉ thể hiện những con người bình thường sau lũy tre xanh hay mất hút trong khu phố nào đó của Huế thơ mộng. Một người vợ trong vùng du kích, tránh tầm mắt địch, tham gia công tác kháng chiến (*Người vợ*), một cậu học sinh Huế mới tổng quân, lúc đầu bờ ngõ, dần dần trở thành một đội viên gan dạ, bình tĩnh trong chiến đấu (*Anh đội viên mới*); một chị nông dân nghèo hồi dầu kháng chiến còn lam liên lạc, qua thực tiễn chiến đấu, trở thành một cán bộ phụ nữ xuất sắc (*Gặp gỡ*). Hai em bé chầu trâu hăng ngày « chọi » nhau vì một con đẽ nhưng đã giúp cho xã đội túm được hai tên trính sát của giặc Pháp (*Cái sẹ*)... Tất cả chỉ là những con người bình thường và cũng chỉ là những câu chuyện bình dị như thế nhưng ngôi bút của Bùi-Hiền trong một chừng mực nhất định, đã đi thoát ra ngoài phương pháp « hiện thực mới » lách sâu vào từng ngõ ngách của tình cảm, cá tính con người để làm cho các nhân vật

có xương, có thịt. Cái đáng chú ý là Bùi-Hiền không đưa người đọc đi vào những hành động kinh thiên động địa, có những sự việc ồn ào cũng như không ca tụng những đảng viên không lồ không tim. Ông chịu không đi vào chiều sâu của thực tế, không cần trang trải ra dài dòng mà các nhân vật trong truyện vẫn đậm nét. Do đó, truyện của ông đã gây lại cho người đọc một ấn tượng đẹp đẽ về quá trình kháng chiến đồng thời cũng làm cho người đọc nhói lên trong lòng nhiều niềm uất hận tủi nhục vì thấy rằng công lao kháng chiến trước đây đã bị bọn người vong bản cướp giật.

« *Ánh mắt* » là truyện tiêu biểu nhất mà Bùi-Hiền đã đề nhiều công sức xây dựng. Trong truyện đó, tác giả miêu tả tâm trạng anh bộ đội Thành yếu đuối toan đào ngũ cho đến khi nhờ vào ánh mắt của một em gái nhỏ trong sáng như ngôi sao dẫn đường thức tỉnh anh lại. Ông muốn ví « ánh mắt » của cô gái bé như ánh sáng chói lọi của lý tưởng kháng chiến giành độc lập cho dân tộc, thứ ánh sáng mà nhiều khi người ta không giải thích nổi vì nó thiêng liêng và lớn lao

quá, nhưng nó vẫn có sức thuyết phục những con người mê muội, mù quáng. Sự thành công của Bùi-Hiền ở truyện này là ở ông đã không lý tưởng hóa nhân vật, không bắt buộc nhân vật phải chạy theo chủ quan của mình mà chỉ dựng lên những hình ảnh chân thực của người bộ đội bình thường trong một hoàn cảnh khó khăn phức tạp mà cuối cùng đã không gục ngã. Thêm vào đó trong *Ánh mắt* còn dựng lên những nhân vật tiêu cực như Đãng và hai người đàn bà yếu đuối đã có lúc lay van, xua đuổi bộ đội ra khỏi nhà mình, những con người tiêu cực đó vẫn thường có mặt trong thực tế. Thế nhưng những nhà phê bình mác xít thì họ không vừa lòng khi nhà văn nói ra sự thực họ lại cho rằng : « Chuyện còn yếu vì trong cái lý của Bùi-Hiền muốn khỏe nhưng cái tình của anh đôi lúc tưu xuống. Một nguyên nhân nữa khiến Bùi - Hiền không thành công trong truyện *Ánh mắt* là đáng lẽ có thể mô tả những con người bình thường, anh đã đi quá xa đến nổi dựng lên những con người bình thường không có giá trị tiêu biểu ! » (1)

« VẪN MỘT CON NGƯỜI »

VIẾT tập truyện này, Đỗ Đức-Thuật chỉ khai thác những đề tài quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày với dụng ý đề cao sự lãnh đạo của đảng cộng sản như các truyện « *Một ngôi nhà* », « *Vẫn một con người* », « *Con bò đen* » hoặc tuyên truyền cho chính sách hôn nhân và gia đình như các truyện : « *Bỏ nhau* », « *Một đôi đứa lệch* », « *Dứt khoát* », « *Số phận* ».

Cũng như hầu hết các truyện khác mục đích tuyên truyền chính trị của Đỗ-đức-Thuật lộ liễu và sỗ sàng quá trong truyện « *Vẫn một con người* », đại ý tả một kẻ lưu manh, sống cuộc đời anh chị trong chế độ cũ rồi qua những năm kháng chiến và hòa bình, dưới sự dìu dắt của đảng, anh đã trở nên một người hữu ích cho nhà nước !

Chỉ nói về kỹ thuật viết truyện, đáng lẽ Đỗ-đức-Thuật cần phải đưa ngòi bút của mình vào những sự việc bình thường để phát hiện ra những cái mới mẻ, sâu sắc, giàu tính sáng tạo, đằng này, ông chỉ

(1) Vũ-tú-Nam — *Văn nghệ* số tháng

mới chụp được những sự việc hời hợt nông cạn bên ngoài chứ chưa làm sống được nó. Điều đầu tiên người đọc thấy rõ rệt là sau khi gấp sách, cái còn lại không phải là những nhân vật sống động mà chỉ là những cốt truyện do các nhân vật trong truyện hoàn toàn thiếu cá tính. Ông Tời, ông Sỏi là những cụ già nông dân, cô Thơ, cô Duyên là những phụ nữ có số phận hẩm hiu đều hiện ra một cách tầm thường, nhạt nhẽo. Nhân vật Vi trong « *Ngôi nhà* » hành động như một cái máy. Nói chung, các nhân vật của Đỗ-đức-Thuật chưa sống được, họ chưa được mô tả đúng tâm lý. Bố cục truyện quá lỏng lẻo, thiếu sự thống nhất cần thiết. Ông cũng chưa tìm được một hình thức ngôn ngữ thích hợp cho các nhân vật nên có nhiều khi nhân vật nói mà người đọc thấy như là lời nói của tác giả, ví dụ như câu chuyện Hoàn kể lại cho Thu nghe trong « *Vẫn một con người* ».

« HỖN CANH HỖN CƯ »

TRONG số các sách đã xuất bản gần đây chỉ có « *Hỗn*

canh hỗn cư » là tác phẩm tập trung được nhiều sự chú ý của quần chúng văn nghệ hơn cả, không phải vì số lượng dày non 400 trang mà chính bởi tác giả của nó là một nhà văn lão thành quen thuộc, lại là một ủy viên thường vụ của Hội nhà văn: Nguyễn-công-Hoan.

Nguyễn-công-Hoan vốn là một nhà văn có khuynh hướng và sở trường về tiểu thuyết xã hội. Những tác phẩm của ông trước cách mạng tháng tám đã chiếm một vị trí quan trọng trong dòng hiện thực phê phán của văn học Việt-Nam. Từ « *Kiếp hồng nhan* » xuất bản năm 1923, *Hỗn canh hỗn cư* là tác phẩm thứ 20 của ông.

Truyện dựng lên khung cảnh một làng sống nghệt thở dưới ba tầng áp bức Pháp, Nhật và quan lại phong kiến trong một giai đoạn lịch sử quan trọng của cách mạng cận đại Việt-Nam ; giai đoạn từ đại chiến thế giới lần thứ 2 đến năm 1945. Đó là làng Văn-chương, một làng văn vật có nhiều người học hành đỗ đạt cao và có truyền thống cách mạng lâu đời. Chủ đề tư tưởng mà Nguyễn-công-Hoan muốn nêu lên là

sự thống trị tàn bạo của đế quốc Nhật, Pháp cấu kết với bọn quan lại Nam triều và phong trào đấu tranh anh dũng của nhân dân.

Qua tác phẩm của mình, Nguyễn-công-Hoan muốn phản ánh thực trạng xã hội Việt-Nam dưới sự áp bức bóc lột của thực dân mà tiêu biểu là tên toàn quyền Đờ-cu, công sứ Vát-xi, chánh mật thám Xi-va-đi đến trị huyện Lê - Sung, lý trưởng Sinh và bè lũ tay sai. Cả một hệ thống chính trị đè nặng lên đời sống dân đen bị chìm sâu trong đói rét và tù đày. Trước những cảnh áp bức hà khắc ấy nhân dân làng Văn-chương đã liên tiếp tìm cách vùng lên chống đối. Cũng vì vậy mà bọn thống trị áp dụng mọi biện pháp để khủng bố tinh thần cách mạng của nhân dân. Ngoài cổng làng ngày đêm có lính của « nhà nước » canh phòng nghiêm ngặt, trong làng luôn luôn diễn ra những cảnh bắt bớ, hiếp đáp nhất là từ ngày cụ bảng Năng và ông đồ Liễu tham gia cách mạng thì làng Văn-chương bị coi như một kẻ có tội. « Muốn cho làng Văn-chương kiệt quệ về tinh thần, chóng làm cho họ phải kiệt quệ về vật chất », đó

là chủ trương của bọn cai trị. Nhưng chúng đã không thực hiện được âm mưu ấy vì người làng Văn-chương hiểu rằng : muốn sống thì phải được yên ổn mà làm ăn, và « muốn yên ổn làm ăn phải chống chế độ bất công chống áp bức, bóc lột ».

Trong suốt tập truyện nếu người đọc thấy các nhân vật trong xã hội cũ như Lê-Sung, Lý Sinh có vẻ sinh động ít nhiều thì ngược lại, một số cán bộ phong trào mà tác giả cố tình xây dựng thành những nhân vật tích cực như Hùng, Thịnh thì lại hoàn toàn thiếu hẳn cá tính độc đáo. Ta thấy họ suy nghĩ và hành động giống hệt nhau. Có lẽ vì thấy rõ sự thất bại rõ rệt của Nguyễn công-Hoan trong việc xây dựng nhân vật nên Thành-Duy và Đức-Hạnh đã phải lên tiếng : « Thiếu sót đầu tiên và căn bản của *Hồn canh hồn cu* là việc biểu hiện nhân vật nhìn chung còn mờ nhạt và sơ lược. Không thể nói rằng tác giả chưa nắm được đặc trưng phản ánh hiện thực của văn học. Nếu nhà văn không nắm được đặc trưng của văn học thì làm sao sáng tạo được những công trình nghệ

thuật thành công như « *Bước đường cùng* » trước đây. Một tác phẩm dày như « *Hồn canh hồn cừ* » mà không có một nhân vật nào nổi bật khả dĩ có thể để lại một ấn tượng sâu sắc trong trí nhớ người đọc. Đúng ra, việc miêu tả biến cố và sự kiện lịch sử chỉ cốt để khắc họa tính cách nhân vật nhưng ngược lại trong « *Hồn canh hồn cừ* » ta thường thấy nhân vật xuất hiện khi nào tác giả cần thuyết minh các sự kiện và biến cố. Những nhân vật trong « *Hồn canh hồn cừ* » là những hình tượng nghệ thuật không sống thực mà chỉ như những con rối cử động theo sự điều khiển của nhà nghệ thuật ở sau sân khấu. Những hình tượng này chỉ mới có hình, có xác, thiếu chất sống thiếu nghệ thuật ngoại trừ một số nhân vật có cá tính như Lý Sinh, Lê Sung. Riêng các nhân vật cách mạng khác không những chỉ được tác giả biểu hiện một chiều và đơn giản mà ngay cả những thắng lợi đấu tranh họ cũng dành được một cách quá ư dễ dàng ! (1)

Cùng một nhận định như Thành-Duy và Đức-Hạnh, trong bài « Vấn đề thể hiện cuộc sống trong tác phẩm *Hồn canh hồn cừ* của Nguyễn-công-Hoan » Lê-trọng-Khánh, Vũ-tú-Nam cũng

đã phản nản : « Về những nhân vật chủ yếu như Nhã, Phùng, Lê v.v... những thanh niên có nhiệt tình cách mạng đáng yêu, tác giả chưa xây dựng những hình tượng cụ thể mà chỉ là những nhân vật thiếu linh hồn không có nội tâm, không có cá tính. Do đó, *Hồn canh hồn cừ* không gây cho độc giả một ấn tượng sâu sắc mà chỉ cho chúng ta mang máng nhớ những sự kiện rời rạc, chắp vá mà thôi. » (2)

Nguyễn nhân vì sao Nguyễn-công-Hoan đã rơi vào những khuyết điểm căn bản ấy ? Chắc chắn là khi phản ánh các nhân vật cũ, Nguyễn-công-Hoan đã miêu tả trong những điều kiện tự do nhận thức của mình, còn những khi xây dựng số « cán bộ » của phong trào, ông bị ràng buộc trong cái nguyên tắc về cái gọi là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, do đó những nhân vật được thể hiện đã trở nên những mô hình thay thế cho con người có sinh khí. Và những mô hình ấy dĩ nhiên thường chỉ hoạt động bằng sự điều khiển chủ quan của tác giả. Những nhân vật bị gò ép vào cái khuôn hiện thực ấy tất

(1) Tuần báo Văn học số 142 ra ngày 14-1961,

(2) Tạp chí Văn nghệ số tháng 4-1961.

nhiên thiếu cuộc đời riêng mà sự quan hệ giữa họ trong tác phẩm lại có phần sắp xếp và bố trí do yêu cầu của tác giả để phù hợp với đường lối văn nghệ của đảng chứ không phải do từ cuộc sống phức tạp và sinh động tạo ra.

Dù Nguyễn - công - Hoan đã khôn khéo tránh những đề tài mới về vấn đề tô diêm hiện thực xã hội miền Bắc nhưng khi khai thác đề tài lịch sử, lập trường tư tưởng của ông cũng đã bị chỉ trích là « chưa nhận thức được rõ ràng những nét cơ bản của thời đại nên đã hiểu kẻ địch mờ hồ, đã lẫn lộn bản chất và hiện tượng. Tác phẩm của Nguyễn-công-Hoan thiếu liên hệ với cuộc sống, nội dung tác phẩm phản ánh chưa sâu sắc, chưa toàn diện được sắc thái của phong trào cách mạng của nông dân». (1)

Cùng theo sự nhận định của phần nhiều cây bút phê bình mới ở Hà-nội thì kỹ thuật sáng tác tiểu thuyết của Nguyễn công Hoan ngày nay kém xa thời tiền chiến. Việc phát triển tư tưởng chủ đề không quán triệt trong tác phẩm, tình tiết lan man, bố cục không chặt chẽ, các chương mục thiếu sự ăn khớp với nhau thậm chí có những đoạn cắt đi cũng không

có hại gì hoặc lặp đi lặp lại và kéo dài một cách vô ích mà nếu có bỏ đi cũng không ảnh hưởng mấy đến cốt truyện. Nghệ thuật của ông ngày nay đã xuống dốc đến nỗi « có thể nói nếu người đọc không kiên nhẫn thì khó lòng mà theo dõi câu chuyện từ đầu đến cuối » (2).



NẾU như trong năm qua hiện tượng tiểu thuyết tại miền Bắc thật là năm tiêu điều «ngay cả trong một số tác phẩm tương đối thành công như « *Bốn năm sau* » của Nguyễn-huy-Tường, « *Cái sân gạch* » của Đào-vũ, « *Mùa lạc* » của Nguyễn-Khai, « *Sóng Đà* » của Nguyễn-Tuân, thực tế được miêu tả vẫn còn nghèo nàn, vấn đề được giải quyết còn nông cạn và nhất là bóng dáng những con người mới hầy còn mờ nhạt » (3) hoặc : « những người viết bây giờ chưa biết chú ý và làm việc đầy đủ đem ngôn ngữ sáng tạo thành phong cách của mình. Bởi vậy truyện của họ không đặc sắc, không đậm nét vẽ riêng, nó cứ hàng

(1 và 2) Văn nghệ số tháng 4-1961.

(3) Hoàng-trung-Thông — Văn nghệ số tháng 1-1961.

loạt và sản sản như lợn con » (1) thì trong những tháng đầu năm nay, tình hình văn xuôi buồn thảm đó vẫn chưa có gì cứu thoát khỏi con đường bế tắc, sa lầy. Bảo rằng « Đại hội đảng với những nghị quyết về văn nghệ như một luồng gió mới thổi đến mọi miền đất nước, tạo nên một không khí lạc quan tin tưởng, một tinh thần nỗ lực phấn đấu mới, những người làm công tác văn học vô cùng xúc động trước viễn cảnh lớn lao của tổ quốc mà đại hội đảng đã vẽ ra trước mắt (2) cũng chỉ là câu nói trơ trẽn của một thứ công thức nịnh bợ, suy tôn quen thuộc.

Gần đây, trong bài « Trao đổi về sáng tác » đăng ở tạp chí *Văn nghệ quân đội* số tháng 3-1961, Vũ-tú-Nam đã hoảng hốt kêu lên một số hiện tượng nghèo nàn và bế tắc của các văn nghệ sĩ. Ông nhận định rằng nhiều tác giả vì muốn người đọc rút được bài học trong truyện của mình, đã công khai đứng lên diễn thuyết thay cho nhân vật trong truyện, thậm chí có lúc lên lớp hằn hoi nữa; nhiều cây

bút chủ trương trong sáng tác phải giải quyết vấn đề có « hậu » phải có « hướng đi lên » một cách máy móc thì tác phẩm mới có ý nghĩa giáo dục, ví dụ : viết một truyện ngắn về cảnh lễ mọn đề tuyên truyền cho vấn đề hôn nhân tự do thì nhất thiết phải giải quyết cho người vợ lễ được ly dị rồi tập thể (hợp tác xã) xây dựng cho chị ta một người chồng mới, họ sống với nhau hạnh phúc. Nếu không giải quyết như thế thì không đạt yêu cầu. Ngược lại, truyện nào giải quyết được như vậy thì dù viết gượng gạo cũng cứ được khen là hay ; muốn những cái mình viết có nhiều tính giai cấp, một số cây bút đã đưa lấy vào truyện những nhân vật chính trị viên, bí thư chi bộ, đảng ủy và những nhân vật khác tiêu biểu cho đảng một cách rất gượng gạo. Tác giả bắt họ nói những lời cứng nhắc, bắt họ nghĩ toàn những lập trường quan điểm. Một số khác muốn nêu cao gương anh hùng đã phóng đại những con người tích cực thành nhân vật lý tưởng. Thế là nhân vật anh hùng đó cứ nghĩ và làm giỏi giang như thánh cả, thậm chí về người cũng khôi ngô tuấn tú khác thường, đến dáng đi

(1) Tô-Hoài—Mười lăm năm văn xuôi—
Văn nghệ số tháng 10-1960.

(2) Hoàng-trung-Thông — Văn Nghệ số
tháng 1-1961.

điệu đứng cũng thật là hoàn toàn lý tưởng.

Thật ra, Vũ-tú-Nam chỉ mới dám nêu lên một số nhận định chưa chát ấy chứ chưa có can đảm vạch trần những nguyên nhân đã xô đẩy các cây bút tại

miền Bắc phải đứng ở cái thế bị động, nghiêng ngửa như vậy. Cái nguyên nhân đơn giản và tối kỵ, không một ai ngoài Bắc dám nói ra sau vụ *Nhân văn giai phẩm* ấy, chỉ có thể là đường lối độc tài, về văn nghệ cũng như về chính trị.

BÚT MỚI



Tác phẩm của cô ANN MARIE GRIPMAN (*Thụy-Điển*)

(TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH QUỐC TẾ KỲ II)

Phần thứ hai

Phần thứ hai của Văn Hũu số 13 này được hoàn thành với sự cộng tác của quý bạn : Võ Hồng — Đỗ Tấn — Tường Linh — Kiên Giang—cô Tuyết Hương — Thu Thủy — Xuân Phụng — cô Tuyết Linh — cô Túy Hồng — cô Hoàng Mai. — Vũ tiến Giang...

VÕ HỒNG

Trận đòn hòa giải

TH Ắ M thoát mà bốn năm đã trôi qua, kể từ ngày má mất. Năm nay Thủy đã lên 7 tuổi, Hảo được 10 tuổi còn tôi 13. Chúng tôi thương yêu nhau trong cái gia đình bé nhỏ, nhưng từ một năm trở lại đây nghĩa là từ khi Thủy bắt đầu đi học, sao giữa chúng tôi hay có sự lục đục. Thật ra, sự lục đục thường chỉ xảy ra giữa Thủy và tôi mà thôi. Hào thì vô tâm thương hăng, không làm méch lòng ai bao giờ nên nó như người đứng ngoài cuộc. Chỉ có Thủy và tôi là hay va chạm nhau. Chúng tôi là con gái khiến tôi cứ muốn vội vàng kết luận : con gái hay lắm chuyện. Tôi cũng cố tìm những lẽ để giải thích vì sao Hào nó có thể dễ dàng ăn ở hòa thuận với chúng tôi. Lẽ quan trọng, theo tôi nghĩ chắc là vì ngoài những giờ học ở lớp là nó ở ngoài đường nhiều hơn ở nhà. Bạn của nó do đó mà đông lắm. Thăng Ánh láng giềng bên tay phải, thăng Mộc thăng Tâm láng giềng bên tay trái, một chuỗi những thăng Đức, thăng Kha, thăng Thanh láng giềng ở trước mặt. Tùy thời tiết mà những thú chơi của nó thay đổi. Khi mưa nước đọng ở vũng trước nhà thì chúng ném đá và lặt nước vào nhau. Khi nắng to thì ngồi dưới bóng dừa kể chuyện phim Ấn-độ. Tháng 3 tháng 4 thì đưa nào cũng loăng xoăng những lon, những hộp đựng dế, nuôi dế, đá dế. Tháng 9 tháng 10 thì rủ nhau ra ao bắt cá, những con cá nhỏ bằng nửa cái que diêm — những con cá còn bú mẹ, như lời ba tôi nói

đùa — đem về nuôi ở lon sữa và dàn ra từng hàng ở ngoài vườn dưới bóng cây ổi. Khi nghe tiếng xe ba nổ ở đầu phố thì nó lật đật chạy u một mạch về nhà ngồi trước một quyển sách đã đề thường trực ở bàn hoặc chạy tuốt ra sân sau giả vờ mới vừa đi tiểu. Tiếp theo, chị Hai dọn ăn và nó đi rửa tay một cách chăm chỉ, ngồi lại ăn ngon lành và nghiêm trang như một người rất xứng đáng. Thú chơi của nó không những không động chạm gì đến tôi mà ngược lại, nó còn làm cho tôi ham thích nữa. Tôi cũng bắt chước nó đá đẽ, bầu cung, bắn bi, gài bẫy dồng..

Đối với Thủy thì không thế. Trước đây, khi Thủy còn bé thì tôi yêu Thủy lắm, nhưng sao Thủy như vẫn ít thân mật với tôi, Thủy có vẻ sợ tôi. Điều này tôi không muốn, nhất là ba thì càng không muốn lắm. Mỗi lần ba đi đâu về mà thấy vắng bóng Thủy là ba đã vội kêu « Thủy đâu rồi ? Thủy ơi ? ». Tôi nhớ có một lần nghe ba gọi thế thì chị Hai, chị ở, vội thưa :

— Thưa thầy, Thủy mắc học với cô Hằng.

Ba bước thẳng lại phòng học, mở cửa nhìn vào. Thủy ngồi cạnh tôi, trước một quyển vở đề mở. Ba nói :

— Thủy nghỉ đi. Chiều rồi.

Nhưng Thủy vẫn im lặng. Tôi nhớ rõ đôi mắt ba chằm chằm nhìn sang tôi. Giọng nói nhẹ nhàng :

— Thôi, để cho em nó nghỉ.

Rồi ba lại dìu Thủy đứng dậy. Thủy bấu tay vào bàn không chịu dậy. Ba phải bế giật Thủy ra vừa nói đùa :

— Thôi mà, sao học chăm thế ?

Tôi biết ý ba không vui lắm khi thấy Thủy sợ tôi. Tôi không bao giờ quên lời ba dặn riêng tôi :

— Đừng làm cho em sợ. Nên thương em nhiều hơn

Tôi có nghĩ rằng ba thương Thủy nhiều hơn tôi và Hào. Tôi không ganh tị với Thủy về điều này vì mọi người đều cho rằng cha mẹ thương cưng con nhỏ hơn con lớn. Con nhỏ cần sự âu yếm của cha mẹ hơn. Tôi nghiệp, má mất hồi Thủy mới có 3 tuổi. Tôi muốn nghĩ rằng ba thương Thủy hơn chúng

tôi vì Thủy có nét giống má. Hào và tôi thì giống ba. Nhưng dù chủ quan đến đâu, tôi cũng phải công nhận là về hình thức thì ba rất công bằng. Có đồ ăn đồ chơi ba chia đều cho ba đứa. Nếu để tôi đứng chia thì thế nào ba cũng lấy phần của ba sót thêm cho phần Thủy và phần Hào. Ba đoán không lầm. Lúc nhỏ tôi có hơi méo ăn, hơi thối, nên phần tôi thế nào cũng hơi nhiều hơn hai em. Để khỏi làm méch lòng tôi, ba nói :

— Để chia thêm cho em. Ba lớn, ba không thêm nữa.

Biết tính ấy của ba nên Hào và Thủy thỉnh thoảng cũng lợi dụng, nhất là những khi tôi vắng mặt. Vào bữa ăn, khi có tôi cũng ngồi thì hai đứa ngoan ngoãn lắm. Kỳ nghỉ hè vừa rồi, một mình tôi về thăm quê 10 ngày lúc vào, tôi nghe chị Hai bảo :

— Không có chị trong này, Hào và Thủy ăn hiếp ba dữ lắm. Hai người nói chuyện liến thoắng trong bữa ăn và những món nào ngon là ăn vĩa kỳ hết.

Sợ tôi kịp tổ một thái độ bất lợi cho hai đứa, ba gọi cả hai lên phòng ba.

Có lẽ vì biết ba có biệt nhãn đối với mình nên Thủy thỉnh thoảng cũng đầu vớ với tôi. Đọc bài lí nhí mà bảo đọc to thì không chịu nghe nếu tôi nói hơi xẵng giọng. Tôi tức, nhắc lại đôi lần và Thủy tự ái, Thủy cứ ngồi lì, mặt sụ xuống. Tôi cáu, tát cho một cái là Thủy òa ra khóc, khóc kéo dài đợi cho đến lúc ba về. Kề cũng nặng nhọc khi nhìn đồng hồ tôi thấy còn những một giờ rưỡi nữa ba mới về. Tôi dám ra thương hại Thủy, ngồi dỗ cho Thủy nín nhưng Thủy vẫn không nín. Lúc ba về, ba đưa mắt nhìn cái quang cảnh mệ mề bất ổn ấy rồi lặng lẽ vào phòng riêng khóa cửa lại. Tôi muốn ba lên tiếng rầy la tôi đi đề cho tôi có dịp trả xong món nợ, để cho Thủy hài lòng mà im tiếng thút thít. Đằng này ba im lặng là làm khổ cho cả hai đứa chúng tôi. Tôi lo không biết ba sẽ có một lời phạt nào nặng hơn tiếng ba rầy. Chắc Thủy cũng lo vì ba không tỏ ra tán thành Thủy lắm. Lúc ngồi lại bàn ăn, ba lặng lẽ ăn. Chừng được nửa bữa, trái với sự dự đoán của chúng tôi, ba quay sang Thủy :

— Bữa sau con đừng khóc nhè như vậy nữa. Anh chị có đánh mắng cũng chỉ vì thương em, muốn dạy dỗ em. Chị Hằng thương con bao nhiêu con có biết không ? Con đâu biết được rằng những ngày đầu ở Đà-lạt, khi ba má mới hồi cư, Chị Hằng phải bế con khi nhà chưa thuê được người ở. Lúc bây giờ con còn nhỏ, con đâu có biết sự triều mến nhọc nhằn của chị đối với con. Đáng lẽ con phải thương trở lại chị và cảm ơn chị mãi. Đằng này con làm trận với chị là ý con muốn ba đánh mắng rầy la chị. Sao con nỡ như vậy ?

Nghe năm chữ sau cùng được nói với một giọng trầm trầm chầm rãi, tôi cảm động và thấy mình có lỗi hơn là em tôi. Ba khéo sắp đặt để cho lời khuyên đưa này còn có thể gián tiếp khuyên đưa kia. Ngừng lại một giây, ba tiếp :

— Chính Thủy hay nhắc đến lời khuyên của má khuyên ba đưa con : « Chị em phải thương yêu nhau ». Má biết má sắp mất bỏ lại ba đưa con bơ vơ nên má mới khuyên ba con đùm bọc nhau như vậy.

Dường như cảm động, ba không nói nữa. Tôi muốn chạy lại ôm ba tôi để xin lỗi, hôn em tôi để làm lành nhưng tôi vẫn ngồi im. Tôi chăm chú nhìn vào trong những quyển sách tập đọc, tôi xem trong những phim, thấy có những trường hợp tương tự, một người con gái Âu-Mỹ sẽ làm như vậy.

Việc xảy ra như thế làm êm dịu không khí giữa chị em tôi trong đôi tuần. Sau đó, thế nào chúng tôi cũng có những dịp để không hài lòng nhau. Tính tôi cũng dễ cáu. Có lẽ đó là do cái không khí cô đơn trong đó chúng tôi sống. Ngoài những lúc đi làm vắng mặt, còn khi về nhà ba hay im lặng. Muốn làm vui chúng tôi, ba chỉ có thể kể chuyện, kể chuyện linh động gần như đóng kịch, vào những giờ ăn. Tôi biết đó là một sự cố gắng lớn vì sao một buổi làm việc, trông ba có vẻ nhọc lắm. Ba biết những câu chuyện mà chúng tôi thích. Thích nhất là chuyện xưa, chuyện xưa của chúng tôi. Ba kể khi tôi còn nhỏ chị ở tên là Rau bẻ lại trường nơi má tôi dạy. Tôi thấy má, mừng quá giờ tay vẫy đòi bế và mừng thét to lên khiến mấy anh chị học sinh ngạc

nhiên quay lại. Ba kể khi chị Rau bế tôi làm té, má chạy lại ôm lấy vừa xoa vừa khóc nức nở khiến tôi đang ngỡ ngáo không biết việc gì mới xảy ra nhưng thấy má khóc cũng vội khóc theo. Những kỷ niệm xưa, tôi nghe kể mà thên thện một cách lý thú êm đềm. Thên thện vì ba kể hết những nỗi khổ của hồi giã giã mà không giấu giếm. Êm đềm vì tôi cũng cảm thấy sự âu yếm mà ba và má đã dành cho tôi. Trong những kỷ niệm về tôi ba phải nhắc đến má. Giọng vẫn bình tĩnh nhưng thỉnh thoảng tôi thấy mắt ba nhìn ra xa. Rồi giữa lúc đang nói ba bỗng dừng lại không nói nữa khiến chúng tôi ngạc nhiên. Tôi đoán biết lý do nên cúi xuống chén cơm mình. Thắng Hào đại hơn, lên tiếng giục :

— Rồi sao nữa ba, nói tiếp đi.

Thủy thế mà tinh ý. Thủy nói :

— Chắc ba nhớ má...

Khi Hào đòi ba kể chuyện xưa của nó, ba kể lúc má dời nhà lên Trung-lương, Hào đi theo mấy người học sinh của má, nào là chị Thỏa, chị Lang đi chặn bò. Nhưng để thay đổi không khí, đối với Hào ba hay kể chuyện tương lai. Ba kể một ngày kia thắng Hào mặc bộ com lê, mang giày da đen và hút xì gà, nó đi nghênh ngang bước vào nhà miệng huýt sáo. Tức thì con nó nhảy bổ ra và reo lên « Ba về ! Ba về ».

Nghe đến những đoạn này, Hào như bị người cù vào nách không chịu được phải bật ra cười, cười lý thú vì những chi tiết ba kể thường tình theo những cái mộng hiện ngang của nó. Ba ít nói đến những kỷ niệm về Thủy. Tôi nghĩ mãi mới tìm ra lý do. Những kỷ niệm về Thủy thường tôi và Hào đều biết. Khi ba gọi đến thì thường ba để cho tôi và Hào giành nhau nói tiếp. Buổi tối, ba chơi với Thủy và Hào một lát rồi vào phòng riêng. Chỉ những ngày nghỉ rỗi rãi là bốn cha con quây quần lâu hơn ở xa-lông. Ba coi tôi như đã lớn nên khuyên dạy nhiều hơn chơi đùa với tôi. Đó là một lý do khiến tôi thấy mình cô đơn. Tôi mất đi một phần lớn tuổi thơ. Nhưng dù vậy, so với cái cô đơn của ba, tôi thấy tôi còn được sung sướng hơn nhiều.

Quả tình ba đã hy sinh cho chúng tôi. Điều này tự tôi không biết, phải có nghe những người khác nói mới biết được.

Kỳ nghỉ hè trước ba cho chị em chúng tôi về quê ở Phú-yên chơi. Khi trở lại Nha-trang, ba hỏi :

— Các con có vui được nhiều không ?

— Vui lắm. Vui lắm.

Chúng tôi đưa nào cũng lật đật trả lời và tranh nhau kể những thú vui. Những thú vui gần giống nhau : được thấy con sông, cái cầu ván, bầy bò và thảng chăn bò, vườn chuối, bờ tre, cây đa... mà chúng tôi thường đọc trên những trang sách nhưng không tưởng tượng ra được.

Tôi nói :

— Nhưng phiền một nỗi là con đi đâu họ cũng hỏi đã...

— lấy vợ chưa. Phải không !



Ba tôi ngắt lời và mỉm cười nhìn chúng tôi. Chúng tôi cùng mỉm cười gật đầu. Ba tiếp :

— Ba biết trước những câu người ta đã hỏi các con. Đại khái thế này : Sao ba con không về thăm ?... Ba đã lấy vợ chưa ? Sao không bảo ba lấy vợ ?... Lương ba mỗi tháng bao nhiêu ? Ba đã giàu chưa ?... Con có nhớ má không ?..

Thật đúng y những điều người ta vẫn hỏi tôi. Có một điều nữa tôi chắc chắn là ba biết nhưng ba không nói. Đó là, thế nào cuối cùng người ta cũng chép miệng :

— Tội nghiệp má con hồi xưa...

Người nào cũng thương yêu quý mến má. Có nhiều bà lấy khăn chấm nước mắt. Tôi sung sướng muốn nói lời cảm ơn các bà. Ba tôi tiếp :

— Sang năm, các con về nghỉ hè, người ta cũng sẽ hỏi lại những câu đó. Vậy ba sẽ thuê in sẵn những câu trả lời để, khi gặp ai bắt đầu hỏi : « Sao ba con... » thì con hãy giơ tay ngăn lại vừa móc túi lấy tờ giấy in trao lại cho họ vừa thưa : « Con đã biết rồi. Xin ông (hay bà) đọc những lời phúc đáp ở đây.

Biết là ba nói chơi nhưng tôi vẫn hỏi :

— Ba phúc đáp những gì ?

— Dễ lắm. Sẽ in như thế này :

1) Ba con bận quá không về quê được.

2) Ba con chưa lấy vợ.

3) Vừa đủ tiêu thôi.

4) Còn túng lắm.

5) Nhớ lắm ạ, nhất là những khi nhìn lũ con người ta có má sần sọc vuốt ve hay dẫn đi phố, đi xi-nê.

Mùa hè thong thả êm đềm, chúng tôi sống quây quần bên cạnh nhau. Tôi không bị những bài học khó làm quấy rầy, Thủy cũng vậy, nên chúng tôi không có gì để học hặc nhau. Đã thế, ba lại có nhiều thì giờ để săn sóc chúng tôi hơn nên chúng tôi cảm thấy cuộc sống vui vẻ dễ chịu. Nhưng mùa hè nhẹ nhàng trôi qua và chúng tôi bận rộn trở lại. Mùa học bắt đầu, Thủy và tôi bắt đầu va chạm nhau. Những nguyên nhân thật hết sức là vụn vặt. Hoặc tôi giật mạnh quyền sách, hoặc tôi cau mày (lỗi này tôi thường mắc nhất) khi bảo Thủy làm gì. Thế là Thủy hờn dỗi. Có khi ba về kịp lúc Thủy mới đang dỗi, có khi ba về chậm hơn mãi đến khi tôi đã lỡ đánh Thủy rồi. Thật là phiền khi những việc đáng tiếc này xảy ra, nhưng phải đợi lúc việc xảy ra rồi tôi mới thấy là đáng tiếc. Vô ích hết sức là những cơn

giận dỗi như vậy. Và tôi khó chịu khi thấy rằng cơn giận nào cũng diễn ra giống nhau, giống đến mức nó làm cho tôi ghê tởm vì sự nhàm của nó. Lần này Thủy mới bắt đầu khóc thì ba về. Tôi biết là thế nguy vì mới khóc Thủy còn dư năng lực để khóc to. Tôi lo xa, ngồi thủ thế ở góc giường, tay cầm quyển sách. Ba thay áo xong bình tĩnh lại đứng bên Thủy dỗ. Phải mất năm phút Thủy mới nín. Ba đưa Thủy lại thau rửa mặt rồi dắt Thủy lên phòng. Bữa cơm trưa trôi qua im lặng, ai lo phần nấy. Sau bữa cơm, ba lên giường. Một lát sau, tôi nghe tiếng cửa tủ mở và ba lục lọi gì trong ấy lâu lắm. Buổi xế khi ba đi làm rồi, tôi lên vào phòng ba để tìm xem động tĩnh nhưng chẳng thấy có gì lạ, có gì thay đổi. Vẫn cái khung cảnh quen thuộc của giường, của bàn, của tủ sách, tủ áo. Chỉ có sự lộn xộn của những chồng sách đặt trên bàn là không khi nào giống nhau. Chiều đó, ba bước xuống phòng tôi, tay cầm một tấm ảnh khổ 6x9. Ba để dựng lên bàn học của tôi vừa êm dềm nói:

— Con giữ ảnh này, để luôn luôn trên bàn này.

— Ảnh gì đó, ba ? Tôi lật đặt hỏi.

— Con xem sẽ biết.

Nói xong, ba đi ra, Hào và Thủy nghe nói có ảnh, nhảy bổ vào xem.

— Chị cho em xem thử.

— Cho em xem với, chị Hằng.

Ba chị em châu đầu vào bức ảnh. Đó là bức ảnh chụp mộ má. Ba ngày sau khi chôn cất má xong, ba đặt cho thợ xây mộ. Khi mộ hoàn thành, ba đưa ba chị em ra thăm. Hôm đi, có cả Ông vừa ở Phú-yên vào. Một bức ảnh được chụp đề ba lần lượt gửi đến các bà con phía má. Trong ảnh, ba đứng một bên mộ, ông đứng một bên. Hào đứng cạnh ông, tôi đứng cạnh ba. Thủy nhỏ quá, ba phải bế để đứng lên thành mộ, gần bên ba. Ba chị em đều mặc áo tang. Màu trắng của áo quần tang nổi lên trên nền đen của ngọn núi đằng sau. Mặc áo quần tang vào, trông đứa nào cũng lụng thụng, thật đáng thương hại. Nhất là khi quen mắt

vội quần áo mặc hàng ngày là kỹ, thẳng nếp. Đã thế, mặt đứa nào cũng đờ ra. Hào đứng thần thờ buông xuôi hay tay như một người chán đời. Thủy cúi nghiêng mặt để tránh ánh mắt trời chói. Còn tôi thì tóc bay phờ phạc trước trán như một đứa trẻ ốm dậy. Thấm thoát mà thời gian qua mau làm sao. Tưởng chừng má mới mất khoảng mấy tháng nay thôi, sự đau xót còn thấm thía như một vết thương chưa lành kịp. Ấy thế mà bốn năm đã trôi qua, nhìn lại bức ảnh mới thấy ba chị em bé bỏng đến tội nghiệp, đến buồn cười. Dá má nhìn thấy ảnh này, chắc má ôm chầm lấy ba chị em mà òa ra khóc.

Có tiếng giày của ba xéo trước hiên, rồi ba bước vào phòng. Hào nhanh nhẩu hỏi :

— Cái ảnh này ba cất ở đâu bấy lâu nay, hỡ ba ?

— Ba cất trong tủ.

Rồi vội vàng như sợ một đứa nào trong chúng tôi đưa ra những câu hỏi vẩn vơ, ba nói :

— Có nhìn vào bức ảnh, ba đưa con mới nhớ rằng mình cùng chung một nỗi đau khổ lớn, nỗi khổ mất mẹ. Người nào cũng khổ, khổ như nhau, thế mà mình còn tìm cách để làm khổ thêm anh chị em mình, nghĩ thật là vô lý. Thương yêu nhau bao nhiêu, đùm bọc nhau bao nhiêu cũng đã bù lại được chưa, tình yêu của người mẹ mà các con thiếu ?

Ba ngừng nói, đi đi lại lại trong phòng.

— Tri nhớ của chúng ta vốn rất bạc bẽo. Các con lớn lên, nên vai vế, mỗi người có bạn bè riêng tư, có mối lo lắng và vui vẻ riêng tư... nên các con dần dần quên nghĩ đến nhau. Mối đau khổ chung của ngày mất mẹ xóa nhòa dần đi, lòng ích kỷ lớn lên...

Tôi sửa soạn cất tiếng cãi : « Không phải ! Không phải ! Mối đau khổ không xóa nhòa được đâu, lòng ích kỷ... » nhưng ba đã vội gơ tay ngăn lại :

— Con cứ yên tâm đừng vội cãi. Cứ nghe rồi suy nghĩ đã.

Ba đặt bức ảnh nơi đây để nhắc mấy con, nhất là con, mỗi khi có điều gì đáng giận nhau thì hãy nhìn vào trước khi giận. Các con sẽ thấy lại một em Thủy bé bỏng, một em Hào ngơ ngác và một chị Hằng thần thờ, cả ba đều chịu chung cảnh mồ côi má từ thuở thơ ngây đó cho đến một đời. Cả ba đều khổ. Hãy thương yêu nhau.

Ba nhẹ nhàng bước ra. Còn lại chị em chúng tôi im lặng. không nói gì với nhau được một lời. Bức ảnh để trên bàn tôi hơn một tuần. Quả tình mỗi lần nhìn nó lòng xót thương của tôi đối với má, đối với hai em, đối với ba và cả đối với tôi nữa, nhức nhối như một vết thương vật chất. Sau một tuần, vì thấy bàn học tôi lộn xộn sách vở, sợ để mực dây bẩn vào ảnh nên tôi liền đem bức ảnh đặt lên bàn ba. Ba không phản đối.

Không khí hòa bình kéo dài có lẽ được chừng một tháng, Thủy và tôi lại xung đột nhau. Tính Thủy hay hờn dỗi mà một khi đã dỗi rồi thì nói thế nào cũng không chuyển. Cứ đứng lì như một bức tường. Tức quá, « bóp » cho một cái thì òa ra khóc. Hào cũng bắt đầu tỏ ý khó chịu về tính lì của Thủy nhưng Hào chỉ đứng nhứ mày nhìn rồi khinh khỉnh bỏ đi. Chỉ có một mình tôi là thỉnh thoảng hay « bóp » mà thôi. Những vụ xung đột nhỏ, ba phải giải quyết vào bữa ăn. Khi tự bào chữa, tôi hay đem Hào ra làm chứng :

— Ba hỏi thẳng Hào xem. Tại Thủy nó lì quá, con không bảo được.

Ba quay sang Hào :

— Sao ? Thủy nó lì hã ?

Hào gật đầu.

— Gật đầu là cái gì ? Hoặc là có, hoặc là không, phải nói tao mới biết chứ.

Bị chạm tự ái bất ngờ, Hào lì luôn không nói. Thành ra đáng lẽ rầy chừng lì của Thủy ba lại quay sang rầy chừng lì của Hào.

Một buổi sáng, ba dậy trễ vì đêm trước có khách nói chuyện

khuya. Ba phải vội vã rửa mặt và vừa ăn sáng vừa thay áo. Khi ba hỏi đến Thủy thì thấy Thủy đứng im ở hiên, không cho chị Hai chải tóc và không chịu ăn sáng để đi học. Nguyên nhân chỉ vì khi cắt bánh mì chia phần, tôi không đặt tử tế trước mặt Thủy mà chỉ ném sang. Mẩu bánh rơi xuống ghế, Hào phải nhặt lên. Thế là Thủy không ăn nữa. Đến giờ đi làm, ba bước qua phòng ăn vừa dặn vói vào :

— Hằng dở em một chút cho em ăn rồi nhớ đưa em đi học. Coi chừng chữ trễ giờ rồi đấy.

Trưa về, ba vội vàng hỏi :

— Thế nào sáng nay Thủy có bị trễ giờ không ?

Không ai dám trả lời. Hào và tôi mỗi đứa cầm một quyển sách ngồi trước bàn. Thủy đứng ở gần cửa sổ. Mãi sau cùng chị Hai lên tiếng :

— Thưa thầy sáng nay Thủy không đi học. Chảy tóc Thủy không cho, đưa bánh Thủy không ăn.

Tôi đợi chờ cơn giận của ba vì việc Thủy nghỉ học không xin phép sẽ gây cho ba nhiều sự quấy rầy, nhà trường sẽ viết thư hỏi lý do, ba sẽ phải trả lời hoặc trực tiếp hoặc bằng thư. Nếu lấy cơ bệnh thì phải có giấy chứng của bác sĩ chứng nhận bệnh khi nghỉ và chứng nhận mạnh nếu muốn đi học lại. Phiên nhiều thế mà một mình ba thì đâu có đủ thì giờ để lo cho khắp.

Tôi lắng nghe tiếng chân ba giận dữ bước xuống phòng chúng tôi.

— Cũng tại con Hằng hết. Biết tính em nó thế, sao còn hay chọc em làm gì ?

— Con đâu có chọc ? Con lỡ tay làm rớt mẩu bánh mì. Ba cứng nó thành ra động một tí thì nó làm trận với con.

— Ba không cứng đứa nào hết.

— Ba cứng rõ ràng. Thắng Hào nó cũng biết.

Ba quay sang hỏi dồn Hào :

— Hào, mày nói xem. Ba có cưng con Thủy không ?

Hào ngồi im không nói. Tôi lại phải lên tiếng !

— Thằng Hào bây giờ cũng ghét con Thủy rồi. Thứ gì mà động một chút là đã làm bộ. Thằng Hào nó đã tầy chay không thèm chơi với con Thủy nữa.

Ba quay lại hỏi Hào :

— Phải vậy không ?

Hào vẫn im lặng không nói. Tôi tiếp :

— Trước kia ba cũng biết, thằng Hào nó thương con Thủy nhất nhà. Đi đâu nhất được cái gì lạ nó cũng đem về cho Thủy. Ăn món gì cũng nhớ để phần cho Thủy. Bây giờ nó ghét rồi, nó ghét rồi.

— Như thế này thì quá thật.

Giọng ba run lên.

— Thủy.

Tiếng ba gọi to làm ai nấy giật mình, và ba đi lại chỗ Thủy đứng, nắm lấy tay Thủy. Tôi vẫn giận dữ nói tiếp :

— Ba không bao giờ đánh nó nên nó dễ ngạo. Ba chỉ đánh con và đánh thằng Hào. Thằng Hào nó trông cho ba đánh con Thủy một lần cho nó coi thử.

— À !

Tiếng ba gằn xuống. Ba lại gọi to :

— Thủy.

— Dạ.

Giọng Thủy vẫn lạnh lạnh như thường ngày, không tỏ một chút cảm động nào khác.

— Con ăn ở xấu nên chị Hằng và anh Hào đều ghét. Ai cũng muốn cho ba đánh con. Vậy ba phải đánh. Chị Hai đâu, bẻ cho tôi con roi.

Chị Hai « dạ » nhưng nấp mãi ở đâu không thấy đem roi

lên Ba đi thẳng ra bờ giếng bẻ phăng một cành chùm ruột rồi vội vã đi vào.

— Ăn ở xấu đến nỗi chị cũng muốn đánh, anh cũng muốn đánh như thế là đã quá lắm rồi. Thủy !-

— Dạ

— Nằm xuống giường.

Thủy ngược nhìn ba với đôi mắt tròn, không biết ba nói thật hay nói đùa.

— Nằm xuống.

Ba nhắc lại. Thủy leo lên giường, nằm ngửa, nhìn ba. Mối nhếch lên, phác một dáng cười gượng. Ba giờ cành chùm ruột quất xuống một roi mạnh. Mặt Thủy lộ tất cả vẻ ngạc nhiên. Ba giáng thêm liên tiếp hai roi nữa. Đau quá, Thủy bật khóc ò lên, khóc to, khóc ngon lành. Ba vừa quất vừa nói :

— Phải đánh thật đau cho con chừa. Cho anh con, chị con bằng lòng.

Mỗi lần giáng xuống, roi gãy cụt một đoạn vì cành chùm ruột trông sù sì dễ sợ nhưng giòn lắm. Cuối cùng, ba vất mẩu roi còn lại ra sân rồi bước lên xa-lông. Thủy vẫn nằm ngửa khóc to, nước mắt chảy ràn rụa. Chị Hai đứng ở khe cửa ái ngại nhìn vào, hai giọt nước mắt lăn trên gò má. Thủy được chị yêu nhất trong ba chúng tôi. Thường ngày chị săn sóc Thủy chu đáo triu mến như con của chị. Lặng lẽ chị vào bể Thủy dậy và đưa ra thau rửa mặt.

Lần đầu tiên Thủy bị đòn ! Tôi nghĩ thương hại hết sức khi ba bảo Thủy nằm xuống, Thủy nghĩ tưởng là nằm ngửa như khi nằm ngủ. Thủy đã biết đâu là khi nhận đòn người ta phải nằm sấp xuống. Tội nghiệp nữa là Thủy tưởng ba nói đùa, đến chừng roi giáng xuống đau quá mới bật khóc và mới biết rằng thật. Có tiếng xì mũi bên cạnh. Tôi quay sang thì thấy Hào nước mắt lưng tròng. Tôi hỏi nhỏ: « Sao mày khóc ? » nhưng nó lắc đầu không nói. Một lát sau, tiếng xì mũi mạnh hơn và

khi quay lại, tôi thấy mặt nó đã có hai dòng nước mắt chảy dài. Nó lẳng lặng bước ra hiên, lưng rung rung vì những tiếng nức nở nó cố giữ cho khỏi buông ra. Đôi chân nó kéo lệch xệch trên đất. Nó đi men theo mép tường, sát quá và bước chậm quá khiến tôi có cảm tưởng là nó bò trên mặt tường. Khi nó đã ngồi trước hiên rồi thì tôi nghe rõ tiếng khóc rí rỉ. Tiếng khóc đã làm ba lưu ý. Tôi nghe ba lần trở trên giường và cuối cùng tiếng giép của ba kéo lê đi từ giường lại chiếc cửa sổ tròn trở ra hiên. Đứng ở đó một lát, ba đi vòng qua xa-lông mở cửa trước. Ba đứng trước mặt nó, hỏi :

— Sao ? Ba đánh Thủy như vậy con đã bằng lòng chưa ?

Hào không nói.

— Hay là con chưa bằng lòng ?

Hào oà ra khóc lớn, tiếng khóc ảm ức. Ba lặng nhìn một giây rồi đi trở vào, lại nằm xuống giường.

Trong khi đó, chị Hai đã bế Thủy lại ngồi ở ghế đặt trước mặt tôi. Mặt Thủy qua cơn kinh ngạc và đau đớn đã trở lại bình tĩnh. Tuy vậy, còn có một vẻ gì phảng phất băng khuâng. Tiếng khóc tí tì của Hào ở mái hiên vọng lại khiến Thủy quay đầu lắng nghe. Tôi để ý nhìn vành tai và mái tóc nơi ót của Thủy quay về phía tôi. Chợt tôi bàng hoàng như mình vừa trông lầm : quả là vành tai và mái tóc của má tôi ngày xưa. Vành tai đầy đặn trắng và cái ót trắng, phất phơ bay những sợi tóc mịn màu nâu. Tôi nhớ tôi đã ngồi nhìn mãi không biết chán cái tai ấy cái ót ấy khiến có lần má quay lại hỏi :

— Con nhìn gì chăm chăm thế ?

Tôi ngượng nghịu trả lời :

— Con yêu cái tai và cái ót của má quá.

Má tôi cười, ôm tôi hôn và nói :

— Chỉ yêu có thế thôi à ? Chắc là mặt má, mũi má con ghét . . .

— Không không. Con yêu hết, con yêu . . .

Câu nói của tôi tắt nghẽn vì má của má áp ngay vào môi tôi.

Lạ thật, mãi hôm nay tôi mới để ý đến vành tai và cái ót của Thủy. Tôi đưa mắt nhìn sang đôi má trắng hồng bầu bĩnh của Thủy, nhìn vào đôi môi, đôi mắt. Quả Thủy có những nét giống má, quả Thủy là hình ảnh của má gợi lại cho chúng tôi. Thế mà tôi lại đi hành hạ cái hình ảnh thân yêu ấy. Thật vô lý. Vô lý.

Tôi lắc đầu như cố phủ nhận những hành động sai lầm của tôi trước đây. Tôi hối hận. Tôi muốn kêu lên :

— Má ơi !

Và hai giọt nước mắt không biết từ lúc nào trào ra khỏi mi tôi, chậm chậm lăn trên má tôi, tôi không buồn lấy tay lau đi nữa.

VÕ HỒNG

THI SĨ CHẾ-VŨ ĐÃ TỪ TRẦN

Thi sĩ Chế-Vũ — Một cây bút cộng tác với Văn Hữu — đã mệnh chung hôm 25-8 sau mấy tháng trời nằm trên giường bệnh.

Anh để lại hai thi phẩm : Hoa tâm tư và Khát vọng, cùng nhiều di thảo khác.

Năm nay mới 31 tuổi, Anh ra đi sớm quá nên đã gây một niềm xúc động và tiếc thương cho toàn văn giới.

Tòa soạn Văn Hữu kính viếng hương hồn anh sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Tòa soạn VĂN HỮU

ĐỖ TẤN

Im lặng



TÔI bước vào nhà
Tư bề vắng lặng
Một con chó vàng dưới giàn hoa nắng
Những giọt sương xúc động thờ dài
Tôi muốn hỏi ngay :
— Em có còn yêu tôi không ?
...Và rưng rưng... như muôn khúc trong lòng

Người từ trong bước ra
Dưới giàn hoa lý
Trông người tiều tụy
Tôi yêu những gì tiều tụy
Của người yêu tôi đã khóc trắng đêm
Gió sớm mai ướm lả sương mềm.

Tôi định nói với người rằng :
— Chúng ta vô lý
Vì hạnh phúc không làm bằng ủy mị
Vì tương lai không tha thứ rụt rè
Người như mê... gục đầu... im lặng.

Người yêu tôi như mê... như lịm đi dưới giàn hoa lý
Tôi nghe từng hơi thở nhẹ
Thương nhìn những sợi tóc bay
(Yêu bao nhiêu là những phút giây này)
Tôi quay đi... gục đầu... im lặng.

ĐỖ TẤN

TƯỞNG LINH

Tiếng suối

TÔI tỉnh giấc vì cánh cửa sổ bị gió đập nhiều lần vào chấn song sắt.

Mưa...

Cơn mưa có lẽ đã lâu lắm rồi. Tôi nghe rõ những giọt to và nặng từ mái hiên rơi xuống mé thềm và xa hơn chút nữa là tiếng mấy cành sấu-đông trấu nước đập vào nhau.

Cánh cửa sổ vẫn đập. Mỗi lần cánh cửa mở ra, một loạt nước mưa lấm tẩm lạc vào phòng tôi, chui qua tấm màn thưa và đậu lại trên mặt, trên áo tôi. Những hạt mưa tò mò ấy vừa « an vị » thì cánh cửa sổ lại đánh sầm một tiếng.

Những sự việc ấy cứ thế mà diễn đi diễn lại nhiều lần và chẳng đưa đến cho tôi chút lý thú nào cả.

Tôi không buồn mở mắt để nhìn ra ngoài trời đầy mưa gió. Chỉ vói tay một tí là có thể khép chặt cánh cửa sổ, nhưng tôi không muốn làm thế và cũng chẳng cần biết là mình thức giấc vào lúc mấy giờ đêm.

Thật khó mà nổi lại giấc ngủ ! Tôi đương sống giữa những tiếng động. Tôi dùng tiếng động để suy đoán, để kết luận và chỉ dùng đôi tai để giải thích mọi việc mà những trường hợp khác phải cần đến mắt giác quan.

Đêm có lẽ đã khuya và ngoài trời chắc là đen lắm.

Mấy lần tôi toan mở mắt để nhìn ra ngoài trời đương rầu rĩ, sụt sướt này nhưng không thắng được ý nghĩ ban đầu đã thành như cố định. Một sự thất bại cón con, ngộ nghĩnh mà chính tôi muốn như thế.

Cứ lảng lạng thử sống cái thế giới của người mù. Màn đen tối tuy trực tiếp với nhãn quan nhưng tâm tư tôi vẫn sáng suốt. Mở mắt ra trong lúc này thà đừng thức giấc (ó hay !) và cố mà ngủ ngay từ trước vẫn còn có lý hơn nhiều.

Tôi gần như đã thuộc tất cả sự rùng mình của một đêm mưa. Vẫn những cơn gió, vẫn tiếng cành lá đập vào nhau và âm thanh buồn tênh của từng loạt nước rơi xuống thềm...

Theo thói quen, mỗi lần thức giấc bất chợt, tôi lại nghĩ đến một vấn đề. Bảy giờ, một sự lo lắng có chen lẫn nỗi buồn sâu kín đến với tôi. Nỗi lo và buồn ấy đã phát hiện trong tôi ngót tuần lễ nay kể từ hôm tôi từ giã gia đình chú tôi ở ngoài Trung để trở lại với công việc làm ăn tại Sài-gòn.

Đêm nay, tôi càng lo hơn nữa vì theo lời hẹn, chiều mai tôi phải trả lời với Hương — vị hôn thê của tôi — về vấn đề hôn lễ của chúng tôi. Tôi biết Hương trông đợi lắm. Chắc nàng vẫn vui, vui như hôm tôi dẫn nàng về thăm quê tôi vì Hương không thể biết những điều khó nghĩ của tôi hiện tại.

Có lẽ hôn lễ của chúng tôi phải đình lại vô thời hạn, và, nếu Hương hoặc gia đình nàng thắc mắc về tôi, hay « chề » tôi dù với một lý do có thể khắc phục, tôi cũng vin vào cơ ấy để từ hôn ngay. Tôi chờ đợi điều đó xảy ra. Tôi muốn Hương nhìn thẳng vào sự thật để thấy rằng sau khi lấy tôi, cả hai đều vui mừng vì tình yêu đã thành tựu song tôi lại không muốn nổi vui ấy chỉ lóe lên như một ánh đèn của ảo tưởng, rồi tắt ngấm. Vì yêu Hương, tôi không muốn nàng phải chịu đựng tình trạng thiếu thốn về vật chất sau này khi từ bây giờ, nàng có thể « chề » tôi; đề kíp dừng lại tại một đường ranh của cuộc đời mà nếu bước thêm, nàng sẽ khổ.

Tôi không tin vào yếu tố thời gian. Rất có thể, vào một hạn định tháng năm sớm muộn nào đó trong tương lai, Hương sẽ ân hận. Nàng yêu tôi, từ xưa đến bây giờ, tôi biết lắm. Nhưng theo tôi, lấy nhau vì yêu nhau mà không cần dựa vào những phương diện cần thiết khác của con người, của cuộc sống, thì xin dành việc làm ấy cho những cặp tình nhân trong tiểu thuyết.

Tại sao Hương vẫn chưa nhìn thấy sự báo hiệu cả một tương lai đen tối của chúng tôi khi nàng theo tôi về quê và đã chứng kiến tình trạng suy sụp của gia đình tôi ? Hương không nhận ra hay vì yêu tôi, mà nàng làm như không biết ?

Những tháng năm lành đềm nơi quê người, tôi tưởng số vốn liếng bằng đất ruộng của tôi tại quê hương có thể là cứu cánh duy nhất sau khi tôi cưới Hương. Tôi chỉ còn biết trông cậy vào chừng ấy thôi vì công việc của tôi ở đây chỉ còn hai tháng nữa là hết hạn giao kèo. Tôi không được tiếp tục làm việc nữa. Người ta đã báo trước cho tôi biết như thế.

Giá tôi nói thẳng với Hương về ý định hiện tại của tôi thì đỡ khổ tâm. Nhưng tôi không nỡ và chắc gì nàng sẽ bằng lòng với lời đề nghị nghe như vô lý của tôi ?

Tôi lại nghĩ nhiều về gia thế tôi. Con người quê mùa cổ hủ trong tôi bắt tôi phải nhớ đến từng thửa ruộng, mảnh vườn và chút trách nhiệm gia tộc đã « chia » về phần tôi nhưng tôi không làm tròn.

Tại quê nhà, tôi chỉ còn *tình cảm* nhưng không còn *quyền lợi*. Sự mất mát ấy, nếu suy cho cùng, tôi không tiếc lắm nhưng mà đau xót. Hương làm sao cảm thông được với tôi về điều đó khi nàng đặt tất cả hy vọng vào tình yêu như một người lữ hành có sẵn định hướng, cứ hăm hở bước lên phía trước...



MỘT buổi chiều cuối thu năm 194...

Bữa tiệc sinh nhật thất tuần của ông tôi đã tàn. Mấy cụ

già — bạn của ông tôi — kiếu từ ra về. Những cái bóng gầy còm, những mái đầu bạc phơ dần khuất sau ngõ trúc.

Ông tôi theo tiễn các bạn đồng tuế ra ngõ, nắm tay từng người. Chủ, khách đều có vẻ không vui vì ở vào lớp tuổi đã « tri thiên mạng », những vị ấy như cùng linh cảm một cái gì buồn buồn sẽ xảy đến.

Có lẽ ông tôi và quý vị bô lão ấy đều nghĩ rằng kể từ hôm ăn mừng sinh nhật lần thứ bảy mươi, ông tôi phải đặt mình trong tình trạng chờ đợi ngày nhắm mắt, buông xuôi đôi tay. Chút sinh lực mòn mỏi của ông tôi từ đây chẳng khác nào những tia nắng cuối ngày. Giờ hoàng hôn của cuộc đời ông tôi sẽ không còn xa mấy.

Cảm nghĩ ấy đều có trong lòng tất cả mọi người hiện diện tại bữa tiệc sinh nhật ông tôi. Chúng tôi là con cháu cũng nghĩ như thế nhưng không ai dám nói ra, cho nên, dù cố gắng thế nào đi nữa, bữa tiệc vẫn không được vui vẻ như những lần trước.

Sau khi khách khứa ra về, ông tôi trở vào nhà ngồi trên căn phản giữa đặt trước bàn thờ. Ông li cùi tay lên chõng gối xếp, người hơi ngả ra phía sau. Nhấp một ngụm trà, ông gọi cha tôi đến, bảo :

— Con gọi mẹ thẳng Hoài (mẹ tôi), con Quyển, con Tần (hai cô tôi) và vợ chồng thẳng Phụng (chú thím tôi) đến ngồi quanh đây cho cha bảo điều này.

Mọi người đến, kẻ đứng, người ngồi quanh ông tôi, chờ đợi.
Không khí im lặng.

Bằng giọng nói trang nghiêm, chững chạc quen thuộc, ông tôi thông thả nói :

— Cha biết sức lực của cha đã suy giảm hơn trước nhiều rồi. Chắc rằng ngày cha về với tổ tiên không còn xa nữa. . .

Ông tôi bỏ lửng câu nói, hớp một ngụm trà. Mẹ tôi kéo vạt áo dài lau nước mắt. Hai cô tôi quay mặt sùì và thím tôi đảo

mắt nhìn mọi người rất nhanh rồi cũng rút khăn tay đưa lên mặt thút-thít. Cha tôi vói tay nâng chiếc ấm Mạnh-thần châm thêm trà cho ông tôi.

Ông nghiêm giọng bảo mọi người :

— Khóc gì mà khóc ? Chết sống là lẽ thường. Cha biết trước phần mạng để bảo con cháu lo là nhà có phước ấy chứ ?

Rồi ông tiếp :

— Bởi vậy, hôm nay có mặt đông đủ các con, việc thứ nhất là lão Cả với thằng Phụng lo đặt cho cha một cỗ quan tài gỗ tốt, đúng kích thước, đề sẵn đấy. Ngày mai kiết nhật, bảo thằng Bảy thằng Hớn (hai người giúp việc nhà) cầm rựa theo cha vào gò Phụng-Hoàng để cha nhắm lại cái sanh-phần cho rồi. Cha sẽ cho cắm cọc tứ hướng, phân thượng, hạ rõ ràng, nhiên hậu các con cứ theo đó mà an táng cho cha.

Cha tôi và chú Phụng vâng dạ.

— Còn hai mẫu ruộng ở Đồng-Cam là ruộng « liên dưỡng lão, hậu tống chung » của cha, khi cha nằm xuống, nếu không sẵn tiền hoặc thiếu, các con cứ bán đi để mà lo. Bán mấy sào hay bán tất là do lão Cả tính toán và định đoạt cho nó vừa với nhu cầu.

Cha tôi dạ.

Nhìn quanh mọi người một lượt, ông tôi hỏi :

— Các con hiểu ý cha cả chứ ?

Mọi người đồng thanh :

— Dạ hiểu,

Ông tôi từ từ ngồi thẳng người lên, khoác tay :

— Thôi, chỉ có thế.

Không khí u buồn bao phủ gian nhà và len lỏi trong lòng mọi người vì sự sửa soạn vào cõi chết của ông tôi.

Nửa tháng sau, vào một ngày do ông tôi chọn, cha tôi cho

hai người giúp việc đến tiệm thợ mộc lớn nhất trong làng khiến cỗ quan tài về.

Cỗ quan tài đặt trước hiên nhà. Ông tôi nhìn bên trong, ngắm bên ngoài, đặt từng gang tay đo lại bề trường, bề hoành, xem lại nước sơn, gõ gõ hai bên hông và nhắc thủ tẩm ván thiêu, đoạn tẩm tặc khen :

— Được lắm ! Cỗ này tốt hơn cỗ của mẹ chúng mày hồi trước đấy.Ừ, mà bi sao được, một đấng làm vội vàng, một đấng đóng cả nửa tháng bảo sao không hơn chứ ?

Xong ông tôi bảo khiến cỗ quan tài đặt tại nhà ngang, sát vách, có kê bốn con « ngựa » gỗ cần thận.

Thế là từ đó, việc « mai ngày » của ông tôi chẳng có gì phải lo nữa. Cỗ quan tài đã có, sanh phần cũng đã được phát dọn và cắm cọc tử tế, hai mẫu ruộng tại Đồng-cam có nhiệm vụ « tiền dưỡng lão, hậu tống chung » của ông tôi, vì là ruộng tốt nên chỉ cần tuyên bố bán là các tay nhà giàu quanh vùng giành nhau mua ngay.

Mọi người trong gia đình tôi lại bình thần làm ăn, chúng tôi đi học, ông tôi ngày ngày xem sách, làm thơ, chăm nom mấy chậu kiểng và hòn non bộ đề an dưỡng tuổi già và... chờ đợi.

Một năm sau, tuy cỗ quan tài vẫn còn đặt tại nhà ngang nhưng bữa tiệc sinh nhật lần thứ bảy mươi mốt của ông tôi không tổ chức được. Cuộc chiến tranh Việt-Pháp nổi bùng. Chiến sự xảy ra chưa đầy hai tuần lễ, quân Pháp đã tiến đến tận làng giáp giới làng tôi và đóng đồn tại đấy. Sở dĩ Pháp còn ngần ngại mà chưa tiếp tục tiến quân vì muốn lên làng tôi, họ phải băng qua một cái trũng, hai bên là vách núi dựng đứng hiểm trở. Bộ mặt im-lìm, bí mật của dãy núi X đã thành mối hoài nghi, do dự của viên chỉ huy Pháp nào đó tại mặt trận này.

Làng tôi thành cái « đình » trước mắt của quân Pháp. Bởi vậy, ngày nào làng tôi cũng bị máy bay bắn phá. Dân làng phần sợ máy bay, phần lo « mặt trận võ » nên gồng gánh, dìu dắt nhau tản cư lên làng trên.

Đêm đêm nhìn trời sao, chẳng biết lựa ra vì sao nào mà ông tôi quả quyết rằng suốt « ngũ xứ Đông-dương » này đã không còn chút lộc nào dành cho người da trắng nữa. Không lâu lắm họ sẽ rút lui hết.

Vì thế, vì cái tư tưởng « tốc chiến » ấy nên ông tôi không cho gia đình tản cư như mọi người trong làng.



Nhưng, sự tiên đoán bằng thiên văn của ông tôi chưa thấy được chút báo hiệu nào khả quan thì vào một buổi trưa, hai chiếc máy bay đen thui đen thui ào ào bay đến trút đạn liên thanh xối xả xuống xóm tôi.

Máy bay bay khỏi, cha tôi nhảy lên khỏi hầm chạy vào nhà thì ông tôi còn nằm úp mặt vào bờ tường nhà dưới, run lẩy bẩy. Cha tôi đỡ ông dậy, ông vẫn còn run và lời đầu tiên của ông tôi là hỏi ngay :

— Có đứa nào... làm sao không ?

Chúng tôi đã tề tựu đủ mặt, ông tôi yên tâm rồi chửi thề :

— Mẹ kiếp cái tụi ! Cứ nhè nhà lương dân mà bắn hoài !
Cha tôi phản nản :

— Con đã thấy cha ra tới miệng hầm rồi mà còn trở vào nhà làm gì ?

Ông tôi nói, giọng mệt nhọc :

— Tao trở vào để đem cái ống đựng gia phả ra kéo rũi cháy nhà thì tiêu mất. Ai ngờ nó bắn gấp quá, chạy không kịp. Cũng may !

Trận ấy, kể cả nhà tôi thì xóm tôi có mười hai nhà bị máy bay bắn hư. Một con trâu và hai con nghé bị chết. Rất may là đồng bào không ai hề gì cả.

Điều làm ông tôi không vui là cỗ quan tài của ông bị trúng một viên đạn 12 ly 7 làm toạc miếng ván thượng có chạm chữ « thọ ».

Cha tôi giục ông tôi và chúng tôi tản cư vì trẻ con và ông già ở lại không thể tránh máy bay kịp. Ông tôi phân vân nhưng trước sự hối thúc của cha mẹ tôi, ông đồng ý với một điều kiện : chờ chữa xong cỗ quan tài bị hư rồi ông mới đi.

Cha tôi phải gọi thợ mộc đến nhà sửa gần hai ngày mới xong. Sáng hôm sau, nhìn cỗ quan tài lành lặn, ông tôi mới chịu dắt chúng tôi tản cư lên làng trên.

Hai tuần sau, vào một buổi chiều, khi tôi và mấy đứa em đương quây quần bên ông tôi để nghe ông kể về trận lụt lớn năm Tỵ thì chú Bảy — người giúp việc — hốt hải chạy lên báo với ông tôi một tin sét đánh : cha tôi bị đứng tim mà chết lúc 10 giờ sáng vì liếng dội của hai quả bom rơi trúng giữa nhà. Dây nhà ngói năm gian cùng với những non bộ, bồn bông, chậu kiềng . . . đều tan tành hết.

Ông tôi chỉ kêu được một tiếng « trời » rồi đứng im. Cặp mắt ông tròn xoe, không nháy. Chúng tôi vô cùng kinh hoàng hết nhìn ông tôi rồi nhìn chú Bảy, không biết sự tình ra làm sao cả.

Ngay chiều hôm đó, ông tôi thuê một chiếc ghe chở chúng tôi về làng để lo việc chôn cất cha tôi.

Tôi nhớ mãi lời ông tôi khóc cha tôi :

— Thiệt là thời loạn nên *tre* phải khóc *măng* con ơi ! Con chữa lại cỗ quan tài của cha để bảy giờ cha liệm . . . xác con...

Mảnh đất tại gò Phụng-Hoàng dành làm sanh phần cho ông tôi lại trở thành mộ địa của cha tôi một cách không ngờ.

Từ ấy, mỗi năm, gia đình tôi sa sút trông thấy. Khi tôi lớn lên, biết nghĩ về gia đình thì cái gia trang ngày xưa chỉ là một vang bóng gây cho tôi niềm tiếc nhớ vô lý mỗi lần nghe mẹ tôi kể lại. Khu vườn đầy hoa và nhiều loại cây ăn quả ngày xưa bây giờ nhường chỗ cho sắn, bắp đôi mùa vây quanh chiếc nhà tranh cất trên nền cũ, dựa lưng vào vách tường gạch phủ đầy rêu.

Chú tôi dọn nhà về cất tại phía ngõ vào nhà tôi nhưng sự thêm một nóc gia ấy cũng chẳng thay đổi được chút nào bộ mặt buồn dợt của khu xóm đương suy.

Mười mấy năm đã qua với bao nhiêu đời đời dầu bẽ! Ông tôi đã mất trong thời gian mà mẹ con chúng tôi không đủ điều kiện để mua sắn cho ông một cỗ quan tài. Thật ra, nếu đủ tiền chúng tôi cũng không muốn đặt sắn trong nhà môn tài sản dành cho người chết vì chắc gì « nó » chỉ nằm chờ mỗi một ông tôi? Cái chết bất đắc của cha tôi ngày nào đã làm cho mọi người trong gia đình tôi có thành kiến ghê ghê về cỗ quan tài sắn sắn.

Hai mẫu ruộng của ông tôi không thể đợi đến ngày xử dụng vào việc tống táng ông tôi. Mẹ tôi, chú và hai cô tôi phải chạy cho được số tiền khác rất khó khăn để lo việc ma chay ông tôi vì số ruộng khiêm nhượng ấy, ông tôi đã bán thực (1) để nuôi cả gia đình chúng tôi trong thời gian túng bấn.

Những tháng năm nổi trôi nơi xứ người, cái lo thương xuyên của tôi là dành dụm cho đủ số tiền để về quê chuộc lại hai mẫu ruộng của ông tôi. Trong gia đình, công việc ấy thuộc về phần tôi. Ngoài trách nhiệm của một thằng cháu đích tôn, từ khi tính chuyện cưới Hương, từ khi việc làm của tôi sắp hết hạn giao kèo, tôi lại càng muốn mau mau về quê để chuộc lại số ruộng ấy. Nhưng ý muốn là một

(1) Có thể chuộc lại sau một thời hạn nào đó.

việc mà phương tiện lại là một việc khác. Nó thực tế và quan trọng hơn nhiều.

Nhiều đêm nằm khoèo trên căn gác trọ lúi sâu trong lòng hẻm Nam-Long này, gác tay lên trán, tôi suy nghĩ về sự nghiệp của mình. Nghĩ rồi buồn. Trong khi đó, ở phòng dưới nhà, chắc mẹ tôi tưởng tôi đã viết lách xong và đã ngủ.

Những gương « vô trong » lập nghiệp của mấy người ở làng tôi trước kia bắt buộc tôi phải lo cho mình.

Tôi có người cậu ruột, em kẻ mẹ tôi. Năm 1944, vì bất bình với cái chức giáo làng, cậu tôi từ giã gia đình quyết vào Nam lập nghiệp. Năm đầu còn có thư từ, tin tức, thỉnh thoảng cậu tôi còn gởi về quê vài giỏ măng cụt, sầu riêng làm quà. Rồi đến năm sau và gần chín năm kế tiếp, cậu tôi bất tin cùng với tình trạng khói lửa mịt mù của đất nước ; với sự gầy đói của hàng chục nhịp cầu, với sự gián đoạn của đường biển, của thiết lộ và quốc lộ.

Mãi đến khi tiếng súng đôi bên ngừng nổ, ông ngoại tôi gần tám mươi tuổi, bán trâu, đợ ruộng để có món tiền lặn lội vào Sài-Gòn thăm con. Sau ba ngày dạo khắp Sài-Gòn, Chợ-Lớn với nỗi lo bên cạnh tâm trạng rối bời của những người lính viễn chinh sắp sửa xuống tàu về nước, ông ngoại tôi gặp một vị Hòa-thượng quen nhận ra và mời về chùa. Sự nghiệp và giấc mộng dọc ngang của cậu tôi kết quả chỉ là một năm mộ năm nhờ cây trong vườn chùa, dưới sự bảo trợ hương khói của vị Hòa-thượng ấy. Cậu tôi đã chết hai năm, trước ngày ngừng súng. Bao nhiêu vốn liếng cậu tôi dành dụm được để chờ một ngày về huy hoàng đã bị tan nát bởi nhiều lý do của thời cuộc.

Ông ngoại tôi thuê người đắp mộ cậu tôi cho được cao hơn đôi chút, rồi trở về. Bà tôi mau già hơn, đôi mắt chóng mờ hơn cũng chỉ vì nguyên nhân ấy.

Những buổi chiều lê thê của tuổi xế, ông tôi cố chôn tiếng thở dài giữa hai ngụm rượu thuốc và chỉ mong đem được hài cốt cậu tôi về đặt trong mộ địa của họ Huỳnh.

Người thứ hai là một cô gái ở bên cạnh nhà tôi. Cô Hảo. Cô Hảo nhất định không chịu lấy một người chồng do sự ép ượng của cha mẹ nên tìm cách trốn vào Nam, Câu chuyện « đi vong » của cô có làm xao động xóm tôi ít lâu, nhưng rồi đầu lại vào đây.

Bốn năm sau, vào lúc mà mọi người ở xóm tôi gần quên cô Hảo thì « đương sự » lại lù lù về nhà. Cha mẹ cô đã chết. Người em gái mới lấy chồng. Cô Hảo trở về với chiếc va ly nhỏ đã cũ, mà dù cho kẻ ngoại cuộc có ước lượng hàm hồ đến mấy cũng không thể tin được số vốn-liếng trong lòng chiếc va ly ấy có thể nuôi cô được vài tháng trời.

Tự trung, sau bốn năm vô Nam của cô Hảo, nếu có gì thay đổi, họa chăng là những tiếng nói pha « giọng làng-trong » vụng về và hàm răng trên hơi vầu ra của cô có được mấy chiếc răng vàng ...

Còn phần tôi ? Tôi sẽ về quê với chừng nào sự nghiệp đây ?

Tôi chưa thể về để thực hiện trách nhiệm « cháu đích tôn » của mình vì chưa bao giờ tôi có nổi lấy một nửa số tiền phải hoàn lại cho người mua ruộng.

Đó là chưa kể đến số tiền không nhỏ — đối với tôi — để cất lại nhà và làm vốn sinh nhai.

Hương làm thế nào có thể hiểu cho tôi điều đó ? Nàng sẽ bằng lòng với số lương đạm bạc của chồng tuy chưa biết rồi đây tôi sẽ làm gì. Hương sẽ sẵn lòng trả tiền thuê nhà mỗi tháng tại đô thành và có lẽ không bao giờ nàng nghĩ đến việc dựng một ngôi nhà vĩnh cửu trên mảnh đất quê chồng.

Tôi rủ Hương về quê tôi chơi cho nàng biết cảnh biết người tại đấy và cũng để cho bà con bên tôi biết Hương, ngỏ hầu sau này nàng khỏi bỡ ngỡ.



CÒN hai cây số nữa, tôi và Hương sẽ về đến nhà chú tôi ở giữa xóm có ngọn gạo in hình gậy guộc trên nền trời xám buổi chiều.

Hương bước theo sau tôi. Chúng tôi đi trên con đường dày đặc cỏ may. Nàng luôn luôn chuyển chiếc va-ly từ tay này sang tay kia cho đỡ mỏi. Tôi không thể giúp nàng vì cả hai tay tôi đều nặng những đồ đạc rẻ tiền mang về làm quà cho bà con sau mấy năm xa cách.

Gió nồm từ mặt sông dâng lên mát rượi. Ruộng bên đường đã cấy xong. Cánh đồng mênh mông. Lúa non ngất, xanh và thừa. Từng quãng, những tấm bảng xi-măng dựng bên đường mang những câu khẩu hiệu có động ý nghĩa cứu quốc. Trên đầu chúng tôi, máy bay tản mát, vài chấm điều trời lang bạt trên nền trời...

Buổi chiều thôn dã im vắng đến độ buồn tẻ. Tôi đã quá quen với « bức tranh thủy mặc » ấy, và lúc này, buổi trở về, tôi không thấy trong lòng dậy lên những ham muốn tao ngộ với cảnh cũ người xưa như thường tình, mà chỉ có một nỗi bùi ngùi khó nói. Tại sao ? Tôi vô tình với quê hương chăng ? — Không biết. Và vì không biết rõ lòng mình nên tôi thăm chịu lỗi với quê hương.

Khi đặt chân trên con đường về xóm cũ tôi mới tự dẫn vật : sao mình lại dẫn Hương về trong lúc này ? Chính tôi cũng chưa muốn về để gặp lại cảnh cũ, người xưa. Tôi không thể cắt nghĩa hết bao nhiêu uẩn khúc của lòng mình. Có lẽ vì tôi hồ thẹn với quê hương bởi cái mặc cảm của kẻ nghèo. Tôi không đáp đúng sự tưởng tượng của mọi người về tôi khi tôi chưa trở lại. Nghĩa là tôi không « giàu » như họ tưởng.

— « Thế thì những năm tháng bôn ba của « hấn » dùng để làm gì ? »

Người ta sẽ hỏi nhau bằng câu ấy và từ lâu, tôi cũng tự hỏi như thế.

— Quê anh đẹp và khí hậu trong lành thoải mái quá !

Câu khen ngợi của Hương làm tôi hơi giật mình. Tôi đáp lửng về phía sau :

— Cảnh nhà quê nào thì cũng thế thôi, Hương ạ !

Tôi đi chậm lại vì nghe tiếng nói của Hương đã lùi hơi xa

về phía sau. Nàng bảo tôi đợi và hỏi thêm ;

— Núi gì phía trước có mây trắng trên đỉnh trông đẹp thế anh ?

Tôi dừng, quay lại, cố giữ bộ mặt vui vẻ nhìn theo ngón tay Hương, giới thiệu :

— Núi Kỳ-Tang đấy. Kỳ-Tang là lá cờ tang. Hương trông núi có giống một lá cờ rủ xuống không ?

Hương reo lên :

— Ô, giống thật ! Giống hệt một lá cờ rủ và mây trắng trên chót núi trông như mái đầu sương phụ đương quăng khăn tang.

Tôi mỉm cười, định nói : « *Hương ạ, vì hình ảnh bi thương muốn thuở đó nên quê anh bao giờ cũng có những con người buồn thảm, long đong* ». Nhưng tôi không nói vì biết đâu nàng sẽ xem đấy chỉ là câu bông đùa ?

Hương mãi mê nhìn núi, nhìn sông, ngắm những đợt khói gầy guộc vươn lên từ xóm xa, luôn miệng khen :

— Đẹp ! đẹp quá !

Tôi không nói mà cũng không cười nữa.

Lòng tôi chua xót, vì cái vẻ đẹp mà Hương xuýt xoa khen ngợi ấy không thể tồn tại vĩnh viễn với một người con gái thành thị như nàng. Hương nhìn quê tôi — quê chồng tương lai của nàng — như một khán giả tán thưởng những cảnh bài trí trên sân khấu trong khoảnh khắc. Người khán giả ấy sẽ chán, nếu bắt họ nhìn mãi, nhìn mãi những hình ảnh không bao giờ thay đổi. Cũng như Hương, nếu lấy tôi và về sống tại quê chồng, nàng sẽ buồn vô cùng vì phải chật vật với sinh kế, thiếu ánh sáng, thiếu mọi phương tiện văn minh thành thị đã quá quen thuộc với nàng. Lúc bấy giờ, liệu lớp mây trắng nên thơ trên chót núi kia, ngọn gió mát trên sông, giọng hò ngọt dịu trong nương dâu có thể còn làm cho Hương chú ý và yêu mến như buổi ban đầu ?

Những người trong xóm đến thăm tôi và « xem cho biết mặt chị Hoài tương lai » đã về cả rồi.

Bữa cơm tối chú thím tôi dành tiếp đưa cháu đi xa lâu năm mới về và người cháu dâu tương lai rất đậm đà, thân mật. Tôi tìm lại được một phần hơi hương ấm cúng của gia đình xưa cũ. Tóc chú tôi đã bạc màu muối tiêu, người gầy và đen hơn xưa. Có những gì trên người chú tôi đã mất đi theo năm tháng. Thím tôi cũng già hơn trước còn Liễu, người con gái duy nhất của chú thím tôi lại mẫn mà, nảy nở với cái đẹp dậy thì.

Tôi dò xét nhiều về thái độ của chú tôi. Tuy chú rất kín đáo nhưng qua vài tia mắt, tôi biết chú không hài lòng sự có mặt của Hương. Có lẽ chú tôi thầm nghĩ rằng Hương không được hoàn toàn lắm vì nàng « dám » theo tôi về tận nơi này khi chúng tôi chưa cử hành hôn lễ. Theo chú, như thế là hơi bạo. Chắc Hương không nghĩ đến điều ấy. Tôi mong đừng bao giờ nàng có thể khám phá được sự không hài lòng của chú tôi về nàng.

Bù vào chỗ khó xử đó của tôi, thím tôi và cô em gái tỏ ra rất bằng lòng Hương. Hai người quấn quít bên nàng, mời mọc, chăm sóc nàng như đối với một người cháu ruột, một người chị thân yêu rời gia đình lâu năm vừa trở về.

Liều nắm tay tôi nói lên Hương :

— Anh khéo chọn lắm. Em mà đã đồng ý thì ai ai cũng phải « chịu » hết.

Tôi cười.

Đêm ấy, vì biết Hương đi đường mệt nhọc, thím tôi giục nàng vào phòng ngủ chung với Liễu. Tôi lại bàn, ngồi đối diện với chú tôi. Hai chú cháu cùng uống nước chè xanh, hút thuốc và bàn chuyện gia đình.

Tôi đề cập đến ý định sẽ chuộc lại hai mẫu ruộng của ông tôi ngày trước. Chú tôi buồn buồn bảo tôi :

— Cái giá hiện tại đã khác xưa rồi cháu ạ ! Dẫu gì cháu, mấy năm nay ở nhà vì làm ăn sa sút lại phải gởi tiền hàng tháng cho em Liễu của cháu ăn học ngoài tỉnh nên chú đã *tặng* nhiều lần, e cháu không thể chuộc nổi đâu. Có tiền, nên để làm vốn cho công việc làm ăn khác thì hay hơn.

Tôi nhìn chú tôi rồi nhìn chăm chăm vào ngọn đèn cổ nên một tiếng thở dài thất vọng. Tôi có thể trách chú tôi, vì đúng ra chú không có quyền làm như thế.

Chú tôi cho qua việc ấy không được khéo léo lắm bằng cách hỏi sang hôn lễ của tôi và Hương. Tôi khó nghĩ quá nên trả lời không dứt khoát :

— Còn phải đợi đến bao giờ có đủ điều kiện mới được, chú ạ !

— Ừ...

Chú tôi « ừ ». Ông đồng ý hay phản đối, hay không cần quan tâm đến công việc ấy ? Tôi không thể biết được.

— Thôi, cháu đi nghỉ kéo mệt. Còn ở lại nhà chơi, chú cháu ta sẽ bàn nhiều chuyện trong những bữa sau.

Tôi vào giường. Đèn tắt. Một đêm giữa mùa thu.. Tôi nằm nghe lại tiếng thu xa xưa với những cơn gió heo thoang thoang, với tiếng lá me đáp nhẹ xuống mái tranh như từng loạt mưa rơi. Nhìn qua song cửa sổ thấp, tôi thấy ánh trăng sáng lạnh rãi xuống vườn cây im vắng...

Hương và Liễu đã im tiếng từ bao giờ. Chú tôi cũng ngừng tay đập muỗi bằng cánh quạt lông chim.

Tôi không thể nào chợp mắt được. Tôi ân hận về việc đã dẫn Hương về thăm quê tôi. Sự có mặt của Hương trong trường hợp này đã thành thừa thải một cách tội nghiệp cho nàng. Hương sẽ thấy những sự thật nào trong ngày mai, ngày kia ở nơi đây ?

Riêng tôi, mọi tính toán đều sai hết. Những tiên liệu của con người không mấy khi thành tựu thỏa đáng chẳng ? Nếu thật thế thì điều ấy đã chứng tỏ qua nhiều người, nhiều việc như cốt quan tài dành cho ông tôi ngày xưa lại phải liệm xác cha tôi, hai mẫu ruộng « dưỡng lão, tổng chung » của ông tôi lại dùng vào việc khác và đến lúc này, đáng lẽ « nó » phải về với tôi nhưng lại thành ra ... không biết đến bao giờ.

Rồi đến lúc nào tôi mới có đủ điều kiện để cưới Hương ?

Cười nàng xong, với tình trạng này, hai đứa vẫn cứ ở lại đó thành đề chịu túng thiếu mãi sao ?

Tôi nghĩ đến mẹ tôi đang ở trong căn nhà thuê có gác tại Sài-Gòn chờ kết quả chuyển về quê của tôi. Tôi nghĩ đến bản giao kèo của tôi với một hãng buôn sắp mãn hạn. Và tôi. Và Hương...

Cái gì cũng không ra cái gì. Mọi hình ảnh đều bị nhòe đường nét, góc cạnh, hoặc hiện ra rồi tan biến.

Tôi thở dài, cố nhắm mắt nhưng càng muốn ngủ lại cứ thấy mình vẫn tỉnh trong một trạng thái mệt mỏi.

Cuối cùng, một câu hỏi hơi tàn nhẫn, tuy tôi cố xua đuổi nhưng nó vẫn đến : tôi sẽ cưới Hương hay không ?

Ở một cõi nào đó trong tôi, tôi nghe tiếng nói của tình cảm sụt sùi và sắp tắt trước mệnh lệnh của trực giác...

Trời khuya hơi lạnh và yên lặng. Có tiếng gì rì rì, như xa, như gần, khi nhỏ, khi to và không bao giờ dứt. Tôi lắng nghe. Tiếng suối ! Phải rồi, tiếng suối trong lòng núi Kỳ-Tang mà mưa thu đã làm cho nước đầy hơn, nước tràn qua những gộp đá, âm thanh ngân cao, xa vọng...

Tiếng suối reo trong đêm tĩnh mịch đã quen thuộc với thính giác tôi từ thuở bé, nhưng bây giờ, chẳng biết vì sao nó không đủ sức khơi lại cho tôi một mẫu kỷ niệm nào của dĩ vãng.

Tôi chỉ xác nhận :

— Không có gì tồn tại, kể cả con người. Tôi về đây, không còn gì nữa ngoài tiếng suối ngân buồn trong lòng núi quê hương. Gia đình tôi, cá nhân tôi đã chịu nhiều mất mát, đổi thay. Trong khi đó, suối vẫn chảy một giòng, chảy từ đêm sang ngày, từ năm này sang năm khác. Rồi đây, dù trôi nổi đến bao nhiêu năm nữa, nếu còn sống để trở về năm giữa một đêm thu quê hương, tôi vẫn cứ còn nghe suối chảy.

Âm thanh dai dẳng, triền miên ấy sẽ còn tuôn qua bao nhiêu thế hệ con người ?

KIÊN GIANG

Hương nước mưa

Trời đang đứng bóng trưa gay gắt
Anh ghé nhà em xin nước mưa
Ngỡ lạc Đào nguyên hay Thượng uyên,
Khi bông sứ nở hội đương mùa

Uống nước trời mưa anh những tưởng
Uống mùa hương tóc gái thơ ngây.
Nước lên hương bỗng nồng men rượu,
Mới uống lòng đã ngây ngất say.

Gió thổi tóc bay hương phảng phất
Giã vờ anh ngại « Nước mưa thơm »
Hương xông từ tóc lên da thịt,
Vì má hồng chưa có dấu hôn.

Vuốt tóc liếc nhìn như bẽn lèn
Môi cười nửa nụ trách người quen :
— « Cái anh thi sĩ đa tình quá,
Cho uống no rồi... chọc ghẹo em ».

Còng đã khép rồi, bông sứ rụng
Anh lên đường giữa nắng ban trưa.
Lòng còn say ngất dư hương cũ
Hương tóc hay là hương nước mưa.

K. G.

XUÂN PHỤNG

Không có

*B*ao nhiêu chán chường bỗng dựng thức giấc
Rã rời đầu gối khuỷu tay
Gió chiều hiu hắt đầu vách gạch
Em sắp lấy chồng trời nhiều mây

*T*róc cả thủy là tấm gương tay trái
Loang lổ là bức họa rừng cây trước mặt
Chiếc đồng hồ đứng lại hoặc chậm đi
Quyền sách rách gáy làm người ốm kinh niên

Ai bảo anh không mua áo xanh áo đỏ
Ai bảo anh chẳng thề sắm ô-tô
Anh chỉ có bức tranh loang lổ
Chiếc đồng hồ chạy rồi đứng như trẻ con trái chứng
Tấm gương tróc thủy
Và tặng em quyền sách rách bìa.



Có TÚY HỒNG

Nghĩ đến con đi !

TÔI đã đếm tới con số hàng vạn mà vẫn còn thức. Tôi xích ra sát thành giường. Tài, chồng tôi đã ngủ từ lâu. Tôi khó ngủ từ mấy tháng nay. Chiều chiều, Tài vẫn về nhà mẹ vợ hái lá vông cho tôi ăn canh. Chàng cấm tôi dùng thuốc ngủ. Đêm khuya thức một mình, tôi sợ hãi. Tôi thường kéo mí mắt trên của chàng lên, hễ mắt chàng không nín lại là tôi biết chồng đã say ngủ. Tôi đợi những tiếng rao hàng đêm để đếm mấy người chưa ngủ. Thỉnh thoảng tôi mở choàng mắt trong đêm khuya như để xóa bỏ giấc ngủ dở dang cũ và để bắt đầu lại một giấc ngủ khác. Trăng lọt vào song cửa nằm loang lổ trên chần gối so le. Dòng đếm phải đứt quãng vì người mất ngủ hay nghĩ ngợi

lung tung. Khuya hung rồi, không còn tiếng người nữa. Thôn Bến - ngự đã đi vào giấc ngủ từ nửa đêm. Tiếng tàu cau rơi, tiếng chim lạc lồng, tiếng chó sủa dọa dài... những tiếng bạn ấy đêm thức khuya nào cũng nghe. Thỉnh thoảng vài đêm có tiếng súng bắn tập. Nghe xong rồi mới biết là súng bắn giả, không còn sợ nữa nhưng khi tỉnh cờ tiếng nổ lọt vào tai, mình hốt hoảng liền như sống lại thời năm bên cái chết, những năm ly loạn. Tiếng động của chiến tranh vẫn còn rai rác.

Mất ngủ không phải là một bệnh nặng nhưng dai dẳng và đe dọa không kém chi bệnh yếu tim hay rách phổi. Gần đây tôi có nhiều lúc bi quan, có

những ý nghĩ đen tối hơn cả màn đêm. Đau khổ không kém chi thiên hạ lại còn đeo thêm cái chứng khó ngủ. Con người nhỏ mà lo nghĩ rộng lớn quá ! những chuyện còn con như giấc ngủ mà cũng không xếp được theo ý muốn. Lúc còn con gái, những đêm học thi, uống đến hai ly cà phê đen quánh vẫn còn gục gặc mãi.

Tôi ốm đi rất nhiều. Áo quần rộng thênh thang, mặc vào như bơi trong gió. Tôi đã thâu thêm bốn đường nhíp song ở bụng và thắt lưng áo dài vào mà áo vẫn còn lụng thụng. Tôi sợ ốm quá. Ốm thì khó mà trẻ được. Tài cố ép tôi uống sữa. Tiêm thuốc, tôi còn có thể nghiêng răng chịu đựng, chứ không tài nào uống nổi một ly sữa. Nhắm mắt, bịt mũi cố nuốt ực một cái thật mạnh nhưng mùi sữa dòn dợn vẫn còn mãi ở cổ. Giá nem và bún bò cũng bở như sữa !

Ánh đèn bên cạnh đã tắt từ lâu ; chắc hai giờ khuya rồi. Tôi nhớ lại những chuyện xảy ra hồi đầu hôm.

Chúng tôi đi dự tiệc cưới một người bạn. Sau bữa ăn, người ta khiêu vũ. Bèn nữ,

khách có bốn năm người biết nhảy, trong đó có một cô gái, cô Hoa. Chồng tôi không ngồi xem như tôi. Chàng mời Hoa nhảy. Tôi bực tức trông chàng diu Hoa đi. Chàng thật phong lưu. Tôi thấy hết tất cả vẻ đẹp đàn ông của chồng. Và trước mắt tôi hai cái đẹp đang vờn nhau. Tài có biết tôi đang phiền chàng đây không nhỉ ? Lúc ấy chắc chàng tưởng mình chưa có vợ. Tôi lạnh lùng nhìn Hoa và nhất định nếu Hoa nhìn lại sẽ trừng mắt cho nàng thất kinh. Hai mươi mấy mùa xuân xuống dày mái tóc, tôi chỉ thấy khiêu vũ trên màn ảnh, giờ đây mới được hân hạnh ngồi xem chồng biểu diễn. Chàng nói nhỏ gì khiến Hoa ngẩng lên cười. Cái dáng ngẩng lên của người con gái có biết bao dụng tâm.... Từ trước tôi chưa thấy tượng khỏa thân đẹp vì không bao giờ dám nhìn; đến những ngày giờ tiếp theo đêm cáo chung đời con gái tôi mới thấy nó quá đẹp vì chồng tôi bày rất nhiều ở phòng khách bàn viết, đầu giường ngủ. Cái thân thể rất đầy của Hoa, nó đầy nhựa sống, cái lưng ong ẻo lả trong tay chồng tôi... Sao tôi có thể đau khổ thể này ? Chàng nhảy với

một bà nào khác có phải đỡ đau mắt tôi hơn không? Tà áo kim tuyến óng ả chấm gót của Hoa sáng sắn dưới ánh đèn như những làn ánh sáng reo vui. Chiếc áo tân thời lả lướt ấy tôi có làm đến bà bộ trưởng cũng không bao giờ dám mặc vì muốn mặc thì ít ra cái thân hình cũng phải...

Cái thân hình chõ nào cũng khuyết, cũng thiếu thịt của tôi một ngày kia sẽ thiếu hết những vuốt ve của chồng. Tôi không muốn chỉ đẹp từ cổ trở lên nữa. Lỗi thời lắm rồi. Tôi muốn cái đẹp còn đi xuống. Chồng tôi ôm được mãi những thân người chắc chắn vừa tay một ngày kia sẽ đánh tuột mất cái thể tích lỏng lẻo thiếu thịt của vợ. Đàn ông tham lam lệ bạc sẽ không thương xót. Họ thương những cái gì vừa vặn như cái thân thể đầy ứ lợi hại của Hoa bây giờ. Tự nhiên tôi giận hằn. Tự nhiên thôi, vì chắc là không có ai nghe được : Gần tôi nhất chỉ là mấy đĩa bánh cười.

Khi ra về tôi bắt đầu lên cơn dần vặt chồng :

— Anh muốn đưa Hoa về em ngồi sau cho.

Tài kéo tôi lên xe. Tôi vùng

vằng, cơn tức tối lồng lộn trong lòng. Chúng tôi nhìn thẳng. Gió thổi tạt tóc vương mắt tôi khó chịu quá. Trăng sao đoàn tụ đầy trời. Tôi nhìn sang tay lái. Chồng tôi bình tĩnh thản nhiên như không. Tôi nói chậm rãi, dần từng tiếng :

— Con Hoa vẫn mình tốt chúng. Nghĩ đến mấy đứa em gái mọi rợ của mình mà hồ thẹn. Anh còn cảm giác chi sung sướng không? Bày đặt nhảy đầm dễ ghét lạ.

Chàng ôn tồn :

— Em nói thế thì tất cả các nước văn minh trên thế giới người ta nhảy đầm hết đều vậy sao? Đi có em anh mới nhảy.

Tôi nói to, (đi xe hơi không thể nói nhỏ được) và có cảm tưởng như đang gậy gổ với chàng :

— Có em đó em mới tức. Chẳng tha khuất mắt. Trông như hai cái đinh cứ lớn vồn trước mắt. Con gái chi mà ngang tàng. Cứ nắm tay, vịn vai đàn ông mãi, dù có biện hộ mấy đi nữa thì hai cánh tay kia cũng đã mất trình rồi. Có em gái như thế mà không cột tóc vào chân giường mà

đánh. Táy đầm họ nhảy mặc kệ họ. Mình là mình.

Tài làm thỉnh. Chàng hay yên lặng nhiều chỗ trong câu chuyện. Tôi tức nóng cả người, lấy gót giày nghiêng mạnh trên sàn xe.

— Trước khi anh muốn động chạm đến ai thì cũng phải hỏi em đã chứ.

Nói xong tôi biết mình nóng nảy, lộ cả nhược điểm. Bên tôi, chàng vẫn yên lặng. Nghĩ gì đây mà không trả lời? Tôi không phải nói để không có ai nghe. Tôi mĩa mai tiếp :

— Anh có vẻ thỏa mãn lắm. Dư hương của người ngọc còn ở lại trên tay . . .

Tôi nhìn nghiêng. Tài vẫn gan lì với cái tay lái. Tôi tức muốn khóc.

— Người chi mà sang rứa, người ta nói mãi không thêm trả lời.

Yên chừng hai phút, chồng tôi nghiêng người về phía tôi nói như cười :

— Người chi mà hăm hồ rứa, người ta đã nhận thua mà cứ nói mãi.

Không thể làm lạnh mau thế được, tôi chưa chết :

— Em thì chỉ cần một lúc đó. Sau có được mấy thì cũng bị hai phút khổ não rồi.

— Em hay nghĩ những chuyện viễn vông cho ốm xác. Người bằng nắm tay mà chuyện gì cũng muốn ôm lấy. Để hơi sức nở mà cười lên cho anh mát ruột một chút không được à ?

— Sao anh không bảo em khóc cho dễ nghe một tý. Em không cười giả dối được.

Đến nhà. Tôi yên lặng đi về phía thang lầu, rón rén sợ mẹ chồng thức giấc. Đến thang gác, chàng cúi xuống bế tôi lên thì thăm :

—Đừng giận nhau nữa nghe.

Thế rồi thức đến bây giờ tôi còn thức. Chồng tôi ngủ dễ dàng. Tôi sợ đêm khuya tôi lay chàng :

— Anh Tài, anh Tài...

Bị gọi hai ba lần Tài mới thức giấc. Bỗng tôi cảm thấy mình là một người vợ ngu. Sao không cho chồng ngủ ? Tôi nhớ lại lời của một anh bạn !

— Đàn bà thật ồn ào. Viết sách báo rầm rĩ rằng thế nào là bảo vệ hạnh phúc gia đình rằng phải trọng tự do của

chồng v.v... Té ra họ hành các ông như... con nít.

Tài mở mắt, quay về phía tôi, ngơ ngác. Tôi vội vàng nghĩ ngay được một câu đề hỏi chàng. (Đàn bà vẫn có tài chế biến) :

— Anh Tài, súng ở đâu bắn nhiều quá... dễ sợ quá...

— Súng tập đánh nhau đấy. Hiền đã ngủ chưa ?

— Không làm sao mà nhắm mắt được.

— Cứ tự nhiên rồi ngủ. Đừng cố gắng chi hết. Mai mốt anh đưa đi khám sức khỏe.

Năm phút sau, tôi lại hỏi.

— Anh Tài, anh ngủ rồi hả.

— Nằm yên đi, nói mãi.

Tôi xích lại gần Tài tâm sự :

— Em chưa đọc chuyện của Guy de Maupassant, em chỉ lục mấy tờ « Điện ảnh » của anh, có đọc một chuyện phim « Une vie », không biết rõ lắm nhưng cũng đủ lo ghê lắm. Giả sử.. chà.. khó nói quá, em mà bị phụ rẫy một cách đê bèn... anh Tài...

Tài đánh tôi một cái nhẹ :

— Thôi... thôi, lay Hiền... ngủ đi cho rồi. Mới đọc qua

chuyện phim mà nửa đêm còn thức chổng dậy, nếu coi phim rồi chắc Hiền sẽ gây với anh cả ngày. Hiền lòi thôi lắm. Ngủ đi, mai còn đi dạy. Nghi ngờ, thắc mắc mãi.

Trời gần về sáng tôi mới ngủ quên được. Thấy vợ dậy muộn vì suốt đêm mất ngủ mệt mỏi, chàng áy náy :

— Em mệt lắm phải không ? Anh xin phép cho em ở nhà nhé. Ngủ cho khỏe.

Tôi muốn nghỉ lắm. Mí mắt mỏi như cứ muốn khép lại, xốn xang khi nhìn ánh nắng.

— Em đi rửa mặt cho tỉnh táo đi.

Rửa mặt xong, người khỏe đôi chút. Nửa ưng ở nhà nửa ưng đến trường.

Thôi anh Tài ạ, đừng xin phép nữa. Đến lớp bắt bọn chúng làm bài.

Điểm tâm xong thì đã gần tới giờ đi dạy. Tài đang ủi lại áo. Tôi lật đặt quăng chiếc áo lót trước mặt chàng và hỏi :

— Anh Tài ủi dùm em đi, còn hai phút nữa thôi, ủi sơ sơ mau đi, em đi sửa soạn kéo kễ.

Mẹ chồng tôi ở dưới nhà đi lên, dùng dùng giựt lấy cái áo

nơi tay con, quăng mạnh xuống đất. Bà quay lại ngó tôi một cái thật sắc. Bao nhiêu giận dữ đều thu vào một cái nhìn. Bà nghiêng rặng :

— Sai... sai vừa vừa. Con tao đâu phải thợ ưi.

Tôi biết thân, nhặt áo mình lên ưi. Còn Tài bao giờ chàng cũng yên lặng.

Tôi sửa soạn hối hả. Tài đã đem xe ra từ lâu, bước xuống mở cửa cho vợ lên. Sau lưng, mẹ chàng đang chiếu theo những tia nhìn căm tức. Tôi nói với chồng :

— Anh Tài, trưa nay em ăn cơm ở nhà mẹ em.

Buổi chiều, Tài đến nhà mẹ vợ đón tôi về. Bước vào chưa tới bàn ăn, tôi đã nghe mẹ Tài nguyên rửa lưng búng trong miệng :

— Tưởng nhả con người ta ra được một đêm.

Tôi đau đớn như bị bỏng nước sôi. Uất ức trào lên nghẹn cổ. Tôi định hét :

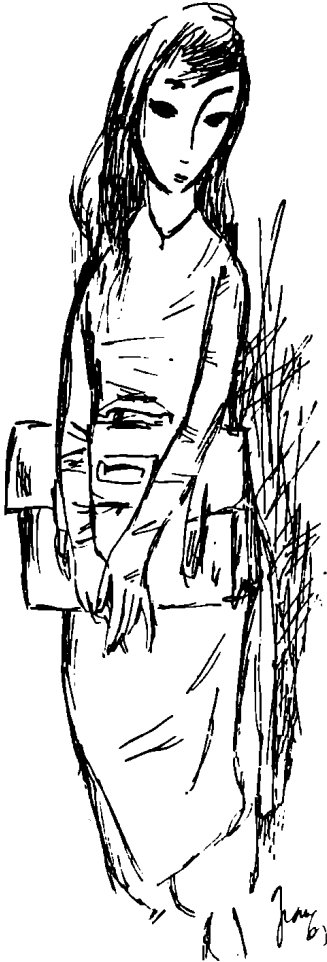
— « Mẹ ưi nói thô tục... »

Tôi kèm được ngay vì thoáng đọc được vẻ đầu hàng trong bộ điệu Tài. Tôi yên lặng bỏ đi như những lần khác.

TÀI và tôi gặp nhau trong một trường hợp thật cảm động vì lần đầu tiên gặp chàng tôi đã khóc nức nở ! Phút sơ ngộ ngập tràn nước mắt, lấy nhau chắc phải khóc cả đời. Người ta gặp nhau lần đầu sao mà đẹp thế. Hèn chi đời họ vui vẻ. Lúc ấy tôi còn học sư phạm. Tôi mượn lớp chàng dạy đề thực tập. Khi nhường lớp, Tài nói cho tôi biết là tôi không may lựa nhầm lớp khó dạy nhất trường.

Vì công việc thực tập, tôi đã sống thấp thỏm một tuần lễ. Em tôi phải dắt tôi đi uốn tóc vội vàng cho có phong độ một giáo sư. Vào lớp, tôi không dám nhìn thẳng đám học trò quá lớn. Toàn những bộ mặt bất lương, những hiện tượng kỳ lạ cứ chổng mắt ngó tôi. Tôi đã cố gắng hét khan cả cổ mà chúng vẫn còn cho là nói quá nhỏ. Tôi nuốt nước miếng khô cả lưỡi. Đám học trò mất dạy cười nói huyền thuyên, tự do như ở chợ Đông-ba át tiếng giảng bài. Mục đích của chúng là cố làm cho tôi khóc. Tôi bị xoay, bẻ, vặn, hạch hỏi từng câu giảng. Có một cậu nửa mái tóc kéo xuống trán cứ nheo một con mắt ngắm tôi làm như mình ngang

hàng với hần. Đến khi chóng mặt, tôi không biết mình đã nói lời gì khiến tiếng vỗ tay nổi lên ào một lượt. Trời đất lộn nhào. Mắt tôi mờ đi. Hai



chân run mạnh, đầu gối đánh vào nhau. Không còn tự chủ được nữa, tôi ôm mặt chạy mau ra khỏi lớp òa khóc.

Khi ấy tôi liều, không cần giữ gìn nữa. Tôi đứng ì mãi,

mặt quay vào tường. Mọi người xúm lại khuyên dỗ, tôi càng tuổi thân. Tài tuy mới quen đã thân mật nói với tôi.

— Chị cứ khóc mãi tôi cũng đứng đây khóc đua với chị.

Về nhà tôi rửa thắm mãi bọn học trò tội lỗi, tiếc mình đại dốt muốn làm thầy thiên hạ. Tôi có ngờ đâu chàng đem bằng học trò độc ác nhất lớp đến nhà tôi xin lỗi.

Tài là con một. Ai vào làm dâu gia đình một con thì phải biết bà mẹ chồng. Bà làm việc không hờ tay. Không việc gì bà không đề mắt đến. Tôi không phải mó tay vào đâu cả, vẫn áy náy không yên vì phận mình là dâu. Bà thích tự tay làm lấy những món ăn ngon cho Tài. Trái cây, mứt, bánh, bốn mùa xếp hàng trong mấy ngăn tủ. Nhưng đó là của riêng con bà. Tôi rất trẻ con, vẫn thường ăn vụng, nhưng khi chồng tôi dấu mẹ đem bánh vào phòng cho vợ là tôi khóc. Đàn ông vẫn có nhiều cái sơ hở.

Bà già tôi giữ một hạnh phúc của con dâu. Bà quá yêu con không muốn con san sẻ tình cảm cho một ai khác bà nên đĩ ghen với dâu. Bà coi tôi như một người xa lạ. Trong

bữa cơm, nếu chồng tôi lỡ miệng ép vợ ăn thêm hoặc gấp đồ ăn vào bát tôi là bà dẫn mạnh dôi đứa, và sau bữa thế nào tôi cũng bị nói hành nói tội. Nếu tôi đang ở trong đôi vòng tay bảo vệ của chồng mà bà ho lên thì tôi phải lật đật nhảy ra thật mau. Tôi không được đi xi nê với chồng. Khi có ai mời đi đám cưới, nề nang lắm mẹ Tài mới cho dâu con sánh vai đi chung ngoài đường... Bà tưởng Tài quá yêu vợ sẽ quên mẹ nên muốn chiếm độc quyền Tài. Những chuyện sẵn sóc âu yếm như thêu khăn tay cho chàng — việc của tôi — bà cũng giành làm lấy. Tưởng như ở đây không phải tình mẫu tử suông mà còn thêm chút say mê con trai. Bà thương con hung lên, thương như đền bù lại thời sum họp chưa dứt dưới người chồng sớm quá vắng. Tôi chịu đựng những ghen tương âm ỷ của bà. Tôi chỉ được hạnh phúc khi có một gánh cải lương nào ở Nam ra. Đoàn hát ở lại Huế mấy đêm bà mẹ chồng tôi vắng nhà riêng biệt suốt mấy đêm.

Tài thường an ủi vợ :

— Mẹ già sinh tật, em đừng để ý nghe. Có chi cứ phiền anh đi.

Tôi nói :

— Em chỉ biết có thương anh và gắng học thêm cách làm sao cho anh thương lại.

Chàng hôn tôi.

— Anh cảm ơn em.

Tuy vậy giữa tôi với mẹ chồng tình hình vẫn căng thẳng ngấm ngấm.

Tôi có thai cũng không cho bà biết. Ghét lắm !

Tài thì thăm bên tai tôi :

— Bữa mô có con, bà bận âm cháu nội, Hiền tha hồ ăn hiếp anh.

Mẹ chồng gay gắt tôi chỉ khổ một nửa thôi. Tôi chỉ lo chồng không trung thành.

Cái thai mới ba tháng, tôi bắt đầu đan áo, sắm tã nệm, sợ đề khi gần ngày mệt nhọc ngồi lâu không được. Mẹ chồng tôi cũng đan áo len cho cháu. (Tài nữ công của bà tôi học già đời cũng thua : đan len mà bà nằm hàng giờ). Thấy tôi sửa soạn đón con sớm quá, Tài can :

— Thôi, thôi khi nào gần sinh rồi làm, ở nhà rồi tha hồ mà làm.

Mẹ chàng cũng nói :

— Có mang mà đi đòi với chồng chừng mắt lăm.

Tôi thấy tủi. Chồng tôi sợ xấu mặt với cái bụng to của vợ ư? Cái đẹp hình thức sao quan trọng thế? Đàn ông thường phụ vợ thắm lén khi vợ mang thai. Khi mình già năm bảy đứa con, Tài sẽ chạy theo những con người mới lớn chắc? Bây giờ chàng đã có ý không thương cái không đẹp của vợ. Thảo nào đàn bà Tây phương sợ sinh đẻ.

Tôi dọa :

— Bác Tài coi chừng, tháng bảy trở đi, ngày nào cũng phải khám thai cả, em bắt đi theo đó.

Lúc phải đeo bông cái hình. hai con trước bụng, người mẹ phải từ bỏ mọi sở thích làm đẹp. Trường hợp tôi lại càng thiệt thòi. Cái vóc hình tỷ hon của tôi mà không được xỏ chân vào dầy cao gót không biết sẽ ngấn đến chừng nào. Lúc con gần ra đời, bụng tôi e rụng xuống đất. Nghĩ đến chuyện cứ kéo lê thê mãi cái bọc nặng nề phía trước tôi sợ chồng tôi có tư tưởng so sánh vợ với một thân người rặt rào sức sống khác. Mắt đàn ông «nhay» lắm. Mới sửa soạn cho cuộc đời làm mẹ mà tôi đã khiếp

dám rồi. Tôi «rên» khổ luôn miệng. Tôi bàn với bạn tôi lúc khai hoa sẽ xin đẻ bằng phương pháp không đau. Hẳn lúc đầu :

— Không được. Không nên làm trái với thiên nhiên. Phải mang nặng đẻ đau, thề xác mẹ phải đau đớn ê chề mới thương con nhiều. Mi cứ tưởng tượng trước sẽ rất đau rồi khi sinh tự nhiên bớt sợ. Lúc chuyển bụng, nếu mi thấy mình đau hơn một chút nữa e chết, đó là lúc con lọt lòng.

Tôi hoảng hốt.

—Rứa thì chết. Thôi thôi, tao sinh một lần ni rồi sau nuôi con nuôi thôi.



HỒI trưa, lúc Tài đặt tay lên bụng tôi, mẹ chồng tôi bắt gắp củ chi ấy, bà đặt mạnh cái thẩn đang cầm trên tay xuống bàn. Tôi thấy thẹn : Tôi canh giữ chồng tôi, bà gia tôi canh giữ tôi. Bà làm như thế để làm gì? Tình thương mẹ lúc nào cũng nung nấu mãi trong lòng con. Nếu có người phải lo lắng thì người ấy chính là tôi mới phải chứ. Nghĩa phu thê có thể tạm bợ vì nó đến khi con người

đã trưởng thành. Tình mẫu tử nhen nhúm từ khi con còn trong lòng mẹ. Mẹ chồng tôi sắp có cháu nội mà không chia bớt cho dâu một chút tình thương. Tôi đã im lặng để bà lấn dất rất nhiều. Tôi chỉ biết lùi. Bà thắng tay đây mãi cho tôi đến hàng rào thép gai sao? Tôi yếu đuối lắm rồi. Tôi trình bày với Tài rất đầy đủ duyên cớ để xin ra ở riêng vì chúng tôi như hai người ăn vụng hạnh phúc. Tài nắm tay tôi rất tha thiết:

— Mẹ chỉ có mình chúng ta. Mình đi mẹ ở với ai. Rồi mẹ cũng sẽ đi theo...

Không biết sao mẹ chồng tôi lại nghe được câu chuyện ấy. Buổi tối bà xỉa xói vào mặt tôi:

— Mi muốn chia rẽ mẹ con người ta phải không. Thắng này con tao, tao muốn tròn thì tròn, tao muốn vuông thì vuông. Mi là con tinh ở địa ngục, hồn lảo nhát đời.

Tôi run lẩy bẩy quay sang Tài, lần thứ nhất cãi lại mẹ chồng:

— Anh Tài, anh đọc sách, đọc truyện nhiều, có sách vở nào nói dâu hỗn với bà gia không hay là từ xưa đến chừ ai

cũng kể tội mẹ chồng ăn hiếp nàng dâu?

— Đừng đem sách vở ra nói với tao. Có tao đây, thẳng mồm, con mồm dám rình chờ ra ở riêng. Tao thách đó.

Chồng tôi lên tiếng:

— Em Hiền, em vào phòng nằm đi.

Tôi ngã gục rồi đây. Nằm trong phòng còn nghe bà nguyên rủa:

— Thiên hạ thiếu chi con gái tươi tốt. Mi không nghe tao đi rước cái đồ bệnh hoạn về làm vương làm tướng. Mở miệng thì la mất ngủ... đau, đau mà ăn mấy cũng hết, ầu từ «đầu tẩu» đến «mãn táng». Vệ sinh, vệ sinh cho lắm đề teo tóp như con cá mòi.

Cha mẹ tôi biết dâu đến đời làm dâu, nước mắt rớt xuống bát cơm của con gái...

Tôi không than thở với cha mẹ. Con khờ kiêu ấy thì không ai bắt lực hơn cha mẹ, chẳng lẽ rút con về? Cho một đứa con gái đi như thế, cha mẹ tôi nai lưng trả hai năm chưa hết nợ. Mà đã dễ cho đi chưa! Đối với bạn bè thì đôi khi lỡ miệng tôi có nói ra nhưng cho ra kiêu ấy thì thất sách lắm, các bạn cứ

nói xấu bà gia tôi, xui tôi tức thêm mà tức thì tôi đã tức sẵn hai năm rồi. Họ bảo tôi cứ cãi bừa đi. Bệnh tôi như thế thì có khác chi đồ thêm xăng vào lửa.

Thôi, tôi đã thất trận. Tôi lấy chồng hai năm để được chàng yêu đấy, tôi nhịn nhục hai năm để được chàng bệnh đấy. Nước có bao giờ chảy lên cao. Chàng bảo tôi rút vào phòng, người ta vẫn thường lẫn áp kẻ dưới. Vợ có thể « sấm » được chứ mẹ thì trời sanh chỉ có một. Tôi thua rồi. Tôi biết thán lẩm. Nếu tôi và mẹ Tài cùng ngoi ngóp dưới sông và nếu chỉ cứu được một người, chàng sẽ không ngần ngại kéo mẹ vào bờ và khi đến đất sống rồi chàng sẽ nhỏ xuống sông vài giọt nước mắt khóc người vợ xấu số ; và chưa đoạn tang tôi, mẹ chàng lại lễ mễ na trâu cau đi hỏi vợ hai cho con, rồi tấn bi hài kịch gia đình lại tiếp diễn: Mẹ Tài ghen với dâu mới.

★

TÔI thông thả đi bộ đợi xe. Đường vắng. Tôi muốn lâu có xe để đi bộ thêm một chặng đường. Mẹ tôi bảo nên đi bộ cho thai gọn. Hôm nay tôi về

thăm nhà. Tôi bỗng đi chậm lại. Đưa con trong bụng tôi trở mình thốn mẹ nó một cái. Tôi đưa tay lên bụng : Một chỗ cồm cộm vừa nằm tay tôi. Chắc là một bàn chân. Tôi bật cười bắt chân con. Đưa bé co lại. Chắc là nó trốn. Tôi đợi nó tống chân một lần nữa ; nhưng con tôi đã nằm yên. Nó đã ngủ. Khi nãy chắc con tôi cự mình.

Tôi nghĩ : « Còn hơn một tháng nữa con mình ra đời. Con ra đời mẹ mừng tượng trước bao vui thú. Con sẽ nhận biết tiếng nói của mẹ trước tiên. Con lớn lên, mẹ sẽ dạy con văn A.B.C, và một sớm tựu trường hơi thu bát ngát, mẹ sẽ nắm tay con, dìu bước con đến cổng học đường ; rồi đêm về, bên ánh đèn lung linh, mẹ đứng sau lưng con, tay vịn thành ghế yên lặng mỉm cười nhìn con tập viết. « Ôi ! sung sướng quá ! » Thốt nhiên lòng tôi se lại như có một thoáng tỉnh ngộ : tám tháng cưu mang, tôi đã hy vọng gì cho con, tôi đã hy vọng gì cho đời con ở tương lai, hay là tôi chỉ nơm nớp lo sợ cái đau đớn kinh khủng của thể xác người mẹ khi con lọt lòng, hay là trong những ngày nắng gắt mệt mỏi tôi đã

chỉ mong trút mau cái bực nặng ấy đi ? Con sắp ra đời chỉ để đe dọa mẹ thôi sao ? Lúc con chưa có hình hài, tôi đã đan áo, sắm tã ; nhưng chỉ để đón lấy một phần thể xác của tôi còn tâm hồn con, tôi đã cho được gì ? Tôi không cho con một ơn huệ tinh thần nào cả sao ?

Tôi giật mình, tưởng như nghe tiếng con tôi, đưa con còn trong thai. « Nghĩ đến con đi ! Mẹ sẽ không giận bà nội, sẽ không thắc mắc về tính nết, cử chỉ của cha nữa. Con đến để giúp đỡ mẹ đây ! »

Phải, thiên hạ vẫn khổ vì bà gia, riêng chỉ mình tôi ? Và chồng tôi, anh Tài của tôi, vẫn yêu vợ mà vẫn yêu những cái đẹp khác, anh Tài cũng như hầu hết mọi người đàn ông. Xã hội vẫn có không biết bao nhiêu là cô Hoa... Nếu tôi chỉ lo về những cái ấy thì biết bao giờ cho xong. Nhưng tôi đã có

con. Nghĩ đến nó, tôi tìm được sự yên ổn bấy lâu đã mất. Mãi đến nay tôi mới biết đến cái vui làm mẹ.

Đường về nhà xa. Tôi đi bộ, tay cầm quyển sách mới mua.

Trời đã khép nắng lại từ lâu. Xa xa hòn núi trọc như còn muốn vớt chút sáng cuối cùng của ngày. Mìy cây bông dại cũng gần đi ngủ với hoàng hôn. Tôi bước mau vào nhà, đến bàn làm việc của chồng, tôi dở quyển sách mới mua tìm viết vào một trang đề trắng :

« Con đầu lòng của mẹ »,

Tôi muốn viết mấy lời kỷ niệm gởi lại con tôi khi nó khôn lớn. Nhưng bao nhiêu tình cảm dào dạt tràn đến khiến tôi ngập ngừng khó viết. Tôi ngồi yên xúc động bờ ngõ như ngừng lại trước cuộc đời mới mở ra trước mắt mình.

Bóng đêm êm ái tràn vào phòng...

TÚY HỒNG

Mùa thu quyến rũ

Ồ ! những mùa thu quyến rũ !
Màu áo Trường sơn giục già lòng
Kiếp ngựa tù chân mơ lối cũ
Ta vọng Hồng Hà, thương Cửu Long.

Chiều thu diệu vợi, mắt em huyền
Ta chẳng thêm tuân lệnh cửu-nguyên
Vì những mùa thu quyến rũ
Sắc màu xưa đâu phải giấc mơ điên ?
Ta phải về thăm lá rừng trần trối
Kéo gió tìm ta khắp bốn phương trời
Tình mây nước thêm một lần lỡ hội
Ta chưa về, lá úa vẫn chưa rơi.
Lá chưa rơi
Tiếng bên trời

... vọng mãi ...

Sao nhớ đề thuyền gối đầu trên bãi
Khi những khung trời mây bay... mây bay
Hồn trúc-tiều hiu, khắc khoải
Bóng ai chìm đáy cốc nửa đêm say.
Bâng khuâng, hương nhạt, trăng gầy
Cho ta xin một thu này nữa thôi
Trả ta tuổi tóc một người
Gió khua động lá thay lời giai-nhân
Người đi, mây khóa non Tần
Lá thu phong kín vết chân hải-hồ.
Người đi đâu ?
Người về mô ?
Có biết chiều nay trong khung cửa sổ
Ta ngồi đây khát vọng nét thu mờ ?
Nhớ những chân rừng có nhiều lá đỏ
Trăng mờ màng, trăng rắc sữa, gieo tơ
Ta sẽ đi tìm, sẽ đòi tất cả :
Những ân tình, kỷ niệm của ta xưa

Chưa tuyệt vọng, nhưng cầm như đã mất
Thu đến rồi — Em có tiếc Ngôi Thơ ?

Ôi mùa thu !
Mùa thu quyến rũ !

Trời thấp
Mưa vương
Lá cuốn mặt đường
Sóng vỗ chân ghềnh

xao xuyến

Mây bỗng bênh trôi lay động giấc miên trường !
Nếu em sẽ về thì ta nán đợi ?
Ngắm sương thu chờ gió mách tin lành
Giọt nhạc nào êm bằng tiếng : em, anh ?
Sầu thương lui vào mộ-chí
Vì em là giai nhân
Nên ta làm thi sĩ
Giếng mắt mùa thu, ôi chao tuyệt mỹ !
Đây tiếng vọng bên trời

— em hỡi, có nghe ?

Nếu ngày mai, ngày mốt, ngày kia
Em vẫn không về
Ta sẽ đi tìm những tình thu còn lại
Trên sóng trường giang,
Đầu ghềnh, cuối bãi
Đón lá khô lướt trên đường, đề hỏi :
— Tiếng thu đầy trời sao em chưa nghe ?
Chiều nay mưa dăng lưới
Hồn đi vào mùa thu
Ta vẫn ngồi nán đợi
Rồi tạ từ

(nhưng chưa hẹn về đâu...)

Ta sẽ lang thang vì không định hướng
Vì mùa thu quyến rũ giục lên đường
Đề tìm gặp chính em trong mộng ước :
Buồn như chiều và mong manh như sương.

TUƠNG LINH

(Mùa Thu năm bệnh...)

NGUYỄN NGU Í

Người vợ sau

NGUYỄN buồn gỗ rất to. Cũ bằng vào sự rộn rịp của khách khứa hôm đầu đó là Dung biết như vậy.

Hai vợ chồng vừa ăn sáng xong là đã thấy khách lù lù dần xác đến.

Đó là hai người Tàu, nói xí-xò, xí-xào từ đầu ngoài cửa ngõ.

— Hà, cái lầy thầy hai thức dôi chưa ? Mới có cô hai mới, chắc còn ngủ trưa lắm... Hà thầy Hai đã thức dôi à ? Hò cái lầy cống hỉ lờ, cống hỉ mà... cái lầy hóa hồng biết nói tiếng Việt-Lam làm sao lờ... cống hỉ tốt lắm mà.

Người Tàu thứ nhất cầm một cây thước nách to lớn lạ thường. Người thứ nhì cầm một vật gì tròn, lớn gần bằng cái đĩa bàn. Hắn sút tay làm rơi vật ấy xuống đất. Từ bên hông vật tròn thõ ra một dây vải lớn bẹ mà dài. Dáng nhìn kỹ thì nhận ra đó là một cây thước dây cuộn trong hộp.

Nguyễn chỉ cười hề hề mà tiếp khách. Vả lại khách cũng chẳng thèm khách sáo gì, vừa vào đến nhà là kéo ghế ngồi, không đợi ai mời cả, và thò tay vào túi rút lấy một bàn toán nhỏ đặt lên bàn rồi lắc rắc... dòn như bắp rang.

— Hai mươi tám thước dầu, mười bốn thước sến, ba mươi hai kí-lô nu... có trúng không thầy Hai ?

— Chú quên sáu thước năm gổ đỏ.

— Nhớ, mà cái đó tính riêng mà.

Người Tàu thứ nhì không tính toán gì cả, thỉnh thoảng hợp một hợp nước rồi hỏi Nguyên :

— Giá đó thầy Hai bán cho tôi không ?

— Còn thấp lắm, trả thêm đi.

— Vừa rồi mà ! À cô Hai mới ở đâu ?

Nguyên kêu vợ ra. Dung không bằng lòng, mặc dù vẫn vàng lời chồng. Nàng thấy bị trình diện với hai ông khách mặc quần đùi và áo xà xầu bạch ngực làm mất nhân phẩm của nàng. Mỗi sau Nguyên cho nàng biết rằng đó là hai người chủ gổ to, khách hàng quan trọng của chàng, Dung mới tự nhiên được.

Nguyên nói nho nhỏ.

— Người Tàu bình dân họ vẫn thế, em đừng lấy làm mịch lòng.

Hai người Tàu ra rồi thì một người Âu đến. Y là đại diện của hãng cửa Tân-Mai, một khách hàng quan trọng khác của Nguyên mà lại là khách hàng cho mượn tiền trước khi nào Nguyên cần.

Rồi thì thợ rừng từ đâu trên nguồn kéo về để lãnh lương tháng. Rồi thì bạn hữu, những người bạn không được mời dự tiệc cưới dưới Chợ-lớn, vì họ bận việc, hoặc vì họ không thân với Nguyên lắm.

Dung bị giới thiệu với người mới mãi nên không làm gì được, không quan sát gì được cả.

Lật bật thì đã xế chiều mà cũng vẫn còn khách. Dung chú ý nhận thấy trong đám khách ấy không có người bà con bên chồng nào cả.

Quả thật trên đời, Nguyên không còn ai, như chàng đã kể

cho nàng nghe. Dung rất sung sướng là thấy chồng hoàn toàn là của mình, mặc dù lòng nàng không vị kỷ chút nào cả.

Khách vừa về hết là Nguyên hối dọn cơm.

Chàng nhìn Dung cười nói :

— Minh phải bận ăn cơm cho khỏi tiếp khách. Minh phải ăn thật chậm, đĩa nào đợi không được thì về vậy ; với lại để cho con Phèn nó về sớm.

Trong khi Nguyên thở ra khoan khoái vì đã thoát nợ thì Dung bần thần nghĩ đến việc con Phèn về sớm, mà chồng vừa nhắc tới.

Một đứa ở không lưu lại đêm có gì đâu, hoặc là nó có chồng có vợ... hoặc là phải về đề phụng dưỡng hoặc giúp đỡ cha mẹ nó ở nhà. Nhưng Dung đang ở trong một tâm trạng sợ hãi nên thấy đó là một ẩn tình như bao nhiêu ẩn tình khác mà nàng đoán thấy.

Bữa cơm chiều hôm nay linh động hơn bữa cơm chiều hôm qua nhiều.

Nguyên vui vẻ và Dung mặc dầu không biết cuộc đời trước của chồng ra sao, cũng nhận được là chồng vui vẻ khác thường. Có lẽ vì nàng đã dám nói chuyện với chồng nên chồng mừng rỡ chăng ? Hay vì chồng nàng tìm thấy nơi nàng một người vợ vừa ý về nhiều phương diện ?

Con Phèn đứng xó xó đó đề phụ dịch : lấy thêm trái ớt, bớt chén cơm. Nó không nói gì nhưng sự có mặt của nó đã làm lắng vẻ sống nơi phòng ăn.

— Món cải nời hầm thịt này có phải em làm không ?

— Sao anh biết ?

— Chị Tám chỉ làm mọi lần, anh ăn nghe mùi thum thum. Hôm nay nghe ngon quá nên anh đoán vậy.

— Chị Tám chỉ làm bếp cũng khá quá chứ.

— Theo hạng bếp mướn thì chỉ là khá nhứt. Nhưng không thể nào bằng một bà nội... trợ như em được.

Nguyên chêm giữa tiếng bà nội và tiếng trợ một im lặng dài và nhìn mặt vợ mà đợi. Quả nhiên Dung cười ngoặt ngoẹo mà rằng :

— Anh làm em nhớ đến lính tây. Ở dưới em, cậu lính tây nào lò mò ra chợ chộc ghẹo mấy chị bán hàng đều được mấy chỉ dạy kêu bằng bà nội hết: « Bà nội ơi, chuối này bán bao nhiêu? hoặc: « Bà nội ơi, tôi lấy bà nội bán cho tôi trái thơm».

Nguyên cười ngất rồi cũng kể :

— Trước cuộc khởi nghĩa, anh có biết một chị bồi Tây rất quái ác và tinh nghịch. Chị ta dạy Tây chủ nói tiếng Việt mà dạy toàn những lối trái ngược mà thôi. Thí dụ: đóng cửa thì chị ta dạy là mở cửa; thôi, chị ta dạy là nữa; tắt đèn, chị ta dạy là vặn đèn.

Chị ta lười quá nên Tây chủ đuổi. Tây chủ ấy mướn một tháng sau luôn mười người bồi khác nhau mà chẳng ai xong xại một trò gì cả, sai một đằng làm một ngả, hề khiến nó mua nước đá, nó lại mua bàn chải, thét rồi Tây chủ kết luận rằng toàn dân ta đều ngu dốt, trừ chị bồi ấy thôi, và vội vàng tìm chị ta năn nỉ chị ta làm lại, lại còn tăng lương nữa là khác.

Cả con Phèn, không dám hó hé, cũng cười hùn vô với hai vợ chồng.

Dung bỗng thấy hạnh phúc sao mà tới dễ dàng quá. Thật là giản dị, chớ có gì đâu, cứ vui vẻ mà sống như thế này, quên tất cả các mối lo sợ vẫn vợ là cuộc đời tự nhiên tươi đẹp ra và buổi trăng mật hoàn toàn trong sáng không bị áng mây mờ nào che khuất nửa cả.

Tuy là dùng cơm sớm thế mà xong bữa thì trời cũng vừa sụp tối.

Con Phèn đã đưa bữa ăn xuống nhà bếp. Hai vợ chồng ra phòng khách ngồi uống trà nóng.

— Anh không sợ khách đến nữa sao mà ngồi đây ?

— Không, thời loạn, ở đây xa xôi quá, giờ này không ai đến đây. Em nhắc tới khách anh mới nhớ lại, tiếp khách thật là một khổ dịch nhất là đối với những khách quên cả trời đất, coi thời giờ rẻ như hồi tiền sử.

— Minh có nhận thấy điều đó mới biết cư xử cho phải lẽ, đừng làm khách ai lâu.

— Đúng, Anh trọn đời không làm khách ai lâu hết. À, đêm nay trời có trăng, trăng tròn chín, ta ra ngoài ngồi cho mát.

— Em thích lắm nhưng ngại lạnh.

— Gió bắc ngừng thổi từ hồi sớm mai đến bây giờ, em quên đề ý à ?

— Vây hà, em có hay gì đâu. Trời có trăng em cũng không biết.

— Rõ ràng lơ khờ như gái mới về nhà chồng.

Hai vợ chồng ra tới sân thì thấy con Phèn vừa ra về. Trời đầu đông, sương đêm xuống rất sớm. Lá kiềng ướt rượt sương lấp lánh như lá bằng bạc, dưới ánh trăng yếu của thượng tuần.

Ngoài kia, cây điệp phượng trĩu lá như cây chổi cùn, in rõ trên nền sương đêm trắng đục.

Xa nữa là con đường nhựa giốc lải thỉnh thoảng đèn pha của một chiếc xe hơi chọc thủng lớp sương mờ.

— Con đường này chạy về đâu, anh ?

— Chạy xuống thủy cung... nghĩa là chạy xuống tới mé sông thì cùng đường.

— Có phải sông Đồng-nai không anh ?

— Phải. Trước chiến tranh, cứ vài năm thì một chiếc xe lại chạy luôn xuống xứ của Hà Bá. Đường trơn và thẳng bon, nên các bác tài lạ đường, cho chạy thả cửa, tới chừng thấy mặt

nước trắng xóa hiện lên trong đêm tối thì đã trễ quá rồi, không kịp. Nên chỉ họ nói đường này có hương, và cái bến ở dưới có ma da...

Đến tiếng ma da, thì câu chuyện con đường như đã dứt được, chắc không còn gì để nói về vụ đó. Nhưng Dung nghe rõ ràng là Nguyên muốn nói nơi đó, và nói một cách đột ngột như là đã lỡ lời mà nói ra.

Dung nhìn lại chồng và một lần nữa, thấy cái châu mày khó hiểu trên mặt chàng. Tình nghịch, nàng gọi thêm :

— Dưới xứ em, em nghe tiếng sông Đồng-nai nước ngọt, trong và mát lắm. Bến ấy, em tắm có được không anh ?

Hai bắp thịt nhỏ dưới chân mày của Nguyên vừa hơi giãn ra bỗng co thêm lên, châu lại hơn bao giờ cả. Anh cắn môi làm thinh không đáp lời vợ.

Dung có ý thức rõ rệt là cái bến sông đó, cũng như nhiều việc khác trong nhà này, đều qui về một mối, mà cái mối ấy là sự bí mật người ta muốn giấu, và sự bí mật đó chỉ có thể là một thảm kịch ghê gớm hoặc buồn đau mà thôi.

Giây lâu, Nguyên điu vợ đi lại chiếc băng gỗ mà ngồi. Chiếc băng gỗ này, Dung không thể nào ngăn lòng nghĩ đến điều đó được, chiếc băng gỗ này, xưa kia đã có một người đàn bà ngồi, và có lẽ cũng dưới một ánh trăng mờ như vậy. Người ấy đã đi, không bao giờ trở lại, và thiên nhiên không còn nề nan ai nữa, đã thọc dìm hẳn những ngón tay xấu xí của nó quanh đó. Đó đây, cỏ dại mọc lan tràn, những rễ cây từ đâu không biết cũng tìm mà bò tới đó, chun lên khỏi mặt đất như để nhìn cái gì, nhìn thăm coi còn bàn tay tảo thanh nào sẵn khu vườn chẳng, rồi như yên lặng nhận thấy cảnh điêu tàn, lại chun trở xuống.

Ngày thứ nhì là một ngày bình lặng, mặc dầu Nguyên vẫn tiếp khách ở nhà trên.

Dung cảm thấy mình sống được đời riêng của mình, khỏi

bị giới thiệu với ai cả. Ngày giờ mới thật là hoàn toàn của nàng và giúp nàng cảm thấy rõ địa vị mới của nàng, địa vị một người chủ gia, nội trợ.

Hôm nay, sự yên ổn của chị Tám bị xâm phạm thái quá. Dung dặn kỹ từng món phải mua, vì nàng quyết gây hạnh phúc cho chồng, bắt đầu nói chuyện rất nhỏ là chuyện ăn, uống tuy thật nhỏ nhen nhưng nàng thấy nó cũng quan hệ lắm.

Chị Tám xách giỏ ra khỏi nhà, Dung kêu con Phên lại :

— Em giặt đồ, có giặt đồ tây của Thầy không ?

— Dạ đồ tây bỏ tiệm.

— Em không biết giặt sao ?

— Dạ cũng không khó bao nhiêu, nặng tay hơn đồ mát một chút. Nhưng không biết ủi, nhất là ủi áo thì khó quá.

— Từ rày ở nhà mà giặt, cô sẽ dạy em ủi

— Dạ.

— À, này em, chị Tám chị ấy không được vui, phải không em :

— Dạ.

— Mà tánh ấy chỉ mới có dạo này mà thôi, hay có đã lâu rồi ?

— Dạ, đã lâu rồi. Nhưng giờ chỉ còn buồn hơn hồi trước nữa.

— Hồi trước là hồi nào ?

— Hồi một, hai năm về trước.

— Tại sao vậy em ?

— Em cũng không biết tại sao.

— Chị ấy ở đây bao lâu rồi ?

— Dạ, từ hồi ông bà còn sống... đầu tám chín năm gì đó, hồi em còn nhỏ xíu.

— Lâu dữ vậy à. Chắc chỉ được thầy tin cậy lắm ?

— Dạ.

— Còn em, em ở đây từ bao lâu rồi ?

— Dạ, mới tám tháng thôi.

— Em có biết...

Dung không nói được cái tiếng đề chỉ « Người đó ». Nàng không ghét người ấy, nhưng không hiểu sao mỗi lần muốn nói tới « Người đó » là nàng đâm ngượng, hai tiếng đề chỉ người khuất mặt chưa bao giờ nàng thốt ra được. Hai tiếng ấy có thể là « cô trước » đối với con Phên, hay « chị ấy » đối với chồng.

Dung cảm nghe rõ rệt như « Người ấy » còn lần quất đầu đây, đang rình mò, dòm ngó nàng, đang cười gằn :

— « Hừ, coi cái bộ lên mặt bà chủ kia, thấy mà phát ghét. Bà mà nổi xung thiên lên, bà vạ hòng thì chết le luối bây giờ ».

Nàng ngượng khi muốn nói tới « Người đó » chẳng ? Không, chính là nàng sợ. Nàng sợ « Người đó » nghe hai tiếng rồi thấy trong đó một giọng mỉa mai, tuy quả không có, nhưng biết đâu, khi người khuất mặt đang thù mình, thì biết đâu họ lại chẳng nghe một tiếng thường ra một tiếng chế nhạo. « Người đó » nghi nàng chế nhạo thì sẽ nổi giận đến đâu ?

— À, em nè, tại sao em lại không ở lại tối ?

Con Phên toan nói cái gì bỗng hoảng sợ nín lặng. Nó giác giác nhìn ra cửa rồi đứng lên, vừa chạy vừa nói :

— Ủy trời, em quên lấy cái...

Dung cũng ngó ra ngoài thì thấy chị bếp đi chợ về và vào tới sân trong.

Một lần nữa, Dung cảm thấy rõ rệt trong nhà này, người ta muốn giấu nàng cái gì, mà con Phên chắc đã bị hăm dọa nếu tiết lộ việc ấy ra sẽ bị trừng phạt nặng, nên nó lăm lét mỗi khi chị bếp bắt gặp nó nói chuyện thân mật với nàng, lăm lét như con gái bị mẹ bắt chợt đang trò chuyện với trai tơ.

Trong giây phút nàng nghe tức chị bếp lắm, thấy chị ta là chủ mưu trong việc chống lại nàng. Chống lại nàng ! Không, chỉ tẩy chay nàng thôi, không nhẹ hơn thế, chỉ gạt nàng ra ngoài cái chuyện kín lén lao của họ thôi, mà như vậy cũng đủ làm cho lòng tự ái của nàng bị thương tổn rất nặng.

— Đâu đem đồ đây tôi xem coi nào !

Giọng Dung xẵng xớm, khiến chị Tám sợ hãi, vừa đi qua khỏi mặt nàng, toan ra ngoài sân nước thì riu riu trở lại, đặt rõ xuống trước mặt chủ.

Dung sung sướng, bụng như nói :

— «Ừ, ta cho các người chơi riêng với nhau ! Nhưng thế nào các người cũng phải dưới quyền ta chớ, rồi ngày kia liệu còn giấu được gì ta nữa không ? Không khai thì sẽ biết tay ta ».

Nhưng nàng vừa sung sướng nghĩ thế thì hối hận ngay nhất là khi thấy bộ sợ sệt của chị bếp.

Nàng dịu giọng lại. nói :

— Chà ! cá đuối sống chị mua ngon quá, chị đi chợ khéo da. Có mắm nêm thật ngon không ?

— Dạ, mắm chợ ít có ngon.

— Thì đành. Tôi sẽ làm lấy. Nhưng chị có may tay mà mua đỡ được mắm ngon hôm nay hay không ?

— Dạ cũng kha khá.

— Cá đuối này, phân nữa nấu chua, phân nữa chiên dầm mắm nêm, măng mạnh tông xào với thịt gà ; thôi chị làm cá, nhường cho tôi nấu một bữa, coi thầy ăn có ngon miệng không.

Trong khi đợi chị bếp làm cá, lật rau, Dung dọn lại củ đồ ăn, theo trật tự riêng của nàng.

Làm công việc ấy, nàng vẫn thấy ngại ngại, như là đã xúc phạm đến « Người đó ».

Đây có lẽ là theo trật tự của . . . Chính nàng, nói

thầm với lương tâm mình nàng cũng chẳng dám nói đến « Người đó ».

Nàng đặt vừa xong hủ muối cuối cùng vào hốc tủ hộp lý nhất, theo ý nàng, thì chị bếp cũng vừa xong công việc và bước vào trong.

Dung giựt mình như vừa bị « Người đó » bắt chợt tại trận nàng đang làm điều quấy.

Đề cho đỡ ngượng với mình, nàng cố trấn tĩnh, làm gan hỏi :

— Cô hồi trước sành việc bếp núc lắm phải không, chị Tám ?

À, nàng đã dám nói đến « Người đó ». Thật là dễ dàng mà tại sao từ mấy hôm nay nàng không nói được « Cô hồi trước... », « Cô hồi trước... » Dung muốn nói liên tiếp ba tiếng đó, vì nàng nghe nói ra được là một điều sung sướng, khỏe lòng, khỏe miệng. Nàng lại muốn nói to lên, để nghe thử ba tiếng ấy nó vang dội làm sao nơi tai nàng.

« Cô hồi trước ... ! » « Cô hồi trước ... ! »

Chị bếp ngần ngừ giây lâu rồi đáp :

— Dạ, cô hai trước ít hay xuống bếp, nên tôi không biết có giỏi hay không.

— Giao hết cho chị à ?

— Dạ.

— À, này chị, cô hai trước đẹp lắm không ?

— Dạ đẹp lắm, và ... và ... sửa soạn lắm. Móng tay của cô dài mà nhọn, mà sơn đỏ lôm. Một ngày cô thay năm, ba sắc áo và không làm gì động tới móng tay hết.

Dung rán tìm hiểu coi giọng nói của chị bếp có vẻ thân phục hay là chê bai.

Nếu chị ta thân phục « cô hai trước » thì tức là chị ta khinh

nàng, con người móng tay cắt sát tận phao, con người mỗi ngày chỉ thay một sắc áo, con người lui cui dưới bếp với ông táo, con người chẳng cần biết đến mùi phấn màu son.

Nếu chị ta chê bai « cô hai trước » tức là chị ta miễn nàng, nàng, người nội trợ đảm đang, lo cho chồng từ việc nhỏ đến việc lớn.

Nhưng giọng chị bếp thân nhiên một cách tuyệt vọng không thể nào bằng vào đó mà hiểu thâm ý của chị ta được.

Bữa cơm trưa hôm ấy là bữa cơm đầu tiên mà trong đó Dung dám nhìn thẳng vào mặt chồng, không còn e ngại như mấy hôm trước nữa.

Nguyên sung sướng trông thấy. Và khi con người ta sung sướng, gương mặt người ta tươi ra, dịu hiền lại.

Dung nghĩ :

— Anh ấy không hung tợn như mình tưởng đâu. Con người hung dữ căn bản không bao giờ dịu nét mặt lại được. Cho dầu hấn cố làm ra hiền, cái hung tợn nó cũng không bao giờ giảm được. Nhưng tại sao anh ấy lại sung sướng ? Mình không đẹp bằng cô hồi trước, mình không làm dáng bằng cô ta, mình không phải là gái tơ tươi trẻ, thì tại sao anh ấy được hạnh phúc với mình. Không, không phải anh ấy sung sướng vì bữa ăn khéo này đâu. Hạnh phúc tạo thành được là nhờ nhiều thứ, có cả những thứ không hình không bóng, không hương, không nói ra được.

Dù sao Dung cũng vừa nghe lòng phấn khởi vì sự thành công của mình. Nàng nói :

— Anh quên mất một việc. Không còn cha mẹ, bà con ít ra vợ chồng mình cũng phải lạy bàn thờ để ra mắt tổ tiên chớ. Anh không trình diện vợ... mới của anh với ông bà à ?

Nguyên nhìn vợ giây lâu rồi đáp :

— Quả thật anh quên mất ! Nhưng em thấy là cần lắm không ? Anh thì anh cho đó là một vấn đề hình thức.

— Bề ngoài hay bề trong gì không biết, nhưng phải như vậy mới được. Và lại anh chưa cho em biết cái nhà này, nhà thờ chưa bao giờ mở cửa cho em vô cả.

— Được, đề xế, chúng ta sẽ trình diện với ông bà.



BÓNG tối chạy trốn trước ánh sáng vừa tràn ủa vào nhà, rút ẩn vào phía trong cùng, dưới các bàn thờ, sau rường cột gỗ.

Cùng với bóng tối, một bầy muỗi nhiều vô số kể bay vù lên toản loạn, rồi cũng rút ẩn vào trong.

Mới nhìn vào, Dung chỉ thấy cột là cột. Lối kiến trúc xưa xài cột nhiều quá, choán hết chỗ ở.

Phía trước, ngay giữa nhà là một bộ bàn ghế kiểu Việt-nam rất lâu đời, gồm một chiếc bàn vuông chạm tỉ mỉ và bốn chiếc tràng kỷ cũng chạm trổ không sót một chỗ nào.

Hai bên là hai bộ ván chân quỳ, dày trên một tấc. Bụi đóng trên ván một lớp dày. Dung tưởng cứ viết chữ, hoặc vẽ lên đó thì nó sẽ rõ bông bông ra.

Phía trong cùng là ba cái tủ mặt thụt gỗ man khảm ốc xà cừ, lư hương, độc bình, cái gì cũng xưa cũ.

Dung nghe thoang thoảng mùi mốc meo bụi bặm, mùi của hòm lâu ngày không mở nắp, mùi của nhà hoang kín mít từ lâu.

Nhà này không có cái gì gọi là vui tươi cả. Dung nghĩ rằng vì thế mà trông anh ấy buồn buồn. Đã buồn vì nhà buồn, lại có vẻ hung tợn vì tất cả mọi vật chung quanh anh ấy đều mang một vẻ huyền bí âm u như mấy gian nhà thờ này chẳng hạn.

Bất giác Dung nhìn lại chõng, thì lạ quá, Nguyên vẫn có gương mặt sung sướng hồi sớm.

Chàng lạnh lện bước lại bàn thờ, rút nhang, đốt lên rồi

cắm vào bình hương sau lư đồng. Chàng thấp sáng ngọn đèn sáp trên ba bàn thờ.

Nhìn đèn sáp cháy bùng bùng, ngửi hơi hương thơm phức, Dung bỗng nhớ lại lời cha nàng thường nói lúc nàng còn bé.

(Hễ thấp nhang thấp đèn lên là thấy nó linh thiêng ngay và mình có cảm tưởng như hồn người khuất mặt về đầu đây !)

Dung rung mình, trong đám hồn người khuất mặt ấy, có một hồn về không phải để nhìn đứa cháu đầu mới, mà để điếm mặt một kẻ tiếm vị.

Nhưng bàn thờ nàng ở đâu ? Dung nhìn quanh tìm mãi mà không thấy. Không lẽ Nguyên thờ vợ chung với ông bà, và lại bàn thờ người mới chết chưa mãn khó, phải khác bàn thờ cũ, để chung thể nào được. Hay là anh ấy không thờ gì hết ?

Vợ chồng đến trước bàn thờ, Dung nhìn xuống đất thì thấy đã có chiếu trải sẵn dưới đó.

Nguyên không van vái, khẩn khứa gì cả. Anh ta vừa tới đó là cuốc ngay như làm một công việc thường, cuốc đất, bừa cuội chẳng hạn.

Vì phải lạy một lượt với chồng nên Dung cũng không có ngày giờ để mà khẩn.

Lạy xong ba lạy trước mỗi bàn thờ, Nguyên kéo vợ bước ra khỏi chiếu rồi hỏi đùa :

— Ông bà ông vãi có bảo gì em không ?

Chàng vui vẻ quá, và âu yếm nhìn vợ mãi không thôi.

— Ông bà ông vãi quả em sao không trình diện với « Chị ». Anh thờ « Chị » ở đâu ?

Tiếng « Chị » tuy có khác với ba tiếng « có hồi trước », nhưng Dung nói ra cũng dễ dàng, không ngượng nghịu gì hết vì tiếng ấy cũng chỉ một người « người đó ». Cái khó là nói đến « người đó » một khi nói ra được, thì dùng bất kỳ danh từ nào cũng trôi tuột.

Dung âu yếm nhìn chồng, chờ đợi một câu trả lời. Nhưng nàng thất vọng và hoảng sợ biết bao khi thấy Nguyên xụ mặt xuống như giận dữ.

Nguyên buông nàng ra, bước lẹ ra khỏi nhà thờ, rồi không cần biết vợ theo ra chưa, quát :

— Chị Tám, đóng cửa lại !

Từ đó đến chiều, Nguyên tuy đã nguôi giận, bỏ vẻ mặt hầm hầm nhưng vẫn buồn dầu dầu, hết đi tới đi lui, thở ra thở vào, lại nằm gác tay lên trán.

Dung khép nép như một đứa bé có lỗi, không dám ở nhà trên với chồng nữa, mà khi xuống bếp nàng cũng kè né như sợ lây đến kẻ tội tở trong nhà.

Dung không buồn rầu vì trong giây phút nàng đã làm cho chồng mất cả vui thú gia đình. Nàng chỉ đau khổ thôi, đau khổ vì đã làm chồng buồn trong nhà, mà không biết vì sao, để mà tránh về sau này, nỗi buồn đến đột ngột quá, mà không rõ vì lẽ gì. Có khi nàng chỉ nói đến một việc rất tầm thường cũng đủ làm chị bếp kinh khủng, cũng đủ làm cho Nguyên buông đũa giữa một bữa ăn vui.

Dung thấy mình như một kẻ mù quờ quạng đi, phó mặc cho sự tình cờ may rủi. Trong tình cảnh đó, nàng làm sao gây được hạnh phúc cho chồng và cho chính nàng ?

NGUYỄN NGU Í

(Khi người chết có mặt)

HOÀNG MAI

Nghe chim



*Từ phương nào, một hôm, người khách lạ
Đến bên vườn trồng nắng sớm, nghe chim
Chiều ý khách, những lời chim rộn rã
Kéo dài hơn mọi bữa, hát hay thêm*

*Trên cành soan có đôi chim vàng nghệ
Nghiêng nghiêng mình hiến khách bản song ca
Lim dim mắt, khách gật đầu đáp lễ
Rồi mơ màng, khách ngắm một bóng hoa*

*Thấy khách lạ, chủ chích chòe bẽn lẽn
Không đứng yên, không hát, ý thăm dò
Gã sáo sậu áo đen chầm chầm đến
Vội chân-tình trao khách, « nói » bi bô*

*Từ bữa đó, cả vườn chim xao động
Trăm âm thanh quen thuộc trời vang lừng
Vườn ngập nắng, lá hoa tràn sức sống
Khi ngoài rào, người khách ấy dừng chân*

*Rồi suốt mùa thu vườn cây trút lá
Chim lìa cành vì gió rét căm căm
Khách vẫn đến, nhưng để nhìn cảnh lạ
Và để hồn đơn chiếc nhớ xa xăm...*

Hấp hối

Tôi đang kiếm ở trong chiều đó
Một chút huy hoàng cho tuổi xanh
Chiều lại gần đây thêm tí nữa
Lòng đau tôi sắp rã rời dần.

Chiều lại gần đây, đêm sắp sang
Buồn tôi sắp thở đến hơi tàn
Chiều còn nán lại trên cây lá
Tôi chết đi rồi ai thở than !

Ồ ! Tôi than thở làm sao đây
Mây trắng còn giăng kín ngõ gầy
(Mây trắng tương tư chiều xóm nhỏ)
Và hồn tôi gửi áng mây bay.

Tôi đối... Chiều ơi ! Tôi thiết tha
Thư xanh gởi mãi cánh tay ngà
Trưa buồn con nhận bơi trong nắng
Song quạnh tôi còn đứng xuýt-xoa.

Tôi đối... chiều ơi ! Tôi nhớ thương
Chân quen gõ lệ mấy bờ tường
Đêm về chẳng kéo lòng tôi dậy
Áo trắng chập chờn giữa phố sương.

Nhưng hẳn là chiều không biết đâu
Tôi còn đau đớn hơn u sầu
Tôi còn tha thiết nằm mơ mãi
Dù sáng trắng về quá mái lầu.

Lòng giận lòng buồn lòng sắp tan
Nhớ thương ai có nhớ thương bằng
Chiều ơi ! mắt lạnh bao giờ khép
Chiều lại gần tôi đừng nói năng.

TUYẾT HƯƠNG

Lời cũ

CHÚNG tôi quay vào, ngồi xuống giường tiếp tục làm việc. Tôi đếm số mũi len trên kim đan. Nhưng đếm đến lần thứ ba rồi mà vẫn chưa biết được bao nhiêu mũi.

Kéo sợi len dài thêm, tôi kiên nhẫn đếm lại lần nữa. Nhưng cũng như những lần trước. Vừa đếm tôi vừa nghĩ tới chiếc dù không mở, nghĩ tới giải lụa đỏ quần quai một cách tuyệt vọng trong không trung. Cái màu đỏ như máu vốn có trên nền trời xanh thẫm cứ ám ảnh tâm trí. Ngược nhìn chị ngồi bên mải miết đan, tôi hỏi :

— Dù không mở có sao không hả chị ?

Chị ngừng lên, lơ đãng nói :

— Ừ, không biết có làm sao không nhỉ ?

Chúng tôi cùng cúi xuống. Có tiếng người chạy vội trên thang gác. Không gõ cửa, anh Thành bước vào, đến chỗ chị Trâm nói gì nhỏ nhỏ. Đoán có chuyện gì quan trọng, tôi định ra khỏi phòng. Nhưng tôi thấy mặt chị trở nên tái nhợt, buông rơi chiếc kim đan xuống giường, kêu lên :

— Chết rồi ! Sao vậy ?

— Dù không mở.

Tôi giạt hẳn người, lằm bằm nhắc lại : « Dù không mở ». Chưa nghe nói tên người, tôi đã biết là ai. Một luồng gió lạnh lẽo quẩn lấy người tôi, thấm vào trái tim tôi. Chân tay tôi run lẩy bẩy. Cái lạnh cứ lan rộng thêm mãi.

Dường như quên sự có mặt của tôi, chị Trâm òa lên khóc. Anh Thành luống cuống tìm cách an ủi chị.

Chị khóc, bộc lộ nỗi đau khổ một cách giản dị như thể có lý lắm. Khi người ta mất một người thân thích, ruột thịt, ai cũng có quyền khóc. Sung sướng thay những người được nói lên sự đau khổ của mình, được có người an ủi và thông cảm.

Lúc này tôi dám chắc tôi đau khổ không kém gì chị, nếu không nói là hơn. Tại vì chị chỉ mất một người em. Mất một người không có liên quan gì tới hạnh phúc của chị. Còn tôi, đối với mọi người, tôi chỉ là kẻ ngoại cuộc, cái chết đó chẳng can thiệp gì tới tôi. Thế mà tôi cảm thấy mất nhiều hơn chị, đáng thương hơn chị !

Tôi muốn gọi một cái tên. Tôi muốn khóc thật to. Nhưng không thể được. Tôi đâu có quyền đau khổ đến rồ dại về cái chết của một người không có gì liên quan tới mình ! Nhét tất cả len và kim đan vào túi, tôi uể oải đứng lên. Không ai giữ tôi. Anh Thành đang tíu tít giúp chị Trâm sửa soạn đi thăm em chị lần cuối cùng.

Khép cổng lại, tôi lủi thủi bước ra đường. Thật đúng là lủi thủi. Lần này tôi dùng chữ rất hợp.

Chân tôi bước đều đều trong khi đầu cúi nhìn mặt đường. Một cái mặt đường sấm ngọc và cử động không ngừng. Tôi cứ đi như thế. Không nghĩ và cũng không định gì hết, mãi tới khi cảm thấy lạnh. Tà áo bị gió lật tung đập vào má tôi mới biết mình đã tới hồ Xuân - Hương.

Trời không nắng. Ven hồ không một bóng người qua lại. Mặt nước gợn sóng đều đều. Đều đều như nền trời mờ đục ánh xuống hồ. Chợt tôi nghĩ :

— « Hôm ấy cũng thế này ! »

Phải. Hôm ấy trời cũng thế này. Mờ đục, không một tia nắng.

Ven hồ cũng không một bóng người. Có khác chỉ là hôm nay tôi đi trên lối đã gọi là lối cũ.



GIA đình tôi tới Đalat một buổi xế trưa mùa xuân. Trời trong sáng, nắng ấm. Hoa đã bắt đầu héo tàn. Cảnh anh đào rụng trên những con đường xe đi qua khiến tôi nghĩ tới cảnh tượng xác pháo rải trên sân sau một đêm mưa.

Nhà tôi ở một phố gần chợ. Gọi là gần, với đường xá Đalat, đi bộ cũng mất chừng mười lăm phút. Nhỏ thôi. Song có mảnh vườn xinh xinh ở trước cửa. Đứng trên thềm có thể nhìn thấy cảnh rừng thông và rừng núi nhô trên dãy mái nhà bên kia đường.

Từ ngày cha tôi dời lên đây làm việc, tôi nghỉ học. Không phải vì lười biếng hay . . . dốt. Chỉ để có thì giờ sửa soạn cuối năm . . . về nhà chồng. Một sinh viên sư phạm, đã theo đuổi tôi từ mấy năm nay. Mà tôi đã gật đầu với ý nghĩ — « Cho yên chuyện », cho người ta . . . không phải theo đuổi mình nữa. Như vậy, quan niệm về hạnh phúc của tôi giản dị lắm. Giản dị như cuộc đời của tôi bao lâu nay vậy.

Bây giờ tôi chỉ có việc sáng sáng xách giỏ ra chợ mua thức ăn, giúp mẹ trong công việc nội trợ. Chiều, trông lũ em học. Tối đem mấy khóm phong lan ra phơi sương. Rất ít khi tôi đi chơi. Hay có đi thì bao giờ cũng đem theo cả một bầy bốn đứa em.

Chiều hôm ấy, mẹ tôi sai lên phố chợ mua cà phê. Không hiểu sao lúc về tôi lại đi vòng ra hồ Xuân-Hương, thong dong bước một trên cỏ nhìn cây cối, nhìn trời ánh trên mặt nước, nghe lá thông reo . . . Như một nhà thơ đi tìm hứng vậy.

Cứ bước một tôi đi mãi qua khách sạn bờ hồ, khách sạn Long-Biên . . . Sắp tới chỗ có ghế. Tôi định đến nghỉ chân một lúc rồi về. Bỗng tôi nghe tiếng chân người đi rất nhanh, gần

như chạy, ở sau lưng. Trước còn xa, sau rõ dần. Đùng là tiếng bước chân của một người đàn ông.

Tự nhiên tôi nghĩ đến những sự nguy hiểm có thể xảy tới cho người con gái đi chợ một mình ở chỗ vắng vẻ. Tôi bắt đầu hối hận đã « vui chân ». Nếu cứ đi đến nơi về đến chốn như mọi khi... Nếu đem theo vài đứa em... Nếu gì cũng đã vô ích. Tại vì hiện thời đang có người theo ở sau lưng. Hình như đã gần lắm rồi.

Nhìn trước mặt, không một bóng người. Bên phải là dãy tường dài vô tận của sân thể dục. Bên trái toàn nước. Không thể kêu cứu ! Bỗng tôi nghe tiếng gọi :

— Cô ơi !

Tôi càng hoảng. Lúc hoảng quá tự nhiên sinh liều. Tôi đứng lại, giữ thế thủ, sẵn sàng... rút guốc ra và quay lại.

Nhưng cái « nhân vật » ghé gớm tôi chờ đợi chỉ là một sinh viên sĩ quan, dáng dấp như một thư sinh. Chưa có vẻ gì con nhà võ.

Thấy tôi quay lại, chàng ta dừng bước, ấp úng nói :

— Có phải chiếc khăn này của cô đánh rơi ?

Nhận ra khăn của mình, nhớ lại những ý tưởng vừa rồi, bây giờ đến lượt tôi ấp úng, chỉ nói được rất khẽ :

— Dạ thưa phải.

Cầm chiếc khăn trong tay người thanh niên lạ, tôi ngừng đầu cảm ơn thì bắt gặp chàng đang nhìn mình. Tự nhiên tôi bối rối quá, và tôi đã cầm đầu đi trở lại rất nhanh. Nhưng trong khi « đi rất nhanh » ấy, tôi vẫn lắng tai nghe tiếng chân bước xa dần ở phía sau.

Buổi tối, khi đem lan ra hiên phơi sương, tôi đứng trong tối nhìn những vì sao lấp lánh trên vòm trời giá lạnh một lúc lâu. Tôi nhớ đến buổi chiều, cuộc gặp gỡ. Nhớ tới người thanh niên lạ.

Tôi nhớ nhất đôi mắt. Đôi mắt trong sáng, rất hiền. Nhưng cái nhìn có gì rất khác lạ. Nó làm tôi bối rối, xao xuyến như chưa bao giờ thế. Tôi tự hỏi người ta có chú ý tới tôi như tôi đã chú ý tới người ta ? Chắc là không vì người ta lãnh đạm, đứng đưng như đối với người đi ngược chiều. Tự nhiên tôi cảm thấy buồn buồn, hờn giận vẩn vơ.

Này nhé, người ta đuổi theo, trao trả chiếc khăn. Rồi tiếp tục đi như chẳng có gì đáng kể. Đáng lẽ phải... Phải làm sao nhỉ ? Nghĩ đến đây tôi chợt nhận thấy mình vô lý quá. Tại sao lại có thể vô lý đến thế !

Tôi thở dài nhè nhẹ và quay vào. Vừa đi tôi vừa nghĩ tới con đường cỏ xanh rờn bên ven hồ. Tôi nghĩ tới cuộc gặp gỡ, nghĩ tới người không quen biết. Lần đầu tiên trong đời tôi nghĩ vơ vẩn, cảm thấy lòng trống trải, căn phòng rộng rãi quá. Tôi cầm chiếc khăn để trên mặt bàn, nắm gọn trong lòng bàn tay...



HAI tuần lễ qua. Chiều thứ bảy ấy tôi đến nhà chị Trâm mượn một ít mẫu thêu.

Chị Trâm là vợ của anh Thành, anh họ tôi. Khi tôi bấm chuông, một người ra mở cổng. Người ấy chính là...

Thoạt tiên, chúng tôi cùng lộ vẻ ngạc nhiên, vui sướng. Nhưng khi nhìn vào đôi mắt sáng lên của chàng, tôi bỗng trở nên ngượng ngịu, lúng túng. Hình như chàng cũng thế. Chúng tôi cúi đầu, yên lặng đi vào. Mỗi người một bên lối đi. Tôi cố ý lui lại sau chàng một bước. Mấy lần tôi thấy chàng đi chậm lại, có ý đợi. Tôi cũng bước chậm lại. Tôi không có đủ can đảm đi song hàng. Như có một hàng rào vô hình chặn lại. Vừa định lướt qua chân đã dứ lại.

May quá, chị Trâm kia rồi. Trông thấy tôi chị reo lên :

– Thúy ! Chị cứ tưởng ai. Vào đây em.

Chừng thấy vẻ ngượng ngịu của tôi, chị cầm lấy tay tôi dắt vào và nói :

— Ngồi chơi đây, chị giới thiệu Thúy, em anh Thành, và Hải, em chị. Người nhà cả, việc gì mà ngại.

Tôi ngừng lên. Có lẽ bị bắt « quả tang » đang nhìn tôi, Hải mỉm cười bẽn lễn, đứng lên lảng đi chỗ khác. Còn tôi, tự nhiên chẳng tìm ra chuyện gì để nói nữa. Việc mượn mẫu thêu cũng quên luôn. Vừa lúc tôi định về thì chị Trâm vô tình đến tiếp cứu :

— Cậu mợ có được mạnh không em ?

— Dạ, có.

— Hơn hai tuần rồi chị chưa lại...

Tôi vội vàng đứng lên. Chị có thói quen mỗi khi lâu không đến nhà tôi, nếu gặp sao cũng hỏi thăm từng người, rất thú tự. Không hiểu sao tôi sợ. Cũng như không hiểu sao tôi bối rối.

Chị ngạc nhiên, hỏi :

— Ở chơi đã. Sao vội về thế ?

Tôi chỉ mỉm cười. Đưa tôi ra tới cửa, chị hỏi :

— Mai em có bận gì không ? Đi chơi với chị đi.

Đúng lúc ấy gặp Hải nhìn. Quên cả sáng mai chủ nhật phải ra chùa nghe giảng kinh và dự khóa lễ của Phật tử, tôi nhận lời ngay.

Sáng hôm sau, đúng hẹn tám giờ chị Trâm đến đón. Suốt dọc đường đi Suối vàng tôi chỉ nghe người khác nói chuyện. Cả buổi đi chơi, tôi và Hải chỉ trao đổi vài câu rất thường về phong cảnh và khí hậu Đà-lạt.

Tôi khám phá chúng tôi có những ý thích rất giống nhau. Ưa yên tĩnh vắng vẻ, gần thiên nhiên, chúng tôi cũng thích Suối vàng nhất. Tôi còn biết Hải có một đức tính rất hợp với tôi, khi nghe chàng nói chuyện với anh Thành. Đó là lòng thương. Không muốn làm khổ từ con vật bé nhỏ. Đầu phải cứ làm nhà

binh là thích giết chó. Đã có cảm tình, tôi càng thấy chàng đáng mến.

Về tới nhà, hãy còn sớm, anh chị Thành và Hải ghé vào chơi nhà tôi. Trong lúc pha nước, tôi lắng tai nghe mẹ hỏi chuyện chàng. Thiếu chút nữa một chiếc chén bị vỡ oan khi mẹ nói:

— Hôm nào được nghỉ, có ra ngoài cậu rẽ lại đây chơi cho vui.

Và tôi sung sướng hơn cả những lần được món quà vẫn ao ước khi mọi người ra về, người nói với cha tôi:

— Cậu em vợ Thành trông người tuấn tú, mặt mũi khôi ngô, nói năng lễ độ quá nhỉ.



LẦN đầu tiên Hải đến nhà tôi một mình, không dấu được mừng rỡ, thoáng thấy bóng chàng tôi đã chạy ra mở cổng và reo lên:

— Anh Hải!

Bao nhiêu sự mong chờ, tưởng nhớ đã được bộc lộ hết trong tiếng reo ấy. Rồi tôi cứ đứng yên mà nhìn chàng và mỉm cười. Hải chỉ cười và cúi chào. Nhưng trông đôi mắt chàng, tôi biết nó đã thay lời nói reo lên sự vui sướng được gặp tôi. Lời nói của mắt bao giờ cũng thành thật, dễ thông cảm.

Qua cái giây phút đầu tiên quá tự nhiên ấy, tôi đóng cổng đề che dấu sự bối rối và nói nhỏ:

-- Mời anh vào chơi trong nhà.

Nhưng vào đến trong nhà, tôi chỉ biết mỉm cười. Rồi mặc Hải đứng đó, tôi chạy vào gọi mẹ. Tôi đem cả bốn đứa em ra cho nó làm quen với chàng. Chẳng mấy chốc họ chuyện trò thân mật. Còn tôi, không dám ngồi tiếp chuyện, tôi kiếm hết cơ

này đến cơ khác đề chạy ra chạy vào. Tôi cần cử động không ngừng. Tự nhiên tôi hóa vụng về hết sức. Chỉ những va cùng chạm. Bụng chén nước cũng đánh đổ.

Mãi lúc Hải đứng lên cáo từ, tôi mới nói được một câu :

— Anh ngồi chơi lúc nữa. Hải còn sớm.

— Xin phép cô. Đề lần khác, lần đầu tiên thế là vừa.

Hải nói cũng chẳng rõ hơn tôi. Phải lắng tai mới nghe thấy. Nhưng chàng vừa nói vừa nhìn tôi. Cái nhìn làm tôi e thẹn và chưa chan hy vọng. Tôi cảm thấy đời bình như có nhiều thứ rất đáng khám phá. Tất cả còn rất mờ mờ. Chưa có đầu mối. Chỉ gây nên một cảm giác say say vô cùng êm dịu.

Tiền chàng ra, trước khi khép cổng, tôi nói nhỏ :

— Bao giờ anh lại đến ?

— Chủ nhật tới.

Chưa bao giờ tôi xem lịch nhiều bằng bây giờ. Tôi thấy một tuần lễ có một ngày chủ nhật thôi, ít quá ! Ngày thứ hai, thứ ba sao vô duyên thế. Có lẽ chẳng có gì dài dài bì với một ngày thứ bảy. Tôi có cảm tưởng nó không chịu hết nữa.

Nếu chủ nhật trước tôi không nói gì hết, thì trái lại, chủ nhật này tôi nói nhiều quá. Hải chỉ có thì giờ nghe và trả lời bằng vài cái nhìn. Nhưng mỗi lần chàng nhìn, tôi lại nói nhiều và nhanh hơn. Đôi lúc, như chợt nhớ ra, tôi để ý nhìn nét mặt chàng, tìm hiểu cảm tưởng của chàng về những câu chuyện tôi nói. Tôi muốn biết chàng có hiểu, vấn đề đang nói có hợp với chàng không.

Đến lúc tôi nhận thấy chàng cứ ngồi im, ra vẻ lắng tai nghe, mà mặt thì ngẩn ngơ như mất hồn, tôi ngừng nói một cách đột ngột. Trong thời gian ngừng nói ấy, tôi thử nhớ lại thì ra chính tôi cũng chẳng hiểu mình đã nói những gì. Thế là cả hai chúng tôi cùng rơi vào tình trạng ngượng nghịu. Và chúng tôi cùng che dấu sự ngượng nghịu bằng cách hỏi chuyện hay trả lời mảy má đưa em tôi.

Hải đứng lên cáo từ. Tôi chỉ dám cúi đầu, ngập ngừng như người phạm lỗi, hỏi :

— Bao giờ anh lại đến ?

— Chủ nhật sau.

Tôi nhìn chàng. Cái nhìn nói lên sự sung sướng và biết ơn. Ra tôi cũng, chàng quay lại nhìn tôi lâu hơn tất cả những lần khác, rồi quên cả chào tôi, cầm đầu đi rất nhanh.

Không thể đoán biết chàng định nói gì với cái nhìn ấy. Nhưng trái tim tôi đập rộn lên, tâm hồn rối loạn. Đi trở vào, suốt cả ngày hôm ấy, tôi nhớ đến cái nhìn ấy. Lúc nào cũng tưởng như Hải đang nhìn mình. Rồi, lúc nào cảm thấy ngày vô vị và dài, nhớ đến cái nhìn chàng, tôi quên tất cả. Tính nết tôi trở nên vui vẻ, dễ thương hơn.



Trong lúc chờ đợi « chủ nhật sau », tôi ôn lại lần gặp trước. Tôi không nhận ra mình nữa. Sao có thể vô duyên đến thế được !

Tôi nhủ thầm lần gặp tới sẽ thản nhiên, bình tĩnh. Tôi tìm sẵn những câu chuyện dí dỏm ý nhị nói cho Hải nghe. Chợt tôi nhớ tới một bài báo nói về đàn ông đã đọc. Theo lời người viết bài ấy, thì đàn ông thích những người đàn bà chịu khó nghe hơn. Như vậy thì không nên nói gì hết. Tôi sẽ bảo chàng kể chuyện và đóng vai thính giả. Thiết ra vai trò này thích hợp với tôi hơn. Tôi sẽ rủ chàng ra vườn xem các thứ cây tôi trồng nữa.

Nhưng chủ nhật sau chàng không đến. Tôi nhủ thầm có lẽ chàng mắc bận gì, hay bị cấm trại ? Lần đầu trên tôi biết cái khổ của sự chờ đợi nó thế nào. Thì ra lúc nào cái hy vọng và thất vọng cũng đi đôi với nhau. Một tiếng gió đi qua, một chiếc lá rụng cũng đủ giật mình tìm kiếm đề rồi thất vọng ngẩn ngơ.

Một giờ chờ đợi đã dài bằng cả một tuần. Thật là khủng khiếp !
Giả yếu tim, có thể ngắt đi nhiều lần.

Qua ngày hôm ấy, tất cả bao nhiêu sự chờ đợi của tôi dồn cả vào chủ nhật sau nữa. Thế mà vẫn chẳng thấy Hải đâu ?

Tôi nhủ thầm :

— « Nhất định không bao giờ nghĩ tới nữa ! »

Tôi giận chàng hết sức. Giận đến nỗi chàng có mặt, tôi sẽ đi chỗ khác ngay. Nhưng chàng không có ở đây ! Tôi đành giận chiếc áo len của bé Nga vậy. Tại sao nó dám rách để tôi phải mạng mãi không xong ? và tôi ném nó vào một góc giường, không cần kể tôi cũng không cần nghe nó phân giải.

Tôi nghĩ :

— « Nếu bây giờ đến sẽ đổi một mẻ cho biết thân ».

Trêu cho tôi đổi thì phải biết. Tôi sẽ không nhìn, không cười, nói. Hỏi cũng không trả lời. Nghĩa là tôi sẽ làm như không có ở đây vậy. Giận và dối chán vẫn chỉ có một mình. Tự nhiên tôi sinh lo lắng, tự hỏi :

— « Hay anh ấy ốm ? »

Ốm hay làm sao ? Trong một giây, bao nhiêu tai nạn, bao nhiêu cái không may có thể xảy tới cho một người, lần lượt diễn qua óc. Trời ơi, nếu có sự gì ! Cho là mình nghĩ quẩn, tôi cố đuổi tư tưởng quái gở này. Nhưng tự nhiên tôi thành đa sầu đa cảm rạo rạt tình thương.

Nhưng sự suy nghĩ « đứng đắn người lớn » đó không có số thọ. Chỉ một lát sau tôi đã nhủ thầm : « Có đến cũng không tiếp nữa ! »



SÁNG chủ nhật tới, tôi không đợi nữa, ra chùa như thường lệ. Vội lại tôi cũng trông mong ở cầu kinh, tiếng mõ giúp tôi tìm thấy yên ổn cho tâm hồn.

Nhưng mới xong buổi thuyết pháp, mẹ tôi đã tới tìm bảo về sớm chơi với bé Nga. Đêm qua nó bắt đầu sốt. Về tới nhà đã thấy Hải ngồi ở phòng khách. Đang nói chuyện với u già.

Ngạc nhiên và vui mừng đã làm bao nhiêu câu trách mắng sửa soạn sẵn biến đâu hết. Quên cả bé Nga, tôi ngồi ngay xuống chiếc ghế đối diện mà nhìn Hải.

— Tôi không biết sáng chủ nhật có hay đi chơi...

Đúng là giọng trách mắng. Tôi tức quá. Nghĩ thầm mình tha cho là may. Đã sai hẹn còn trách người ! Tôi cười và nói :

— Chủ nhật nào tôi cũng đi chơi đến gần trưa mới về.

Nói tức Hải rồi, đáng lẽ phải sung sướng, nhưng không hiểu sao tôi lại khóc ! Khóc ầm ục. Vừa thấy Hải đáng giận, vừa thấy mình vô lý. Tôi cúi nhìn chiếc khăn trong tay. Lại dùng chiếc khăn hôm nào !

— Sai hẹn, chắc Thúy trách tôi nhiều lắm. Nhưng...

Chữ « Thúy » trống không. Vô tình hay cố ý ? Tôi ngừng lên. Hải đang nhìn tôi ! Đôi mắt của chàng sáng và hiền quá. Tự nhiên tôi nói :

— Hễ buồn, chỉ có cách đến chùa. Nếu...

Có hẹn không mà hai câu cũng bỏ dở dang ? Song chúng tôi cũng bằng lòng lời nói đó. Không ai đòi hỏi cho được biết nhưng sao ? nếu gì ? Chúng tôi nhìn nhau, mỉm cười vui vẻ. Nụ cười làm cho chúng tôi trở nên gần nhau hơn, thân mật hơn. Nghịch chiếc khăn trong tay tôi hỏi :

— Tại sao anh không nói về anh ?

— Tôi có gì đáng nói đâu.

— Có chứ. Anh kể chuyện đời sống của sinh viên sĩ quan đi.

— Chỉ có cô là sướng.

Không bằng lòng lời trả lời ra ngoài đầu đề, tôi nói hơi trách móc :

— Có chắc là sướng không ? Cứ ở nhà để gia đình nuôi. Phải sống tự lập được mới sướng.

— Đàn bà không nhờ người này cũng nhờ người khác. Sống tự lập không sướng.

Hải nhìn tôi khó hiểu quá. Rồi nói một câu không liên quan gì tới câu trước :

— Còn hai tuần lễ nữa thi ra... Thúy có vui lòng chờ tôi không ?

Quá kinh ngạc về câu hỏi bất ngờ, đang sửa cành hoa cắm trong lọ đề trên bàn, tôi cứ để nguyên bàn tay trên cuống hoa mà nhìn chàng, dường như không hiểu, Hải nhìn vào mắt tôi khẽ gọi :

— Em !

Bàn tay tôi đã rời cuống hoa, nằm trong tay chàng từ lúc nào. Qua phút giây ngỡ ngàng, tôi chợt hiểu. Trong một lúc, hiểu rõ cả hai thứ. Mấy câu tối nghĩa và cử chỉ của Hải. Hiểu cả lòng tôi nữa.

Có một tiếng nhạc rất êm ái huyền ảo phảng phất đâu đây. Mắt Hải sáng quá. Sáng và nồng nhiệt như hai vùng mặt trời đang soi sáng đời tôi, sưởi ấm lòng tôi. Bàng hoàng ngay ngất tôi nhẹ rút tay về. Chiếc khăn hòm nào trong tay tôi nằm lại trong tay Hải, trong khi mắt tôi không rời mắt chàng. U già đã bế bé Nga ra, đưa cho tôi.

Có những lúc đôi mắt được việc hơn lời nói.

Chủ nhật sau Hải rất đúng hẹn. Suốt một giờ đồng hồ chàng nói toàn chuyện tương lai, cuộc sống chung sẽ thế nào, chàng sẽ làm gì cho tôi... Thật quả tôi không ngờ chàng ăn nói háy đến thế. Say sưa, mê mải như đang đi trong tương lai vậy. Tôi chỉ biết ngồi nghe và lán thành bằng nụ cười, cái nhìn cũng say sưa mê mải.

Không có gì làm cho người ta yêu đời ham sống bằng tương lai. Sung sướng nhất vì rất dễ quên thực tế và hiện tại.

Hải về rồi tôi hãy còn như người đi trong mộng. Tôi có cảm tưởng mình trở nên nhẹ nhàng như làn ánh sáng. Đầu không chạm trời, chân không chạm đất. Cứ lơ lửng lơ lửng, bàng hoàng ngây ngất. Đầu còn sáng suốt mà nghĩ rằng tương lai là một thứ khó sai khiến nhất.



TÔI đang say trong cái tâm trạng của kẻ mới được yêu và biết yêu lần đầu. Tất cả mọi sự của hiện tại đều không cần, không đáng kể, đều quên hết.

Buổi trưa, ăn cơm xong tôi ngồi một mình ở phòng khách chỗ sáng nay Hải ngồi. Vén rèm cửa đề nhìn lên là thấy hoa nở ngoài vườn, tôi bắt đầu rút sợi đề thêu hai chiếc khăn tay làm quà cho chàng. Món quà đầu tiên. Nền thơ và rất có ý nghĩa.

— Làm gì thế ? Không đi nghỉ hử Thúy ?

Tôi quay lại. Mẹ đã đứng ở sau lưng từ lúc nào ! Đây lại chiếc ghế ở góc nhà, người nói :

— Chắc lại trễ con. Bàn ghế cứ luôn xô lệch.

Tôi chưa kịp nghĩ ra phải làm gì, người đã hỏi :

— Sáng nay cậu Hải có đến chơi không ?

Tôi ngạc nhiên. Mẹ đã biết rồi mà. Nhưng tôi cũng đáp có.

— Anh Lân có gửi thư không ?

Tôi ngơ ngác. Không nhìn tôi, vừa quay vào mẹ vừa nói :

— Tháng sáu rồi !

Tiếng bước chân nhẹ nhàng của mẹ đã tới bậc thang chót, nghĩ lại mấy câu nói gần như vô nghĩa, chẳng có liên quan gì với nhau, tôi mới như người tỉnh mộng. Rời từ cung trắng xuống đất.

— Trời ơi, còn Lân, đã tháng sáu ! Có phải mẹ chủ ý nhắc cho tôi nhớ tôi một người, nhớ rằng cuối năm chẳng còn xa ?

Tôi đã quên tất cả. Quên cả rằng có một người mẹ luôn luôn soi mói từng hành vi của tôi.

Khờ chưa ! Tại sao trước kia tôi lại nhận lời lấy Lân ? Nhận lời rồi là tôi sẽ phải làm vợ chàng. Thế còn Hải ? Tôi yêu Hải, đã biết yêu là thế nào, tôi không thể lấy ai khác. Làm thế nào bây giờ ? chỉ có cách nói thật với mẹ. Nhưng nói với mẹ thì không đời nào, tôi sợ lắm.

Sống với mẹ từ khi mới ra đời, tôi rất hiểu mẹ. Nếu nói, tôi sẽ bị mắng một trận. Rồi người sẽ kết luận là tôi trẻ con, hư hỏng (!), không biết nghĩ... Và mọi sự lại đầu vào đấy.

Giá có Hải ở đây. Tôi sẽ hỏi chàng phải làm thế nào.

« Hải » ! Tôi reo thầm vì vừa nghĩ ra một cách. Phải rồi. Chỉ có chàng giải quyết được.

Tôi sẽ nói hết đầu đuôi với chàng. Rồi chàng về nói với chị Trâm, nhờ chị thu xếp hộ. Mẹ tôi nể chị lắm. Mà chị thì chỉ có một em trai. Hải bé nhất nhà nên chị thương lắm. Chắc sao chị cũng chiều ý em trai mà giúp chúng tôi. Thật là diệu sách !

Chủ nhật tới Hải không ra. Phải đợi chàng thi xong. Chưa chi tôi đã nghĩ tới buổi lễ mãn khóa. Tôi tiếc mình không còn đi học. Nếu học trường Bùi-thị-Xuân sao tôi cũng được mời tới dự. Lần đầu tiên tôi thấy buổi lễ mãn khóa có ý nghĩa. Nhất là tương lai, hạnh phúc của tôi đều đứng sau cái kết quả của bao nhiêu tháng trời học tập ấy.

Rất yên trí, tôi cứ diễm nhiên tiếp tục khâu khăn. Từng mũi nhỏ xíu không làm tôi sốt ruột. Tôi đã đề tất cả tâm lòng, tất cả tâm hồn và sự yêu thương vô bờ bến vào công việc.

Không có gì sung sướng bằng tin tưởng và hy vọng vào tương lai.

Hai hôm sau tôi được thư của Lân báo tin sẽ lên chơi. Chàng đã tới nhà tôi vào buổi sáng chủ nhật. Tiện quá. Tôi sẽ nói, để chàng đừng hy vọng nữa.

Tôi đang tiếp chuyện Lân thì có tiếng chuông. Đã có trẻ

con chơi ở trước nhà, tôi cứ ngồi yên. Gọi là tiếp chuyện Lân mà tâm trí tôi bay bổng mãi đâu. Hay đúng hơn, tôi chỉ mãi nghĩ tới Hải, tới lúc chàng cầm tay tôi. Làm thế nào biết lúc này chàng đang làm gì? Nghĩ gì?

Hình như có ai ngó vào phòng khách. Tôi quay lại. Người đó đã ra tới cửa. Nhưng chỉ thoáng bóng tôi cũng biết là ai. Tôi chạy ra. Không kịp nữa. Xe đã mở máy!

Quay vào, tôi hỏi:

— Sao anh Hải đến không gọi chị?

— Em định gọi... Nhưng anh hỏi trong nhà có ai không?

Tôi hỏi vội:

— Em nói sao?

— Em nói có anh Lân. Chồng chưa cưới của chị. Mời vào chơi nhưng anh ấy chỉ ngó vào rồi đi ngay...

Chẳng buồn để ý đến tôi, nó cúi xuống tiếp tục chơi bi, nói tiếp:

— ... Vội đến nỗi em không kịp giữ lại!

Trời đang nắng, tôi thấy tối xầm lại. Cảnh vật quay cuồng, đảo lộn. Tôi biết Hải đã hiểu lầm. Tìm chàng ở đâu bây giờ? Chỉ còn cách đến chị Trâm. Nhưng đến nơi, chị cho biết Hải vừa đi khỏi. Tôi ngừng lên. Hôm ấy Hải đứng ở chỗ kia...

— Ra lần chót đấy. Mai bắt đầu thi mần khóa. Không biết nó đi đâu mà vội thế?

Và chị nói như vô tình, như lo ngại:

— Mai thi rồi mà hôm nay trông nó xanh và mất hồn như người ốm vậy!

Hình như cái ghế tôi đang ngồi rộng ra vô tận. Tôi nghĩ đến những trận mưa đá từ đầu mùa. Từng miếng nước đá giá buốt rơi trên mái nhà, trên mái hiên, đập vào cửa... Hôm nay, nó đang rơi trên hồn tôi, trên trái tim tôi. Cái giá lạnh của nước đá ngấm vào hồn, vào trái tim làm tê dại tất cả...

— Lân vừa lên chơi phải không? Sao em không dẫn lại đây?

Tôi giật mình, ngơ ngác. Vừa đứng lên, tôi vừa nhắc lại câu của chị :

— Sao em không dẫn lại đây nhỉ ?

Trước khi đóng cổng chị dặn tôi :

— Chóng chóng cho chị uống rượu nhé !



SÁNG nay tôi đem len đến nhà chị Trâm đan. Tôi cần gấp chị. Cần gấp cái gì liên quan, nhắc nhở tới Hải.

Có tiếng động cơ máy bay lúc xa lúc gần. Tôi đứng lên, vén rèm cửa sổ nhìn ra. Nhà chị Trâm ở trên đồi cao. Đứng trên gác, nhìn được rất xa. Chợt tôi reo lên :

— Chị ơi, người ta đang thả dù !

Từ trên máy bay rơi xuống, những cái chấm đem nhỏ bé bồng nỡ ra như những bông hoa lơ lửng trong không trung. Theo chiều gió, từ từ hạ thấp mãi. Ánh nắng hắt vào, màu đỏ và vàng của những chiếc dù tươi quá. Chị Trâm chạy lại bên tôi, nhìn ra và nói :

— Hôm nay các sinh viên sĩ quan biểu diễn nhảy dù.

Và chị nói tiếp với vẻ mặt kiêu hãnh :

— Hải cũng có trong số này đây !

Liệu tôi có dấu được hồi hộp khi nói :

— Không hiểu cái dù nào của anh Hải ?

Có ba chiếc máy bay, mỗi một vòng mỗi chiếc lại thả xuống ba hay bốn cái chấm đen. Ước gì tôi nhìn thấy Hải ! Ba chiếc máy bay đã trở về, thả một lượt nữa. Lần này máy bay bay cao lắm. Những cái chấm đen chỉ nhỏ siu. Phải chú ý mới nhận thấy. Rõ dần chín cái dù lần lượt ra và căng phồng lên. Cái thứ mười cứ rơi rơi mãi. Tôi nín thở theo dõi.

Chiếc dù như giải lụa đỏ uốn éo trong không gian. Đã ngang với đỉnh núi ở chân trời, vẫn không mở ! Ánh nắng hắt vào. Màu đỏ càng tươi như màu máu. Nó oằn oại uốn éo một cách tuyệt vọng. Chắc sắp tới mặt đất. Tôi thấy lạnh ở xương sống. Người nồn nao tôi níu chặt khung cửa.

Đột nhiên trời trở gió. Cây cối ngã nghiêng. Mây trắng kéo đến phủ kín cả bầu trời..

... Tôi giật mình, lắng tai nghe. Chỉ có tiếng bước chân tôi. Tiếng gió kéo những chiếc lá rụng lê trên mặt đường. Bên phải vẫn dãy tường dài bất tận của sân thể dục. Bên trái, vẫn nước của chiếc hồ rộng mông mênh. Nhưng lắng tai nghe, đằng sau không một tiếng bước chân.

Lối cũ đã lọt sau cánh cửa dĩ vãng. Cánh cửa chỉ có một lối vào. Trước mặt tôi, giải lụa đỏ thắm như màu máu cứ quẩn quại, uốn éo ...

TUYẾT HƯƠNG

VỪA PHÁT HÀNH

VIỆT - NAM VĂN-HỌC GIẢNG - BÌNH

của **PHẠM-VĂN-DIÊU**

★ GIẢNG BÌNH VĂN HỌC THẾ KỶ XX

★ VĂN HỌC TIỀN BÀN THẾ KỶ XX

- Tập sách giáo khoa dẫn đầu phong trào biên soạn sách giảng văn, văn tuyến ĐỆ NHỊ và ĐỆ TƯ.
- Một tập bình giảng văn học đúng với danh xưng đã được báo chí và học giới tám năm qua đặc biệt tán thưởng.
- Kỳ tái bản này sửa chữa cẩn thận, gồm thêm trên 350 trang tăng bổ, tổng cộng 612 trang.
- Rất đầy đủ cho GIỚI TỰ HỌC.

Giá bán toàn quốc : 160 đ.

Nhà Tân-Việt Xuất-Bản

VŨ TIÊU GIANG

Thử thách

Ta không biết đời ta từ thuở trước,
Có làm gì nên tội kiếp này đây.
Gánh trên vai hận trường không định ước,
Sống lênh đênh như dòng nước voi đầy.

Phải như thế mới tìm ra lẽ sống,
Biết làm sao sự nghiệp trắng bàn tay.
Đời trôi dạt như con tàu rẽ sóng,
Lệ u sầu không trút được niềm cay.

Ta sẽ chết nếu thời gian không đổi,
Vui hay buồn, quanh lại cũng mình ta.
Đường vạn lý chân này chưa mỗi gỏi,
Mây u buồn giăng mắc nẻo trời xa.

Ta chán lắm, thời gian ta chán lắm,
Mỗi ngày tàn chồng thêm mãi đau thương.
Phượng vĩ ơi ai làm mi đỏ thắm ?
Sớm mai chiều tan tác rớt muôn phương.

Gió hỡi gió gào chỉ thêm dữ vậy ?
Hãy ngừng đi, gió hỡi, hãy ngừng đi !
Dù kiếp trước ~~ch~~ót làm nên tội đây,
Thử thách rồi xin trở lối đường đi...

V. T. G.

NGUYỄN TÁC CỦA : MIKHAIL ZOCHTCHENKO

BẢN DỊCH CỦA : THU THỦY

Tại sao con chim họa mi nó hót

TR Ờ I, làm văn chương khó quá !

Phải tốn không biết bao nhiêu là công phu khó nhọc để tránh những cạm bẫy đặt ra dưới mỗi bước chân. Và chịu khó như thế để làm gì ? Chỉ là để kể lại câu chuyện tình của một anh chàng Bi-lin-kin nào đó, thế thôi !

Thế nhưng anh ta lại không phải là anh em cật ruột gì với tác giả cả. Tác giả không có mượn tiền bạc gì của anh ta và đôi bên cũng không có diễm gần gũi gì với nhau. Hơn nữa, nói thật ra thì đối với anh chàng Bi-lin-kin đó tác giả hoàn toàn đứng đưng. Bởi vậy chắc chắn sẽ không vì lẽ gì mà tác giả lại đi về với tô diễm thêm cho anh ta, vả lại tác giả cũng không nhớ được kỹ càng hình dạng anh ta ra làm sao.

Còn những nhân vật khác, quan trọng hoặc ít hoặc nhiều, ở trong truyện này thì tác giả cũng chỉ nghiên cứu rất là sơ sài. May ra chỉ ngoại trừ có cô Li-dét, vì những lý do rất đặc biệt và riêng tư. Đến hình ảnh cậu em của nàng là Mi-sen thì đã có chiều muốn phai nhòa trong ký ức của tác giả rồi. Ấy là một gã thanh niên xắc xược và hung hăng, vênh váo và vô vị. Mô tả cho dài dòng tình trạng hần ta thực là hoàn toàn vô bổ còn về bà cụ già, mẹ của Li-dét, thì dù đọc giả có không biết cũng chẳng

có điều gì thiệt hại. Vả lại phác họa hình ảnh một bà già cho được thực sự có nghệ thuật quả là điều hết sức khó khăn. Ấy là một bà cụ già, thể thời, chấm, hết.

Dĩ nhiên, nếu chỉ biết có chừng ấy điểm không nghĩa lý về các nhân vật mình thì tác giả đã chẳng khởi công viết cái truyện này làm chi. Nhưng tác giả còn biết nhiều điều khác nữa. Chẳng hạn, tác giả còn nhớ rõ ràng về cái sinh hoạt hàng ngày của họ, về căn nhà nho nhỏ, lụp xụp của họ ở số 22.

Quang cảnh bên trong, cách bày biện đồ đạc trong nhà, có thể nói là linh hồn của căn nhà ấy, tác giả vẫn còn nhớ rõ. Ba phòng con con. Một cái rầm nhà vênh lên. Một chiếc dương cầm Bekker. Vào cái loại những dương cầm làm cho người ta phát ngấy. Một chiếc đi vắng với một con mèo lúc nào cũng thường trực trên ấy. Trên lò sưởi, một chiếc đồng hồ đứng, bên ngoài có chụp một cái vỏ bầu bằng kính phủ đầy bụi bặm. Một cái gương mờ mặt dính lỗ chỗ những cú ruồi và cái gì soi vào trông cũng méo mó. Một cái bàn to tướng xông lên nồng nực mùi long não với mùi ruồi chết.

Nếu phải sống ở đấy thì thực là chán !

Trông thấy cái bếp của họ các bạn sẽ hoàn toàn mất cảm tình. Luôn luôn đầy những quần áo phơi trên những sợi dây buộc giăng ngang. Trước cửa bếp lúc nào cũng thấy bà cụ già ngồi gọt tĩa một cái gì đó. Chẳng hạn như khoai tây. Vỏ khoai rớt xuống từng khoanh dưới lưỡi dao.

Xin độc giả đừng bao giờ lầm tưởng rằng tác giả có gì thích thú trong khi tả những chi tiết lặt vặt tầm thường ấy. Không đâu. Trong những kỷ niệm nghèo nàn ấy chẳng hề có tí gì đẹp đẽ, thơ mộng cả. Nhưng mà tác giả có biết về những cảnh nhà như thế. Tác giả đã từng sống ở đấy. Không có gì vui thích cả. Trái lại, nó còn làm cho ta muốn ứa nước mắt ra là khác. Thoạt bước vào bếp là y như nhất định phải chạm mũi vào một món đồ ướt đang phơi. Và nếu may gặp được một món đồ tử tế, một thứ trang phục lịch sự nào đó thì là đại hạnh

đấy, bởi vì thường thường là gặp một đôi bí tất cũ. Gớm ! Nhóp nhúa lạ !

Thỉnh thoảng có lần tác giả được dịp bước vào căn nhà của gia đình Run-đu-Cốp ấy, vì những lý do chẳng quan hệ gì tới văn chương nghệ thuật cả. Và mỗi lần đến đó tác giả lại

ngần người ra, chẳng hiểu tại sao từ một chỗ như thế lại có thể xuất hiện ra một người con gái đẹp dễ như cô Li-dét Run-đu-Kốp được, y như thể là một hoa lan, hoa hồng nở ra giữa một nơi bần thỉu vậy.

Thật là tội nghiệp cho nàng.

Rồi chốc nữa sẽ trở lại nói tỉ mỉ về nàng. Ngay bây giờ chúng ta cần phải nói sơ qua về công dân Ba-din Bi-lin-Kin đã. Đó là hạng người như thế nào ? Từ đâu tới ? Chính kiến anh ta ra sao ? Sự giao thiệp giữa anh ta với gia đình Run-đu-Kốp như thế nào, và anh ta có họ hàng gì với gia đình ấy chẳng ?

Không, họ không bà con gì với nhau cả ? Bìn-lin-Kin đến trà trộn vào

đời sống của gia đình ấy một cách hoàn toàn ngẫu nhiên và đột ngột.

Như đã nói trên, mặc dù tác giả quên mất diện mạo của



Bi-lin-Kin rời, nhưng mà nhắm mắt lại tác giả vẫn có thể nhớ được rõ ràng một đôi chi tiết.

Lúc nào Bi-lin-Kin đi cũng chậm rãi, hai tay chấp sau lưng, như là để cái tinh thần thu hút vào những tư tưởng sâu xa. Anh ta thường nháy mắt. Lưng anh ta luôn luôn khom xuống, chắc chắn là bị đè dưới sức nặng của cuộc đời. Gót ~~đấy~~ thì lúc nào cũng mòn và cũng xoay vào phía trong.

Cứ đoán theo bộ dạng bề ngoài thì học lực anh ta ít ra cũng phải lên tới trình độ tiểu học.

Dĩ vãng anh ta ra sao không thể biết được. Anh chàng lên Mạc-tu-Khoa vào thời kỳ cách mạng và chẳng bao giờ chịu nhắc tới quá khứ của mình.

Rồi những lý do nào đã khiến anh ta từ giã thủ đồ, cái đồ cũng còn mù mờ. Tính nhỏ có khả năng thỏa mãn sự đói khát của anh ta hơn chăng? Hay là chỉ vì anh ta say mê thú phiêu lưu cùng những chân trời mới lạ? Chỉ có trời biết được tâm sự anh ta mà thôi.

Tôi đoán chừng là có lẽ vì đói mà anh ta rời bỏ kinh thành bởi vì hồi mới về đây ngày nào anh ta cũng ra dạo chợ, nhìn các gánh thịt một cách thèm thuồng.

Nhân tiện tác giả cũng chịu rằng vấn đề sinh kế của anh ta quả là một bí mật không tài nào hiểu thấu. Anh ta ăn mày chăng hay là anh ta đi nhặt nhanh nút chai để bán lại kiếm tiền chăng? Biết đâu? Đó là cái thời kỳ mà ở thành phố có lắm hạng người đầu cơ những món như thế. Nhưng dù sao, anh ta cũng gặp khó khăn. Anh ta trông bộ tả tơi, và rụng cả tóc. Anh ta bước đi có vẻ sợ sệt, mỗi lúc mỗi giật mình ngó lại đằng sau, chân kéo lê uể oải. Thậm chí cặp mắt anh ta hết nhấp nháy và cái nhìn thì lơ dờ buồn bã.

Bồng nhiên, không có lý do rõ rệt, anh chàng tiến vụt lên cao, và vào thời kỳ xảy ra câu chuyện tình này thì Bi-lin-kin đang có một địa vị xã hội danh giá: anh ta làm công chức lương bổng khá có phụ cấp đặc đỏ đảng hoàng tử tể.

Người anh ta béo ra, hút những chất bổ dưỡng và Bi-lin-kin lại bắt đầu nhấp nháng cặp mắt một cách khinh khoái.

Bây giờ anh ta đi cái bước đi vững vàng oai vệ của một người đã từng biết mọi sự ở đời, đã tranh thủ được cái quyền sống ở đời, và tự đắc ý về cái giá trị chân chính của mình.

Và quả thật vào thời kỳ xảy ra câu chuyện ấy anh ta là một người đàn ông ba mươi hai tuổi, trông có vẻ lắm.

Anh ta thường hay đi dạo rất xa, vừa đi vừa vung vung cây cần, quất ngang những cái hoa, những bụi cỏ và cả những lá cây nữa. Chính thoảng, anh ta ngồi xuống một chiếc ghế bên đường và vừa thở thật mạnh vừa mỉm cười khoái trá. Cái hào quang tư tưởng gì và kế hoạch vĩ đại gì đang tỏa ra xung quanh vàng trắng của anh ta, không ai biết được. Cũng có thể rằng anh ta không tư tưởng gì cả và chỉ đang lấy làm thỏa mãn về cuộc đời của mình, thế thôi, hoặc giả là anh ta đang tìm cách dọn đi ở chỗ khác, điều sau này có vẻ đúng hơn cả.

Bởi vì, phải thú thực rằng hiện thời anh ta đang trọ ở nhà người trợ tế tên Vô-lốt-xa-tốp, một người trợ tế theo dị thuyết. Là một công chức của nhà nước mà phải ở chung chạ với một kẻ khả nghi về mặt chính trị như vậy, anh ta lấy làm e ngại lắm.

Đã nhiều lần, anh ta hỏi thăm những người quen biết xem có thấy nơi nào có phòng cho thuê không, bởi vì theo lời anh ta nói, thì anh ta không thể nào chịu nổi một sự gần gũi bất lợi như thế.

Cuối cùng, một người nào đó có lòng tốt chỉ cho anh ta một căn phòng cho thuê, một phòng nhỏ cho đúng thì hơi nhỏ, ở tại gia đình Run-đu-cốp khá kính nọ.

Ngay sau khi đi xem phòng xong rồi, Bi-lin-kin liền thuê người gánh nước mướn khuôn đồ đạc dời nhà.

Người trợ tế thực ra không thiết gì chuyện cho anh khách ấy thuê nhà, nhưng khi nghe anh ta dọn đi ông lại tức khi lộ ra mặt. Ông nổi lên chửi rủa và lại còn dọa sẽ không bỏ qua

một cơ hội để đập vỡ mặt cái tên Bi-lin-kin khốn nạn ấy ! Và suốt trong khi Bi-lin-Kin mang đồ đạc ra xếp lên cộ để chở đi thì ông ta cứ đứng mãi trước cửa sổ cười vang lên để tỏ cho mọi người biết rằng ông ta không quan tâm chút xíu nào tới việc dọn nhà ấy.

Bà vợ ông ta thì cứ thỉnh thoảng lại ra sân vừa vút một cái gì đó lên cộ vừa nói :

— « Bình an nhé ! Thôi đi cho xong ! Chán anh lắm rồi ! Chẳng có ai thèm cầm giữ anh lại đâu ! »

Những người láng giềng và một nhóm vô lại vừa xì xào một cách xác xược về những sự gian díu lằng nhằng nào đó giữa Bi-lin-Kin với bà vợ ông trợ tử, vừa cười ngắc nga ngắc nghèo. Tiếc thay tác giả lại không thể nói gì về điều đó vì không được biết gì cả. Hơn nữa, tác giả không muốn bép xép bậy bạ, nhất là trong một tác phẩm văn chương.

Gia đình Run-đu-cốp cho thuê gian phòng không có tham lợi chút nào mà cũng không phải vì sự cần thiết. Nói cho đúng ra thì là bà cụ già sợ rằng trong thời buổi nhà cửa khan hiếm này người ta có thể trưng dụng căn phòng của bà, khi ấy bà sẽ bị bắt buộc phải nuôi trong nhà một kẻ mình không thích ý.

Bi-lin-kin cũng có ý muốn lợi dụng hoàn cảnh ít nhiều. Khi đi ngang qua trước cái đàn dương cầm Bekker, anh ta liếc ngang xem một cái rồi nhận xét rằng món nhạc khí này có thể cho là vô ích, và anh ta, Bi-lin-kin, một người đã nguội lạnh, đã đau khổ vì cuộc sống, đã từng bị trọng pháo dội bom ở ngoài chiến địa, anh ta không thể chịu nổi những thứ tiếng vô ích và thô bạo.

Bà cụ nổi giận vặn lại rằng cái đàn dương cầm đã để đó từ hơn bốn mươi năm rồi và chẳng bao giờ ai chịu đem đập nó đi hay cắt đứt dây và bẻ gãy bàn đạp của nó đi vì ý muốn của bất cứ một tên Bi-lin-kin nào đó, vả lại Li-dết đang tập đàn và biết đâu tất cả tương lai của nàng không nhờ ở nó mà nên.

Bi-lin-kin bèn nhượng bộ và bảo rằng chẳng qua là anh chỉ phát biểu ý muốn dưới hình thức một lời yêu cầu khiêm tốn chứ không hề có ý ra lệnh cho ai.

Bà cụ liền òa ra khóc và nếu không chột nẩy ra ý sợ nhà có thể bị trưng dụng thì chắc bà đã đuổi anh chàng Bi-lin-kin ra khỏi nhà rồi.

Bi-lin-kin dọn nhà đến ban sáng và để ra suốt cả ngày để sắp xếp đồ đạc.

Hai ba ngày trôi qua không có việc gì thay đổi. Bi-lin-kin tới sở, về muộn, lê dầy đi bách bộ trong phòng. Rồi thì anh ta nằm xuống, cầu nhàu và vừa ngủ vừa ngáy nho nhỏ.

Mấy ngày đó cô Li-dết cứ quỳnh lên rồi rít, hỏi mẹ xong lại hỏi thăm chú em, xem ông khách mới thuê nhà là người thế nào, có đặc điểm gì chăng, ông ta có những thói quen gì, ông ta có hút ống điếu không, và chẳng hiểu tại sao cô nàng lại còn hỏi xem ông ta có phải là sĩ quan hải quân chăng?

Cuối cùng đến lần thứ ba thì cô nàng trông thấy người khách thuê nhà lần đầu tiên. Cũng như thường lệ, sáng sớm Bi-lin-kin đi sang nhà bếp để tắm rửa. Anh ta mặc áo ngủ và dây treo bị bật nút quật qua quật lại tòn teng từ bên này sang bên kia. Tay mặt cầm một miếng xà phòng và một cái khăn. Tay trái anh ta vuốt cái đầu tóc bù xù vì mới ngủ dậy.

Li-Dết thì đang pha trà, mình khoác qua loa một cái áo choàng. Vừa trông thấy khách, cô nàng kêu lên một tiếng nho nhỏ, xấu hổ vì ăn mặc lới thối, vội vàng chạy lánh đi.

Bi-lin-kin dừng lại trước cửa, nhìn người thiếu nữ vừa ngạc nhiên vừa khâm phục.

Sáng hôm ấy trông nàng quả thực là đáng yêu. Nàng có cái vẻ lới thối hay ho của một người đàn bà vừa mới thức dậy chưa kịp điểm trang gì đã vội vàng xỏ chân vào dép chạy đi làm công việc nhà.

Hạng đàn bà ấy cũng không trái ý tác giả lắm.

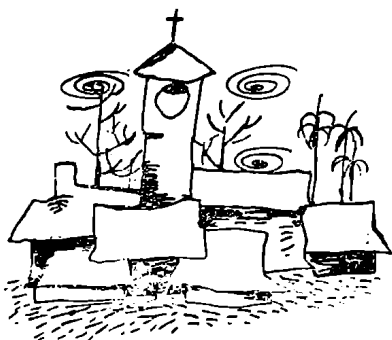
Tác giả không có ác cảm gì đối với họ.

Nói cho đúng ra những người đàn bà như thế không có gì đặc sắc, cũng không có gì hấp dẫn. Thường thường họ là những chị đầy dả, cặp mắt trông có vẻ hững hờ, không linh động, không tinh tú, không duyên dáng gì. Họ có cử chỉ chậm chạp, bộ dạng bơ phờ, xộc xệch. Nói chung, có thể bảo là họ xấu xí. Nhưng biết làm thế nào ?

Có điều kỳ lạ là các cô con gái xinh xắn như búp bê, thứ con gái nói trong các tiểu thuyết của tây phương ấy, tác giả lại không ưa. Lúc nào họ cũng chụp những cái mũ mà ta không dám mó đến, tưởng vừa chạm đến là đã gây ra tai tiếng ngay vậy. Áo họ mặc cũng bất khả xâm phạm. Động đến một tí là nó đã rách toạc ra hoặc lem luốc ngay. Áo xống như thế thì may ra làm gì nhỉ ? Sống như thế thì còn đâu là vui vẻ lạc thú nữa ?

Tác giả vốn yêu mến và khám phục nền văn hóa của Tây phương, nhưng về vấn đề phụ nữ thì như các bạn đã biết tác giả có một quan niệm riêng biệt.

Tuồng như là Bi-lin-kin cũng có một quan niệm tương tự về vấn đề ấy.



Dù sao đi nữa thì hôm ấy anh chàng cũng đứng ngáy người trước mặt cô Li-dết, miệng há hốc ra vì thần phục, quên cả kéo sợi dây treo quần đang buông tòn teng.

Nhưng sự việc chỉ xảy ra trong một phút.

Rồi thì Li-dết thở ra nhẹ nhẹ, vừa nhanh nhẹn bước ra vừa sửa lại mớ tóc rối.

Buổi chiều, vô cớ, Bi-lin-kin dạo lui dạo tới nhiều lần trước nhà cầu để chờ gặp cô Li-dết, nhưng không có kết quả.

Mãi đến tối, lúc đi xuống bếp, anh ta mới lại gặp nàng. Anh chàng chào kính cẩn, bắt thiệp, đầu cúi nghiêng xuống một bên,

bàn tay phác một cử chỉ vu vơ biểu lộ sự khen ngợi và sung sướng,

Họ lại tiếp tục gặp nhau mấy lần tương tự như thế ở nhà cầu và nhà bếp, thì là họ cảm thấy đã gần gũi nhau.

II

BÂY giờ thì Bi-lin-Kin đi thẳng về nhà để nghe Li-dết đập nốt bản đàn ồn ào nào đó trên dương cầm. Anh ta yêu cầu nàng chơi một bản « lâm ly » hơn, theo lối anh ta nói.

Thế là nàng đánh một bài Van (valse) hay một bài *sim-mi* (shimmy) nào đó, hoặc là chơi mấy khúc hòa âm của bản dân ca thứ nhì, thứ ba, thứ tư gì đó của Lizzl (ai biết được ông ta có đến mấy bản dân ca).

Và Bi-lin-kin, con người nguội lạnh, đau khổ nãy nê vì cuộc sống, lắng tai nghe những tiếng dương cầm vừa run rẩy vừa sai lạc ấy như là mới vừa nghe thấy lần đầu tiên trên đời... Đều rồi, sau đó, lúc trở về phòng anh ta ngồi trong ghế phỏ toi, suy nghĩ đến nỗi vui sướng ở đời.

Bắt đầu từ hôm đó, cậu Mi-sen Run-đu-cốp bắt đầu một cuộc sống tươi đẹp hơn. Nhiều lần Bi-lin-kin cho cậu bốn xu và có bận cho đến mười xu để nhờ cậu khi nào bà cụ đi xuống bếp chỉ còn cô Li-dết ở trong phòng thì lên tiếng huýt sáo báo hiệu cho anh ta biết.

Tại sao Bi-lin-kin lại cần biết loại tin tức như thế, đó là điều bí mật muôn thuở. Bà cụ sung sướng thấy hai trẻ yêu nhau, bà linh sẽ cho họ cưới nhau vào khoảng mùa thu và thế là hết bận rộn về Li-dết nữa.

Mi-sen thì chẳng cần tìm hiểu xem nguyên ủy của sự việc là thế nào, cứ mỗi tối huýt lên chừng sáu bảy lần, bắt anh chàng Bi-lin-kin từ phòng nọ sang phòng kia mãi.

Bi-lin-ki bước vào phòng, đến ngồi bên cạnh cô Li-dết trao đổi vài ba câu thường lệ, rồi yêu cầu cô nàng đánh đàn. Và ở

đấy, bên chiếc đàn dương cầm, chờ cho nàng chơi xong, anh ta đặt những bàn tay xù xì, bàn tay của một con người đau khổ vì cuộc đời, đã từng bị trọng pháo dội bom, bên những bàn tay mảnh dẻ và trắng muốt của cô con gái, và xin nàng kể lại cuộc đời cho nghe đặc biệt chú ý đến dĩ vãng của nàng. Đôi khi bất thình lình anh chợt hỏi nàng đã có bao giờ cảm thấy cái xúc động của ái tình chân chính chưa, hay đây mới là lần thứ nhất?

Li-dết mỉm cười khó hiểu và để cho các ngón tay lướt nhẹ nhàng không khua động trên các phím đàn, trả lời rất nhỏ :
« Em không biết. »

III

Họ yêu nhau say đắm.

Gặp nhau là thế nào họ cũng ứa lệ ra. Mỗi lần gặp nhau mỗi lần họ thấy một nguồn hạnh phúc mới tràn ngập tâm hồn.

Nói cho đúng, thỉnh thoảng Bi-lin-kin cũng có soi vào gương và hoảng hốt ngạc nhiên nghĩ rằng một người như anh ta, một người đã nguội lạnh mỗi một vì cuộc đời đã từng bị trọng pháo dội bom, đã phải bao nhiêu vất vả mới tranh thủ được cái quyền sống ở đời lại có thể hy sinh cả cuộc đời mình chỉ vì một chút ngóng cuồng vô bổ của một thiếu nữ hay sao.

Và hồi tưởng lại những người đàn bà đã từng đi qua cuộc đời anh ta, kể cả người đàn bà sau cùng tức là bà vợ người trợ tá mà ta phải thú thực rằng anh cũng có gian díu, Bi-lin-kin chịu rằng chắc chắn chỉ có lần này, đã ba mươi hai tuổi đầu, anh ta mới biết thế nào ái tình thực sự và thế nào là những bản khoả khắc khoải của nỗi lòng.

Chẳng ai hiểu vì sao, vì một khuynh hướng tự nhiên thiên về những khổ công nghiên cứu trừu tượng hay là vì một sự thôi thúc của tuổi xuân, Bi-lin-kin cảm thấy rõ ràng rằng anh ta bỗng thành ra một người khác, và bên cạnh mỗi tình mệnh mỏng này thì tất cả đều là dễ tiệp, buồn cười,

Và chính anh ta, con người dù sao cũng đã dạn dày, đau

khô nảo nề vì cuộc sống, từng bị dội bom, v.v... từng đối diện với cái chết nhiều phen, anh ta lại phóng tay làm thơ, viết nhiều bài đoản thi và cả một bài thơ trường thiên nữa.

Tôi không được biết gì về tác phẩm của anh ta, nhưng nhờ ông Cơ-rôn, thư ký tòa soạn báo « *Vô sản chuyên chế* », mà một bài thơ của anh ta tình cờ rơi vào tay tôi. Bi-lin-kin đã gửi thi phẩm nhan đề là « *Vì nàng và do nàng* » ấy tới tòa soạn nhưng bị từ chối vì không thích hợp với tinh thần của thời đại chúng ta đang sống.

Tác giả không dám trích dẫn dài dòng làm cho độc giả sinh chán. Chỉ xin dẫn ra đây lấy vài đoạn cuối cùng, có thể xem là những đoạn du dương nhất :

*« Trong cõi lòng bao la của chàng, chàng đã ghi khắc
Đề làm châm ngôn : « tiến bộ, ái tình »
Và hình ảnh của em làm cho đời chàng
Thành ra thơ mộng, mãi mãi ».*



*« Hối Li-Dết, Li-Dết của anh,
Cái hôn nồng cháy của em,
Đốt anh tiêu thành tro bụi »*

Tôi không thạo lắm, có lẽ về phương diện hình thức thì những câu thơ ấy không phải là dở, nhưng tôi đồng ý với tòa soạn rằng nó không được thích hợp với tinh thần của thời đại.

Về sau, Bi-lin-kin bỏ thơ, bỏ cả cái nghiệp làm thi sĩ đáng chán ấy. Chàng quên hết các tác phẩm của mình không tiếc thương và trở lại nhịp sống bình thường như cũ, không đem những tư tưởng ngông cuồng của mình ra giải bày trên giấy nữa.

Bi-lin-kin và Li-Dết ngày nào cũng gặp nhau và cùng nhau đi dạo. Họ lang thang trên những con đường vắng vẻ mãi tới tối mới về. Có khi họ xuống tận bờ sông rồi ngồi trên bãi cát, họ say sưa nhìn dòng nước chảy nhanh. Lâu lâu, tay cầm

tay, họ thở dài êm ái nhẹ nhàng, tán thưởng những vẻ đẹp của thiên nhiên và vòm trời thanh tú trên đầu họ.

Tất cả những cái đó đối với họ đều lạ lùng, đẹp đẽ và nhất là họ tưởng như mới được trông thấy lần đầu tiên.

Có những hôm khác họ ra khỏi thành phố và đi vào các khu rừng. Họ bước đi thong thả, các ngón tay cài treo vào nhánh khẳng khiu, khi ấy cái gì cũng làm họ rung động dù cho đến một con thỏ lăm thừng họ cũng chột tưởng như là một phép lạ của trời đất.

Những lúc ấy, lòng tràn ngập một sung sướng vô biên, Bi-lin-kin ngáy ngất quì xuống và ôm lấy mặt đất hôn lấy những chỗ Li-Dết vừa đặt chân bước qua.

Và trên trời cao mặt trăng sáng long lanh, lạnh lẽo ; đêm tối buông phủ xung quanh chàng và nàng một màn bí mật, ve ve kêu lên ~~trong~~ ^{trong} cây rừng rì rầm và khí trời như đầy dịu dàng yên tĩnh.

Bi-lin-kin và Li-Dết chính thích nhất những giờ như thế

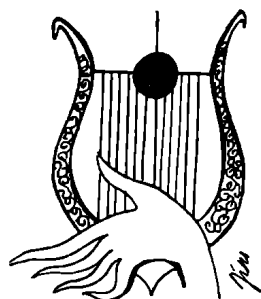
Tuy nhiên vì một cuộc dạo chơi thần tiên như thế giữa một đêm ẩm ướt, anh chàng Bi-lin-kin đại đột bị cảm lạnh và phải nằm bệnh.

Hôm sau anh ta phát sốt và thấy cổ ho đau đớn. Buổi chiều mặt anh ta sưng lên to tướng.

Li-dết, bộ dạng rữ rượi, đầu tóc bù xù chân đi pấn túp, túc trực bên giường anh ta, run rẩy lập cập chạy từ giường tới bàn, không biết phải làm gì để cho Bi-lin-ki đỡ đau đớn.

Ngày đến bà cụ ngày hôm đó cũng đến phòng anh ta tới mấy lần, hỏi xem anh ta có muốn húp một chút thịt hầm với o mai chẳng, vì theo ý bà cụ thì món ăn ấy có thể giải được mọi bệnh truyền nhiễm.

Hai ngày sau, cái đầu của Bi-li-kin phát lớn lên đến nỗi Li-dết phải đi mời bác sĩ.



Ông bác sĩ đến xét bệnh, cho toa thuốc rồi ra đi có vẻ không bằng lòng, bởi vì người nhà không có giấy bạc đã đem ra trả tiền cho ông bằng những đồng xu lớn.

Li-dết chạy theo ông ta, và ra mãi đến tận ngoài đường nàng còn vịn hai tay vào nhau hỏi lí nhí :

— Thưa thế này thì còn có hy vọng gì không ạ ? Thưa xin bác sĩ biết cho, nếu người đàn ông này mà có mệnh hệ nào thì em không thể sống nổi nữa.

Vì đã quen trông thấy những nỗi tuyệt vọng lớn lao hơn nữa cho nên ông bác sĩ chỉ trả lời một cách hững hờ rằng người ta rất ít khi chết vì đau quai bị.

Biết rằng không còn chút nguy hiểm gì nữa, thoát tiên Li-dết có hơi ngơ ngác, rồi nàng buồn rầu trở về nhà tận tâm chăm sóc người bệnh, không kể phí sức, không ngại lây bệnh

Ngày đầu tiên, Bi-lin-kin không dám cất đầu lên khỏi chiếc gối và cứ đưa tay sờ mãi lên chỗ sưng trên cổ, sợ hãi tự hỏi không biết Li-dết trông thấy bộ dạng anh ta gớm ghiếc xấu xí như thế rồi có còn yêu anh ta nữa chẳng.

Nhưng cô gái bảo anh ta cứ yên tâm, vì theo ý nàng thì trông anh ta còn oai vệ hơn là trước khi bệnh.

Bi-lin-kin cười, yên dạ và biết ơn, lặp đi lặp lại rằng trận đau này là một thử thách đối với mối tình của hai người.

IV

ẤY là một mối tình kỳ lạ.

Cái ngày mà Bi-lin-kin khỏi bệnh và đầu cổ anh ta trở lại bình thường, anh ta tưởng như Li-dết vừa mới cứu anh ta thoát khỏi bàn tay tử thần. Và mối tình của họ xoay ra có một vẻ trang trọng, có thể nói là một vẻ cao thượng hẳn lên.

Chính vì lẽ ấy mà một trong những ngày đầu tiên sau khi khỏi bệnh, Bi-lin-ki cầm lấy bàn tay Li-dết, và bằng cái giọng

dứt khoát của một người đã có một quyết định sắt đá không gì lay chuyển nổi, anh ta yêu cầu nàng hãy yên lặng nghe và không được cắt lời anh ta bằng những câu hỏi vu vơ ngớ ngẩn. Sau đó anh ta đọc một bản diễn văn khá dài dòng và văn hoa đại khái bảo rằng anh ta, tức thị là Bi-lin-kin, đã hiểu biết thế nào là cuộc đấu tranh sinh tồn ở cõi đời này, rằng thuở xưa, khi anh ta hãy còn là một kẻ bạch diện thư sinh non nớt anh ta thường quan niệm cuộc đời một cách nhẹ dạ do đó đã từng nhiều phen bị đau khổ vì đời, nhưng ngày nay tuổi đã quá tam thập rồi thì anh ta đầy đủ khôn ngoan và biết rõ con người phải nên sống như thế nào. Rằng anh ta đã hiểu tất cả những định luật nghiêm khắc của xã hội này, bởi vậy, sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng mọi hậu quả của hành động, anh ta bền quyết định một biến đổi trọng đại cho cuộc đời của mình.

Nói tóm lại là Bi-lin-kin chính thức cầu hôn với Li-dết và nhấn mạnh rằng từ nay nàng sẽ không phải lo ngại gì tương lai nữa cả mặc dù nàng rất có thể làm việc để cùng nhau góp công gây dựng sản nghiệp chung.

Sau khi làm bộ làm tịch chút đỉnh lấy lệ, và sau khi luận về cái đẹp đẻ của ái tình tự do, Li-Dết vui vẻ chấp thuận. Rồi nàng lại nói thêm rằng nàng đã chờ đợi lời cầu hôn đó từ lâu, và nếu vừa rồi anh ta chưa chịu quyết định thì chắc chắn anh ta sẽ là kẻ chậm chân mất, rằng nghĩ cho kỹ thì mặc dù ái tình tự do là đẹp đẻ thực nhưng hôn nhân dĩ nhiên vẫn là một việc khác.

Rồi thì nàng vội vã chạy xuống bếp để loan tin mừng cho bà mẹ, và từ bếp chạy thẳng sang các nhà láng giềng để mời dự đám cưới sẽ tổ chức trong vòng thân mật hoàn toàn.

Những người láng giềng chúc mừng nồng nhiệt rồi bảo rằng họ cũng đã chờ đón cái tin đó từ lâu và mừng rằng nàng đã tìm được mục đích của cuộc sống.

Bà cụ thân sinh ra Li-Dết thì tự nhiên là có rơi xuống mấy giọt lệ rồi đi tìm ngay Bi-lin-kin để đích thân hỏi về câu chuyện đó cho được chắc chắn.

Bi-lin-kin xác nhận tin ấy xong liền long trọng xin phép được gọi bà cụ bằng « mẹ ». Bà cụ vừa nhận lời vừa hỉ mũi trong tấm khăn lá đáp, vừa xác nhận rằng năm nay bà ta đã được năm mươi ba tuổi và hôm nay là ngày sung sướng nhất trong đời bà, xong đến lượt bà cụ muốn được gọi anh ta là Ba-Din thôi, anh ta liền y cho.

Còn về phần Mi-sen Run-đu-cốp thì cậu ta đón cái tin ấy một cách lãnh đạm rồi chạy ngay ra ngoài phố kéo nhau lang thang với mấy tên du đãng khác.

Bắt đầu từ hôm ấy, đời tình nhân không đi dạo nữa. Họ ở nhà và đề thì giờ cùng nhau trừ tính một chương trình chung sống.

Chính giữa một cuộc chuyện trò như thế Bi-lin-kin đã trình bày về cách xếp đặt nhà cửa của họ sau này.

Họ nhiệt liệt thảo luận với nhau rất lâu về chỗ để cái giường và chỗ để chậu rửa mặt.

Bi-lin-kin lặp đi lặp lại không ngớt là đừng có bao giờ đại dốt đem đặt cái chậu rửa mặt vào trong góc buồng.

Anh ta nói :

— Xoàng lắm, mọi người ai cũng làm như thế cả. Ta đem cái tủ của mẹ sắp cho chúng ta ấy mà kê vào chỗ góc đó có phải đẹp hơn biết bao nhiêu. Cái tủ bàn ấy, đem một tấm khăn ren phủ lên trên thì...

Li-dết cắt ngang :

— Cái tủ mà đề vào trong góc phòng, chính lối ấy mới xoàng. Và lại cái tủ là của mẹ, chắc gì mẹ chịu cho mình.

— Sao em nói nhảm thế ? Mẹ mà không cho mình cái tủ ấy à ? Thế em tưởng mình có thể đem quần áo xếp lên ngạch cửa sở được sao ?

— Bi-lin-kin, anh thử nói với mẹ xem. Anh đừng ngại gì cả, cứ nói thẳng : Thưa mẹ, chắc mẹ bằng lòng cho chúng con xin cái tủ chứ ?

— Đáng lẽ không nên làm phiền anh một cách vô ích như thế, nhưng em đã tha thiết thì anh sẽ đi ngay tức khắc.

Thế rồi anh ta đi tìm gặp bà cụ ngay dưới bếp. Đêm khá khuya nên bà cụ đã ngủ.

Bi-lin-kin lắc mãi một lúc lâu. Bà cụ vẫn không chịu tỉnh hẳn và không nghe ra anh ta muốn nói gì. Bi-lin-kin bèn nghiêm giọng bảo :

— Mẹ, mẹ, dậy đi. Xin mẹ cho biết chúng tôi có quyền hưởng một chút tiện nghi không ? Có hay không ? Chúng tôi chắc không đến nỗi phải xếp quần áo đồ đạc lên ngạch cửa sổ chứ ?

Phải khó khăn lắm mới làm cho bà cụ hiểu nổi ý anh ta muốn gì, hiểu xong bà ta kêu lên rằng cái tủ lùn để nguyên một chỗ ấy đã năm mươi một năm trời rồi và chẳng khi nào bà có ý lôi nó đi lang thang hết chỗ này tới chỗ kia, rằng người ta phải biết như thế và đừng có đem những đề nghị vớ vẩn lôi thôi ra làm phiền bà.

Bi-lin-kin bèn làm nhục bà cụ bằng cách tỏ cho bà thấy rằng anh ta, một người từng đau khổ vì cuộc đời, từng bị trọng pháo dội bom, đáng lẽ phải được quyền hưởng một đời sống yên lặng và đầy đủ tiện nghi mới đúng cách.

— Nay, mà rồi mẹ không định đem luôn cái tủ ấy xuống mộ chứ ?

— Không không, tôi không cho cái tủ ấy đâu. Tôi chết rồi thì anh muốn lấy cái gì lúc đó tùy ý.

Bi-lin-kin tức giận, la lớn :

— Đợi lúc bà chết ! Được, người ta có thể đợi mà !

Thấy câu chuyện, trở nên nghiêm trọng, bà cụ òa ra khóc nức nở, và đề nghị đem vấn đề ra để cho một đứa trẻ còn ngây thơ trong sạch giải quyết, đứa trẻ ấy là Mi-sen, hơn nữa nó lại là con trai độc nhất trong gia đình sau này sẽ thừa hưởng gia tài và cái tủ lùn theo lẽ thì cũng thuộc quyền nó.

Mi-sen bị gọi dậy không muốn nghe nói lời thôi :

— Anh ấy chỉ cho tôi có bốn xu và đòi lấy cái tú, anh ấy tưởng khôn lắm đấy. Ai không biết cái tú còn đắt gấp mấy kia chứ chừng ấy mà được à ?

Bi-lin-kin liền đập mạnh cánh cửa, đi thẳng về phòng, trách mắng Li-dết những câu chua chát, tuyên bố dứt khoát rằng không có cái tú thì cuộc đời anh ta sẽ đồ vớ vĩnh viễn hoàn toàn và mặc dù hậu quả có tổn hại đến thế nào anh ta cũng nhất quyết không chịu lùi nửa bước và không bao giờ rời bỏ lý tưởng của mình.

Li-dết lập cập chạy qua chạy lại giữa Bi-lin-kin với mẹ nàng van vãn yêu cầu họ bằng lòng thỏa hiệp với nhau, và đề cho được bụng hai bên, nàng đã phải đề nghị để cái tú thuộc về người này một tuần rồi người kia một tuần.

Chừng ấy Bi-lin-kin mới đề nghị Li-dết hãy đi ngủ để hôm sau có đầy đủ sức khỏe mà nghiên cứu và giải quyết vấn đề trọng đại ấy.

Bình mình không đem lại điều gì mới mẻ.

Bà cụ tức giận tới cực điểm, cương quyết tuyên bố rằng bây giờ bà đã thấy rõ cái trò của thằng cha Bi-lin-kin này rồi. Hôm nay y yêu sách cái tú, chẳng bao lâu y sẽ có thể đòi chia mẹ vợ y ra từng mảnh cho mà xem !

Li-dết, kêu khóc thảm thiết, chạy lui chạy tới, hết nài nỉ bên này lại nài nỉ bên kia, xin hai bên đừng có xâu xé nhau và hãy xem xét vấn đề dưới nhiều khía cạnh.

Bi-lin-kin liền hét lên rằng anh ta sẽ đầu đơn kiện trước tòa, đòi tố tụng giam bà cụ về tội vu cáo và mạ lỵ.

Nhưng bà cụ không chịu yên nữa, bảo rằng bà ta đã có tuổi tác, bà có thể nói thẳng sự thật vào mặt mọi người, không cần gì phải cao giọng. Sự thật là anh ta đã tới dùng cơm ở gia đình bà ba lần mà không hề bao giờ có ý đáp lễ lại bằng bất cứ một cái gì. Đấy, sự thật thế đấy !

Bin-lin-kin vô cùng xúc động, trả lời lại một cách cay chua và rầu rĩ rằng trong những khi cùng nhau đi dạo với Li-dết anh ta đã nhiều lần mua kẹo ca-ra-men cho nàng ăn, hai lần mua hoa biểu nàng thể mà chẳng bao giờ anh ta nghĩ tới chuyện mở miệng đòi nàng đền đáp bằng thứ gì.

Nghe nói như thế Li-dết cắn lấy vành môi, tuyên bố rằng anh ta đã nói dối một cách liều lĩnh, rằng anh ta chưa bao giờ mua ca-ra-men mà chỉ có một vài lần gì đó cho nàng ít cái kẹo hạng tồi và một lần cho bó hoa con con giá hai xu, sáng hôm sau thì tàn ngay.

Rồi vừa khóc nàng vừa chạy ra khỏi gian phòng, bỏ câu chuyện dở dang.

Bi-lin-kin muốn đuổi theo đề xin lỗi nàng về những chỗ xuyên tạc trên, nhưng bị bà cụ tấn công rất cuộc anh ta gọi bà cụ là con mẹ ác phụ rồi nhổ vào mặt bà ta, bỏ đi khỏi nhà. Hai hôm sau anh ta mới trở về. Anh ta tuyên bố bằng giọng chính thức và lạnh lùng rằng anh ta xét không thể tiếp tục ở lại đây nữa.

Ngay sau đó, anh ta dọn sang một nhà lân cận, nhà của Ô-vi-ni-cốp. Li-Dết mãi lì trong phòng suốt hai hôm liền. Về sau, khi đã cưới xong cô Ma-ri, con nhà Ô-vi-ni-cốp, Bi-lin-Kin gặp Li-Dết, bèn lễ phép chào nàng một cách lạnh lùng và không dừng bước lại.

V

THẾ là chấm dứt câu chuyện ái tình của họ.

Lẽ dĩ nhiên vào một thời đại khác, 300 năm sau chẳng hạn thì mối tình ấy sẽ không thể chấm dứt như thế. Hoặc giả nó sẽ tung nở ra như một bó hoa hồng rực rỡ và thơm tho.

Nhưng như thế Bi-lin-kin từng nói, cuộc đời chịu những định luật khắc khe.

Viết xong câu chuyện, tác giả đành phải thú nhận rằng trong

khi kể lại cái truyện tình tằm thường này, vì quá xúc cảm bởi nỗi truân chuyên của các nhân vật mà tác giả đã quên hẳn con chim họa mi đã nói đến một cách bí mật ở nhan đề.

Tác giả rất lấy làm lo rằng một độc giả hay một nhà phê bình độc ác nào đó sẽ bảo :

— Xin lỗi ông, thế con chim họa mi ở đâu nào ? Chắc ông muốn dùng cái nhan đề đầy hứa hẹn ấy để gạt độc giả chứ gì.

Bây giờ mà bắt đầu kể lại tất cả câu chuyện tình ấy thì rõ ràng là thực tào lao. Tôi không muốn làm như vậy đâu, nhưng để chữa lỗi tôi sẽ xin thêm vào một tình tiết con con.

Đó là vào thời kỳ mối tình của họ đang độ nồng nhiệt nhất, đang lúc nó lên cao tới chỗ tuyệt đỉnh thắm thiết sôi nổi, trong khi Bi-lin-kin và Li-dết chiều chiều dạo chơi trong rừng. Vừa nghe tiếng ve kêu, tiếng chim họa mi hát, họ vừa ngồi yên lặng tay nắm tay, không nói một lời. Rồi Li-dết khẽ hỏi :

— Ba-din, tại sao con chim họa mi nó hát thế hả anh ?

Và Bi-lin-kin đáp :

— Tại sao nó hát hả ? Ở... bởi vì nó muốn phòng má ra ấy mà, cúi dào...

THU THỦY

Giấc mơ kỳ thú

MỘT giấc ngủ đương rất bình
an,
Em bỗng đến mời anh đi du ngoạn !

Anh nhớ ra rồi
Chính thuở ấy trăng sao còn sáng lảng
Nhà thờ im lặng
Chúng ta cùng cầu kinh,
Một mối tình nở giữa bình minh
Của cuộc đời chúng ta còn măng trẻ

Nhưng rồi xa nhau mi buồn đọng lệ
Tình còn non theo ngày tháng trôi đi..
Tuổi chưa cao nên chẳng vội nghĩ gì,
Một vầng-vắt đành chôn vào kỷ niệm

Nhưng bỗng đêm nay, em thỉnh linh
chợt đến

Chà thướt tha và chói ngợp làm sao !
Em đã lớn lên

Môi đỏ hoa đào
Em đẹp như người trong tình sử
Em đến mời anh đường dài lữ thứ
Từ sông Hương núi Ngự tới tháp
Đề-Bàn,

Ôi lòng anh day dứt làm sao !

Nhắc quá khứ, buồn dâng lên trùng
diệp

Lớp lớp mây cao vờn núi biếc
Hai người xuôi ngược nước trường
giang,

Em nắm tay anh hỏi mộng năm nào,
Anh nắm tay em rung nhìn trời sao

Có lúc chiều buông
đỏ mộng cảm sào,

Em dẫn anh tới những tháp Hồi đồ
nát

Anh tưởng đường đi vào lòng dân tộc,
Những đường mòn quanh co

Những bậc đá thời gian bạc trắng
Đỉnh Hồi chênh vênh

Buồn như cỏ mọc
Quê hương tình cảm của lòng anh !!!

Cờ viện Chàm, đá vẫn còn xanh
Ôi sung sướng, tình hoa còn, chưa

mất
Đặt vào môi em chiếc hôn thật ngọt
Cuộc đời còn của chúng ta !

Dẫu đó là chỉ một giấc mơ !!!

C.V.

(1) Thi sĩ Chế-Vũ đã ra người thiên cổ. Chúng tôi trích đăng bài thơ này trong tập « Khát vọng » (xuất bản năm 1959) để nhớ lại một công trình sáng tạo của Chế-Vũ, người bạn văn nghệ đáng mến đã ra đi quá sớm.

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn Hũu số 13 này hoàn thành bằng sự gom góp tin tức và tài liệu trong ngoài nước của các bạn : Hàm Anh—Phong Vũ—Đức Hạnh—Hữu Lập—Hoàng Lan...

Gió Đông... Gió Tây...

TRONG NƯỚC

DIỄN THUYẾT

« **T**HANH niên mới trước nếp sống nô dịch củ » đó là đầu đề câu chuyện của ông Tam-Lang nói tại rạp Thống Nhất đêm 11-7.

Sau khi kể lại những mưu mô của thực phong và cộng sản tìm mọi cách dập tắt phong trào thanh niên trong những giai đoạn trước đây, diễn giả nói : « Thế hệ thanh niên Việt-Nam hiện sống trong một tình thế khác hẳn nhiều quốc gia khác trên thế giới. Nhận định được vai trò quan trọng của mình đối với quốc gia, và ý thức được nhiệm vụ trọng đại của mình đối với dân tộc giữa cao trào diệt trừ Việt gian cộng sản, đồng thời bài phong, đả thực, thanh niên đã tiến và còn đang

tiến mạnh hơn. Phối hợp với quân đội, với chánh quyền địa phương, thanh niên làm công việc giữ gìn trật tự thôn xóm, hàn gắn những đồ vỡ do chiến tranh tàn phá, để kiến tạo những cơ sở mới của đời sống nông thôn ngày thêm thịnh vượng.

Thế hệ thanh niên bây giờ đã tìm được một lẽ sống chân chính một đường lối quang đảng, một lập trường kiên cố làm nền tảng cho cuộc xây dựng của thanh niên.

Ông kết luận : « chúng ta tin tưởng mạnh rằng xã hội mới do thanh niên thế hệ mới xây dựng bằng máu đào, xương trắng tất phải vĩnh tồn. »

Cũng trong đêm diễn thuyết này, ông Nguyễn-Trác đã đề cập đến : « Chính sách giai đoạn

của Việt cộng đối với trí thức, văn nghệ sĩ và nền văn hóa Việt-Nam .

Diễn giả nói : « Việt cộng luôn luôn chủ trương dùng người trong giai đoạn có cần ích cho chúng, khi giai đoạn ấy đã qua thì chúng tìm cách thủ tiêu không ngần ngại, nhất là đối với trí thức, văn nghệ sĩ.

Lấy kinh nghiệm bản thân đã từng bị Việt cộng cầm tù trong 9 tháng hồi 1946 và bị dày dọ trong 11 nhà tù, ông đã trình bày tâm trạng của những nhà trí thức sống dưới chế độ đảng trị của Việt cộng. Trong thời gian kể trên, có những nhà nho học như cụ Lê-trọng-Nghi, Hoàng-Giáp, Nguyễn-khắc-Niêm, Nguyễn-Tân làm văn thơ hô hào nhân dân chống cộng, nên đã bị chúng cầm tù cho đến chết.

Sau giai đoạn đấu tố chính trị 1953 đến đấu tố địa chủ năm 1954 tới giai đoạn sửa sai 1956. Chính trong giai đoạn sửa sai này, mới đột khởi phong trào nhân văn giai phẩm, tiếp theo là giai đoạn đàn áp các văn nghệ sĩ, trí thức, sinh viên để nô dịch hóa nền văn hóa dân tộc.

Cuối cùng, ông kết : « Là chiến sĩ văn hóa, giới trí thức, văn nghệ sĩ, trước hiểm

họa lan tràn của làn sóng đỏ, chúng ta phải chiến đấu quyết liệt để bảo vệ nền tự do tối thiểu của con người, và bảo vệ văn hóa truyền thống của dân tộc.

★

— Ông Tiến - Lợi, một cây bút lâu năm trong làng báo, tới 20-7 đã lên tiếng tại câu lạc bộ văn hóa về :

« Báo chí với kỷ giả qua không gian và thời gian ».

Vào đầu, diễn giả mời thỉnh giả đi « du lịch một vòng trong làng báo » để sẽ được thấy nhiều hoa thơm cỏ lạ, chứ chẳng phải chỉ có rác rến như nhiều người đã tưởng lầm.

Ông trình bày lần lượt : một kỷ giả điển hình. — Con người kỷ giả làm báo — Quyền thứ tư—Làng báo Việt-Nam—Công việc của một tờ báo — Tòa soạn—Tin tức—Sức mạnh của một tờ báo.

Với những tiểu đề ấy, diễn giả đưa ta du nhập trong cái thế giới lạ lùng của nghề làm báo trong chốc lát. Ông cho ta biết thế nào là một người viết báo, những điều kiện nào cần thiết cho một người viết báo. Chúng ta hiểu rằng, diễn giả muốn nói đến những người viết báo trong những tờ nhật

báo. Vì thế, ông nói cho ta biết tỉ mỉ công việc của một tòa soạn tổ chức như thế nào, từ việc làm của ông chủ nhiệm, chủ bút đến các thông tin viên. Ông lại so sánh cả các tờ báo lớn nước ngoài. Và khi nói đến báo hàng ngày là nói đến tin tức, nên về phần này được ông đề cập đến một cách rất chuyên môn, cho ta thấy rằng nghề viết báo là một nghề khó khăn chứ không dễ dàng như nhiều người tưởng, nên muốn trở thành một người viết, làm báo chuyên nghiệp thành thạo thì cũng phải trải qua nhiều năm tháng.



— Hôm 8-8, ông Vi-huyền-Đắc đã nói tại trụ sở hội liên lạc văn hóa Á châu về đề tài : KỊCH.

Diễn giả trình bày về nguồn gốc thoại kịch trên thế giới, rồi đến chèo tuồng, cải lương ở nước ta, ông so sánh tiểu thuyết với kịch của những tiền quả hai ngành văn nghệ này. Rồi ông nói đến những luật đã trói buộc kịch cổ điển, những cố gắng để cởi mở của kịch nghệ. Phạm vi của kịch và sự khác nhau giữa cách viết tiểu thuyết và kịch.

Kịch đòi ở tác giả rất nhiều kinh nghiệm và từng trải về cuộc sống.

Muốn thành tác giả viết kịch phải có những điều kiện gì, đạo diễn, diễn viên góp phần vào việc sáng tác vở kịch thế nào, vì sao diễn kịch là học sự lịch lãm ở đời. Đó là phần thứ hai của cuộc diễn thuyết, được ông Vi-huyền-Đắc đem kinh nghiệm bản thân trình bày rõ ràng. Ông cũng không bỏ qua kỹ thuật của chèo, tuồng mà ông cho rằng hai bộ môn này đã tiến đến một trình độ khả quan.

Kết luận, ông tiên đoán ngày mai của kịch nghệ sẽ tung bùng nào nhiệt.



— Chiều 10-8, tại tòa Đô sảnh trung tướng Bela Keraly chủ tịch liên hiệp các chiến sĩ tự do Hung-gia-Lợi đã nói về : *« Tinh thần tranh đấu của nhân dân Hung-gia-Lợi chống đế quốc cộng sản »*.

Mở đầu diễn giả nói : Hung gia Lợi tuy ở ngay trung tâm Âu-châu song còn giữ nguồn gốc Á-đông, mặc dầu đã phối pha từ thế kỷ từ 10. Nhân dân

Hung-gia-Lợi đã tích cực tranh đấu để xây dựng và bảo vệ lãnh thổ của mình. Đến nay nguồn gốc vẫn còn giữ vững, vì vậy Việt-Nam và Hung-gia-Lợi đều có những tư tưởng giống nhau trong vấn đề chống cộng sản.

Đoạn đề cập đến vấn đề chống cộng của nhân dân Hung-gia-Lợi, ông chia ra làm 4 phần chính :

— Cuộc đo hộ và mảnh lời của cộng sản đã áp dụng để chiếm nước Hung.

— Những biến cố chính của Hung.

— Tình trạng hiện tại ở Hung.

— Những nhận xét chung về cộng sản.

Năm 1945 Hồng quân Nga xâm nhập Hung-gia-Lợi. Lúc ấy, người Hung ít ai theo cộng sản, vì đã hiểu rõ manh tâm của chúng. Những ngày đầu chúng hứa hẹn rất nhiều, song đó chỉ là những lời dối trá, mà trái lại chỉ toàn những hành động khùng bố, tàn ác. Chúng bắt cóc, thủ tiêu, bắt đi lưu đày hàng ngàn nhà trí thức, và tịch thu gia sản của họ. Ngày đầu khi quân Nga tiến vào thủ đô Hung, người ta đã thấy diễn ra những vụ giết chóc ghê tởm

và cứ thế tiếp diễn mãi trong nửa năm. Vì vậy cuộc tuyên cử đầu tiên ở Hung, nhân dân trả lời cho cộng sản biết rằng đã có tới 83 phần trăm phiếu tỏ rõ sự chống cộng. Từ đó quân đội Nga và đảng cộng sản Hung với công an mật vụ hiệp nhau chủ trương :

— Dùng đủ thủ đoạn tiêu diệt tinh thần tranh đấu tự do của nhân dân Hung.

— Chống mọi quyền sở hữu của nhân dân.

— Tiêu diệt mọi tư tưởng và tín ngưỡng.

Để áp dụng ba điểm trên, chúng đề ra những phương pháp :

— Đấu tố những nhà lãnh đạo tinh thần.

— Hủy bỏ giá trị truyền thống và bắt dân Hung sống theo lối Sô-viết

— Nhồi sọ dân chúng lý thuyết Mác xít.

Bằng những phương pháp nói trên, cộng sản tỏ ra là một địch thủ vô cùng nguy hiểm cho những giá trị tinh thần, tài sản và những gì quý hóa nhất cho một con người.

Một chi tiết nên nhắc lại là, trong việc cộng sản vơ vét tài sản của nhân dân Hung, để bài

trừ quyền tư hữu, trước hết chúng quốc hữu hóa các địa chủ lớn, rồi đến các ngân hàng, các xí nghiệp, sau hết chúng bắt nhân công vào nông trường tập thể : cuối cùng là chỉ có một nhóm người cộng sản giữ vai trò chỉ huy là hưởng thụ hơn cả.

...Thế giới tự do chúng ta cương quyết không để cho Nga xô va Trung cộng dùng những thủ đoạn lừa bịp mạo danh bênh vực các tiêu nhược quốc để sau đó đô hộ họ, việc Hung gia Lợi và Đông Bá Linh đủ cho ta suy nghĩ.

NHỮNG BIẾN CỐ CHÍNH Ở HUNG : Năm 1956, cách mạng giải phóng dân tộc Hung. Nhân dân Hung nổi lên chống Nga-xô. Trong năm ngày chiến đấu, Hồng quân đã bị đánh ra khỏi Budapest, 200 trăm xe thiết giáp bị phá hủy. Ngày 29-10-56, quân đội Nga phải xin ngưng chiến. Ngày 3-11-56, một thỏa ước đã được ký kết, trong đó quân cộng sản buộc phải rút lui ra khỏi đất Hung. Nhưng đến khi tướng Paul Maleter, Tổng trưởng quốc phòng Hung đi đến tổng hành dinh quân đội Nga để ký vào bản thỏa

hiệp thì ông bị phục kích và xua quân ra chiến đấu.

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI Ở HUNG : Hiện có 100.000 quân Nga đóng ở Hung, dân Hung có 10 vạn người, như thế nghĩa là cứ 100 người Hung thì có một tên lính Nga canh giữ. Nước Hung bây giờ như một nhà tù lớn, nhân dân sống đói khổ dưới ách đô hộ cộng sản.

Về kinh tế Hung hoàn toàn sát nhập vào Nga. Mọi quyền lợi tư hữu đều bị truất bỏ vì vậy nhân dân sống rất cơ cực.

Trong cuộc cách mạng 1956, quân đội Nga đã giết 3 vạn dân Hung. 2 vạn chiến sĩ tự do đã vượt được ra khỏi nước. Mười ngàn người Hung bị Nga bắt đi đày ở Tây-Bá-Lợi Á, và mười ngàn khác bị giam cầm trên đất Hung, và hàng vạn người khác đã bị xử tử.

NHẬN XÉT CHUNG VỀ CỘNG SẢN : Tổ chức cộng sản rất yếu. Trên thực tế, yếu tố lý thuyết và yếu tố tổ chức chống đối nhau. Nhiều sự kiện đã chứng minh sự thất bại liên tiếp của cộng sản như :

Vụ di cư của dân chúng ở

Đông Bá Linh sang Tây Bá Linh ở Việt-Nam, dân tị nạn từ Bắc vào Nam.

Ngược lại, không một người dân nào sống dưới chính thể tự do lại di cư sang vùng cộng sản

Muốn chống cộng sản không thể có thái độ thụ động. Chúng ta không thể có thái độ thụ động nếu muốn sống một sống tự do hãy san bằng những ranh giới giả tạo phân chia đất nước làm hai như con sông Bến Hải ở Việt-Nam chẳng hạn.

Chúng ta cần sống trong tự do, dân tộc chúng ta cần sống trong tự do. Chúng ta phải chiến đấu, dân tộc chúng ta cương quyết thắng cộng sản.

— Chiều 17-18, ông Raymond Lambert, tổng thanh tra Pháp Quốc Điện Lực, đã nói về việc đào tạo cán bộ kỹ thuật ở Pháp quốc điện tử.

Trong buổi diễn thuyết, ông có trình bày các dụng cụ giáo khoa tối tân được áp dụng ở Pháp, và có chiếu phim « L'Ecole de la vie » và phim « champ tournant. »

Diễn giả ước mong trong tương lai sẽ có sự hợp tác hữu hiệu giữa trung tâm kỹ thuật Phú-thọ và Pháp quốc Điện lực

để đào tạo cán bộ về điện học cho Việt-Nam Cộng Hòa

★

« ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY Ở ĐỨC QUỐC » : Đó là đầu đề câu chuyện tại trung tâm văn hóa Đức của ông Phạm-đoan-Dương.

Diễn giả cho biết người Đức có rất nhiều thiện cảm với sinh viên Việt-Nam.

Nói đến đời sống của công nhân Đức, ông nhận thấy họ rất chăm chỉ. Tuy trời hết sức lạnh họ cũng dậy sớm nhóm lửa, sửa soạn thức ăn mang theo đến nhà máy, nơi họ luôn luôn cố gắng tăng năng xuất hầu lãnh thưởng. Trong buổi diễn thuyết có chiếu phim ảnh tả đời sống hàng ngày của người dân Đức.

★

— Bà Etienne Pourson giáo sư thực sĩ tại Đại học văn khoa Sài Gòn, tối hôm 16-8 đã nói tại hội quán Pháp văn Đồng minh về đề tài « Tiểu thuyết trình thám » (La mort au trou-seau.)

★

NHẠC

— Tối 12-8 hội Việt-Mỹ đã tổ chức tại trường Quốc-gia âm

nhạc một buổi hòa nhạc do nhạc sĩ dương cầm người Mỹ Walter Hantzig đã từng trình diễn nhiều lần tại các nước Nam-Mỹ, Âu-châu, Viễn-đông.

Hantzig là giáo sư tại Poa-body ở Baltimore. Ông đang du hành qua Đông Nam Á và Viễn Đông, dưới sự bảo trợ của bộ Ngoại giao Hoa kỳ.

Nhân dịp viếng thăm Việt-Nam ông Hantzig có tặng trường Quốc gia âm nhạc 30 hòa tấu khúc của Beethoven, 48 khai tấu khúc của Bach (2 bản chính) cùng một số bài tập về kỹ thuật dương cầm, và nhạc bản của các nhà soạn nhạc hiện đại.

✱

— Tối 8-8 nhà dương cầm Đức nổi danh Gard Kaemper đã được thỉnh giả hết sức hoan nghênh trong buổi độc tấu cuối cùng tại trường Quốc gia âm nhạc.

Mở đầu với bản « Etudes symphoniques, op 13 » của Shumann, và tiếp theo là các nhạc phẩm của Mozart, Haendel, Hindemith, Chopin, Scarlatti v.v...

✱

— Tại Trung tâm Văn hóa Đức quốc, nhà dương cầm nổi

danh Gard Kaemper đã mở đầu một loạt diễn thuyết về : « *Les éléments et la structure de l'expression musicale* ».

Khởi đầu diễn giả nói đến hai bản dân ca, một của Đông phương cổ từ hai ngàn năm ; một bản khác của Tây phương hiện tại. Ông giải thích rằng bản trên thiếu âm điệu và vận điệu là những yếu tố cần thiết để tạo một bản nhạc.

Để chứng minh, ông phân tách các câu hát bằng dương cầm, và trình bày sự cần của bản hát.

Sau khi nói đến những câu nhạc, và sự tiên hóa của nó, ông đề cập đến vấn đề hình thức bản ca. Trong khi ấy thì ông hát mấy bản dân ca Phi-luật-Tân, Ba-Tây và lưu ý thỉnh giả phân biệt những câu khác nhau.

Kết luận, diễn giả giải thích rõ ràng về nhạc cổ điển so sánh « đại hình thức » với « tiểu hình thức. »

✱

— Hồi năm ngoài nhà dương cầm tài hoa trẻ tuổi — 28 tuổi — đã có dịp biểu diễn tại trường Quốc gia Âm nhạc, năm nay, trong phạm vi trao đổi văn hóa quốc tế, ông Kaemper đã hiến khách mô điệu hôm 28-7 tại Câu

lạc bộ Thề Thao Saigon một chương trình đặc sắc : Beethoven, Sonate « Clair de lune », Schumann, Sonate en sol mineur, Chopin Debussy, Cinq préludes.

✱

—Một đoàn ca nhạc Hoa-Kỳ sắp sang viếng Việt-Nam và mấy nước khác ở Đông Nam Á, như Thái-Lan, Cam-Bốt, Mã-Lai và Phi-Châu.

Đoàn này gồm 22 người, đi biểu diễn ở ngoại quốc theo chương trình trao đổi văn hóa của Tổng Thống Hoa Kỳ, gồm một nhà ảo thuật, một nghệ sĩ đóng tuồng câm, những vũ công ca sĩ và một ban nhạc jazz do Buddg Rich điều khiển.

Trước khi lên đường, kịch sĩ Adang có tuyên bố : « Chúng tôi sẽ cùng với các nghệ sĩ địa phương phô diễn tài nghệ của chúng tôi để hiến khán giả, và chúng tôi có thể học hỏi những điều lợi ích ở các nghệ sĩ địa phương »

✱

—Ông Gil upaz Kabagao nhạc sĩ vĩ cầm lỗi lạc Phi-luật-Tân đã đến Saigon và ra mắt công chúng trong nhiều buổi hòa nhạc.

Trước khi viếng Đông-Nam Á, ông Kabagao đã từng trình diễn vĩ cầm tại nhiều thành phố ở Tân-Tây-Lan, như Auckland Ritorna, New Plymouth, Nelson.

✱

HỌA

— Từ 28-7 đến 6-8 tại phòng Triển lãm Đô Thành đã có cuộc trưng bày họa phẩm của Thiên-quốc-Hùng, tốt nghiệp trường đại học Mỹ thuật Quảng châu.

Tất cả có 120 bức vẽ trên lụa với các đề tài cổ điển như tùng cúc, hoa điều, sơn thủy trùng, ngư. Phần thành công nhất trong toàn bộ cuộc triển lãm là những bức vẽ hoa. Ở phần này, họa sĩ không những chỉ tỏ ra là một tay sành chơi hoa, nhất là sành chơi Lan, mà còn cho chúng ta gặp ở họa sĩ một tâm hồn đã gần gũi được với cái « thần » của hoa để kết tinh và ghi lên mặt giấy.

Nếu loại tranh hoa điều nhất là tranh lan, và loại trùng ngư chiếm được nhiều thiện cảm của người xem thì loại tranh sơn thủy không được thành công lắm.

— Từ hôm 7-8 họa sĩ Gruot đã trưng bày chừng năm chục bức tranh sơn dầu thuộc môn phái trừu tượng.

★

— Từ 17-8, Trần-quang-Hiếu đã trưng bày một số lớn tranh sơn dầu, sau một thời gian qua Pháp.

Hồi năm ngoái Trần-quang-Hiếu đã triển lãm tranh của ông với đề tài là ngựa và sông nước vẽ trên lụa hay bằng sơn dầu. Năm nay, về phương diện kỹ thuật, ông đã đi khác hẳn năm ngoái. Ông dùng kim nhũ ngân nhũ thay cho màu vàng, màu trắng xen vào với chất sơn dầu khác khiến cho màu sắc tăng thêm vẻ cổ kính của những đề tài về ngựa xe.

Những bức tranh màu bằng giấy cắt trên báo chí được tô điểm thêm một cách khá linh động, cũng đem lại cho người xem nhiều hứng thú mới.

★

— Một ủy ban gồm 11 họa sĩ có tên tuổi đã được cử ra để chọn 17 tác phẩm gửi tham dự Đại hội triển lãm mỹ thuật quốc tế tại Ba Lê dành cho các họa sĩ từ 25 đến 35 tuổi.

Trong 17 bức, có 10 bức tranh sơn dầu, 3 vẽ trên lụa, 4 sơn mài của các ông Lê-Chánh, Ngy - cao - Uyên, Nguyễn-văn-Thường, Lưu tấn Phước, Đỗ kỳ Hoàng, Nguyễn thanh Chung, Nguyễn-hữu-Vu, Phạm-văn-Tín, Lâm-văn-Triết, Lê-văn-Bình, Trần-kim-Hùng, Nguyễn-tánh-Đỗ, Nguyễn - minh - Hoàng, Thanh - Hồ, cô Nguyễn - thị - Thường và cô Trương-thị-Thịnh.

Cũng nên biết, năm ngoái, Ủy ban đã giữ lại 6 tác phẩm của Việt-Nam gửi đến dự kỳ Đại Hội Nhất Triển lãm hội họa quốc tế.

★

— Nguyễn-mạnh-Đan lại vừa chiếm được huy chương bạc trong cuộc Triển lãm nhiếp ảnh quốc tế lần thứ 4 ở Sydney, (Úc đại Lợi) với tác phẩm «Bàn keo sơn »

Cuộc triển lãm này do hội Nhiếp ảnh Thanh niên cơ đốc Sydney tổ chức, đã nhận được 5152 bức ảnh từ 49 quốc gia gửi dự.

— Ngoài ra, ông Đan còn được một bằng danh dự ở cuộc Triển lãm Nhiếp ảnh quốc tế tổ chức ở Alicante (Espagne) với bức « Xứ mộng ».

— Từ 20 đến 27-7-61 tại phòng Thông Tin đô thành Hội nhiếp ảnh Việt-Nam đã trưng bày 150 tác phẩm của các ông Phan-văn-Mùi, Lồ-Vinh, Võ-anh-Đạm Nguyễn-mạnh-Đan, Nguyễn-cao-Đàm Nghiêm-Vinh-Cần v.v



—Đề mừng ngày Quốc Khánh, 26-10, Văn hóa vụ sẽ tổ chức cuộc Triển lãm nhiếp ảnh quốc tế lần thứ hai, với sự tham dự

của hơn ba mươi nước bạn.

Ban tổ chức đã nhận được hơn một ngàn năm trăm tác phẩm của các tư nhân các hội nhiếp ảnh quốc tế từ bốn phương trời gửi tới dự.

Hội đồng giám khảo năm nay được tăng cường hơn, do số tác phẩm gửi đến quá nhiều :

Các ông : Phan - văn - Mùi, Nguyễn - mạnh - Đan, Nguyễn-cao-Đàm, Nguyễn-lê-Giang, Lý-lan-Siêu, Lê-anh-Tài, Trần Việt,

HÀM ANH

NGOÀI NƯỚC

CUỐN SỔ TAY CỦA THI SĨ LAMARTINE TRỊ GIÁ 121 TRIỆU QUAN. — Sau cuộc bán tranh ở điện Galliéra, mà số tiền thu được đến 117.040.000 quan, mọi cuộc đều chú ý đến cuộc bán các bản thảo và sách quý ở phòng đấu giá Drouot.

Cả thư viện sách của ông Maurice Goudekot đã có người trả tới 180 triệu quan cũ, gần gấp đôi giá mua người ta hy vọng.

Song đắt nhất là cuốn sổ bìa da của nàng Julie Charles biểu

thi sĩ Lamartine, trong đó thi sĩ đã viết ghi lại những kỷ niệm êm đềm của mối tình giữa hai người. Ngoài ra Lamartine lại còn phác trong đó tập Méditation poétiques. Cuốn sổ này, đã có người mua với giá 121 triệu quan.

Tiếp đến là cuộc bán đấu giá một số bản thảo. Tập bản thảo của bà Sans-Gène de Victorica dày 175 trang, bìa da, trong có những ghi chú những chỗ xóa bỏ bán được với giá 1.150.000 quan. Một bản thảo của Lénine có 22 trang bán được 1.500.000.

Ba bức thư có chữ ký của tướng De Gaulle gửi cho văn sĩ Ventura Garcia nước Pérou năm 1950 bán với giá 10.500 quan. Ba trang bản thảo của văn sĩ Malraux bán được 200.000. quan



— *KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP THƯ VIỆN NỮ-UỐC.*— Thư Viện ở Nữ-Uớc vừa kỷ niệm 50 năm thành lập. Đây là một thư viện lớn nhất. Hoa kỳ, và nổi tiếng có những bộ sách quý. Thư Viện chứa đựng 4 triệu cuốn sách tham khảo về 3000 ngôn ngữ và thổ âm khác nhau, 9 triệu bản viết tay, cùng mấy trăm ngàn những ấn loát phẩm và bản nhạc. Trung bình mỗi ngày có 8 ngàn người vào đọc sách và mượn sách ở Thư viện,

Đồng thời cũng có tổ chức một cuộc triển lãm sách gồm 25.000 cuốn sách của Mỹ và ngoại quốc.

Tám trăm nhà xuất bản của 25 quốc gia đã gửi sách tham dự. Thư viện văn chương và lịch sử người da đen Schombourg, một chi nhánh của trường Nữ-Uớc có tới 33.000 cuốn sách

khảo về văn chương và lịch sử người da đen.

Góp với những tác phẩm trên hơn 500 tác phẩm nghệ thuật của Hoa-kỳ, lựa chọn ở các Bảo tàng viện tư nhân và công cộng trong khắp nước sẽ được đem trưng bày tại nhiều nước Âu-châu và Nam-Mỹ.

Tại Nữ-Uớc, một cuộc triển lãm hội họa từ 1865 đến 1905 đã được tổ chức tại Bảo tàng viện Nghệ thuật.



— *MỘT HI VIỆN TỐI TÂN Ở NỮ-UỐC.*— Trung tâm văn hóa Lincoln ở Nữ-Uớc sắp khánh thành một hí viện hết sức tối tân : thính giả dự buổi hòa nhạc sẽ ngồi dưới một trần nhà gồm những kính than hãm, mệnh danh là « mây ». Thính giả sẽ thấy ánh đèn nhạt dần hoặc sáng lên tùy theo âm thể của bản nhạc. Những « mây » sẽ tăng thêm cường độ của một số âm thanh và làm cho những âm thanh đó hợp với những âm thanh khác của giọng hát.

Tất cả các chỗ ngồi đều được xếp đặt một cách khéo léo để thính giả có thể nhìn thấy toàn thể giàn nhạc.

— **NGƯỜI NGOẠI QUỐC VÀO VIỆN HÀN LÂM VÀ VĂN NGHỆ HOA - KỲ.**— Hàn lâm Viện và viện văn nghệ Hoa-Kỳ đã bầu sáu nhà văn và nghệ sĩ ngoại quốc dự vào hàng hội viên. Đó là Elisabeth Brown nữ sĩ Ái-nhĩ - Lan, Graham Green tiểu thuyết gia Anh, Jacques Villon, họa sĩ Pháp, Henry Moore điêu khắc gia Anh và Rumgo Tamago họa sĩ Mễ-tây-Cơ.

Với cuộc bầu cử mới này, Viện hàn lâm Hoa-Kỳ có tất cả là 45 hội viên danh dự.



— **BAN TRẦN-VĂN-TRẠCH TẠI ĐÀI VÔ TUYẾN TRUYỀN HÌNH BA-LÊ.**— Vô Tuyến truyền hình Pháp đã đặc biệt mời Trần-văn-Trạch trình bày bản nhạc « Chiều mưa biên giới » cùng với ban « Đại hòa tấu » danh tiếng của đài V.T.T.H. Pháp.

Từ hơn một tháng nay bản nhạc « Chiều mưa biên giới » của Nguyễn - văn - Đông đã được hoan nghênh nhiệt liệt ở bên Pháp. Ở đài vô tuyến truyền thanh cũng như ở các tửu quán bản « chiều mưa biên giới » được mọi người hết sức

tán thưởng. Tại các công viên, các ban đại hòa tấu đã liên tiếp trình bày và mệnh danh bản nhạc này là « Cô gái Á - châu tình cảm ».



— **ĐỘC GIẢ KHÔNG THÍCH ẢNH NỬA.**— Nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, tờ tuần báo (Life) lớn nhất (Mỹ) của tờ chức báo chí Henri Luce — gồm có tờ Time, Life, Fortune — đã bắt đầu thay đổi từ cách trình bày đến nội dung.

Sáu triệu rưỡi người Mỹ, tuần qua phải hết sức ngạc nhiên, kể từ một phần tư thế kỷ nay, thấy tờ báo Life quen thuộc của họ bỗng mang một mặt mới khác thường.

Tập Life của Henri Luce trong 25 năm trời đã làm khuôn mẫu cho hầu hết những tờ tuần báo lớn như : Paris Match, Jours de France, Epoca, Oggi, v.v... bắt chước, thì bây giờ đã lột bỏ cách làm việc cũ vốn đã lượm được những kết quả rất đẹp đẻ ; hình ảnh bây giờ thay thế dần bằng bài vở.

Ở Anh quốc những tuần báo chủ trương đăng nhiều hình

ảnh như tờ Post hay London Illustrated Wew cứ mất dần độc giả, trong khi ấy tờ The Observer và tờ Sunday Times chủ trương trái lại, thì số báo phát hành cứ lên vùn vụt.

Tại sao lại phát sinh ra hiện tượng ấy. Bởi vì những tờ thuộc loại Life ở Mỹ cũng như ở Anh, bị mất rất nhiều quảng cáo. Người ta chuyển quảng cáo sang vô tuyến truyền hình thấy lợi hơn. Vì vậy, các tòa soạn mới quyết định tìm một hướng đi khác, bớt nhiều hình ảnh, thay vào bằng bài, trông cậy hoàn toàn vào độc giả.

★

— NHỮNG TỔ CHỨC ĐỒ SỘ CỦA BÁO CHÍ ANH-QUỐC.—

Độc báo là một điều cần thiết cho người dân chẳng khác ăn cơm uống nước nhất là đối với người dân ở các nước tiền tiến. Những tờ báo lớn ở Mỹ, Anh, Nhật, mỗi ngày xuất bản hàng mấy triệu số, cho đến những tuần báo như « Paris Match », Marie Claire v.v. mà mỗi kỳ cũng bán ra gần hai triệu số.

Người Anh có lẽ ham đọc báo hơn những dân tộc nào hết, ít nhất mỗi ngày trong một ngàn người thì có 575 người

mua báo. Càng có nhiều người mua báo, thì lại càng có ít chủ báo đi, nghĩa là báo chí Anh- quốc chỉ thu gọn vào trong tay một số người mà thanh thế ngày cứ càng tăng lên.

Cơ sở Daily Miror điều khiển bởi ông Cecil Harmsworth King là một tổ chức hỗn hợp chừng hơn một trăm nhật báo, tuần báo, nguyệt san đủ các loại. Ông King là cháu gọi bằng chú ông Alfred Harmsworth cũng là một tay trùm báo chí. Ông King hiện nắm trong tay cả một tổ chức rộng lớn hết sức của ngành báo chí Anh quốc

Tổ chức này gồm có, trước hết tờ nhật báo Daily Miror, mỗi ngày xuất bản 4.650.000 số tờ nhật báo Daily Herald cơ quan có khuynh hướng xã hội, liên lạc mật thiết với Nghiệp đoàn thợ thuyền, xuất bản mỗi ngày 1.400.000 số, rồi đến những tuần báo ra ngày chủ nhật : The People : 5.468.000 số ; tập Sunday Pictorial : 545.000 số ; tiếp đến là những báo về phụ nữ, tờ nào kém cỏi nhất cũng xuất bản tối thiểu là 350.000 số. Riêng những báo chí về phụ nữ đã có tới 13 triệu người mua. Cũng phải kể cả 200 báo chí về chuyên môn, và xuất

bản ngay tại các nước thuộc Liên Hiệp Anh. Ông King quả hiện giữ ngôi vua của báo chí Anh-quốc.

Ông ta làm cách nào mà nắm được quyền bá chủ ngôn luận ? Đó là kết quả của một cuộc tranh đấu vô cùng gay go, giữa ông với một kẻ địch thủ chính người Gia-nã-đại, tên Roy Thomson.

Cecil King ra đời trước đây đúng 60 năm, trong một khung cảnh vàng son của báo chí, vì ông chính là cháu của một người được mệnh danh là Nã-phá-Luân trong báo giới. King chưa hề biết thế nào là sự thiếu thốn, nghèo khổ, song bao giờ ông cũng đứng về phe những kẻ yếu thế, mà tờ Daily Mirror của ông lúc nào cũng lên tiếng bênh vực họ mãnh liệt. Để tỏ uy lực của ông, vừa đây ông mới hoàn thành xong một ngôi nhà cao 18 tầng rất lộng lẫy, trị giá 9.500.000 bảng anh làm trụ sở cho tổ chức báo chí để đồng thời tỏ rõ sự đắc thắng trước Roy Thomson.

Roy năm nay đã 67 tuổi, thuở thiếu thời đã từng sống trong cảnh nghèo đói. Song chẳng phải vì thế mà ngăn không cho ông chiếm một địa vị tỷ phú trong nghề làm báo. Trước đây hơn ba mươi năm,

ông chỉ là anh bán hàng cho một tiệm buôn máy vô tuyến truyền thanh ở ngoại ô quê hương Canada ông. Ông nghĩ rằng muốn bán chạy hàng thì phải dựa vào một tờ báo làm quảng cáo cho. Ông xoay sở có được một tuần báo nhỏ, và tìm cách làm cho tờ báo bán chạy. Ông thấy có cái thú làm báo, rồi dần dần chủ trương nhiều nhật báo và tuần báo, mở rộng tầm hoạt động bằng cách lần tiện. Ông không phải là tay viết báo, nhưng biết lựa chọn người đề trao việc

Từ 1953, Ông giữ ngôi bá chủ báo chí ở Canada, nhưng vẫn chưa thỏa chí, ông còn muốn lấn sang cả đất Anh-Cát-Lợi, bắt đầu bằng sự mua lại tờ nhật báo The Scotsman, điều kiện cho ông được phép xông vào vô tuyến truyền hình. Từ đó ông cứ khuếch trương rộng mãi cơ sở báo chí của ông bằng cách hỗn hợp với tổ chức L' odhams Press. Song Cecil King vội can thiệp kịp thời. Ông bỏ rất nhiều tiền vào tổ chức sau này, và chịu đề cho các hội viên nhiều quyền lợi, một việc mà chính ông Thomson định làm nhưng làm không nổi.

Ngoài cơ sở báo chí lớn lao của họ Cecil King, còn nhiều tổ chức khác quan trọng, người

ta phải kể đến Associated Newspapers Ltd nguyên là tổ chức Northcliffe quy tụ 14 nhật báo, 16 tuần báo; cơ sở Westminster Press điều khiển 9 nhật báo, 19 tuần báo, sau hết là cơ sở Beaverbrook có tờ Daily Express : 4 triệu số; tờ Evening Standard ; 1.225.000 số; tờ Sunday Express 3.400.000 số.

Báo chí quy tụ vào trong một số người như vậy làm cho dư luận công chúng lo sợ. Những báo nhỏ sẽ không thể đương đầu nổi. Ngoài tờ News Chronicle cơ quan duy nhất có khuynh hướng tự do : 1.162.000 số và tờ báo xuất bản buổi chiều The Star : 735.000 số là còn sống được, nhiều tờ khác không đủ tài chính đối phó với những

tay khổng lồ, thì theo nhau mà chết. Cũng nên biết hai tờ báo kể trên xuất bản mỗi kỳ 883.000 số, nhưng không sao sống được.

Đây là một điều lạ ở Anh quốc, vì tờ báo chẳng phải hoàn toàn sống vì độc giả, song chính là do quảng cáo vậy. Giá báo ở Anh tương đối rất hạ, thì chính quảng cáo đã giữ vai trò đỡ đòn cho giá bán báo.

Khuynh hướng độc quyền và thương mại hóa báo chí ngày một ghê gớm, khiến cho chính phủ đã nghĩ đến sự nhúng tay can thiệp. Một Hội đồng đã được cử ra để mở cuộc điều tra và làm phúc trình. Song có chắc đi đến kết quả nào hữu ích không ? !

HÀM ANH

TÀI LIỆU

CÁN CÔ XÚY MỘT NỀN VĂN MINH MỚI. — Những trang dưới đây là đoạn cuối của bản Tuyên ngôn của nhóm Kinh Tế Nhân Bản (*Manifeste pour une Civilisation solidaire.* — L.J. Lebreton. *Economie et Humanisme*) đề cổ võ một nền văn minh liên đới, bên cạnh nền văn minh tư bản đã hủ hóa, và nền văn minh vô sản đang chực bành trướng và đồng thời cũng bóp nghẹt con người không kém tư bản. Nền văn minh liên đới do nhóm Kinh tế Nhân bản chủ trương không phải là một thứ đường lối dung hòa giữa hai lối đối lập Tư bản—Vô sản, nhưng là một hướng siêu thoát một chủ nghĩa thứ ba mà mục tiêu là chú trọng đến « con người toàn diện » và « tất cả mọi người » cũng như các giá trị cao cả và tối thượng ở cá nhân và xã hội.



«...CÓ người gọi nền văn minh cần thiết lập là « nền văn minh cần lao ». Họ cũng có lý vì nền văn minh mới không thể dung nạp những kẻ ăn không ngồi rồi vì thất thế (kẻ lang thang chần hạp), hay sống nhờ các đặc quyền giai cấp hoặc đảng tộc. Đó cũng là tư tưởng của thánh Paul : « ai không muốn làm việc thì đừng ăn nữa ». Nhu yếu hiện tại còn khắt khe hơn vì phản ảnh lời ngụ ngôn của các bậc tài danh : « ai không chịu góp phần phục vụ nhu cầu nhân loại theo khả năng của mình, tất kẻ ấy phải bội nhân loại ».

Họ cũng có lý cho rằng nền văn minh mới sẽ phải dành cho lao động một địa vị xứng đáng hơn thời quá khứ để có thể tiến triển về mặt văn hóa, nắm giữ nhiều chức vụ, hiện diện trong các cơ quan tư vấn quyết nghị, kinh tế, văn hóa và chánh trị. Nhưng có lẽ họ lầm nếu họ muốn bó buộc toàn thể nhân loại phải theo các thể thức và các nhịp sản xuất như chủ nghĩa duy sản cấp tiến nhất chủ trương, vì một người hay một dân tộc có thể thích một lối sống ít hoạt hơn, miễn là chịu nhận một mức sống ít tốn kém hơn.

MỘT NỀN VĂN MINH THĂNG TIỀN TOÀN THỂ NHÂN LOẠI

NHU vậy chúng tôi gạt bỏ danh từ văn minh cần lao. Tuy nhiên, đối tượng là cần lao suông không đủ xác định một nền văn

minh, vì thế chúng tôi thích dùng danh từ « nền văn minh thăng tiến toàn thể nhân loại » theo đó chúng tôi muốn, trong mỗi nước phát huy giá trị con người thuộc mọi tầng lớp xã hội và đồng thời trong quảng đại quần chúng, thăng tiến thể nhân thuộc các dân tộc chưa phát triển hoặc kém mở mang, bằng cách này hay cách khác. Một nền văn minh như thế có lẽ là một « nền văn minh liên đới rộng rãi » ràng buộc mọi phần tử nhân loại vì tất cả dân tộc muốn hợp tác một cách xây dựng phải biết thích nghi các định chế quốc tế và tăng cường các yếu tố cộng đồng, cấu tạo các định chế quốc gia. Như vậy, đối phản với nền văn minh giai cấp hoặc dân tộc vị kỷ sẽ là một « nền văn minh vị tha » hoặc giả một « nền văn minh liên đới tác thiện ».

Đó cũng phải là một « nền văn minh chế tài trách nhiệm » vì không ai, dù cá nhân hay dân tộc, ở cấp bậc nào, hoặc bằng phương tiện gì, có thể thoát khỏi liên hiệp nỗ lực với tập thể, thiếu điều kiện này thế giới sẽ phó mặc cho những kẻ biếng nhác, những kẻ đầu cơ và những tay chánh trị liều lĩnh tha hồ thao túng vì tình trạng khất thực, ký sinh và hoang phí không ngớt gia tăng và trầm trọng. Nhờ tái diễn mãi mãi hành động phá hoại đất đai và tạo những thành thị không sao cư ngụ được bộn đầu cơ đất cát và bất động sản đang vinh thân phì gia. Những nhà làm chánh trị đã lũng đoạn công quỹ và phạm rất nhiều lỗi lầm lại được che đậy trong vinh dự bằng cách tạm ngưng nắm quyền hành trong một thời gian. Số viện trợ đáng lẽ dùng vào công cuộc phát triển quốc gia, lại bị một đảng phái độc chiếm. Vì vậy công cuộc giáo hóa dài hạn chống nạn mù dân và chống hỗn loạn là thiết yếu.

Nền văn minh cần lao và thăng tiến toàn thể nhân loại chỉ có thể là một « nền văn minh kinh tế duy nhất »; đối tượng nguyên thủy của nền văn minh này là sản xuất để thỏa mãn các nhu cầu chính yếu và nhu cầu về phẩm cách của những người sẵn sàng làm việc hoặc những người thuộc sự cấp dưỡng của cộng đồng vì không thể làm việc được. Nền văn minh kinh tế duy nhân không vì thế mà khinh thường sự tiến triển khoa học, văn hóa và tâm linh, rất cần thiết để phát triển nhân vị và

thiết lập công ích. Nền văn minh này không bài xích việc thủ đắc dần dà các tài sản về tiện nghi an lạc, miễn là sự thủ đắc không dành đặc quyền cho một thiểu số cá nhân hay gia tộc và khỏi phải hy sinh cái thiết yếu và sự tiến triển. Muốn đạt tới nền văn minh đó tất phải có một trình độ luân lý cao, biết cân xứng khát vọng với mức thỏa đáng, biết định giai tầng sản xuất tùy theo tầm quan trọng và thực độ thiết bách, biết ngăn cản sự xa xỉ phô trương của lớp người lãnh đạo, biết hạn chế tham vọng về lạc thú của hạng người sung túc, biết hướng về những tài vật nặng tính chất tâm linh nhất. Nói khác, nền văn minh kinh tế duy nhân đồng thời là một « nền văn minh chính xác hơn » cũng là một nền văn minh quân bình tiến bộ, tất cả mọi tiến bộ phải nhất tề đồng nhịp.

Một nền văn minh như thế hàm súc ý nghĩa phổ cập trong mọi tầng lớp xã hội, hay đúng hơn trong các giới, chủ nghĩa nhân bản căn cứ trên một đẳng cấp chính xác về giá trị; đó cũng là một nền văn minh cộng đồng phát huy giá trị thể nhân, một nền văn minh định đẳng cấp giá trị, một nền văn minh đề cao giá trị.»

Vì thế, đó cũng là một « nền văn minh định nhu cầu tiệm tiến », nhu cầu không phải định theo khả năng của vài người hưởng lạc thú quá độ, vô chừng, trong khi biết bao nhiều người không được ưu đãi thêm khát, ao ước viên vống; vậy phải định nhu cầu theo mức sống an toàn và theo sự phát triển nhân phẩm. Nếu cứ khao khát viên vống, tất sẽ gây thêm rối loạn cho xã hội và mãi mãi tạo nên những cuộc bạo động thái hóa của các dân tộc nghèo khó. Điều hòa sức tiêu thụ bằng đức hạnh bản thân và bằng một chính sách kinh tế xã hội là một việc làm cũng quan trọng như công cuộc nghiên cứu khuếch trương.

MỘT NỀN VĂN MINH PHÁT TRIỂN ĐIỀU HÒA VÀ TOÀN DIỆN

NỀN văn minh kinh tế duy nhân cũng là một « nền văn minh phát triển điều hòa và toàn diện » mà có người còn gọi là

phát triển «tối hảo» vì công cuộc khai khẩn tài nguyên qui hướng vào nhu cầu của tất cả tầng lớp xã hội mà vẫn tôn trọng các sắc thái và dị biệt tính của các tầng lớp ấy. Chủ trương phát triển điều hòa và toàn diện chú trọng những nhu cầu tức thời và vị lai, những nhu cầu có thể thỏa mãn bằng các sản phẩm tiêu thụ ở địa phương hay trao đổi với ngoại quốc. Do đó, cần thiết lập kế hoạch theo hệ cấp của các đơn vị quản hạt, từ những đơn vị căn bản đến toàn thể lãnh thổ dĩ nhiên thể thức kế hoạch hóa biến đổi tùy khả năng, tùy cơ cấu hiện hữu, tùy loại nhu cầu, tùy trình độ văn hóa và kỹ thuật thụ đắc, tùy tính chất và cường độ của các nỗ lực tự nguyện.

Những dân tộc được ưu thế tham gia kế hoạch phải viện trợ vô tư lợi để các thỏa ước giữa cơ quan điều hành siêu quốc gia và chánh quyền quốc gia hoặc địa phương giúp cho kế hoạch được thi hành thực sự.

Cuộc tiến triển phải hướng về nền dân chủ kinh tế và chánh trị ; mọi người ở các hệ cấp đều có trách nhiệm thích ứng các định chế vào mỗi dân tộc; muốn như thế, phải chú trọng các cơ quan và giấy liên đới lịch sử hơn là cưỡng chế theo một sơ đồ trừu tượng và luôn luôn, bằng mọi cách, phải bảo tồn các tập thể cơ bản « vừa sức con người »,

Như thế, nền văn minh mới trở thành một « nền văn minh trong tình thân ái khe khắt và sáng suốt ». Ở đây, đạo giáo đóng một vai trò quan trọng vì lòng bác ái vị tha bất vụ lợi là nét đặc trưng chính thống của đạo giáo. Lòng nhân từ toàn vẹn vô biên là nếp sống chính yếu của người đạo đức. Nếu không hiểu như thế, thì không thể nào thiết lập được nền văn minh mới, Đứng trước cảnh tàn tạ và tan rã của các nền văn minh các bậc chân tu, nếu hòa hợp và sát cánh với những người có thiện chí sẽ là những quán quân tất yếu trong việc kiến tạo một nền hòa bình xây dựng. Nền văn minh mới phải là « nền văn minh hòa bình trong tình thương chân thật ». Nếu không theo đúng viễn ảnh đó, việc xóa bỏ các thành kiến, các điều thần bí và những tính vị kỷ đều trở nên sáo ngữ.

NHỮNG NHÓM KINH TẾ DUY NHÂN

NHƯ chúng tôi đã minh xác kinh tế duy nhân chỉ đề ra các nguyên tắc và phương pháp của cuộc liên hóa được ao ước khắp nơi, từng quốc gia, từng vùng, từng lớp xã hội, nhờ biết chú trọng đến các nhu cầu đặc biệt của một dân tộc nhất định và các tài nguyên khả dĩ thỏa mãn các nhu cầu ấy.

Trách chúng tôi không đề nghị và hành động gì cho thiết thực là vô căn cứ. Chúng tôi đã thấy rõ dị biệt tính của các thực trạng, cho nên không thể nào chỉ dẫn từng chi tiết đường lối phải hành động, phải phân tích tỉ mỉ các nhu yếu, các tiềm năng, các trường hợp. Như vậy, các hoạt động biến hóa thiên hình vạn trạng, miễn là vẫn nhằm mục tiêu chính yếu : đưa một dân tộc từ trạng thái kém nhân đạo sang một trạng thái nhân đạo hơn.

Muốn đạt mục tiêu đó, phải gia bội các nhóm nghiên cứu và hoạt động. Điều kiện thành lập một nhóm là tìm một hoặc nhiều cán bộ chỉ đạo có ý chí quyết thắng và có đủ uy lực.

Các nhóm đó có thể hoạt động ở xã, ở phân khu, ở nông thôn, ở thành thị, ở một vùng rộng lớn, ở khắp lãnh thổ quốc gia hay trong một liên hiệp quốc gia. Các nhóm có thể theo một đối tượng chung : thắng tiến một số dân dưới mọi khía cạnh hoặc hạn định một hay nhiều khía cạnh nào đó.

Các nhóm đó có thể độc lập hay cùng phối hợp hoạt động.

Có thể đưa một vài người vào hoạt động tích cực và gây uy tín trong một nhóm người nào đã có sẵn cùng theo đuổi một chí hướng nhưng còn thiếu tình thương đối với số dân phải giúp đỡ hoặc thiếu tài lực để đảm nhận công cuộc khuếch trương.

Như vậy, điều quan hệ không phải phát động một phong trào đại qui mô, kết cấu chặt chẽ và tốn kém, mà phải kích động một phong trào tìm sự thống nhất và hữu hiệu.

Nói tóm lại, không phải nhằm phát triển một lực lượng phối hợp theo kiểu chánh trị, mà là thực hiện một lối sống sáng suốt và hoạt động trong tình huynh đệ bất vụ lợi. Sự đồng nhất bắt nguồn từ một ý chí chung là phát huy các sáng kiến dị biệt nhất.

Chúng tôi ít chú trọng đến việc sáng lập một phong trào

cổ xúy nền văn minh liên đới hơn là cho phát sinh và truyền bá một ước vọng, « một ý muốn » nền văn minh liên đới « ý muốn » sáng suốt sẽ phát hiện từ một số « hấp lực » càng ngày càng gia tăng. Nó không theo một chiều duy nhất như một « luồng điện » đơn giản ; nó giống như những « làn sóng phát thanh » loan đi và gặp một số điểm tựa thu âm gia tăng mãi, đề rồi biến những điểm tựa đó thành những trung tâm phát âm và những trung tâm thực nghiệm.

Điều đó không gây trở ngại cho những nhóm hoặc những toán viên lẻ tẻ muốn cộng tác tạm thời hay theo một hệ thống nhất định, về phương diện nghiên cứu hay về phương diện hành động, với các liên toán hiện hữu hay sẽ thành lập. Đó chỉ là một phần nhỏ trong một lực lượng rộng lớn hơn nhiều gồm tất cả các nhóm đang hoạt động để thiết lập một nền kinh tế phục vụ con người nhiều hơn trong một nền văn minh liên đới chắc chắn hơn.

Trong quan điểm của chúng tôi, muốn cho đầy đủ, một nhóm kinh tế duy nhân phải vừa nghiên cứu vừa hành động, cả hai phần phải mật thiết gắn bó và hướng dẫn lẫn nhau ; tuy nhiên, cũng có những nhóm vì ít tham vọng hơn hay chuyên môn hóa nhiều hơn, có thể chỉ nghiên cứu hoặc chỉ hành động.

Trong nhiều nhóm, lần lần sẽ nổi bật những kỹ thuật gia và chuyên viên, nhờ cố công nghiên cứu và hoạt động tích cực nên có thể trong vài trường hợp giữ những vai trò quan trọng, chẳng hạn như nắm giữ quyền hành về kinh tế và chánh trị hoặc làm cố vấn cho các cơ quan đó. Đối với các bậc nhân sĩ hoặc học giả thì cũng thế, nếu họ biết dùng trí năng để phục vụ công cuộc khuếch trương và nền văn minh.

Điều quan hệ hơn hết là các nhóm và các toán viên phải hành động trong tình huynh đệ và hoàn toàn bất vụ lợi.

CHỈ MỘT LỜI THOÁT

NHIỀU người sẽ cho các quan điểm của chúng tôi là bảo huyền. Tuy nhiên nó phản ảnh niềm khát vọng chung của mọi

người và riêng đối với những người đạo giáo nó phản ảnh tinh thần Phúc Âm của đạo. Thăng tiến theo đường lối đó rất là dễ dàng và ít tốn kém nhất. Nền văn minh mới này sớm được hưởng ứng khắp nơi nhưng nhiều khi nó bị bóp nghẹt hoặc chận đứng vì tánh vị kỷ còn sót lại, vì những luồng tư tưởng lỗi thời vì khiếp sợ hãi hùng vì nhiều người hoặc nhiều dân tộc chưa ý thức rõ rệt mình là những tế phân của cộng đồng thế giới.

Nọa tính của thể nhân và xã hội không ngăn được nỗ lực thăng tiến. Dù không bao giờ đạt đến lý tưởng, nhưng phải cố hướng về đó. Không thực sự mong muốn thì làm sao mức khả quan đến mình được. Chúng tôi tự đặt mình trên một vị trí vững vàng nhất. Chúng tôi đề nghị một cuộc cách mạng dồn cường lực vào chiều sâu, nhằm biến cải con người theo một cương lĩnh thích ứng với hiện trạng thế giới đầy khó khăn sao cho thể nhân có thể luôn luôn tự kèm hãm trong một xã hội phức tạp biến chuyển quá mau. Phải biết thay đổi lối sống, cách cư xử, cách tiếp đón, cách tặng dư, cách thu nhận ; phải hoán cải tất cả mọi cơ cấu theo một viễn tượng khách quan, hỗ trợ và phục vụ ; đó là một phong trào thế giới biết rung động ý thức hệ biết biến cải tâm trạng và tập quán, biết khích động tư năng, biết sưu tầm và kiện toàn phương pháp, biết gây áp lực đối với các nhà lãnh đạo, biết tạo sức mạnh và kỷ luật cho đại chúng.

Hình thức hoạt động biến hóa vô chừng. Nhưng tự trung bất cứ ở đâu, dù công tác có lớn lao chẳng nữa, cũng vẫn luôn luôn chuẩn bị và bảo đảm cho một số dân nhất định hoặc toàn thể dân chúng tiến theo một nhịp nhanh nhất với một phí tổn thấp nhất, từ một tình trạng kém nhân đạo sang một tình trạng nhân đạo hơn nhờ biết công tác thân hữu và nhờ ý chí cương quyết của những nhà lãnh đạo các tập thể thuộc mọi cấp. Cần đề cao trách nhiệm mỗi người, tôn trọng dị biệt tính của các dân tộc, hợp nhất toàn thể nhân loại.

Vậy, kinh tế duy nhân, như chúng tôi đã minh xác, là con đường duy nhất, nếu nhân loại muốn thoát khỏi cảnh man rợ. Chúng tôi ân cần mời mọi người tham gia nỗ lực của chúng tôi dù dưới hình thức nào, hoặc cùng hoạt động song hành hoặc

trực tiếp gia nhập các nhóm trong « Hiệp Hội Kinh Tế Duy Nhân Quốc Tế » (Association Internationale d'Economie Humaine), hoặc thành lập các nhóm khác thích hợp với địa phương tỉnh hay thích hợp với công việc chuyên môn, hoặc tham dự với tư cách cá nhân là hội viên lẻ tẻ chờ có dịp thuận tiện để qui tụ các người có thiện chí. Rất nhiều người đang trông chờ nền kinh tế duy nhân; vì quá mệt mỏi, một số người chán nản và thất vọng, số khác lại lầm theo « những đường lối tạm bợ » : hãy hợp tác với chúng tôi để gây tin tưởng lại cho mọi người vì chắc chắn họ sẽ hưởng ứng ý chí cao cả và hiện thực.

Công cuộc xây dựng nền kinh tế duy nhân đòi hỏi ở những nhà tiên đạo đức xã kỷ., tính nhân nại và lòng hi sinh. Còn đối với người tín hữu, muốn thành công phải tin tưởng ở sự cứu giúp của Thượng Đế.

Chúng tôi không mong mỏi ở mọi người lòng phấn khởi nhất thời, mà chính là sự hi sinh sáng suốt và lời cam kết phục vụ hữu hiệu cho nhân loại.

HỮU LẬP dịch



TRỊ LIỆU THEO PHÂN TÂM HỌC.— Phân tâm học có tham vọng trị liệu tình dục, thì trái ngược kết quả là kích thích thêm dục tính. Trong tập khảo luận đặc sắc nhan đề « quan niệm và công luận về phân tâm học », nhờ công phu sưu tầm, hệ thống hóa dư luận báo chí, Serge Moscovi đã phân tích được phản ứng của công giáo và cộng sản đối với khoa học mới mẻ này. Cả đôi bên đều coi khoa phân tâm học như địch thủ trong cuộc chạy đua tiến tới hạnh phúc. Công giáo hứa hẹn hạnh phúc vĩnh cửu nhưng ở bên kia thế giới, sau khi con người đã lia khỏi thế trần. Cộng sản trái ngược, hứa hẹn hạnh phúc ngay tại trần thế, rất xa xôi, ở ngày mai vô định, sau khi phải hy sinh đến tận cùng, do đó những nạn nhân tình nguyện không bao giờ

nếm được phần thưởng hứa hẹn. Freud thì hấp dẫn hơn, tiến cử ngay một hạnh phúc tức thời hợp với trình độ mọi người, đó là lạc thú của sức khỏe, tâm thần, sự quân bình tuyệt đối.

Công giáo cũng như Cộng sản cảm thấy bị đe dọa. Chuyên viên phân tâm học cạnh tranh với cả vị linh mục lẫn viên giám đốc đề lao. Giải bày tâm sự, kể chuyện về mộng mị sẽ thay thế cho việc xưng tội và kiểm thảo. Lợi hại hơn nữa là sẽ không còn luật lệ, không có điều cấm đoán, không có việc đền tội, chẳng còn bị khùng bớ, không có hỏa ngục cũng chẳng còn công trường cải huấn nữa, « khách hàng » không thiệt thòi mất mát gì cả, chỉ có may rủi là được khỏi bệnh !

Trước kẻ thù chung, Công giáo và Cộng sản đồng phản ứng, tuy nhiên bên Công giáo còn dè dặt chia rẽ (không phán quyết một cách độc tài toàn diện) bên Cộng sản thì nhất trí nhưng lại thay đổi. Phải chăng đây là một điều khổ tâm của Cộng sản : phụ thuộc vào chính trị, Cộng sản luôn luôn bị ép buộc phải biến thông lý thuyết muốn siêu hình hóa ngẫu nhiên với những quyết định hoạt đầu. Cho đến năm 1949 chiến dịch báo chí tuyên truyền chống phân tâm học còn ôn hòa. Serge Moscovi cho rằng « một trong các lý do gây ra sự chia rẽ của phong trào siêu hiện thực, chính là sự tán đồng về một vài trạng huống hiển nhiên (mơ mộng, tình dục) trong tác phẩm của Freud ». Ở Nga-sô, không bao giờ có phân tâm học gia, cũng chẳng bao giờ có chuyên viên tâm lý học. Đó là lẽ dĩ nhiên : đối với Marx, con người là sản phẩm của điều kiện vật chất và xã hội, còn đối với Freud thì trái lại, định mệnh của mỗi người tùy thuộc ở đời sống thầm kín vô tri. Một triết học xây dựng trên nền tảng duy vật lịch sử và giai cấp đấu tranh tất nhiên không thể chấp nhận được thứ triết học xây dựng trên tảng lịch sử cá nhân và đấu tranh giữa trí thức và vô tri. Người ta không biết diễn tả được một xã hội nào tuyệt hảo hơn là xã hội mà trong đó mỗi người được « hưởng theo nhu cầu » và đồng thời công nhận có những nhu cầu không thể nào thỏa mãn được, những nhu cầu bí mật của nhục dục.

NĂM 1949, kế hoạch Marshall được mang ra thực hiện tức thời chiến tranh lạnh cũng bắt đầu đột phát: sự chống đối ngấm ngấm về khoa phân tâm học từ trước tới nay được biến thành cuộc bút chiến sôi nổi. Cộng sản gán ép cho khoa phân tâm học mới mẻ này là một thứ triết học của đàn bà, một thứ học thuyết bịp bợm và còn mạt sát đến thậm tệ, cho là, sản phẩm của Mỹ ! Họ tấn công về ba mặt :

— Trước hết cộng sản kết án khoa phân tâm học là một thứ học thuyết « ngu dân » và phản động » để đối chọi lại từng điềm với chủ nghĩa Mác-xít được coi là « dẫn đạo » «khoa học» và tin tưởng vào sự tiến bộ không ngừng. Năm 1951, một ký giả cộng sản phê bình rằng về phương pháp thì phân tâm học cùng họ hàng với những lý tưởng xây dựng trên sự phi lý dập đúng khuôn mẫu của lý tưởng Đức quốc xã. Hitler cũng không thể làm cách nào khác hơn khi nghiên cứu, bồi dưỡng cho thần tượng nòi giống và huyết thống, thứ chính thể quốc xã xây dựng trên sự phi lý của lương năng Sự so sánh thật là chua cay, xảo quyệt, ác độc ! Tạp chí *Từ tưởng* phê bình rằng : « Y học của Hitler đã đề cao chiêm tinh học, ma thuật và những thầy lang vườn. Y học kiểu Truman lại đề cao quyền lực của ma tà và phân tâm học ». Đó là những « thợ săn phù thủy » những tay xiếc « dạy sư tử » bọn « nặc nô », nhân danh điều luật thứ nhất của Mác : không có thần thánh gì hết chỉ là ảo tưởng, chẳng có huyền nhiệm gì hết toàn là bịp bợm, mà kết án toàn bộ bọn chúng và cả cái « mệnh danh khoa học » của chúng ».

— Phân tâm học còn là sản phẩm của nền văn hóa tư bản và rõ ràng là thứ văn minh của Mỹ được xử dụng triệt để, tuyệt diệu làm vỡ trang lý luận. « Đó là điềm chủ yếu, then chốt của cuộc tranh chấp » Cộng sản phải không biết rằng, nhược điềm của Tây phương hiện thời là không biết làm sinh sắc lại hoặc phục hưng được lý tưởng chung của mình. Nền dân chủ cổ điển tưởng bắt tay với bọn độc tài là đối phó được với nhu yếu của thời đại, thì trái lại, họ đã gia tăng nhượng bộ và đi dần đến chỗ tự sát. Thuyết cá nhân tự do cũng không còn là thần bí khi họ đã đồng hóa với thuyết duy vật trường giả : mỗi người một

niều. Còn đối với Giáo hội (Công giáo) hãy còn vững chắc. Cộng sản tính toán sẽ kiên trì tiêu hao họ bằng cách âm thầm, cho cán bộ xâm nhập, len lỏi phá hoại, và phải nhận chân rằng đầu cầu của chúng đã thu được nhiều kết quả khả quan tại một vài khu vực cấp tiến. Nhưng đối với khoa phân tâm học, thì Cộng sản lại đâm lo ngại. Đó là một cuộc dương công kích tây rất là khó chịu. Phân tâm học có thể quyến rũ công nhân đi trật mục tiêu duy nhất của họ : « *vô sản thành công* » nó có thể thuyết phục được công nhân rằng nguyên nhân gây ra nỗi thống khổ của họ không phải ở tại cơ cấu xã hội xấu xa mà chính tại tâm hồn họ và cuối cùng có thể giải thoát được hoàn cảnh khốn cực ấy mà *không cần phải đảo lộn trật tự xã hội*. Tạp chí « *Tán phê bình* » đã viết rằng : « Sau chiến tranh (với Mỹ) ngày nay phân tâm học trở lại theo đạo tuyến cổ võ cho lối sống Mỹ. Lực lượng tiến bộ và hòa bình cảm thấy lo ngại cho tình trạng đó, có nhiệm vụ theo dõi xem dưới chiêu bài hoạt động cho khoa học, phân tâm học một thứ tư tưởng ám tàng đến những mục đích bảo thủ và thoái hóa có thể phát triển tới mức nào ». Cộng sản còn lo rằng nếu phân tâm học chưa hợp lực với bọn tiểu tư sản thì đã bắt đầu phổ biến trong đại chúng, trong giới dễ bị lừa gạt nhất, lúc nào cũng sẵn sàng ngã theo bất cứ một thứ an ủi tưởng tượng nào và cũng là những cái loa tuyên truyền nguy hiểm nhất, đó là giới phụ nữ ! Những tuần san nhiều độc giả nhất, báo chí, thư tâm tình gieo rắc thuốc độc đối địch này vào tâm hồn các tín hữu của họ. Phụ nữ, địa bàn căn bản để cho phân tâm học dễ tuyên truyền phản động không đáng làm cho chúng ta kinh ngạc. Nó không lợi dụng được họ, nhưng nó làm họ bận tâm ».

— Cuối cùng, phân tâm học bị kết án là một kỹ thuật đời bại : « sắc tình cuồng » (nhục dục luyện ái) mà coi là một hiện tượng khoa học những tâm tính dị thường, sa đọa được diễn tả một cách « trắng trợn ». Nhật báo « Nhân loại » hồi 1951 còn tố cáo là « cuộc xâm nhập khởi điểm từ chỗ đề tiện nhớp nhơ ». Một thứ « luận lý tả phái » vừa phát khởi lại hoàn toàn phù hợp với nền luân lý công giáo, kể ra cũng khá kỳ khôi.

Năm 1955, gió bắt đầu xoay chiều, đó là thời gian hưu chiến

tái lập bang giao giữa Đông Tây. Đột nhiên, ngẫu hợp kỳ lạ, phân tâm học được ân xá. Năm 1957, nhân dịp kỷ niệm bách chu niên Freud, tạp chí «Lẽ phải» hào hào như sau : chúng ta hãy tỏ lòng tôn kính nhà sư tâm đại tài, tận tụy, nhà chiêm nghiệm tinh tế và khôn ngoan, viên y sỹ thận trọng. Hãy tri ân vị anh hùng quân đại và liêm khiết. Nhưng đối với chúng ta, dịp kỷ niệm bách chu niên này không phải chỉ là cơ hội để ta biểu lộ cảm tình suông, mà còn là việc đề tổng kết lại thành tích. Không phải là dịp để mang ra mổ xẻ lập trường của chúng ta mà phải là cơ hội để cố gắng phản tỉnh cho thật sâu sắc về hiện tượng phức tạp và mâu thuẫn là phân tâm học học. Khoa này xâm nhập vào khắp mọi lãnh vực. Nó ở trên đời lẫn lộn với ý tưởng, mà nó cũng ở trong địa giới y viện bất khả lay chuyển. Nó được quyền được liệt kê là một khoa học, nó là khoa trị liệu bệnh tâm thần duy nhất phát sinh từ một học thuyết và có một kỹ thuật. Phải có nhiều can đảm mới có thể quay về nội tâm mà tự vấn ». Đó là thứ « triết lý đàn bà » chính miệng họ đã từng đem pha phỉ báng nay lại ca tụng cho là quyền được « liệt kê vào ngành khoa học ». Chủ nghĩa Mác xít thật là quá khiêm tốn ! Những người biện hộ vô cùng lúng túng ngượng ngùng để cố gắng chứng minh sự chuyển hướng của họ và dùng lý luận hoạt đầu, vô vọng, để bảo vệ tính cách liên tục về những phán đoán mâu thuẫn của chúng ! Tạp san «Lẽ phải» thú nhận rằng : « hình như có điều kiện chính trị trong sự phê phán của chúng ta ». Bằng một giọng đầy vẻ ngây thơ, một nhà văn Cộng sản đã bộc lộ rằng : « người ta có thể kết án chúng ta là hoạt đầu, rồi lại phải vội vã thêm rằng, và phán đoán theo lệnh trực tiếp của chính trị ». Quả đúng thế, nhưng đó là một sự nhắm mắt về nhãn quan vừa trọng đại vừa lỗ bịch, vì lời kết án đó nhắm mục đích gán ép cho chúng ta một phương pháp suy tưởng hoàn toàn là phe của đối lập. Cần phải chấm dứt cuộc tranh luận, để dành nhận chịu lời biện luận ấu trĩ như thế.

Đối với Cộng sản, thì vấn đề được giải quyết như sau : công nhận hiện năng y lý của khoa phân tâm học nhưng lại chối bỏ tất cả định lý triết học của nó.

CHÍNH cũng trước vấn đề khó khăn thiết yếu này mà người Công giáo phải định thái độ. Nhưng vì Công giáo tương đối được tự do tư tưởng hơn, nên lập trường của họ cũng chưa được thống nhất.

Những người Công giáo thuần hậu thì quyết liệt chống đối học thuyết của Freud. Linh mục Gemelli đã lập luận : « Coi như phương tiện để trị liệu, phân tâm học không chỉ là học phái vô trách nhiệm mà còn là lợi khí hạ phẩm giá con người ». Tập san « Tư tưởng Công giáo » cũng chống đối mãnh liệt : « Dưới chiêu bài khoa học, lợi dụng tên tuổi của danh nhân đó (Freud) tất cả những màn kín đều bị xé toang, những lo ngại sơ đẳng về vấn đề lim xỉ bị chà đạp. Con người, nhờ mưu kế khoa học này, đã tìm được những phương tiện để yên tâm tục hóa chính huyền nhiệm của mình để được tự do lãng nhục chính bản thân mình vì huyền nhiệm của con người đã bị giảm sút. Một mớ mặc cảm nhơ nhớp xuất kích từ những tên đồ thù, đó là những điều đang được nói và viết đến rất nhiều... »

Điều mà những người công giáo thuần hậu đặc biệt trách cứ khoa phân tâm học là tính chất tục hóa của khoa này, nó xúc phạm tới huyền nhiệm của linh hồn. Họ cũng đồng quan điểm với Freud : « lương tâm thì thâm lặng ». Spinoza đã nói : tình cảm là một đam mê, nhưng một khi ta đã có một quan niệm rõ rệt và minh bạch thì tình cảm đó không còn là một đam mê nữa. Nhưng cái khả năng sát hại lương tâm này đã được Freud coi như yếu tố của sức khỏe tâm thần, lò lương được tinh luyện, lại bị những người công giáo thuần hậu kết án là dụng cụ phá hoại linh hồn. Họ cũng thừa hiểu rằng, theo phân tâm học, trong khi hạn chế phạm vi hoạt động của vô tri, thì đồng thời cũng làm cho tình cảm trở nên nghèo nàn, do đó ảnh hưởng tới cả đức tin. Tệ hại hơn nữa nó tiêu trừ luôn cả cuộc chiến đấu nội tâm, cuộc đấu tranh giữa ý chí và bản năng, giữa điều thiện và sự ác. Tội lỗi chỉ là một thứ bệnh như mọi bệnh khác, và những kẻ vô tình phạm tội có thể dùng tiền chữa chạy được. Do đó phân tâm học trở thành một thứ thần chú để trừ tà ma, có lẽ không chạm tới uy quyền của Thượng đế nhưng nó nhạo bán ma quỷ.

Đối với người Công giáo, vấn đề chân thực là ở điểm đó: ma quỷ ngày nay đã mất địa bàn hoạt động, tuy nhiên theo Baudelaire đó lại là thủ đoạn để ma quỷ chiến thắng, vì mảnh khoe xảo trá nhất của nó là làm cho ta tin rằng « nó không còn nữa ». Số những người công giáo cấp tiến không tin có ma quỷ vì hỏa ngục với lò lửa sinh diêm đối với họ là lạc hậu, ấu trĩ, thiếu khoa học. Nếu họ chưa lấy việc tin nơi Thiên Chúa là một điều hồ thẹn là vì Thiên Chúa dễ hướng họ tới một quan niệm tổng quát, trừu tượng mơ hồ, và do đó họ không bị ràng ép gì cả, không cản trở con đường tiến bộ, ánh sáng khoa học của họ, vì họ là những con người kiêu căng. Chính ở những điểm đó mà họ là những người đã nhiệt liệt hoan nghênh những khám phá mới mẻ của khoa phân tâm học. Xò đây bởi những phần khởi nòng nôi, khoái trá được dùng những danh từ thông thái, được môn tròn, cây cỏ thụ khoa học chỉ kích thích tham ăn hơn là lo luyện tập tâm hồn thanh cao, nên họ đã dám tuyên bố là : « cuộc thánh chiến khai lộ cho dục tính đã bị đẩy lui tái phát » hoặc như lời phê bình về cuộc phát triển tín ngưỡng nơi thanh niên rằng : « giải bày tâm sự có sức dẫn dụ cho họ hơn là việc xưng tội, vì việc xưng tội nhiều khi lại làm tái phát xúc cảm của tội lỗi ». Thật êm dịu quá ! Tự trung, phải tránh đừng để cho thiên thần tự cảm thấy lỗi lầm về những tội mình đã xưng.

Giữa những người thuần hậu và những người cấp tiến, thái độ của Giáo hội chính thức, khôn ngoan, còn cân nhắc. Năm 1953 Đức Giáo Hoàng Pie XII quyết định thái độ. Ngài đưa ra một « hiến chương » cho khoa phân tâm học với 3 điều hạn chế quan trọng sau đây : Giáo hội công nhận quan niệm tội lỗi có thể trở thành « quá mê, ốm yếu » năng lực của khoa tâm học có thể phục khởi được, «nhưng... chắc chắn rằng tội phạm thực sự thì không có thứ trị liệu thuần túy tâm lý nào mà có thể chữa khởi được » : do đó việc xưng tội vẫn giữ nguyên quyền lực của nhiệm tích đó. Đáng khác, Đức Giáo Hoàng cũng nhấn mạnh về sự « bảo vệ những bí mật mà khoa phân tâm học không có quyền được xâm phạm tới ». Điểm dễ đặt cuối cùng là vấn đề « tình dục thác loạn » và nguyên tắc « triệu gọi lên trí thức »

cần « phải phân biệt trường hợp chứ không được qui nạp tổng quát ».

Như thế là Cộng sản cũng như Công giáo đều công nhận hiệu năng trị liệu của khoa phân tâm học, nhưng cả đôi bên đều không công nhận quan niệm về con người của khoa học mới mẽ này.

Con người không hẳn chỉ có hồn thiêng bay bổng trên chín tầng mây xanh, suốt ngày mơ mộng đề cầu mong giải thoát vu tư sầu muộn của thể tục. Con người cũng không hẳn chỉ có thân xác bị trói chặt dưới thể trần phải cố vẫy vùng đem thân trâu ngựa ra đấu tranh vật lộn hy vọng tạo dựng một bông lai tiên cảnh đầy thơ mộng ngay tại trần tục. Con người quả là một huyền nhiệm đầy mâu thuẫn. Đầu đội trời nhưng chân vẫn đạp đất. Nhờ trí óc, con người đã đấu tranh vật lộn và chiến thắng thiên nhiên trên nhiều điểm vĩ đại, huyền bí, nhưng vẫn còn có những sự thật hiển nhiên, đơn giản quá tầm thường xảy ra hằng ngày trước mặt mọi người mà trí óc thông minh kiêu hãnh của con người đành chịu nhận là không thể hiểu và các khoa học, bác học đại tài cũng đành bó tay khuất phục.

Hiển như thế, biết nhận chân giá trị như thế, con người mới khỏi khát vọng lo âu, tâm thần mới được sáng khoái sống một cuộc đời quân bình thực sự.

Đấy mới là chân hạnh phúc mà mỗi người chúng ta cần phải cố công tiến tới.

ĐỨC HẠNH

(dịch theo báo Art)



NGƯỜI TA ĐÃ CÓ THỂ THẤU HÌNH TRUNG TÂM GIẢI NGÁN HẠ.— Vầng mây trắng mờ mờ xa thẳm kia mệnh danh là « con đường của Thánh Jacques » không một ngọn gió nào có thể biến hình nổi, dường như uốn mình trên đầu

chúng ta, trên khoảng không vô tận trong những đêm hè trong vắt, rồi lại tiếp tục sang phía bên kia điệu cầu, xuyên qua vòm trời phương Nam. Đây là sự phát lộ trực tiếp và hữu hình của vầng tinh vân bao gồm cả Thái dương hệ của chúng ta. Vầng tinh vân kỳ diệu này gồm vài trăm tỉ tinh tú, nhưng đây chỉ là một trong những giải Ngân-Hà rải rác đó đây trong vũ trụ...

Giải Ngân-Hà này, bằng lối 200 tỉ lần nhiều hơn của khối mặt Trời, không biết thuộc về loại nào. Nhưng khối Tinh Tú lớn nào rất lạ, có khi chúng không đồng đều như « vầng mây Magellan ! » hoặc xoắn ốc như đường xoắn ốc duy nhất mà ta có thể trông thấy với mắt thường như « Messier 31, » nhưng thường hơn hết, chúng giống hình cầu bay hình bầu dục. Hình dáng không đồng đều có lẽ là mới nhất còn những hình bầu có lẽ là xưa nhất.

Năm 1952, ở hội nghị quốc tế La-Mã về thiên văn học, nhà bác học Hòa-Lan Oort, trong một bản phúc trình, cho biết, với những phương pháp khảo sát mới do vô tuyến thiên văn học, người ta đã có thể chứng minh rằng loại tinh vân xoắn ốc ghi lên bản đồ tất cả những nơi phát xuất làn sóng vô tuyến điện tìm được trong giải Ngân-Hà. Trong lúc thâu nhận tin tức từ những làn sóng từ điện của khinh khí, giáo sư Oort khám phá ra được một vòng tròn to rộng khinh khí trung hòa ở giữa giải Ngân-Hà. Đường rẽ của hơi khinh khí này, xuất phát trên làn sóng dài 21 cm, khi nó bị di chuyển bởi ảnh hưởng Doppler-Fizeau, cho ta biết rằng thiên thể phát xuất đường rẽ đang tiến về phía ta hay xa ta. Những quan sát viên ở đài Leyde đã có thể nhận rõ chuyển động của giải vùng trung tâm Ngân-Hà xoay tròn với tốc lực 200 cây số mỗi giây. Tìm hiểu về giải Ngân-Hà, các nhà vô tuyến thiên văn Hòa-Lan ước lượng rằng mỗi năm từ trung tâm Ngân-Hà phát ra một khối khinh khí bằng sức nặng vầng Thái Dương. Người ta cũng đã nhận thấy là mặt phẳng của khí thể chứa đựng trong Ngân hà hoàn toàn bằng phẳng đối với đường kính của nó. Có lẽ chính những tự lực đã tạo nên sự bằng phẳng ấy. Ta cũng nên ghi nhớ rằng cạnh những tinh tú nóng khinh khí bị điện giải, vì thế nguyên tử khinh khí mất đi các điện tử

ngoại điện. Nhưng ta cũng biết rằng khinh khí bị điện giải, cũng như khinh khí trung hòa, làm nhanh thêm những tin tức truyền đi với sóng từ điện. Vì thế ta sẽ thấy nó rất quan trọng cho « Thiên văn quang học ».

NHỮNG GÌ ĐÃ CÓ TRƯỚC ĐÂY HAI MƯƠI THỀ KỶ

THIÊN văn quang học đã chứng minh bằng hình ảnh sự hiện diện của khinh khí giữa Ngân hà. Tác giả của kỳ công này là hai nhà Thiên văn học của đài quan sát Marseille : Ô.Ô. Georges Courtès và Paul Cruvellier. Hai ông Courtès và Cruvellier đã thay đổi tỷ độ mở ống kính với một dụng cụ quang học bỏ túi, như thế viễn vọng kính bắt những nguồn ánh sáng trải rộng 25 lần nhạy hơn lúc bình thường. Mặt khác hai ông đã dùng đến phương pháp giao thoa để tăng thêm sự tương phản của phóng xạ đơn sắc « H alpha » phóng ra từ những vùng điện giải đến vùng Ngân hà. Với một thời ảnh 3 giờ, hai ông là những người đầu tiên đã thành công trong việc thu hình những phần điện giải của vầng mây khinh khí trung hòa nằm ở hướng trung tâm giải Ngân hà. Những vùng thu hình được, có lẽ gần trung tâm, cách xa quả đất 26.000 năm ánh sáng, tức là lối 300 triệu cây số cách xa trái đất. Nói khác đi hình ảnh chụp được của vầng mây hiện giờ là hình dáng thật sự của nó từ 26.000 năm trước...

Công việc dùng quang học để nhận ra những nơi phát xuất làn sóng vô tuyến điện thật là quan trọng, vì chỉ có quang học mới có thể cho ta một hình ảnh đầy đủ chi tiết. Trong trường hợp thuộc những vùng trung tâm Ngân hà, công việc này khó khăn một cách đặc biệt vì có những vầng bụi hấp thụ nước nằm ngay hướng này.

Nếu vài tinh tú nóng điện giải một phần nào của vầng mây khinh khí to rộng kia, ta có thể hi vọng quan sát được quang phổ hữu hình của khinh khí và nhất là đường rẽ « H Alpha » nằm trong màu đỏ và rất ít bị thu hút. Muốn làm cho đường rẽ ấy rõ ra, người

phải xử dụng những vòng giao thoa Péroť và Fabry mới nhiều hy vọng thành công. Những vòng này cho ta sự tương phản rõ rệt giữa nó và vòm trời. Mặt khác vì huy độ của vàng mây « H Alpha » rất yếu, người ta phải tăng thêm tỷ lệ độ mở của viễn vọng kính theo hệ số 5, và vì thế phải tăng độ sáng trên kính ảnh 25 lần lớn hơn. Đến nay những viễn vọng kính to nhất đều bắt lực trong việc tìm ra chất khí xoay tròn ở giữa giải Ngân-Hà. Vì thế sự thành công của hai nhà thiên văn học ở Marseille rất đáng chú ý. Kích thước trên bản kèm của hai người này cho một tốc độ xuyên tâm 188 cây số một giây, đấy cũng là vận tốc quan sát được ở vùng trung tâm Ngân Hà và vận tốc phù hợp với nghiên cứu của vô tuyến viễn vọng.

Vậy những công cuộc tìm kiếm của ngành vô tuyến thiên văn học được tiếp tục với những điều kiện thích hợp hơn ở Nam Phi Châu. Vùng trung tâm giải Ngân-Hà chỉ được nhìn thấy ở Pháp rất thấp, nghĩa là xuyên qua một sự thu hút không khí rất mạnh. Vì vậy sẽ có rất nhiều lợi ích nếu ta có thể thấu hình chúng dưới một vĩ độ thuận tiện hơn.

Khi đài quan sát Haute Provence trở thành một trong những trung tâm lớn của thế giới về ngành thiên văn vật lý học, thì trung tâm Nancy ở Sologne đã được xếp vào hàng những trung tâm chủ yếu của ngành vô tuyến thiên văn học.

Ta đã có ở đây giao-thoa-kế to nhất và đang kết thúc việc xây dựng một vô tuyến viễn vọng kính chưa từng thấy. Như thế nước Pháp đã đứng rất vững trong việc tìm hiểu những bí mật tột cùng của vũ trụ bằng cách tận dụng tất cả phương sách dụng cụ vì vô tuyến thiên văn học không thể bỏ qua được thiên văn vật lý quang học cũng như ngành này không thể chiếm chỗ của thiên văn học căn bản, trong 3 ngành này không một ngành nào có thể không cần đến hai ngành kia.

PHONG VŨ
(Theo FERNAND LOT)

ĐƯỜNG HẦM DƯỚI BIỂN MANCHE : MỘT DỰ TÍNH HỎA XA ĐƯỢC LƯU Ý.— Trước khi được coi là một trong những dự tính táo bạo nhất trong việc thay đổi bộ mặt trái đất, đường hầm dưới biển Manche cũng đã là một đầu đề tranh luận rất hay. Nếu Foch, Kitchener và tướng Maréchal Montgomery là những người chống lại dự tính này thì nữ hoàng Victoria, Sir Winston Churchill và Ông Aneurin Bevan đã là những người ủng hộ nổi tiếng nhất. Nhưng cả hai phe đều không thể đi tới đích của ý mình. Người ta đã thiết lập hồ sơ đầy đủ cho việc này, về các điểm kỹ thuật, chi phí, ngoại giao. Đó là công việc nghiên cứu của một nhóm được thiết lập vào khoảng tháng 7 năm 1957 và các tờ trình đã được chính thức trao lại cho hai chính Phủ pháp và Anh trước đây vài tuần lễ.

Đây thiết tưởng ta cũng cần nêu rõ tên các người đã có can đảm đứng lên bình vực bằng những lý lẽ vững chắc dự tính này, những người này đã đập đổ các thành kiến chống lại, đập tan mọi lo ngại trên các vấn đề. Đó là ông Louis Armand thường lưu ý tới việc này với tư cách là cựu chủ tịch của S.N.C.F., sở này đã thừa hưởng sự nhường chiếc đường hầm mà công ty hỏa xa miền Bắc đã nhận lãnh trong 99 năm. Ngoài ra còn có các ông Georges Picot, Chủ tịch Công-ty kinh đào Suez, Sir Ivone Kirkpatrick, một cựu công chức cao cấp của sở Foreign Office, Christopher Powel, thơ ký trong 30 năm của nhóm dân biểu Anh quốc thiên về đường hầm, kinh tế gia Harold Gearson và Arnaud de Vitry, chủ tịch của Technical Studies Inc từ năm 35 tuổi.

Với 350 triệu đồng quan cũ, những người này đã hoàn thành một trong những hồ sơ kỹ thuật và kinh tế to lớn nhất trong lịch sử. Công việc đối với họ là phải chiến thắng các « lobbies » (hành lang) kẻ thù muôn đời của việc giao tiếp dưới mặt nước giữa Pháp quốc và Anh-Cát-Lợi. Hình như trong những năm tới họ sẽ chiến thắng được trở ngại này và ý định cũ kỹ về việc xây đường hầm sẽ trở thành công cuộc đẹp đẻ nhất của sở công chánh vào hậu bán thế kỷ hai mươi này. Đã đến lúc tìm hiểu phần đại cương của hồ sơ này.

NƯỚC NGẦM VÀO SẼ KHÔNG MẶN

BỀ ngang của Pas de Calais rất hẹp. Tất cả dự tính về đường xuyên biển đều gần nhau. Những tìm kiếm và đo lường bằng tiếng động của Larousse, Lavalley, de Lapparent, Potier vào năm 1875-1876, đã cho ta biết rõ địa chất của đáy biển và đã chứng minh rằng lớp đất đáng chú ý nhất, dùng được vào việc đào hầm nằm vào một vùng rất hẹp và quanh co. Việc chắc chắn là chỗ khởi đầu của chiếc hầm sẽ ở gần Sangatte cách Calais khoảng 7 cây số, và đường hầm sẽ chạy đến cạnh thành Douvres. Giữa hai điểm này sẽ có 36 cây số phải đào dưới đáy biển với chiều sâu nhất là 54 thước. Sẽ không có việc bất ngờ nào vì các nhà địa chất học đều hiểu biết rành mạch tất cả bí ẩn về vùng đáy biển này.

Ngay cửa hầm, trên bờ biển nước Pháp, nơi người ta gọi là La Chaussée, đất phù sa hãy còn mới (đất sét trắng hợp thành bởi các vỏ ốc) phủ trên một lớp đá và cát : đó là lớp đất « turonien » dày khoảng 50 thước.

Lớp đất dưới là « cénomanien » được kết hợp bởi một thứ phần mà các nhà địa chất học ngày trước đã gọi là chất « glauconieuse » và đôi khi người ta còn gọi là phần « Rouen ». Người Anh đặt tên cho chúng là « Upper Green Sand ». Lớp này dày độ 60 tới 66 thước. Nơi đó người ta tìm thấy rất nhiều hóa thạch. Đặc tính cốt yếu của lớp này là không ngấm nước. Với chất với có lẫn bùn này, ở một vài nơi người ta đã dùng để khai thác kỹ nghệ chế tạo xi măng. Điểm sau này rất quan trọng. Số lượng với lấy được dưới đáy biển trong khi đào hầm sẽ khá nhiều, đáng cho người ta nghĩ tới việc bán lại trên thị trường, vì đường hầm sẽ xuyên qua tất cả lớp với này. Thật ra đường hầm nằm dưới lớp « Turonien » mà chúng ta đã nói tới và trên lớp « Albien ». Lớp đất này được kết hợp bằng chất « gaul » tức là thứ đất sét xanh rất khó thấm nước mà người ta tìm thấy ở Ba Lê dưới sâu độ 600 thước. Gần hết đường hầm sẽ xuyên qua lớp « cénomanienne » và sẽ có các độ cao thay đổi theo từng điểm trên đường : 25 nơi khởi hành, dưới 80 hay 100 thước trong

khoảng đường cách đó từ 10 cây số tới 3 cây số trước chỗ xuất hiện ra ; từ đấy nó lại phải leo lên tới 25 thước để vào đất Anh. Mặt khác các kỹ sư cũng phải trừ tính số nước rất ít rĩ vào hầm dù rằng lớp vôi không thấm nước. Họ đã tính ra một lít nước sẽ chảy vào mỗi thước của đường hầm, như vậy 100 thước khối nước sẽ chảy vào tất cả đường hầm trong một phút. Đó là mực độ rất vừa và rất dễ hút đi ở các đầu những dãy hành lang. Theo sự tiến triển của việc trăn trong căn hầm, nước sẽ không ngấm vào nữa, hơn nữa, nước này không mặn nhưng lại ngọt như nước thường.

Kẻ thù đáng kể còn lại không phải là nước mà là hơi. Một đường hầm cho xe lửa hay xe hơi ? Cuộc tranh luận về việc này đã kéo dài rất lâu. Dù sao việc thay đổi không khi không thể nào bỏ qua cho được. Cho tới nay các kỹ thuật gia đã gần như đồng ý trong việc giải quyết vấn đề.

Cái hầm được coi như là một hình trụ chắc chắn dài 40 cây số với một đường kính 8 thước bên trong, và chỉ thấu nhận không khí từ hai đầu hầm. Với một tỷ lệ xích nhỏ bé, nó sẽ là một cái ống dài 5 thước với một ly (m/m) đường kính. Sự chuyển động của không khí, theo các số đơn giản trên sẽ không có.

MỤC TIÊU CHÍNH : SỰ ÍCH LỢI CỦA ĐƯỜNG HẦM

MỘT vấn đề được đặt ra là việc di chuyển thường trực để bảo đảm số lượng không khí trong lành và hút không khí bụi bặm. Không khí được mang tới hạ tầng đường hầm với các trục bánh xe, của các toa xe lửa hoặc xe hơi. Các ống dẫn hơi được xếp đặt cách nào để chia đều không khí ở dọc theo tất cả đường hầm. Để hoàn thành việc này, người ta phải tăng thêm diện tích của các lỗ khí để sức ép của không khí trong lành bị yếu đi. Như vậy không khí sẽ tràn vào phía dưới nơi xe đang lưu thông và sẽ bay lên cao khi nó trở nên nóng. Phía trên đường hầm có các lỗ thả không khí cận bã ; số lượng này bằng số lượng không khí trong lành được mang tới. Trong nhiều năm, các kỹ sư đã làm việc để hoàn mỹ bộ máy thông hơi mà người ta phải trang bị cho đường hầm dưới biển Manche. Dù kết quả công việc của họ ra sao đi nữa, sự kiện bất di bất dịch còn lại vẫn là :

—Bộ máy thông hơi được mạnh và rắc rối bao nhiêu, thì số chi tiêu cho tất cả công việc sẽ lên cao bấy nhiêu. Không nên quên vấn đề chính là ích lợi của hầm. Đó là lý lẽ mạnh nhất chống lại dự định ủng hộ việc xây cất chiếc đường hầm có đường cho xe hơi. Việc xây một đường hầm có đường lưu thông cho xe hơi và xe lửa, cũng không làm mất được những bất tiện do sự giao thông xe hơi gây ra, mà lại đặt thêm những khoản tiền chi phí khổng lồ. Thật vậy sự kiện này rất dễ hiểu, mỗi chiếc xe hơi phun ra trung bình 2,35 thước khối hơi độc trong một giờ và hậu quả về hơi độc sẽ phát ra khi số lượng lên tới 10/1000 số lượng không khí. Người ta đã tưởng tượng ra việc thay đổi không khí cho sự lưu thông của hàng ngàn chiếc xe trong mỗi ngày.

XE HƠI KHÔNG ĐƯỢC THẤU NHẬN DƯỚI SÂU 40 THƯỚC

NGOÀI ra còn có lắm điều bất tiện căn bản trong việc lưu thông bằng xe hơi dưới biển Manche. Người ta phải ấn định một tốc lực tối đa, và bắt buộc tất cả tài xế phải giữ một khoảng cách giữa hai chiếc xe để không làm trở ngại việc lưu thông trong hầm, và tránh cho không khí khỏi nhiễm độc quá mau. Kỹ luật này chỉ có thể áp dụng cho các tài xế lái xe vận tải thôi còn đối với các nhà du lịch thì việc áp dụng rất khó khăn. Người ta không có quyền bỏ phế các nguy hiểm hầm dọa những người sử dụng đường hầm gây ra bởi những tài xế bất cẩn vì cảnh vật chán ngắt của con đường không thay đổi.

Một tai nạn trong đường hầm có thể là một đám cháy : và rồi sẽ là một cảnh hỗn loạn dù rằng người ta có sẵn một tổ chức bảo đảm an ninh rất hiệu nghiệm. . .

Ai đã dám bảo đảm cho sự đều hòa của một cái máy xe hơi ? Ngày nay, khi mọi người đều biết lái xe, nhưng không hiểu biết gì về máy móc, thì nhất định một số người sử dụng đường hầm sẽ bị hống xe dọc đường hoặc đơn giản hơn là xe họ hết nhiên liệu bất tử.

Tuy nhiên, lý lẽ cứng rắn nhất vẫn là vấn đề huê lợi. Một chiếc hầm với hai đường xe lửa chắc chắn sẽ là một đường hầm rẻ tiền nhất. Việc thông hơi chỉ cần cho con người mà thôi, mà không cần cho các loại xe vì lẽ đầu xe lửa chạy bằng điện. Sự việc này được đặt ra nhưng người ta lại phải nêu lên đều bác

luận của những kẻ ủng hộ xiệc xây một đường hầm cho xe hơi. Nhưng, những người điều khiển việc xây cất đường hầm đã trừ tính dùng xe lửa chuyên chở xe hơi, mà việc tổ chức và kỹ thuật sẽ cho phép đi đến đích mong muốn : là sự nhanh chóng.

Đại cương của dự định này là việc dùng những nền bằng phẳng nối qua mỗi chiếc xe bằng những tấm băng bán tự động để xếp xe và mang xe xuống. Chiếc xe lửa cũng phải uốn mình vào khoảng 15 độ đối với đường thẳng thường của các xe lửa khác, để có thể vào vừa vặn các nền bằng phẳng.

Cách thức sắp đặt mang xe lên xuống được dự tính một cách hoàn bị : khi đã để cả xe trên toa xuống, xe lửa sẽ quay đầu lùi lại sau khi chất đầy hàng hóa của chuyển ngược chiều lên toa.

CON ĐƯỜNG TẮC TRÊN ĐẤT PHÁP, MARSEILLE — LUÂN ĐÔN : MỘT SỰ TIẾT KIỆM

Sự tiết kiệm này, chúng ta chỉ thực hiện khi chiếc hầm được đào : Từ đây đến đó, ta phải tốn kém nhiều. Giá tiền công tác là 100 triệu Anh kim, tức lối 130 tỷ đồng quan cũ. Ai sẽ trang trải số tiền này ? Công Ty đào kinh Suez sẽ đóng góp 30%, Công Ty «Channel Tunnel» 30%, sở Technical Studies Inc. 30%, và 10% còn lại được chia làm nhiều phần ký nhận mua như sở S.N.C.F. và sở Hỏa Xa Anh Cát Lợi. Sự chi tiêu của công việc không thể thêm bớt gì được. Những con số chắc chắn đều nằm trong các hồ sơ bí mật đã được nhóm nghiên cứu hỗn hợp Anh Pháp giao lại cho Chánh Phủ Luân Đôn và Ba Lê. Nhưng ta chỉ cần biết rằng có 300.000 xe hơi đã vượt biển Manche năm 1958 và con số sẽ tăng lên nhiều lần nếu chiếc hầm được thành lập. Việc liên lạc thẳng trên mặt đất giữa Anh-Cát-Lợi và Marseille sẽ mang lại cho bến tàu quan trọng của biển Méditerranée này một bước tiến kinh khủng. Rất nhiều hàng hóa của Anh quốc sẽ dùng đường này để đem đi Đông phương, rất nhiều sản phẩm của Á Châu và Bắc Phi sẽ đem vào nước Anh mà khỏi đi vòng eo biển Gibraltar xa xôi.

Đó là sự kiện chính xác của cuộc tranh chấp về chiếc hầm ở thời kỳ máy móc vô tuyến điều khiển này, eo biển Pas de Calais không còn là « chiếc hố chông chiến xa » mà các chiến sĩ Anh-cát-Lợi lo ngại. « Vật lực luận kinh tế học » quốc tế sẽ tùy thuộc rất nhiều vào sự vận chuyển nhanh chóng, lý lẽ mạnh nhất để đào một chiếc hầm dưới biển Manche được tóm tắt trong hai chữ : « đi nhanh ».

PHONG VŨ
(Theo PAUL BADET)

VĂN HỮU SỐ 14 SẼ

**DÀNH RIÊNG CHO NAM NỮ
THANH NIÊN**

**DÀNH RIÊNG CHO VĂN ĐỀ
ÁI TÌNH**

— *Tình yêu là gì ?*

— *Tình yêu và chuyện lứa đôi.*

— *Đàn ông và đàn bà trong phận lứa đôi v.v...*

Tất cả những điều làm thắc mắc các bạn trẻ sẽ
được **Giáo sư NGUYỄN-VĂN-TRUNG**
nghiên cứu theo quan điểm **Hiện tượng luận**